

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HOÀNG THỊ THU HUYỀN

**VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG
PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI
PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ**

(Nghiên cứu trường hợp tỉnh Hà Giang)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: XÃ HỘI HỌC

*Chủ tịch HĐ
ĐH*
PGS.TS. Trịnh Văn Tùng

1. TM
GS.TS. Nguyễn Thị Anh

HÀ NỘI – 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HOÀNG THỊ THU HUYỀN

**VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG
PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI
PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ**

(Nghiên cứu trường hợp tỉnh Hà Giang)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: XÃ HỘI HỌC

Mã số: 931 03 01

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. GS.TS. NGUYỄN HỮU MINH
2. PGS.TS. ĐẶNG THỊ ÁNH TUYẾT

HÀ NỘI – 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những thông tin, số liệu và kết quả phân tích của Luận án là do tác giả thực hiện một cách độc lập. Tất cả thông tin, số liệu trong Luận án đều đảm bảo tính khách quan, khoa học, logic và các trích dẫn được đảm bảo theo đúng quy định. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu trong Luận án.

Tác giả

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized, overlapping loops and strokes, positioned below the text 'Tác giả'.

Hoàng Thị Thu Huyền

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
BLGD	Bạo lực gia đình
BLVPN	Bạo lực đối với phụ nữ
DTTS	Dân tộc thiểu số
NCS	Nghiên cứu sinh
UN Women	Cơ quan Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	16
1.1.Cộng đồng và tiếp cận cộng đồng trong khoa học xã hội.....	16
1.2.Thực trạng bạo lực gia đình và bạo lực đối với phụ nữ, bạo lực đối với phụ nữ dân tộc thiểu số qua các công trình nghiên cứu.....	18
1.3.Về vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình qua các nghiên cứu	26
1.4.Giá trị của các nghiên cứu đi trước và những vấn đề luận án hướng đến làm rõ	35
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ.....	38
2.1. Một số khái niệm cơ bản về bạo lực với phụ nữ, phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số.....	38
2.2. Cộng đồng và vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ	47
2.3. Lý thuyết áp dụng trong nghiên cứu vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số	54
2.4. Quan điểm của đảng, chính sách của nhà nước về phòng ngừa bạo lực gia đình..	63
Chương 3: CÁC VAI TRÒ TRONG YẾU VÀ MỨC ĐỘ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở HÀ GIANG	75
3.1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu.....	75
3.2. Thực trạng bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số ở tỉnh Hà Giang	80
3.3. Mức độ thực hiện vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang	88
3.4. Những vấn đề đặt ra từ thực trạng thực hiện vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ	118
Chương 4: CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI HÀ GIANG	128
4.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số tại Hà Giang	128
4.2. Giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang	144
KẾT LUẬN	166
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	171
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	176
PHỤ LỤC	177

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Các đặc trưng cá nhân phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia trả lời phiếu hỏi ...	9
Bảng 2.1. Khung phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ	44
Bảng 3.1. Các hoạt động và hình thức tuyên truyền về bình đẳng giới, phòng ngừa bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2023-2024	78
Bảng 3.2. Tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số ở Hà Giang bị bạo lực do chồng gây ra trong vòng 12 tháng qua và từ khi kết hôn	81
Bảng 3.3. Tỷ lệ và mức độ xảy ra bạo lực với phụ nữ dân tộc thiểu số ở Hà Giang chia theo các dân tộc	85
Bảng 3.4. Tỷ lệ và mức độ xảy ra bạo lực với phụ nữ dân tộc thiểu số ở Hà Giang chia theo nhóm tuổi	86
Bảng 3.5. Tương quan giữa hình thức cư trú và việc nói cho người khác biết về việc bị chồng “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng”	93
Bảng 3.6. Nhận thức của phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang về các hành vi bạo lực	96
Bảng 3.7. Phản ứng của chồng khi được chính quyền địa phương, già làng, trưởng bản can thiệp về các hành vi bạo lực	99
Bảng 3.8. Cách ứng xử của những người trong cộng đồng khi phụ nữ bị chồng “đánh đập, lăng mạ, chì chiết hay cưỡng ép chứng kiến bạo lực”	101
Bảng 3.9. Phản ứng của chồng khi được bạn bè, người thân trong gia đình can thiệp về các hành vi bạo lực	102
Bảng 3.10. Phản ứng của những người xung quanh khi phụ nữ cho biết họ bị chồng thực hiện các hành vi bạo lực tinh thần	107
Bảng 3.11. Phản ứng của những người xung quanh khi phụ nữ cho biết họ bị chồng “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng”	109
Bảng 3.12. Tương qua giữa mức độ bị bạo lực trong vòng 12 tháng qua với điều kiện kinh tế hộ gia đình	114
Bảng 3.13. Khung phân tích vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang	125
Bảng 4.1. Tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực không nói cho người khác biết việc mình bị bạo lực	140
Bảng 4.2. Tương quan giữa nơi cư trú với mức độ và tỷ lệ bị bạo lực	142
Bảng 4.3. Mức độ thường xuyên bị bạo lực trong vòng 12 tháng qua phân theo địa bàn nghiên cứu	143

DANH SÁCH BIỂU ĐỒ, HÌNH VẼ

Biểu đồ 3.1. Tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số bị bạo lực	84
Biểu đồ 3.2. Tương quan giữa tỷ lệ và mức độ chịu bạo lực với hình thức cư trú...	91
Biểu đồ 3.3. Tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số trong mẫu nghiên cứu có nghe, đọc, được phổ biến thông tin về bình đẳng giới, phòng ngừa bạo lực với phụ nữ	95
Biểu đồ 3.4. Tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực có tìm kiếm sự giúp đỡ của các địa chỉ trợ giúp	106
Biểu đồ 3.5. Các lý do được cho là làm nảy sinh bạo lực thể xác do chồng/bạn tình gây ra, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình và đã từng bị bạo lực, Việt Nam 2010 (N=1.393) và 2019 (N=1.471)	113
Biểu đồ 4.1 Hiện trạng hình thức cư trú trong cộng đồng các gia đình dân tộc thiểu số	141

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Theo Tổ chức Y tế thế giới, cứ 3 phụ nữ thì có 1 người phải đối mặt với bạo lực về thể xác hoặc tình dục. Trong thời kỳ đại dịch Covid đang bùng phát, tình trạng bạo lực được báo cáo là đã gia tăng từ 30% đến 300% ở rất nhiều quốc gia trên thế giới [1]. Hầu hết các vụ bạo lực đối với phụ nữ do bạn trai hoặc người chồng hiện tại/chồng cũ gây ra. Bạo lực với phụ nữ (BLVPN) không còn là vấn đề của mỗi gia đình, mà là vấn đề xã hội nhức nhối, nó ảnh hưởng đến các cá nhân, "gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với phụ nữ và các thành viên khác trong gia đình" [2]. BLVPN có nguyên nhân sâu xa từ nhận thức, quan điểm, chuẩn mực văn hóa, quan niệm của cộng đồng cho đến việc thực thi chính sách chưa hiệu quả ... Theo lý thuyết xã hội học tập, bạo lực có tính lan truyền giữa các thế hệ và là hành vi học được từ xã hội. Bạo lực có thể phát sinh do một sự kiện đau thương thời thơ ấu - chẳng hạn như chứng kiến những hành động tàn ác và ngược đãi liên tục. Thực tế cho thấy, những người gây ra hành vi bạo lực thường từng là nạn nhân của bạo lực gia đình trong quá khứ. Điều này khiến họ dễ có xu hướng kiểm soát và sử dụng các hành vi ngược đãi nhằm khẳng định quyền lực đối với nạn nhân bạo lực gia đình [4]. Trong bối cảnh đó, cộng đồng trở nên đặc biệt quan trọng và cần được đề cao như một thiết chế xã hội gần gũi có khả năng phát hiện sớm các dấu hiệu bạo lực, hỗ trợ nạn nhân tiếp cận dịch vụ phòng ngừa, bảo vệ bạo lực gia đình và bạo lực đối với phụ nữ; thúc đẩy các giá trị văn hóa, đạo đức lành mạnh góp phần phòng ngừa bạo lực gia đình (BLGD) nói chung BLVPN nói riêng.

Bạo lực với phụ nữ cũng đang trở thành mối quan ngại nghiêm trọng về sức khỏe cộng đồng và là sự vi phạm sâu sắc các quyền con người cơ bản trên phạm vi toàn thế giới. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng đối với phụ nữ và trẻ em mức độ chịu ảnh hưởng của bạo lực có mối tương quan chặt chẽ với sức khỏe tâm lý và thể chất- nguyên nhân làm suy giảm chất lượng cuộc sống cũng như ảnh hưởng đến thành tích trong giáo dục và năng suất trong kinh tế [2]. Một trong những chiến lược hiệu quả để ngăn chặn và giảm thiểu hậu quả của vấn nạn này là phát huy vai trò của

cộng đồng trong phòng ngừa BLVPN. Các tổ chức của người dân trong cộng đồng; các thành viên của gia đình và dòng họ đã và đang đóng vai trò quan trọng trong xác định, can thiệp và cung cấp các dịch vụ, hỗ trợ cần thiết cho nạn nhân của BLGD. Hiểu được các đặc trưng của cộng đồng, khả năng mà các cộng đồng có thể huy động các nguồn lực sẵn có để phòng ngừa bạo lực là điều quan trọng để điều chỉnh các chính sách cho phù hợp với bối cảnh cụ thể. Những năm qua đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến BLGD, BLVPN và việc triển khai công tác phòng chống BLGD ở Việt Nam. Nhưng hiện chưa có nhiều nghiên cứu cho chúng ta hiểu biết sâu sắc về vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLVPN. Theo đó cần có nhiều hơn các nghiên cứu để đánh giá cụ thể, chi tiết về các bối cảnh của bạo lực nhằm tìm ra các giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa tình trạng nêu trên.

Tại Việt Nam vùng dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi bị coi là vùng “lỗi nghèo” của cả nước, dân trí và điều kiện sống của người dân còn rất nhiều khó khăn. Phụ nữ và trẻ em vùng DTTS vẫn đang là đối tượng phải chịu nhiều thiệt thòi. Mặc dù Đảng và Nhà nước ta đã và đang tập trung ưu tiên thực hiện nhiều chương trình, chính sách phòng ngừa bạo lực gia đình tuy nhiên tình trạng bạo lực với phụ nữ dân tộc thiểu số vẫn tồn tại, đặc biệt là bạo lực do chồng gây ra [6]. Nghiên cứu của Cơ quan Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women) cho thấy tỷ lệ phụ nữ DTTS là nạn nhân của bạo lực do chồng gây ra cao hơn con số này ở phụ nữ người Kinh. Có đến 33,8% phụ nữ DTTS bị kiểm soát hành vi và 24,1% phụ nữ DTTS bị bạo lực kinh tế do chồng/bạn tình gây ra trong đời, trong khi tỷ lệ tương ứng ở nhóm phụ nữ Kinh chỉ là 26% và 19,9% [6].

Hà Giang là tỉnh miền núi có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (*10 huyện và 01 thành phố*), trong đó có 07 huyện nghèo; 193 xã/phường/thị trấn (trong đó có 133 xã khu vực III thuộc xã đặc biệt khó khăn). Dân số trung bình là 89,27 vạn người (dân số nữ chiếm 49,24%, dân số khu vực nông thôn chiếm 84,05%); trình độ dân trí và đời sống của đa số các tầng lớp dân cư so với trung bình của cả nước còn thấp; tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2023 là 42,74%[50]. Đồng bào DTTS

sinh sống chủ yếu ở các bản làng thuộc các xã đặc biệt khó khăn, trình độ hiểu biết và nhận thức về pháp luật còn thấp. Theo báo cáo của cán bộ chính quyền địa phương, tình trạng BLGD, đặc biệt là BLGD với phụ nữ vẫn còn tồn tại. Trong những năm qua, nhiều biện pháp can thiệp đã được triển khai nhằm phòng ngừa BLGD trên địa bàn tỉnh. Nhiều hoạt động đạt được thành công có tác động làm giảm bạo lực nhưng cũng có can thiệp không đạt được kết quả như mong muốn do áp dụng các biện pháp không phù hợp với nguồn lực hay bối cảnh văn hóa - xã hội. Là một địa phương thuộc vùng dân tộc thiểu số, do đó vai trò của cộng đồng ở Hà Giang có tầm quan trọng đặc biệt và phức tạp, bởi nó vừa là rào cản vừa là giải pháp đối với vấn đề bạo lực phụ nữ. Khác với khu vực thành thị, cộng đồng ở đây có sự gắn kết chặt chẽ hơn, chi phối sâu sắc đến đời sống cá nhân, từ đó quyết định phần lớn cách thức vấn đề bạo lực được nhìn nhận và xử lý. Cộng đồng không chỉ là một trong những yếu tố tác động mà còn là hạt nhân của sự thay đổi. Việc nhận diện và khai thác đúng tiềm năng của cộng đồng, biến các rào cản truyền thống thành động lực tích cực, là chìa khóa để giải quyết vấn đề bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số tại địa phương một cách hiệu quả và bền vững.

Vậy một câu hỏi lớn đặt ra là tại sao vai trò và các nguồn lực của cộng đồng chưa được phát huy một cách hiệu quả cho việc ngăn chặn bạo lực với phụ nữ dân tộc thiểu số? Xuất phát từ những vấn đề lý luận và thực tiễn nêu trên nghiên cứu sinh (NCS) chọn thực hiện đề tài ***“Vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số (nghiên cứu trường hợp tỉnh Hà Giang)”***

2. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Đánh giá thực trạng nhằm đề xuất giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm sáng tỏ cơ sở lý luận về phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ phụ nữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam.
- Đánh giá vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại địa bàn nghiên cứu.
- Tìm hiểu và nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của cộng đồng

trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Đề xuất các giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số.

3. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ DTTS tại tỉnh Hà Giang.

3.2. Khách thể nghiên cứu: Phụ nữ, nam giới DTTS đã kết hôn, cán bộ các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn.

3.3. Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi về không gian: Tỉnh Hà Giang- Việt Nam.

Phạm vi về thời gian: Số liệu điều tra định tính và định lượng được thực hiện trong năm 2023 và 2024.

Phạm vi về nội dung: Chỉ xem xét bạo lực trong gia đình của người chồng gây ra đối với vợ. Luận án tập trung phân tích bốn vai trò cơ bản của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS bao gồm: Vai trò xã hội hoá giúp phòng ngừa bạo lực gia đình; vai trò kiểm soát hành vi bạo lực đối với phụ nữ; vai trò cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho phụ nữ bị ảnh hưởng bởi bạo lực; vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế giúp hạn chế bạo lực gia đình.

4. Câu hỏi nghiên cứu

Toàn bộ luận án tập trung trả lời các câu hỏi nghiên cứu cơ bản như sau

- 1) Cộng đồng có những vai trò cụ thể nào trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ DTTS?
- 2) Những yếu tố nào ảnh hưởng tới vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ DTTS trên địa bàn tỉnh Hà Giang?
- 3) Có những giải pháp nào phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ DTTS

5. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết 1: Cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số, những vai trò trọng yếu bao gồm (i) định hình khuôn mẫu, hành vi ứng xử của người dân với bạo lực; (ii) kiểm soát

các hành vi bạo lực; (iii) triển khai các biện pháp hỗ trợ nạn nhân; (iv) tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội giúp thay đổi các yếu tố có thể làm gia tăng bạo lực do chồng gây ra với phụ nữ.

Giả thuyết 2: Vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực với phụ nữ phụ thuộc vào các yếu tố làm giảm thiểu bạo lực gia đình trong đó có: 1) Sự can thiệp và hỗ trợ của chính quyền dành cho cộng đồng; 2) Cấu trúc và các nguồn lực của các chủ thể trong cộng đồng như gia đình, dòng họ; các tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức tự quản của người dân; 3) Các đặc trưng văn hóa, lối sống, trình độ phát triển kinh tế- xã hội của cộng đồng dân cư

Giả thuyết 3: Giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số bao gồm: (i) giúp cộng đồng thực hiện tốt vai trò xã hội hoá nhằm chuyển đổi thái độ, niềm tin và chuẩn mực văn hoá để phòng ngừa bạo lực gia đình; (ii) nâng cao năng lực và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội để giúp các cơ quan, tổ chức thực hiện tốt vai trò phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số; (iii) phát huy tốt vai trò của các chủ thể trong cộng đồng để cung cấp dịch vụ hỗ trợ nạn nhân; (vi) giúp cộng đồng phát huy vai trò trong phát triển kinh tế xã hội nhằm góp phần làm thay đổi, giảm thiểu các yếu tố có nguy cơ dẫn đến bạo lực đối với phụ nữ.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp luận

Luận án được tiến hành dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trong phạm vi đề tài, tác giả đánh giá vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS tại Hà Giang thuộc khu vực miền núi phía Tây Bắc theo đó việc vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Với phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử, bạo lực gia đình không chỉ được xem xét như hiện tượng cá nhân hay riêng lẻ của một hộ gia đình, mà là kết quả của sự tác động qua lại giữa nhiều yếu tố xã hội – văn hóa – kinh tế trong cộng đồng. Chủ nghĩa duy vật biện chứng giúp tác giả nhận diện mối quan hệ biện chứng giữa cái chung và cái riêng: bạo lực gia đình là biểu hiện cụ thể (cái riêng) nhưng lại phản ánh

những mâu thuẫn xã hội rộng lớn hơn như bất bình đẳng giới, sự duy trì tập quán lạc hậu, hạn chế trong tiếp cận dịch vụ pháp lý và chính sách xã hội (cái chung). Đồng thời, phương pháp luận này yêu cầu nghiên cứu phải xem xét tính vận động và phát triển của cộng đồng: vai trò của các tổ chức xã hội, già làng, trưởng bản, hội phụ nữ hay thanh niên không tĩnh tại mà luôn biến đổi trong mối quan hệ với sự thay đổi về chính sách, nhận thức và điều kiện sống. Do đó, cách tiếp cận duy vật biện chứng không chỉ giúp giải thích bản chất, nguyên nhân và tính chất mâu thuẫn của hiện tượng bạo lực gia đình mà còn gợi mở hướng giải pháp: phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng, kết hợp sức mạnh truyền thống với tiến bộ xã hội, để từng bước chuyển hóa mâu thuẫn và hạn chế bạo lực gia đình trong thực tiễn.

Lý thuyết về sự thay đổi và lý thuyết sinh thái - xã hội là những chỉ dẫn về mặt lý luận giúp tác giả phân tích thực trạng các hoạt động mà cộng đồng triển khai nhằm phòng ngừa BLGD cũng như chỉ ra các yếu tố tác động tới hiệu quả của việc triển khai các biện pháp này gắn với địa bàn nghiên cứu.

6.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

6.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp: Dữ liệu thứ cấp được thu thập chủ yếu từ các nguồn như sau: (1) Các văn kiện, nghị quyết, chiến lược, kế hoạch, đề án, chính sách, luật pháp về phòng ngừa bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới; (2) Các nhận định, đánh giá của các nhà khoa học, các nhà quản lý về thực trạng, định hướng và giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình; (3) Các nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến chủ đề để vận dụng vào địa bàn nghiên cứu.

6.2.2. Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp

(1) Điều tra định lượng bằng phiếu hỏi

Địa bàn điều tra

Tỉnh Hà Giang được chia thành 11 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm 1 thành phố và 10 huyện. Dựa vào điều kiện địa lý và đặc điểm kinh tế - xã hội, các quận/huyện, Hà Giang có thể được chia thành các vùng chính như sau:

1) Vùng cao nguyên đá Đồng Văn gồm 4 huyện: Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, Quản Bạ. Đây là nơi sinh sống của đồng bào dân tộc Mông, Dao, Lô Lô...

với các hoạt động sản xuất kinh tế chủ yếu bao gồm: chăn nuôi, trồng ngô, phát triển du lịch.

2) Vùng núi cao biên giới phía Tây gồm 2 huyện: Hoàng Su Phì, Xín Mần. Đây là khu vực có địa hình núi cao hiểm trở, giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), nơi sinh sống của dân tộc La Chí, Nùng, Tày, Dao...Kinh tế chủ yếu: trồng lúa nước, cây dược liệu, chăn nuôi trâu bò, phát triển du lịch sinh thái.

3) Vùng đồi núi thấp, kinh tế phát triển hơn với trung tâm - Kinh tế và hành chính là thành phố Hà Giang và 4 huyện: Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên, Bắc Mê. Đây là nơi sinh sống chủ yếu của người Tày, Nùng, Dao.

Do nguồn lực có hạn, không thể thực hiện khảo sát ở nhiều địa bàn, NCS đã chọn chủ đích 2 xã là Nậm Khòa- Huyện Hoàng Su Phì và Đạo Đức- Huyện Vị Xuyên (sau ngày 1/7/2025 khi thực hiện chính quyền hai cấp, Nậm Khòa nay là xã Hồ Thầu, tỉnh Tuyên Quang -hợp nhất từ 3 xã Nậm Khòa, Nam Sơn và Hồ Thầu và xã Đạo Đức nay là xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang – hợp nhất xã Đạo Đức và thị trấn Nông trường Việt Lâm; tuy nhiên, do khảo sát được thực hiện trước đó nên Luận án sử dụng tên địa danh của hai xã khi chưa hợp nhất). Hai xã này có đủ đại diện của nhiều DTTS sinh sống trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Việc lựa chọn 2 địa bàn nghiên cứu có đặc trưng khác biệt về điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như vị trí địa lý so với trung tâm thành phố Hà Giang giúp đề tài có thể phân tích sự ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa, kinh tế, xã hội đến vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS.

(i) Huyện Hoàng Su Phì nằm ở phía Tây Hà Giang. Đây là nơi sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số, tiêu biểu là dân tộc Mông, Tày, Nùng;

(ii) Huyện Vị Xuyên cách trung thành phố Hà Giang 20 km thuộc vùng đồi núi thấp có kinh tế phát triển hơn. Đây là nơi có 19 dân tộc cùng sinh sống trong đó chủ yếu là người Tày, Nùng và Dao.

Đối tượng khảo sát

Trong nhiều DTTS sinh sống tại Hà Giang thì các DTTS có số lượng đông nhất đó là: 1) Dân tộc Mông, chủ yếu sống ở vùng núi cao như Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, Quản Bạ. 2) Dân tộc Dao phân bố ở Hoàng Su Phì, Xín Mần, Bắc Quang, Quang Bình. 3) Dân tộc Tày sinh sống chủ yếu ở vùng thấp, thung

lũng như Bắc Quang, Quang Bình và 4) Dân tộc Nùng phân bố ở Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên.

Nghiên cứu sinh chọn đối tượng khảo sát là phụ nữ thuộc 4 nhóm DTTS bao gồm: Tày, Nùng, Dao và Mông ở độ tuổi 18 – 60 tuổi, đã kết hôn trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Việc lựa chọn phụ nữ thuộc bốn nhóm dân tộc lớn tại Hà Giang vừa đảm bảo nguyên tắc chọn mẫu phù hợp với điều kiện thực tế, ngân sách và thời gian nghiên cứu. Tránh chọn mẫu quá rộng gây tốn kém hoặc quá hẹp làm mất tính đại diện. Đồng thời đảm bảo rằng các dân tộc thiểu số này có thể đại diện cho các dân tộc thiểu số sinh sống tại Hà Giang. Đây cũng là bốn nhóm dân tộc sinh sống chủ yếu tại hai địa bàn điều tra của luận án.

Phương pháp chọn mẫu

Để thực hiện chọn mẫu, NCS đã thực hiện việc lập danh sách khung mẫu về các phụ nữ của 4 DTTS nêu trên, ở độ tuổi 18-60 và đã từng kết hôn. Trên cơ sở đó NCS thực hiện phương thức chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống để chọn ra 385 phụ nữ đáp ứng điều kiện khảo sát.

Cỡ mẫu: 385 người. Đề tài sử dụng công thức chọn mẫu điều tra

$$n = \frac{z^2 * p * (1 - p)}{e^2}$$

Trong đó:

n = là cỡ mẫu

z = giá trị phân phối tương ứng với độ tin cậy lựa chọn (nếu độ tin cậy 95% thì giá trị z là 1, 96...)

p = là ước tính tỷ lệ % của tổng thể

e = sai số cho phép

chọn độ tin cậy 95%, tỷ lệ ước tính của tổng thể là 50%, chọn sai số cho phép là 0,05; thay thế vào công thức mẫu ta có:

$$n = \frac{1.96 * 0.5 * 0.5}{0.05^2} = 385$$

Cơ cấu mẫu được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1: Các đặc trưng cá nhân phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia trả lời phiếu hỏi

Các đặc trưng của phụ nữ tham gia trả lời phiếu hỏi		Số người	Tỷ lệ %
1.Dân tộc	1.Tày	98	25,5
	2.Nùng	106	27,5
	3.Mông	80	20,9
	4.Dao	101	26,3
2.Xã	1.Xã Nậm Khòa- Huyện Hoàng Su Phì	194	50,5
	2. Xã Đạo Đức- Huyện Vị Xuyên	191	49,5
3.Tuổi	1. Từ 18 đến 30 tuổi	50	13,0
	2.Từ 31 đến 40 tuổi	203	52,6
	3.Từ 41 đến 60 tuổi	132	34,4
4.Việc làm	1.Nội trợ không có hoạt động tạo thu nhập	30	7.8
	2.Trồng trọt, chăn nuôi	249	64.7
	3.Làm cho công ty, doanh nghiệp tư nhân có nhận lương/Kinh doanh buôn bán	48	12.5
	4.Công chức, viên chức người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước	22	5.7
	5.Lao động tự do	36	9.4
Tổng mẫu		385	100

Nội dung bảng hỏi: nhận thức của phụ nữ về các loại hình bạo lực, mức độ họ chịu đựng các dạng thức khác nhau của bạo lực, quan điểm và phản ứng của họ khi là nạn nhân của bạo lực. Họ nhìn nhận đánh giá như thế nào về phản ứng của người dân và các tổ chức chính quyền, các tổ chức đoàn thể với các hành vi bạo lực. Mức độ hiểu biết và tham gia của họ vào các hoạt động mà cộng đồng triển khai phòng ngừa bạo lực gia đình. (Xin xem phụ lục 1)

(2) Thu thập dữ liệu qua phỏng vấn sâu

***Đối tượng phỏng vấn sâu:** Đề tài phỏng vấn 2 nhóm khách thể là:

1) Cán bộ, công chức có trách nhiệm triển khai các chương trình, chính sách phòng ngừa bạo lực: công an xã, cán bộ Hội phụ nữ xã, trưởng thôn, trưởng bản, thành viên của tổ hòa giải, tổ truyền thông cộng đồng, địa chỉ tin cậy; Số lượng cán bộ tham gia phỏng vấn 10 người;

2) Phụ nữ và nam giới DTTS đã và hoặc đang kết hôn, chung sống với vợ chồng. Số lượng phỏng vấn 20 người.

Nội dung phỏng vấn: Tìm hiểu quan điểm trải nghiệm, quan điểm của người tham gia phỏng vấn về bạo lực gia đình; thực trạng triển khai các biện pháp phòng ngừa bạo lực gia đình của cộng đồng; vai trò của các cá nhân và tổ chức trong cộng đồng như: người thân trong gia đình, họ hàng, già làng, trưởng bản, làng xóm, bạn bè, các tổ chức chính trị - xã hội trong phòng ngừa bạo lực gia đình. (Xin xem Phụ lục 2)

***Hình thức phỏng vấn:** phỏng vấn bán cấu trúc

(3) Phương pháp tham vấn chuyên gia

Số lượng là 10 người. Phương pháp tham vấn chuyên gia được thực hiện thông qua trao đổi ý kiến với:

+04 lãnh đạo và cán bộ từ các Cục, Vụ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (gồm Vụ Bình đẳng giới, Cục Bảo trợ xã hội, Viện Khoa học Lao động và Xã hội, Văn phòng quốc gia về giảm nghèo),

+01 cán bộ thuộc Bộ Công an,

+02 Lãnh đạo và cán bộ của Ban Dân tộc tôn giáo và Ban Chính sách-Pháp luật của TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam,

+ 01 lãnh đạo của Vụ Dân tộc thiểu số của Ủy ban Dân tộc

+ 01 chuyên gia của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

+01 chuyên gia của UN Women tại Việt Nam.

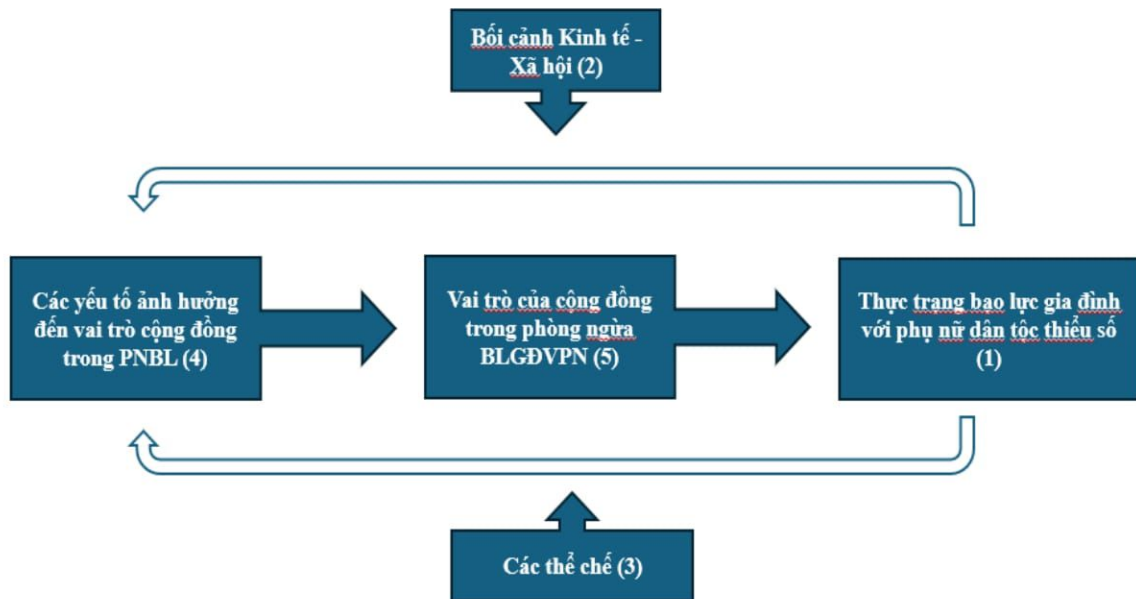
Mục đích của phỏng vấn chuyên gia: nhằm thu thập kinh nghiệm và đánh giá của các chuyên gia liên ngành về lĩnh vực nghiên cứu, từ đó thu được kết quả có tính thực tiễn và khoa học cao, tránh được những trùng lặp với nghiên cứu đã

có, đồng thời kế thừa các thành quả nghiên cứu đã đạt được trong phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới, phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ.

Phương pháp phân tích dữ liệu. Dữ liệu điều tra được xử lý bằng phần mềm SPSS for Window 22.0. Các phương pháp phân tích dữ liệu được thực hiện là thống kê mô tả; phân tích tương quan so sánh giữa các nhóm.

7. Khung phân tích

Trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu có trước và áp dụng lý thuyết sinh thái - xã hội và lý thuyết về sự thay đổi, luận án xây dựng khung phân tích với các yếu tố được trình bày trong hình dưới đây:



Khung phân tích về vai trò của cộng đồng

trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số

(Diễn giải: Phân tích BLGD đối với phụ nữ DTTS trong bối cảnh kinh tế - xã hội, các thể chế để xác định yếu tố ảnh hưởng vai trò cộng đồng, từ đó nêu rõ vai trò cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ dân tộc thiểu số,...)

Chú thích:

(1) **Thực trạng bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số** (với các loại hình bạo lực: bạo lực thể xác, tinh thần, tình dục, bạo lực kinh tế).

(2) **Bối cảnh kinh tế - xã hội:** (i) Đặc trưng kinh tế, xã hội, môi trường; (ii) Đặc trưng của cộng đồng dân cư.

(3) Các thể chế: (i) Thể chế chính thức: chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước; (ii) Thể chế phi chính thức: tập quán, quy định văn hóa, tôn giáo.

(4) Yếu tố ảnh hưởng vai trò cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực: (i) Can thiệp, hỗ trợ cộng đồng từ chính quyền; (ii) Cấu trúc, nguồn lực của các chủ thể trong cộng đồng; (iii) Đặc trưng văn hóa, lối sống, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng.

(5) Vai trò cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ dân tộc thiểu số: Vai trò xã hội hóa; Vai trò kiểm soát; Vai trò hỗ trợ; Vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Mô tả biến số

Biến số phụ thuộc

**Vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số*

Tác giả tập trung phân tích bốn nhóm vai trò của cộng đồng trong triển khai các hoạt động tương ứng với 3 cấp độ của phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ DTTS gồm: **Cấp độ 1** của phòng ngừa là ngăn chặn, giảm thiểu nguy cơ xảy ra bạo lực. **Cấp độ 2** của phòng ngừa là kiểm soát để bạo lực không xảy ra, xử lý hành vi khi diễn ra bạo lực. **Cấp độ 3** của phòng ngừa là giúp tái hòa nhập, tạo khả năng để nạn nhân và gia đình họ vượt qua khó khăn do bạo lực gây ra và ngăn chặn hành vi tái diễn. Bốn nhóm vai trò chính của cộng đồng là:

1) ***Vai trò xã hội hóa*** trong đó nhấn mạnh vào vai trò của cộng đồng trong định hình nhận thức, thái độ và hành vi với bạo lực. Vai trò này được nhận diện thông qua quá trình chuyển giao các giá trị, chuẩn mực văn hóa, tập quán, lối sống của cộng đồng. Các tập quán văn hóa tạo ra khuôn mẫu ứng xử, định hình nhận thức, thái độ và hành vi của người dân với bạo lực. Để tác động làm thay đổi các khuôn mẫu chuẩn mực văn hóa, các chủ thể khác nhau trong cộng đồng có thể triển khai một số biện pháp can thiệp như tuyên truyền, giáo dục.

2). ***Vai trò kiểm soát xã hội.*** Các cộng đồng luôn thiết lập các luật lệ để kiểm soát hành vi của các thành viên cộng đồng. Qua việc thi hành luật lệ, các thành viên phân biệt hành động nào được phép hoặc không được phép. Cộng đồng sẽ áp dụng các biện pháp như lên án, trừng phạt để kiểm soát hành vi của các thành viên. Để

nhận diện vai trò này, tác giả tập trung phân tích phản ứng của người dân đối với hành vi bạo lực và nạn nhân bị bạo lực trong đó chú trọng phân tích các biện pháp mà cộng đồng thực hiện để lên án, trừng phạt kẻ gây ra bạo lực hay phản ứng của họ với nạn nhân.

3). Vai trò của cộng đồng trong việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho phụ nữ bị ảnh hưởng bởi bạo lực. Để làm rõ vai trò của cộng đồng trong cung cấp các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân tác giả phân tích mức độ phổ biến, và khả năng dễ tiếp cận của các dịch vụ hỗ trợ, trợ giúp do các cơ quan, tổ chức và người dân trong cộng đồng cung cấp.

4). Vai trò của cộng đồng trong thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội giúp hạn chế bạo lực gia đình: nâng cao năng lực cho phụ nữ và nam giới, qua đó tạo điều kiện để thay đổi các yếu tố tiêu cực đang cấu thành nguy cơ, góp phần phòng ngừa và giảm thiểu tình trạng bạo lực. Để làm rõ vai trò của cộng đồng trong việc tạo môi trường giảm nguy cơ bạo lực tác giả tập trung phân tích vai trò của các chủ thể trong cộng đồng như các tổ chức chính trị - xã hội, thiết chế gia đình trong triển khai các biện pháp thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

Biến số độc lập bao gồm

- 1) Sự can thiệp hỗ trợ cộng đồng của các tổ chức chính quyền;
- 2) Cấu trúc và các nguồn lực của các chủ thể trong cộng đồng như gia đình, dòng họ; các tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức tự quản của người dân;
- 3) Các đặc trưng văn hóa, lối sống, trình độ phát triển kinh tế- xã hội của cộng đồng dân cư.

Biến số can thiệp. Bối cảnh kinh tế - xã hội của địa phương, đặc trưng trong cấu trúc của cộng đồng được thể hiện thông qua mức độ phát triển kinh tế xã hội của địa phương, cách thức cư trú, vị trí địa lý của cộng đồng.

8. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

8.1. Ý nghĩa lý luận

Nghiên cứu “Vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số (nghiên cứu trường hợp tỉnh Hà Giang)” là luận án đầu tiên góp phần tìm hiểu, đánh giá vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS ở Việt Nam.

Luận án hướng đến làm rõ một số vấn đề lý luận về vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD. Vận dụng lý thuyết sinh thái-xã hội, lý thuyết về sự thay đổi vào mô tả và lý giải vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS. Việc chứng minh hay bác bỏ các giả thuyết nghiên cứu của luận án góp phần làm rõ cách thức mà các yếu tố của cộng đồng, từ cấu trúc xã hội, các mối quan hệ giữa các thành viên, cho đến các chuẩn mực văn hóa tác động đến hành vi BLGD đối với phụ nữ. Thông qua việc chứng minh hay bác bỏ các giả thuyết nghiên cứu, luận án góp phần kiểm nghiệm khả năng giải thích của các lý thuyết trong bối cảnh văn hóa – xã hội đặc thù của Hà Giang. Đây là công trình nghiên cứu mới về bạo lực gia đình đối với phụ nữ tiếp cận theo hướng phòng ngừa nhằm bổ sung và hoàn thiện cho cách tiếp cận phòng chống đang được áp dụng trong các chính sách, chương trình liên quan đến phòng chống BLGD hiện nay.

4.2. Ý nghĩa thực tiễn

Trong bối cảnh tỉ lệ BLGD với phụ nữ DTTS ở Việt Nam vẫn còn ở mức cao thì cách tiếp cận phòng ngừa cần được quan tâm để giảm nguy cơ xảy ra, nguy cơ bạo lực tái tiếp diễn và ngăn chặn giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của BLGD. Các hoạt động can thiệp phòng ngừa đòi hỏi thay đổi nhận thức về chuẩn mực văn hóa của người dân, các hoạt động này không chỉ chú trọng vào giải quyết khi bạo lực xảy ra mà còn tập trung vào việc làm giảm nguy cơ gây ra bạo lực và các can thiệp để giảm thiểu tác động lâu dài do hành vi bạo lực gây ra.

Về mặt thực tiễn, nghiên cứu này cung cấp những bằng chứng thực địa phong phú từ tỉnh Hà Giang, nơi có nhiều cộng đồng DTTS sinh sống với đặc trưng văn hóa, xã hội riêng biệt. Các phát hiện của nghiên cứu giúp nhận diện rõ cộng đồng có vai trò quan trọng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ, tìm ra những yếu tố có ý nghĩa của cộng đồng làm giảm thiểu tình trạng bạo lực với phụ nữ DTTS; hoặc ngay cả những yếu tố tiêu cực có thể làm tăng tình trạng này. Từ đó đề xuất một số mô hình và giải pháp phù hợp với điều kiện vùng đồng bào DTTS để phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực do chồng gây ra.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng làm cơ sở khoa học và thực tiễn cho quá trình xây dựng và thực hiện các chính sách, chương trình về phòng ngừa BLGD đối với phụ nữ DTTS nói riêng và phòng ngừa BLGD nói chung.

9. Cấu trúc của luận án

Luận án được kết cấu thành 4 chương phản ánh những kết quả nghiên cứu chính như sau:

Chương 1: Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận nghiên cứu vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số

Chương 3: Các vai trò trọng yếu và mức độ tham gia của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số ở Hà Giang

Chương 4: Các yếu tố ảnh hưởng và giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số tại Hà Giang

Chương 1

TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Bạo lực gia đình là vấn đề phổ biến ảnh hưởng đến hàng triệu cá nhân và gia đình trên toàn thế giới. Đây là mối quan ngại nghiêm trọng về sức khỏe cộng đồng và là sự vi phạm sâu sắc các quyền con người cơ bản. Nghiên cứu của M.K.M. Lünemann đã chỉ ra rằng đối với phụ nữ và trẻ em mức độ chịu ảnh hưởng của bạo lực có mối tương quan chặt chẽ với sức khỏe tâm lý và thể chất, đây là nguyên nhân làm suy giảm chất lượng cuộc sống cũng như thành tích trong giáo dục và năng suất trong kinh tế [30]. Một trong những chiến lược hiệu quả nhất để ngăn chặn và giảm thiểu hậu quả nghiêm trọng của vấn nạn này là phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD. Các tổ chức trong cộng đồng; các thành viên trong gia đình, dòng họ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định, can thiệp và cung cấp các dịch vụ, những hỗ trợ cần thiết cho nạn nhân của BLGD.

Do đó, cần phải đánh giá về khả năng phòng ngừa BLGD trong cộng đồng để tìm ra giải pháp làm tăng cơ hội và tạo điều kiện thuận lợi trong tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người sống trong cộng đồng đối với các nạn nhân của bạo lực. Để có cơ sở lý luận cho các phân tích về vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS, Chương 1 của luận án tập trung tổng quan các vấn đề nghiên cứu. Mục đích là tóm lược các kiến thức và sự hiểu biết của cộng đồng khoa học trong và ngoài nước về chủ đề nghiên cứu. Tạo cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm giúp tác giả kế thừa và phát triển các cách tiếp cận hay phát hiện các vấn đề mới liên quan đến chủ đề nghiên cứu.

1.1. CỘNG ĐỒNG VÀ TIẾP CẬN CỘNG ĐỒNG TRONG KHOA HỌC XÃ HỘI

Trong lĩnh vực khoa học xã hội, tiếp cận cộng đồng là phương pháp được sử dụng khá rộng rãi. Theo đó có nhiều cách định nghĩa và tiếp cận khác nhau để xác định như thế nào là một cộng đồng. Chúng ta có thể hiểu cộng đồng là một xã hội thu nhỏ nơi mà các mối quan hệ của con người đan xen và được định hình thông qua các mối quan hệ tình cảm và nghĩa vụ với nhau. Các nhà xã hội học phương Tây thường sử dụng cách tiếp cận về cộng đồng của nhà xã hội học người

Đức Ferdinand Toennies nêu ra tại công trình *Gemeinschaft und Gesellschaft*” (Cộng đồng và hiệp hội), trong đó Toennies xác định cộng đồng là một thực thể xã hội có độ gắn kết bền vững được đặc trưng bởi “sự đồng thuận về ý chí” của các thành viên [47, tr.58]. Theo Toennies, cộng đồng bền vững hơn so với hiệp hội bởi vì sự tham gia của các cá nhân vào hiệp hội trước hết thường là để đảm bảo lợi ích của mình và sự phục tùng thủ lĩnh hay nhà lãnh đạo của hiệp hội. Trong khi đó, khi nói đến cộng đồng Toennies đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của ý chí cộng đồng. Theo Toennies, ý thức cộng đồng được hình thành trên cơ sở của việc mỗi thành viên cộng đồng cảm nhận mình là một bộ phận của cộng đồng. Ông chỉ ra rằng hình thái cộng đồng phổ biến và nhỏ nhất chính là gia đình. Tiếp cận theo hướng này, ông cho rằng có ba loại cộng đồng cơ bản trong xã hội: 1) cộng đồng quan hệ huyết thống (gia đình, họ tộc); 2) cộng đồng quan hệ láng giềng (có chung một nơi cư trú); và 3) cộng đồng gắn kết về tinh thần. Cộng đồng gắn kết về tinh thần được Toennies đánh giá có tính nhân bản nhất vì loại hình này ít tính bản năng nhất. Tương ứng với ba loại cộng đồng trên là ba không gian lịch sử điển hình, đó là ngôi nhà (của cộng đồng huyết thống), ngôi làng (của cộng đồng láng giềng) và nhà nước (cộng đồng tinh thần) [46].

Bên cạnh cách tiếp cận cộng đồng dựa trên các quan hệ xã hội của Toennies, nhiều học giả đã phát triển loại hình mới về cộng đồng. Cụ thể, Steven Brint cho rằng cộng đồng là một biểu tượng và khát vọng mạnh mẽ trong đời sống chính trị và trí tuệ của con người. Theo đó, các nghiên cứu đã tập trung đánh giá vai trò của cộng đồng trong định hình hành động của cá nhân và nhóm. David Phillips, Yitzhak Berman khám phá những cách thức mà các cộng đồng có thể nâng cao chất lượng xã hội trong các giao dịch với các thể chế quốc gia như: an ninh kinh tế xã hội, hòa nhập xã hội, gắn kết xã hội và trao quyền. Chất lượng xã hội là một tiêu chuẩn được thiết lập gần đây để đánh giá tiến bộ xã hội và kinh tế. Mục đích để đo lường mức độ mà các cộng đồng có thể tham gia vào đời sống xã hội, chính trị và kinh tế trong những điều kiện nâng cao phúc lợi của cả cá nhân và cộng đồng. Xét ở khía cạnh chính sách cấp tiến tiềm năng thì chất lượng xã hội liên quan đến công bằng xã hội và được xây dựng như một biện pháp khắc phục tình

trạng phụ thuộc quá mức vào các giải pháp kinh tế để đảm bảo phúc lợi. Cuối cùng, các chỉ số sẽ phản ánh sự gắn kết xã hội của cộng đồng và hòa nhập xã hội.

Bên cạnh đó, vai trò của cộng đồng còn được Shinta Dewi Rismawati (2017) mô tả trong chương trình trao quyền cho cộng đồng để ngăn chặn và quản lý bạo lực gia đình dựa vào cộng đồng ở Winong. Cũng còn có nhiều nghiên cứu khác đề cập đến vai trò của cộng đồng trong phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu hay vai trò của cộng đồng trong bảo vệ các nguồn tài nguyên như rừng, biển,...[8].

Như vậy, các tiếp cận lý luận về cộng đồng trong khoa học xã hội cho thấy cộng đồng là một thực thể xã hội đa dạng, được xác định dựa trên các mối quan hệ giữa các cá nhân và nhóm người về những đặc trưng tâm lý, văn hóa lối sống hay địa bàn cư trú gắn với không gian địa lý. Từ cách tiếp cận cổ điển của Ferdinand Tönnies với sự nhấn mạnh vào "ý chí chung" và tính gắn kết xã hội và trao quyền hướng tới nâng cao chất lượng xã hội theo khám phá của David Phillips, Yitzhak Berman, cộng đồng luôn giữ vai trò trung tâm trong việc hình thành chuẩn mực xã hội, hỗ trợ và điều tiết hành vi cá nhân. Do đó, có thể thấy rằng các cách tiếp cận về cộng đồng trong các nghiên cứu đi trước đã cung cấp một nền tảng quan trọng cho việc nghiên cứu vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD, nhất là đối với phụ nữ DTTS– nơi các hình thức cộng đồng truyền thống và hiện đại có thể cùng tồn tại và bổ trợ cho nhau.

1.2. THỰC TRẠNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH VÀ BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ, BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ QUA CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

1.2.1. Thực trạng bạo lực gia đình, bạo lực gia đình với phụ nữ, bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số qua các nghiên cứu

Bạo lực đối với phụ nữ, đặc biệt bạo lực do người chồng gây ra đang là một vấn đề lớn đối với sức khỏe cộng đồng, là sự vi phạm quyền con người của phụ nữ. Việc đưa ra được số liệu chính xác và đáng tin cậy về BLVPN đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện sự hiểu biết của chúng ta về tình trạng phổ biến của bạo lực. Đồng thời, giúp chúng ta xác định được các giải pháp để phòng ngừa

và ngăn chặn bạo lực. Trong nhiều thập kỷ qua, các tổ chức quốc tế như Tổ chức Y tế Thế giới và các tổ chức bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em đã cố gắng thu thập các dữ liệu thống kê về BLGD, trong đó có bạo lực gia đình với phụ nữ. Năm 2016, một Kế hoạch hành động toàn cầu về tăng cường vai trò của hệ thống y tế trong phản ứng đa ngành được các quốc gia thành viên của Tổ chức Y tế Thế giới thông qua nhằm giải quyết tình trạng bạo lực giữa các cá nhân, đặc biệt là đối với phụ nữ và trẻ em gái. Trong đó, cải thiện việc thu thập và sử dụng dữ liệu đáng tin cậy là một trong bốn định hướng chiến lược của Kế hoạch này.

Theo ước tính của Tổ chức Y tế Thế giới, gần một phần ba (27%) phụ nữ trên toàn cầu trong độ tuổi từ 15-49 đã từng có mối quan hệ cho biết họ đã từng phải chịu một hình thức bạo lực thể xác và/hoặc tình dục nào đó từ bạn tình [32]. Vậy ước tính mỗi năm có đến 852 triệu phụ nữ từ 15 tuổi trở lên đã từng trải qua bạo lực thể xác và/hoặc tình dục của bạn tình hoặc bạo lực tình dục không phải của bạn tình, hoặc cả hai, bạo lực đối với phụ nữ rõ ràng là một vấn đề sức khỏe cộng đồng; nó dẫn đến đau khổ cho con người và tiêu tốn các chi phí cho xã hội và nền kinh tế [47,tr.9]. Tình trạng bạo lực có xu hướng tăng lên dưới tác động của một số hoàn cảnh xã hội đặc biệt, ví dụ một nghiên cứu gần đây tiết lộ tác động chung của COVID-19 và các cuộc khủng hoảng nhân đạo đã làm gia tăng tình trạng phổ biến của cả bạo lực tình dục của bạn tình lẫn bạo lực khác không phải của bạn tình.

Bạo lực có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe thể chất, tinh thần, tình dục và sinh sản của phụ nữ và có thể làm tăng nguy cơ mắc HIV ở một số trường hợp [4]. Theo đó, các nghiên cứu về bạo lực đối với phụ nữ luôn là một chủ đề thu hút sự quan tâm của các học giả và những người làm chính sách. Những người làm chính sách và các cơ quan nghiên cứu đã tìm ra cách tiếp cận để xác định và phân loại các hình vi bạo lực. Theo tổ chức Liên Hợp Quốc, bạo lực có thể xảy ra với bất kỳ ai thuộc bất kỳ chủng tộc, tuổi tác, khuynh hướng tình dục, tôn giáo hoặc giới tính nào. Nó có thể xảy ra trong một loạt các mối quan hệ bao gồm các cặp vợ chồng đã kết hôn, sống cùng nhau hoặc đang hẹn hò [11]. BLGD thường được biểu hiện dưới dạng một kiểu hành vi lạm dụng đối với người bạn

đời trong mối quan hệ gia đình, nơi người gây ra bạo lực, chủ yếu là người chồng thường sử dụng quyền lực và kiểm soát nạn nhân. BLGD có nhiều dạng thức gồm bạo lực tinh thần, thể chất, kinh tế hoặc tình dục.

Tại Việt Nam, Điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ năm 2019 đã mô tả một bức tranh toàn diện và cung cấp số liệu cập nhật về vấn đề này. Điều tra cho thấy cứ 03 phụ nữ thì có gần 02 phụ nữ (gần 63%) bị một hoặc hơn một hình thức bạo lực thể xác, tình dục, tinh thần và bạo lực kinh tế cũng như kiểm soát hành vi do chồng gây ra trong cuộc đời và gần 32% phụ nữ bị bạo lực hiện thời (trong 12 tháng qua). Đặc biệt, điều tra cũng cho biết tính đến thời điểm khảo sát có 63% phụ nữ tham gia khảo sát đã bị bạo lực và tỷ lệ phụ nữ DTTS bị bạo lực là khá cao. Phụ nữ dân tộc Nùng bị bạo lực thể xác và tình dục cao hơn các dân tộc khác. Tỷ lệ phụ nữ Nùng bị bạo lực thể xác và tình dục là 42,36% trong khi đó tỷ lệ này ở phụ nữ dân tộc Kinh là hơn 32%. Khoảng 55% phụ nữ Mông bị kiểm soát, không được nói lên suy nghĩ của mình, không được đi đến nơi mình muốn. Trong khi đó, có tới hơn 70% phụ nữ Dao bị bạo hành về mặt kinh tế, không được nắm giữ tài chính [57]. Các số liệu này phản ánh một thực trạng rằng phụ nữ dân tộc thiểu số đang là nhóm đối tượng yếu thế và bị chịu nhiều thiệt thòi, đối mặt với bất bình đẳng giới từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội.

Mặc dù, các số liệu thống kê cho ta thấy một phần bức tranh về thực trạng BLGD, BLGD với phụ nữ nhưng những dữ liệu thống kê này chỉ là một phần rất nhỏ về thực trạng đã được báo cáo. Các vụ việc liên quan đến BLGD, đặc biệt bạo lực đối với phụ nữ DTTS thường rất khó thống kê bởi nếu chỉ dựa trên việc sử dụng dịch vụ trợ giúp hay các vụ việc do cơ quan chức năng thụ lý thì con số đó không phản ánh hết quy mô và mức độ nghiêm trọng của bạo lực. Số liệu này không thể đại diện cho tỷ lệ phổ biến chung. Muốn có số liệu về BLGD chỉ có thể thu thập được thông qua các cuộc khảo sát và điều tra xã hội học. Tuy nhiên, ngay cả khi có các điều tra, khảo sát thì số liệu thực tế của bạo lực chỉ có thể được giả định, vì những phụ nữ bị ảnh hưởng không dễ dàng nói về những trải nghiệm của họ hoặc yêu cầu giúp đỡ. Nguyên nhân chính là do phụ nữ bị bạo lực có thể có cảm giác xấu hổ hoặc tội lỗi, sợ hãi hoặc các quan điểm truyền thống về hôn nhân và gia đình khiến họ khó lên tiếng [20].

Tổ chức Y tế Thế giới cũng cho biết hiện nay dù nhiều quốc gia đã có dữ liệu báo cáo về bạo lực gia đình nhưng thiếu tính cụ thể. Ví dụ, trong dữ liệu báo cáo không đề cập tới giới tính và độ tuổi của nạn nhân, mối quan hệ giữa nạn nhân và thủ phạm và cơ chế diễn ra bạo lực – mà tất cả thông tin này lại đều cần thiết để thiết kế và giám sát các nỗ lực phòng ngừa. Việc thống kê các số liệu về BLGD trong các nghiên cứu và khảo sát hiện nay đang sử dụng các biện pháp và phương pháp khác nhau, điều này khiến việc so sánh tỷ lệ bạo lực do bạo tình gây ra và bạo lực tình dục không do bạo tình gây ra giữa các nghiên cứu trở nên khó khăn [42].

Bên cạnh đó, hầu hết các trường hợp BLVPN, trẻ em và người già đều không được chính quyền hoặc nhà cung cấp dịch vụ chú ý. Điều này khiến cho các cuộc khảo sát dựa trên dân số trở thành nguồn thông tin quan trọng để ghi lại bản chất và mức độ của những vấn đề này. Theo Liên Hợp Quốc, hơn một nửa số quốc gia được khảo sát báo cáo đã thu thập dữ liệu về bạo lực tình dục và bạo lực của bạo tình; tuy nhiên, chưa đến một nửa số quốc gia báo cáo tiến hành các cuộc khảo sát dựa trên dân số về các loại bạo lực khác như ngược đãi trẻ em, bạo lực thanh thiếu niên và ngược đãi người cao tuổi; có đến 60% quốc gia không có dữ liệu đáng tin cậy báo cáo về các vụ giết người từ các nguồn đăng ký dân sự [42].

Số liệu thống kê về BLGD thường khó thu thập vì mức độ nhận thức hiểu biết và quan niệm giá trị văn hóa của cộng đồng. Nghiên cứu “Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam: Thực trạng, diễn tiến và nguyên nhân”, tác giả Nguyễn Hữu Minh và Trần Thị Vân Anh đã nhận diện BLGD và cơ sở pháp lý phòng chống bạo lực gia đình; đo lường mức độ phổ biến của bạo lực gia đình; các yếu tố ảnh hưởng và diễn của bạo lực gia đình. Khi mô tả về thực trạng bạo lực gia đình thì các tác giả dựa trên số liệu được cung cấp từ các cơ quan chính quyền, luật pháp, trung tâm tư vấn và số liệu thu thập được từ các cuộc khảo sát trực tiếp. Các số liệu này cho thấy mức độ phụ nữ bị chồng ngược đãi tương đối phổ biến và nhận định vấn đề này chưa nhận được sự quan tâm đúng mức vì quan niệm chỉ có hành vi đánh đập vợ mới là hành vi bạo lực [31].

Tác phẩm Sự thống trị của nam giới xuất bản năm 1998 của Bourdieu nhà xã hội học, nhà nhân học và triết học nổi tiếng người Pháp đã cho độc giả thấy những cấu trúc tượng trưng của vô thức lấy nam giới làm trung tâm, hiện vẫn tồn tại ở nam giới và nữ giới ngày nay. Những giá trị và quan niệm văn hóa đó khiến cho bạo lực trở nên vô hình bởi theo Bourdieu những người gây ra bạo lực và nạn nhân của bạo lực cũng không nhận biết được rằng đó là hành vi bạo lực [35]. Như vậy, rõ ràng bất chấp bạo lực có ảnh hưởng tiêu cực đến phụ nữ, trẻ em và người già, hiện vẫn còn những khoảng trống quan trọng trong dữ liệu, do đó làm suy yếu các nỗ lực phòng ngừa bạo lực.

1.2.2. Nguyên nhân, hậu quả của bạo lực gia đình qua các nghiên cứu

Nhiều báo cáo và nghiên cứu đã ghi nhận rằng bạo lực của chồng gây ra là nguyên nhân chính gây ra các vấn đề về sức khỏe tâm thần của phụ nữ (đặc biệt là trầm cảm và ý định tự tử). Tác động về sức khỏe và xã hội của bạo lực có thể kéo dài trong nhiều năm. Bạo lực của chồng đối với phụ nữ cũng ảnh hưởng đến con cái của họ, bắt đầu từ việc nhẹ cân khi sinh ra cũng như các vấn đề về sức khỏe và phát triển của trẻ em [29]. Hơn nữa, trẻ em đã từng chứng kiến bạo lực đối với mẹ của mình có nhiều nguy cơ cao là trở thành nạn nhân hoặc kẻ gây ra bạo lực đối với bạn đời khi trưởng thành, từ đó góp phần duy trì vòng luẩn quẩn của bạo lực đối với phụ nữ. Nghiên cứu của Tổ chức Y tế thế giới cho thấy: “trải nghiệm bạo lực tình dục có liên quan chặt chẽ đến nguy cơ tự tử và cố gắng tự tử, rối loạn căng thẳng sau chấn thương, trầm cảm và nhiều vấn đề sức khỏe khác” [47, tr.36].

Nghiên cứu về gánh nặng sức khỏe liên quan đến bạo lực đối với phụ nữ được Tổ chức Y tế thế giới công bố năm 2013 cho biết những phụ nữ bị bạo hành về thể chất hoặc tình dục có khả năng mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục hoặc HIV cao gấp 1,5 lần so với những phụ nữ chưa từng bị bạo lực từ người chồng. Họ cũng có khả năng phá thai cao gấp đôi. Bạo lực từ chồng trong thời kỳ mang thai cũng làm cho phụ nữ mang thai đối mặt với nguy cơ cao bị sảy thai, thai chết lưu, sinh non và trẻ nhẹ cân. Một nghiên cứu vào năm 2013 tiết lộ rằng những phụ nữ từng bị bạo lực từ bạn tình có khả năng bị sảy thai cao hơn 16% và khả năng sinh non cao hơn 41% [20].

Những hình thức bạo lực này có thể dẫn đến trầm cảm, căng thẳng sau chấn thương và các rối loạn lo âu, khó ngủ, rối loạn ăn uống và các nỗ lực tự tử. Phân tích năm 2013 cho thấy những phụ nữ từng bị bạo lực từ bạn tình có khả năng bị trầm cảm và nghiện rượu cao gấp gần hai lần [20].

Nghiên cứu về tác động của bạo lực đến sức khỏe do Liên Hợp Quốc tiến hành cũng đã chỉ ra rằng nạn nhân của bạo lực còn có những dấu hiệu suy giảm về sức khỏe như đau đầu, hội chứng đau (đau lưng, đau bụng, đau vùng chậu mãn tính), rối loạn tiêu hóa, hạn chế khả năng vận động và sức khỏe tổng thể kém. Bạo lực tình dục, đặc biệt khi xảy ra trong giai đoạn thơ ấu, có thể dẫn đến sự gia tăng hành vi hút thuốc, lạm dụng các chất gây nghiện, cũng như tham gia vào các hoạt động tình dục có nguy cơ cao. Đồng thời, hậu quả lâu dài của loại hình bạo lực này còn thể hiện qua việc gia tăng xu hướng thực hiện hành vi bạo lực ở nam giới, và khả năng trở thành nạn nhân của bạo lực ở nữ giới." [20].

Bên cạnh những tác động đến nạn nhân của bạo lực thì BLGD được báo cáo là có tác động xấu đến trẻ em. Tổ chức Y tế thế giới cho rằng trẻ em lớn lên trong gia đình có bạo lực có thể phải chịu đựng một loạt các rối loạn về hành vi và cảm xúc [8]. Những điều này cũng có thể liên quan đến việc thực hành hoặc trải qua bạo lực sau này trong cuộc sống. Hành vi bạo lực trong mối quan hệ tình cảm vợ chồng cũng có liên quan đến tỷ lệ tử vong và mắc bệnh cao hơn ở trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ - chẳng hạn như qua các bệnh như tiêu chảy, suy dinh dưỡng hoặc do tỷ lệ tiêm chủng thấp.

Các nghiên cứu về bạo lực gia đình ở Việt Nam đều nhận định bạo lực gia đình có ảnh hưởng đến nhiều thành viên, bộc lộ ở nhiều khía cạnh và mức độ khác nhau như đe dọa sự an toàn của các thành viên gia đình; rạn nứt quan hệ, tan vỡ gia đình; ảnh hưởng tới sự phát triển nhân cách của trẻ; tác động tiêu cực tới sự ổn định của cộng đồng. Ngoài những tác động về sức khỏe các nghiên cứu về bạo lực gia đình cho thấy chi phí xã hội và thiệt hại kinh tế trực tiếp, gián tiếp do bạo lực gây ra là rất lớn [6, tr.6]. Phụ nữ là nạn nhân của bạo lực có thể bị cô lập, không có khả năng làm việc, mất tiền lương, không được tham gia vào các hoạt động thường xuyên và khả năng chăm sóc bản thân và con cái của họ bị hạn chế.

Về nguyên nhân, các nghiên cứu thường lý giải các yếu tố làm gia tăng bạo lực dưới góc độ liên quan đến hành động của cá nhân, điều kiện kinh tế xã hội của gia đình hay các yếu tố liên quan đến trải nghiệm, đời sống cá nhân và một số nghiên cứu đề cập đến các yếu tố văn hóa của cộng đồng. Nghiên cứu về bạo lực gia đình ở Việt Nam cho thấy mức độ phổ biến của BLGD xuất phát từ các vấn đề như bất đồng và giận nhau (bất đồng trong phân công lao động; lựa chọn nghề nghiệp hay sản xuất; chi tiêu; nuôi con; đối xử với gia đình hai bên; đối xử với bạn bè, khách khứa; thói quen của nhau). Nghiên cứu về “Bạo lực gia đình ở Việt Nam - Thực trạng và các yếu tố tác động” của Đặng Thị Hoa và cộng sự chỉ ra rằng các yếu tố như tư tưởng gia trưởng, đề cao vị trí người cha, người chồng, người con trai trong gia đình; quan hệ bất bình đẳng và thái độ chấp nhận bạo lực cả trong gia đình và ngoài xã hội là các yếu tố giúp củng cố làm gia tăng bạo lực.

Khi tìm hiểu nguyên nhân và các yếu tố liên quan đến BLGD, một số nghiên cứu chỉ ra rằng nguyên nhân chủ yếu khiến phụ nữ trở thành nạn nhân của bạo lực là do cá nhân người phụ nữ, gia đình và môi quan hệ xung quanh người phụ nữ trong gia đình. Nghiên cứu quốc gia về BLGD với phụ nữ ở Việt Nam năm 2010 cho thấy BLGD đối với phụ nữ là phổ biến nhưng chỉ có một nửa số phụ nữ bị chồng gây bạo lực từng chia sẻ với người quen trong cộng đồng nơi sinh sống, và họ rất ít tự tìm kiếm sự hỗ trợ từ một cơ quan hay người có thẩm quyền [6]. Nghiên cứu tương tự được thực hiện năm 2020, cho rằng bạo lực hoặc nguy cơ bạo lực thường diễn ra ở nhóm phụ nữ có trình độ học vấn thấp, người chồng của họ học vấn thấp, ngoại tình, đã từng đối mặt với bạo lực liên thế hệ [6, tr.133]. Một nghiên cứu liên quan đến bạo lực gia đình ở vùng DTTS đã xác nhận rằng các yếu tố cản trở hành vi ngăn ngừa BLGD vẫn là do nạn nhân trở nên cam chịu, hổ thẹn, ...sống chung với bạo lực, họ vẫn nghĩ bạo lực là câu chuyện riêng của gia đình [6]. Điều này đã phản ánh một thực tế là các cuộc điều tra cấp quốc gia về bạo lực với phụ nữ phần lớn đều tiếp cận nguyên nhân của bạo lực do các yếu tố cá nhân; cũng có đề cập đến vai trò của cộng đồng, đặc biệt là quan niệm của cộng đồng, quan niệm của thành viên gia đình trong phòng ngừa bạo lực gia

đình, tuy nhiên chưa có phân tích một cách hệ thống. Do đó vẫn cần có các nghiên cứu mô tả chi tiết và đầy đủ hơn về ảnh hưởng của yếu tố cộng đồng, xã hội đến thực trạng bạo lực gia đình với phụ nữ.

Nghiên cứu của Tổ chức Y tế Thế giới cho thấy hoàn cảnh kinh tế của gia đình hay của cộng đồng là một yếu tố ảnh hưởng tới bạo lực. Số liệu từ nghiên cứu về BLGD ở các quốc gia thành viên Liên Hợp quốc chỉ ra rằng “phụ nữ ở các quốc gia có thu nhập cao ít có khả năng duy trì mối quan hệ bạo lực hơn, do có nhiều quyền tiếp cận hơn với các nguồn lực kinh tế, dịch vụ xã hội và luật ly hôn và gia đình hỗ trợ - tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thoát khỏi mối quan hệ bạo lực của phụ nữ.” [42, tr.36].

Báo cáo Ước tính toàn cầu và khu vực về nạn bạo lực đối với phụ nữ cho rằng bạo lực thể xác và/hoặc tình dục do bạn tình gây ra trong 12 tháng qua cao hơn đáng kể so với dữ liệu cho cùng một chỉ số được trình bày trong cơ sở dữ liệu về Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên Hợp quốc, là 18% [47]. Nghiên cứu này cho biết bạo lực do chồng và bạn tình gây ra là kết quả của các yếu tố xảy ra ở cấp độ cá nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội rộng lớn hơn, tương tác với nhau để tăng hoặc giảm rủi ro hay các biện pháp bảo vệ. Các yếu tố tác động làm gia tăng tình trạng bạo lực do người chồng gây ra gồm: trình độ học vấn thấp; tiền sử tiếp xúc với việc ngược đãi trẻ em; chứng kiến bạo lực gia đình; rối loạn nhân cách; sử dụng rượu; hành vi nam tính có hại, bao gồm có nhiều bạn tình hoặc thái độ dung túng cho bạo lực các chuẩn mực cộng đồng ưu tiên hoặc gán cho nam giới địa vị cao hơn và phụ nữ địa vị thấp hơn; mức độ tiếp cận việc làm được trả lương của phụ nữ thấp; và mức độ bình đẳng giới thấp (luật có yếu tố phân biệt đối xử, v.v.) [47].

Các yếu tố liên quan đến bạo lực gồm: tiền sử tiếp xúc với bạo lực; bất hòa và bất mãn trong hôn nhân; khó khăn trong giao tiếp; và hành vi kiểm soát của nam giới đối với vợ... Các yếu tố liên quan đến bạo lực tình dục gồm: niềm tin vào danh dự gia đình và sự trong sạch trong các mối quan hệ tình cảm và tình dục; hệ tư tưởng về quyền lợi tình dục của nam giới; và chế tài pháp lý yếu kém đối với bạo lực tình dục. Có thể thấy rằng bất bình đẳng giới và các chuẩn mực về khả năng chấp nhận bạo lực

đối với phụ nữ cũng thường được coi là nguyên nhân gốc rễ của bạo lực đối với phụ nữ. Môi trường nảy sinh và duy trì bạo lực gia đình gồm: định kiến giới; tình trạng nghèo khổ; thói quen xấu và ứng xử trong gia đình.

1.3 VỀ VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH QUA CÁC NGHIÊN CỨU

13.1. Vai trò xã hội hoá cá nhân của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình

Bạo lực đối với phụ nữ và vai trò xã hội hóa cá nhân của cộng đồng có mối liên quan mật thiết, bởi xã hội hóa là quá trình hình thành và củng cố các giá trị, chuẩn mực và hành vi trong xã hội, trong đó cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong việc định hình cách nhìn nhận và đối xử với phụ nữ. Do đó, vấn đề bạo lực đối với phụ nữ, bao gồm cả bạo lực gia đình đối với phụ nữ là sự vi phạm nhân quyền và từ lâu là chủ đề thu hút sự quan tâm của nhiều học giả trên thế giới. Khi nghiên cứu về chủ đề này học giả Abramsky và cộng sự; Flood và Pease; Heise và cộng sự có xu hướng giải thích nguyên nhân của bạo lực từ các cấp độ cá nhân, quan hệ, cộng đồng và xã hội [22]. Abramsky và cộng sự có cùng quan điểm với Heise và cộng sự, khi cho rằng kinh nghiệm bị lạm dụng thời thơ ấu hoặc chứng kiến cảnh bạo lực trong hôn nhân khi còn nhỏ cùng với việc thường xuyên sử dụng rượu là những yếu tố dự báo tiềm ẩn chính về hành vi bạo lực đối với phụ nữ ở cấp độ cá nhân [22]. Ở cấp độ gia đình, Hotaling và Sugarman, lý giải rằng các yếu tố như quyền kiểm soát của nam giới đối với tài sản gia đình và việc ra quyết định, cũng như quyền lực giáo dục và kinh tế tương đối hay các vai trò giới là một yếu tố ảnh hưởng chi phối bạo lực [20]. Ở cấp độ cộng đồng, các nghiên cứu của Alesina và cộng sự, Connell và Messerschmidt, và Heise, đã phát hiện ra rằng bạo lực đối với phụ nữ thường xuyên xảy ra hơn ở những xã hội mà vai trò giới tính đặc biệt cứng nhắc và ý tưởng về nam tính gắn liền chặt chẽ với sự thống trị và danh dự của nam giới [22]. Banyard và cộng sự, đưa ra bằng chứng cho thấy nhận thức của nam giới về các chuẩn mực xã hội xung quanh bạo lực có liên quan đến hành vi bạo lực của chính họ và khả năng can thiệp vào các trường hợp bạo lực của họ [22].

Như vậy các nghiên cứu về bạo lực giới cho thấy các chuẩn mực văn hóa là một trong những yếu tố có ảnh hưởng đến tình trạng bạo lực. Để củng cố quan điểm này Vera Lomazzi đã thực hiện một nghiên cứu về nguồn gốc văn hóa của bạo lực đối với phụ nữ và lý giải sự ảnh hưởng của các chuẩn mực giới đối với bạo lực. Các chuẩn mực giới của cá nhân có ảnh hưởng đến thái độ đối với vai trò giới và quan điểm đạo đức biện minh cho hành vi bạo lực khi không tuân thủ vai trò giới đã được chỉ ra trong nghiên cứu này. Các thể chế cũng có thể truyền tải các giá trị văn hóa giới cụ thể và có sức mạnh chuyển đổi các hành vi liên quan đến bạo lực [52].

Theo cách tiếp cận này, nhiều chương trình phòng ngừa bạo lực gia đình hướng đến việc thực hiện các biện pháp chuyển đổi giá trị văn hóa trong cộng đồng. Các can thiệp phòng chống BLGD thường tập trung vào cộng đồng nhằm mục đích phá vỡ các chuẩn mực xã hội về giới dung túng cho bạo lực gia đình và ủng hộ sự thống trị của nam giới. Các chuẩn mực xã hội đề cập đến niềm tin chung về những gì người khác tin hoặc làm, và các nhà nghiên cứu đã dựa trên khái niệm này để xem xét niềm tin chung về vai trò giới và mức độ phổ biến của bạo lực có ảnh hưởng như thế nào đến hành vi của một cá nhân [52]. Từ một góc độ khác, khi xem xét việc huy động cộng đồng tiếp cận các chuẩn mực xã hội thì các nhà tâm lý học xã hội lập luận rằng việc giảm bạo lực xảy ra qua các bối cảnh mang tính biểu tượng đầy thách thức trong đó bạo lực được chấp nhận và coi như là chuyện bình thường [42]. Nghiên cứu của Mannell và Dadswell, đã mở rộng nội dung này để chỉ ra các chiều cạnh về thể chế của môi trường xã hội, có thể huy động cộng đồng hoặc làm suy yếu các nỗ lực của tập thể đang cố gắng ngăn ngừa bạo lực gia đình [36].

Các thành viên của cộng đồng là người biết rõ hơn ai hết các giá trị văn hóa, truyền thống và các tập quán có khả năng làm gia tăng hay hạn chế bạo lực cũng như những giá trị có thể được sử dụng một cách phù hợp để can thiệp và ngăn chặn bạo lực. Theo đó, những năm qua đã có nhiều mô hình can thiệp riêng biệt dựa vào cộng đồng nhằm ngăn ngừa bạo lực gia đình. Những can thiệp này thường tập trung vào nâng cao nhận thức về bạo lực; phát huy vai trò của các tổ chức chính

quyền, các nhà lãnh đạo tôn giáo, cảnh sát, trong cung cấp các dịch vụ y tế, xã hội và tư pháp thiết yếu nhằm phòng ngừa bạo lực (Stern, E.,2021). Các biện pháp này được triển khai ở nhiều quốc gia có thu nhập thấp và trung bình để tác động làm thay đổi các chuẩn mực xã hội mà đang chấp nhận hoặc dung túng cho các hành vi bạo lực đối với phụ nữ. Nhiều mô hình can thiệp đã đạt được một số kết quả khả quan. Ví dụ, biện pháp can thiệp SASA do tổ chức phi lợi nhuận Raising Voices của Uganda thiết kế, là một phương pháp huy động cộng đồng để ngăn ngừa bạo lực đối với phụ nữ. Mô hình được xây dựng với sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành nhằm khuyến khích các cộng đồng trên thế giới sử dụng sức mạnh của mình để tạo ra các cộng đồng an toàn, không bạo lực với phụ nữ. Các biện pháp can thiệp dựa vào cộng đồng theo SASA thường tập trung vào việc thay đổi các chuẩn mực xã hội có hại và giải quyết sự mất cân bằng quyền lực giữa phụ nữ và nam giới, những yếu tố làm gia tăng bạo lực. Mô hình này khuyến khích và trợ giúp các thành viên của cộng đồng tích cực tham gia và thảo luận để giải quyết các vấn đề bất bình đẳng giới và bạo lực. Các thành viên bao gồm "các nhà hoạt động cộng đồng" (một nhóm các thành viên là người dân trong cộng đồng được hỗ trợ và đào tạo liên tục để thực hiện can thiệp); các chuyên gia bao gồm nhân viên y tế và cảnh sát; và các nhà lãnh đạo văn hóa và chính quyền địa phương. Các nhà hoạt động cộng đồng làm việc trên cơ sở tự nguyện để hỗ trợ đào tạo và tiến hành nhiều hoạt động khác nhau nhằm thu hút phụ nữ và nam giới, các nhóm và tổ chức trong cộng đồng tham gia thảo luận và thực hiện các biện pháp phòng ngừa bạo lực. Sau khi được triển khai ở nhiều quốc gia mô hình này đã cho thấy đã có những thay đổi tích cực về chuẩn mực giới góp phần phòng ngừa bạo lực gia đình qua đào tạo các nhà hoạt động cộng đồng để lãnh đạo và tạo điều kiện tổ chức các cuộc trao đổi, thảo luận tại cộng đồng về quan hệ giữa quyền lực, HIV/AIDS và bạo lực đối với phụ nữ [38].

Hoặc một sáng kiến khác có tên gọi là “Stepping Stones”, là một biện pháp can thiệp dựa vào cộng đồng có sự tham gia, được thực hiện tại Uganda từ năm 1995 đến nay với rất nhiều nội dung trong đó có phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới, thúc đẩy quan hệ giới và phụ nữ. Chương trình này đã chứng minh những

thay đổi trong các hành vi liên quan đến phòng chống bạo lực đối với phụ nữ. Chỉ trong một thời gian ngắn triển khai, mô hình đã thúc đẩy được tỷ lệ người dân trình báo về bạo lực từ bạn tình. Với những nguyên nhân và yếu tố rủi ro phức tạp và ăn sâu bám rễ khiến bạo lực tiếp diễn, sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động nhóm như vậy được cho là giúp thúc đẩy tư duy phản biện đối với bất bình đẳng tiềm ẩn giữa nam giới và phụ nữ, do đó đã khuyến khích các thành viên cộng đồng thay đổi các chuẩn mực giới và ngăn ngừa bạo lực với phụ nữ [33].

Hattie Lowe và cộng sự cho rằng ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy các can thiệp dựa vào cộng đồng ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình có thể làm thay đổi các chuẩn mực xã hội có hại vốn đang thúc đẩy hoặc duy trì bất bình đẳng giới và thúc đẩy bạo lực đối với phụ nữ [22].

Bên cạnh đó dữ liệu nghiên cứu từ Ấn Độ, Peru và Rwanda tiết lộ rằng các cộng đồng có bản sắc mạnh mẽ thường có những quy định để coi bạo lực gia đình là một vấn đề cần ngăn chặn vì lợi ích của cộng đồng, với những cộng đồng như vậy bạo lực có thể được phòng ngừa tốt hơn [12]. Ở Rwanda, các chính sách công đã chi phối các hoạt động của cộng đồng và coi các cuộc họp chính thức và thường xuyên của cộng đồng là bắt buộc đối với tất cả các thành viên. Những cuộc họp này đã thúc đẩy tinh thần trách nhiệm chung với các vấn đề cộng đồng. Các thành viên nhận ra tác động tiêu cực của bạo lực với phụ nữ, vì vậy đã cung cấp một cơ chế để cùng có nhận thức chung đối với các vấn đề có liên quan và khuyến khích các thành viên hành động chống lại bạo lực. Trong một nghiên cứu tại Peru, nơi trẻ em được coi là trung tâm của cộng đồng, nhu cầu ngăn chặn bạo lực để bảo vệ trẻ em và các thế hệ tương lai đóng vai trò như một cơ chế hành động của cộng đồng. Ngược lại tại Ấn Độ, các chuẩn mực văn hóa theo hướng gia trưởng đã hạn chế các hoạt động phòng ngừa bạo lực và quan điểm văn hóa có thể khiến phụ nữ Ấn Độ không thể lên tiếng về bạo lực [12].

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về phòng ngừa bạo lực với phụ nữ của UN Women cho thấy “mô hình cung cấp dịch vụ, chiến dịch truyền thông, hoạt động nâng cao năng lực... của các tổ chức xã hội đã gây ảnh hưởng tích cực tới các nhà lập pháp và các bộ ngành, cơ quan có liên quan khiến cho Chính phủ có định

hướng tốt hơn trong các chương trình quốc gia [55 ,tr.8].

Như vậy, các nghiên cứu cho thấy rằng để phòng ngừa BLVPN cần có các giải pháp để chuyển đổi các giá trị văn hóa. Trong khi các giá trị văn hóa thường được lưu giữ và bảo tồn, chuyển giao trong các cộng đồng qua các thiết chế như giáo dục, gia đình. Vì vậy, cần phải có các nghiên cứu sâu hơn về các cơ chế mà các cộng đồng duy trì hay chuyển đổi các giá trị văn hóa có ảnh hưởng đến BLVPN.

1.3.2. Vai trò kiểm soát xã hội của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực với phụ nữ

Bạo lực với phụ nữ có thể được ngăn chặn thông qua các biện pháp kiểm soát hành vi. Nghiên cứu của Heise đã chỉ ra rằng các cộng đồng có hệ thống giám sát tốt giúp giảm tỷ lệ BLGD. Đến nay, các nghiên cứu về vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực đã chỉ ra một số cách thức, cơ chế mà cộng đồng có thể tác động đến bạo lực với phụ nữ. Một số nghiên cứu tập trung vào vai trò của cộng đồng trong cung cấp các biện pháp can thiệp thay đổi hành vi cá nhân hướng đến phòng ngừa bạo lực, chẳng hạn như các chương trình phục hồi chức năng cho thủ phạm [42]. Các biện pháp can thiệp nhằm vào kẻ gây ra bạo lực thường sử dụng các phương pháp trị liệu hành vi nhận thức, vốn dựa vào việc nam giới thay đổi hành vi của chính họ thay vì thay đổi các cấu trúc xã hội và lý tưởng rộng lớn hơn về nam tính mà nam giới đang hiện có [30]. Tương tự như vậy, các sáng kiến tự vệ hoặc trao quyền cho phụ nữ được khuyến khích triển khai. Tuy nhiên các cách tiếp cận này bị chỉ trích vì đổ lỗi cho nạn nhân, không giải quyết các chuẩn mực giới duy trì bạo lực và không giải quyết được nhu cầu xây dựng tác nhân tập thể [30].

Một số nghiên cứu cho thấy cộng đồng có thể kiểm soát hành vi bạo lực thông qua một loạt các hoạt động như: gây ồn ào khi bạo lực xảy ra, thành lập các nhóm giám sát khu phố, hỗ trợ tinh thần theo nhóm người qua việc lắng nghe các trải nghiệm của phụ nữ bị bạo lực [22] và áp đặt những hạn chế cần thiết đối với việc sử dụng rượu. Nhiều nghiên cứu cũng cho thấy phụ nữ bị ngược đãi thường tìm đến những người gần gũi nhất với họ gồm gia đình mở rộng, bạn bè và hàng

xóm trước khi họ tìm đến một tổ chức hoặc nhà cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp. Tương đối ít người tiếp cận được các dịch vụ trú ẩn. Họ thường chỉ tìm đến các tổ chức chính phủ, cảnh sát, tòa án và các cơ quan bảo vệ trẻ em như một giải pháp, lựa chọn cuối cùng. Các gia đình trải qua bạo lực thường không được kết nối với các nhà cung cấp dịch vụ truyền thống và bị cô lập khỏi các dịch vụ được cung cấp bên ngoài khu vực lân cận xung quanh gia đình [22].

Như vậy, những nghiên cứu nêu trên đã chỉ ra rằng các cộng đồng có khả năng triển khai các biện pháp nhằm kiểm soát hành vi bạo lực đối với phụ nữ, qua đó góp phần giảm thiểu và ngăn ngừa các hình thức bạo lực này. Tuy nhiên, vai trò của cộng đồng trong việc kiểm soát hành vi bạo lực có sự thay đổi rõ rệt, phụ thuộc vào các yếu tố bối cảnh xã hội, văn hóa và kinh tế cụ thể, và sự thay đổi này sẽ tác động trực tiếp đến hiệu quả của các biện pháp can thiệp. Do đó, cần có các nghiên cứu sâu hơn để làm rõ cơ chế và phương thức mà các cộng đồng có thể áp dụng nhằm can thiệp và giảm thiểu bạo lực thông qua kiểm soát hành vi.

1.3.3. Vai trò của cộng đồng trong cung cấp dịch vụ hỗ trợ nạn nhân của bạo lực

Để làm giảm tác hại tiêu cực do bạo lực gây ra đồng thời ngăn chặn bạo lực tái diễn, việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân được coi là giải pháp quan trọng. Các nghiên cứu của Martin và Mohr về những phụ nữ bị ngược đãi tại một nơi trú ẩn của Úc đã chỉ ra rằng sự hỗ trợ xã hội trong cuộc sống làm giảm đáng kể chứng rối loạn căng thẳng sau chấn thương, trầm cảm và lo âu đối với phụ nữ [29]. Trong khi tình trạng ngược đãi liên tục và việc thiếu sự hỗ trợ xã hội góp phần gây ra đau khổ về mặt tâm lý. Cùng quan điểm với nghiên cứu này, nghiên cứu của Sullivan và các đồng nghiệp phát hiện rằng sự hỗ trợ xã hội giúp làm giảm tình trạng phụ nữ bị ngược đãi và nâng cao chất lượng cuộc sống của họ [30]. Nghiên cứu của Panaghi và cộng sự, đưa ra kết luận rằng những phụ nữ bị ngược đãi nhận được sự hỗ trợ về mặt tình cảm hay các hỗ trợ khác ít bị tổn thương hơn trước những tác động gây tổn hại về mặt tâm lý đồng thời họ cũng được đảm bảo an toàn hơn về mặt thể chất. Sự hỗ trợ xã hội giúp làm tăng khả năng ứng phó với bạo lực của phụ nữ [32]. Nghiên cứu của House đã báo cáo rằng

sự hỗ trợ xã hội có tác dụng làm giảm bạo lực theo cả hai cách là: trực tiếp thúc đẩy quá trình phục hồi sau những trải nghiệm căng thẳng, khủng hoảng và bảo vệ phụ nữ giúp họ chống lại những tác động của những tác nhân gây căng thẳng trong cuộc sống [24]. Một nghiên cứu do Mahapatro và Singh thực hiện đã tiết lộ rằng chính những phụ nữ khi được gia đình cha mẹ hỗ trợ đã chuyển sang tham gia vào quá trình ứng phó tích cực. Các nghiên cứu về bạo lực với phụ nữ cho biết một tổ chức chỉ có thể cung cấp sự giải thoát tạm thời khỏi nỗi sợ hãi và lo lắng, nhưng sự hỗ trợ từ gia đình cha mẹ là vĩnh viễn [22]. Ở Ấn Độ, khái niệm về một người phụ nữ tìm kiếm sự hỗ trợ chính thức và sự giúp đỡ của tổ chức không được cộng đồng hoan nghênh [26]. Do đó, các chương trình của tổ chức do chính phủ thiết kế và triển khai thường không được sử dụng một cách tối ưu. Chỉ có gia đình ruột thịt mới mở rộng sự hỗ trợ cho những người phụ nữ bị lạm dụng.

Bên cạnh đó nghiên cứu của Garcia-Moreno cho thấy: những cộng đồng có dịch vụ hỗ trợ nạn nhân như nhà tạm lánh, tư vấn tâm lý và hỗ trợ pháp lý đã góp phần giảm thiểu bạo lực gia đình [26]. Cùng quan điểm này, nghiên cứu của UN Women chỉ ra rằng việc tăng cường các hoạt động hỗ trợ tại cộng đồng, ví dụ như đường dây nóng báo cáo bạo lực, có tác dụng giảm tỷ lệ tái diễn bạo lực gia đình [52]. Trong điều kiện căng thẳng không đáng có, hỗ trợ xã hội là chìa khóa để giảm bớt sự đau khổ của nạn nhân. Ferrari và cộng sự đã xác định những tác động có lợi của hỗ trợ xã hội đối với sức khỏe tâm thần của phụ nữ. Có sự hỗ trợ mạnh mẽ hơn từ gia đình sẽ giúp tăng cường sức mạnh để đối phó với sự đau khổ về mặt tâm lý cũng như với sự lạm dụng. Một người phụ nữ sống với người chồng vũ phu và gia đình của anh ta có khả năng gây ra sự đau khổ về mặt tâm lý cao gấp đôi so với một người phụ nữ có sự hỗ trợ của cha mẹ mình [52]. Hỗ trợ xã hội đầy đủ cũng làm giảm nguy cơ bạo lực và những tác động tiêu cực của nó nếu có [52]. Nghiên cứu của Ferrari và cộng sự cũng cho rằng người nào tiếp cận được tới các hỗ trợ về thông tin, cảm xúc, tâm lý, tài chính và/hoặc công cụ thì đều có mối liên kết tới kết quả sức khỏe sẽ mang tính tích cực. Sự hỗ trợ về mặt tình cảm của bạn bè và gia đình ngăn ngừa sự suy giảm sức khỏe tâm thần [52].

Tại Việt Nam, nghiên cứu của UN Women cũng biết có nhiều dịch vụ trợ

giúp nạn nhân của bạo lực gia đình đã được triển khai. Các dịch vụ này thường mở rộng hơn cả các dịch vụ y tế và các dịch vụ chăm sóc đơn thuần khác, ví dụ như các số điện thoại đường dây nóng của cảnh sát, công ty vận tải được in lưu trên các xe buýt. Tuy nhiên, các vụ việc bạo lực giới đã không được ghi nhận và báo cáo đầy đủ do một bộ phận cán bộ cung cấp dịch vụ còn thiếu nhận thức, thiếu năng lực, chưa chủ động tiếp cận nạn nhân bị bạo lực giới và các cán bộ này lo ngại ảnh hưởng đến thành tích thi đua. Những số điện thoại của đường dây nóng được phản ánh là chưa hiệu quả trong việc đáp ứng khiếu nại về bạo lực tình dục khi sự việc xảy ra. Các dịch vụ dành cho nạn nhân bạo lực giới còn hạn chế, các nạn nhân chưa thực sự tiếp cận với công lý đúng như mong đợi và đúng như những gì đã được quy định” [55, tr.12-13]. Theo đó, các dịch vụ này chưa phát huy vai trò của mình trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ.

Như vậy, các nghiên cứu về phòng ngừa BLGD cho thấy các dịch vụ phù hợp và cách phản ứng, ứng phó kịp thời của các tổ chức là những thành tố quan trọng trong nỗ lực phòng ngừa BLGD. Tuy nhiên câu hỏi cần nghiên cứu là: làm thế nào để triển khai các dịch vụ trợ giúp một cách hiệu quả? Một số nghiên cứu cho thấy các biện pháp can thiệp mà chính quyền triển khai thường ít đem lại hiệu quả do không huy động sự tham gia thực chất của cộng đồng. Những người bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi bạo lực là các gia đình và cộng đồng sống chung với bạo lực phần lớn không được nhắc đến trong các cuộc thảo luận về các giải pháp. Tuy nhiên, họ lại là những người hiểu rất rõ bạo lực ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày, môi trường, các mối quan hệ và khả năng tự do di chuyển của họ trong khu phố và giữa những người bạn đồng trang lứa như thế nào. Nghiên cứu của UN Women còn cho thấy để phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới được thực hiện thì cần có tiếng nói mạnh mẽ của công chúng và cả những hành động từ phía chính phủ [53, tr.8]. Nghiên cứu này cũng cho rằng công tác triển khai dịch vụ hỗ trợ nạn nhân có thể không hiệu quả còn “do thiếu kinh phí cho các dịch vụ chăm sóc y tế; nơi tạm lánh nên nhiều phụ nữ bị quấy rối/bạo lực tình dục không thể tiếp cận với dịch vụ bảo hiểm y tế.” [55, tr.14].

Mặc dù nhiều quốc gia đã triển khai các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực

nhưng chưa có nhiều nghiên cứu báo cáo về tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ này. Chưa đến một nửa số quốc gia trên thế giới có báo cáo về tính khả dụng của các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần nhằm đáp ứng nhu cầu của nạn nhân. Tại khu vực Châu Mỹ và khu vực Châu Âu chỉ có khoảng hai phần ba các quốc gia có báo cáo về các dịch vụ này và chỉ có 15% các quốc gia ở khu vực Châu Phi có báo cáo tương tự. Trên toàn cầu, dịch vụ bảo vệ trẻ em là dịch vụ được báo cáo rộng rãi nhất trong số tất cả các dịch vụ (69% trong số tất cả các quốc gia), tiếp theo là dịch vụ y tế-pháp lý cho nạn nhân bị bạo lực tình dục [53]. Tuy nhiên, thực tế chất lượng dịch vụ và khả năng tiếp cận dịch vụ của nạn nhân là không được xác định nhưng mức độ khả dụng tương đối cao được hầu hết các báo cáo nêu ra lại có thể che giấu tình trạng chất lượng thấp của các dịch vụ này. Trong số tất cả dịch vụ được đưa vào khảo sát, dịch vụ bảo vệ người lớn được báo cáo ít nhất, cụ thể chỉ một phần ba các quốc gia được khảo sát cho biết có các dịch vụ bảo vệ người lớn để điều tra các trường hợp tiềm ẩn về lạm dụng người cao tuổi và hỗ trợ người lớn tuổi dễ bị tổn thương [53]. Điều này cho thấy việc cung cấp dịch vụ bảo vệ phụ nữ bị bạo lực gia đình dường như khó được phản ánh trong quá trình báo cáo.

Bên cạnh đó, bằng chứng về tính hiệu quả của việc huy động cộng đồng trong cung cấp dịch vụ hỗ trợ để làm giảm thiểu tình trạng bạo lực với phụ nữ còn chưa rõ ràng và sự hiểu biết về tác động của bối cảnh đối với quá trình triển khai thực hiện còn hạn chế. Một số thử nghiệm có đối chứng ngẫu nhiên đã chỉ ra rằng việc huy động cộng đồng có hiệu quả trong việc giảm bạo lực với phụ nữ; tuy nhiên, các đánh giá khác lại không tìm thấy tác động nào [33]. Theo đó, để có thể hiểu được tầm quan trọng của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực cần có các nghiên cứu sâu hơn để giúp chúng ta hiểu về các yếu tố về bối cảnh có tác động đến việc phát huy vai trò của cộng đồng. Bởi nếu không có sự hiểu biết sâu sắc về tác động của bối cảnh xã hội đối với các can thiệp của cộng đồng, thì các can thiệp chính sách dựa vào cộng đồng sẽ không mang lại kết quả. Do đó, cần có thêm phân tích, ghi chép về các quá trình thay đổi và các yếu tố xã hội, bối cảnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động cộng đồng hiệu quả và bền vững đối với phòng ngừa bạo lực với phụ nữ trong các bối cảnh khác nhau để hỗ trợ đầy đủ cho các cộng

đồng và chương trình [54, tr.9].

1.4. GIÁ TRỊ CỦA CÁC NGHIÊN CỨU ĐI TRƯỚC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN HƯỚNG ĐẾN LÀM RÕ

Các nghiên cứu đi trước đã chỉ ra những vấn đề lý luận khá vững chắc để xác định, phân loại và nhận diện các loại hình bạo lực đối với phụ nữ cũng như đặc trưng và cách thức xác định cộng đồng. Các phát hiện từ các nghiên cứu về vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực cho thấy thành công hay thất bại của một biện pháp can thiệp phụ thuộc vào cách nó tương tác với các chiều cạnh về biểu tượng, vật chất và quan hệ của môi trường xã hội [32, tr.9].

Tuy nhiên đến nay có rất ít phân tích về vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ. Các nghiên cứu về chủ đề này cũng chưa thể mô tả chi tiết về sự ảnh hưởng của các cấu trúc hay nguồn lực của các nhóm chủ thể trong cộng đồng đến việc phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLVPN. Theo đó, cần có thêm các nghiên cứu để tìm hiểu xem ở chiều cạnh nào các hoạt động của cộng đồng có thể giúp làm giảm bạo lực và ở khía cạnh nào mà các yếu tố cấu trúc, văn hóa của cộng đồng có thể làm tăng nguy cơ bạo lực.

Các nghiên cứu cũng chứng minh rằng đã có nhiều biện pháp can thiệp được triển khai nhằm hạn chế bạo lực đối với phụ nữ. Tuy nhiên, phần lớn các biện pháp này, đặc biệt ở Việt Nam, tập trung vào cách tiếp cận phòng chống, nghĩa là giải quyết các tình huống bạo lực đã xảy ra. Rất ít các chương trình chính sách có thể tiếp cận và triển khai các biện pháp theo hướng phòng ngừa nhấn mạnh vào các biện pháp làm giảm nguy cơ và nguyên nhân gây ra bạo lực cũng như các biện pháp hỗ trợ để phục hồi và ngăn chặn bạo lực tái diễn. Đặc biệt là các biện pháp ngăn chặn tái diễn bạo lực theo thể hệ.

Kế thừa những phát hiện từ các nghiên cứu đi trước, luận án này hướng đến phân tích các dữ liệu về bạo lực của chồng đối với vợ (gọi chung là bạo lực gia đình đối với phụ nữ DTTS) trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Khắc phục những hạn chế của các nghiên cứu đi trước đề tài không chỉ tổng hợp các dữ liệu về bạo lực đã được báo cáo bởi các cơ quan công quyền mà cố gắng xác định quy mô và mức độ của bạo lực thông qua điều tra định lượng và điều tra định tính. Bên cạnh đó luận

án hướng đến lấp đầy một số khoảng trống trong nghiên cứu về chủ đề này thông qua phân tích vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS. Luận án tập trung làm rõ tác động của các hoạt động phòng ngừa BLGD mà cộng đồng đã và đang triển khai; các quan điểm và lựa chọn hành động của người dân trong cộng đồng đối với bạo lực với phụ nữ. Nghiên cứu này cố gắng nêu bật các quá trình và cách thức mà các tổ chức trong cộng đồng tham gia vào triển khai các biện pháp phòng ngừa bạo lực với phụ nữ trong các bối cảnh xã hội khác nhau.

Bên cạnh đó, luận án cố gắng mô tả cách thức, cơ chế mà các đặc trưng kinh tế, văn hóa xã hội của cộng đồng có thể ảnh hưởng đến việc làm gia tăng hay hạn chế bạo lực với phụ nữ. Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về vai trò của cộng đồng trong phòng chống bạo lực gia đình nhưng ở Việt Nam hiện vẫn có rất ít các nghiên cứu có thể mô tả chi tiết đầy đủ về cách thức để có thể huy động sự tham gia một cách thực chất của cộng đồng để thay đổi các chuẩn mực xã hội đang tạo ra rào cản đối với việc triển khai các biện pháp phòng ngừa bạo lực với phụ nữ DTTS. Dựa trên cách định nghĩa và xác định các loại hình bạo lực được quy định trong Luật phòng, chống bạo lực gia đình của Việt Nam, dựa vào hướng dẫn và đặc trưng của lý thuyết về sự thay đổi, lý thuyết sinh thái- xã hội, luận án hướng đến phân tích vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS.

Có thể thấy phần lớn các nghiên cứu về BLGD với phụ nữ ở Việt Nam hiện nay đang tiếp cận theo hướng phòng chống, giải quyết các tình huống bạo lực đã xảy ra. Do đó các biện pháp triển khai chủ yếu nhấn mạnh đến công tác xử lý, giải quyết các vụ việc khi có bạo lực xảy ra. Đề tài cố gắng phân tích và làm sáng tỏ cách thức giúp phát huy vai trò của cộng đồng trong việc mang lại sự thay đổi các quan điểm chuẩn mực văn hóa đang tạo rào cản đối với các can thiệp theo hướng phòng ngừa bạo lực với phụ nữ DTTS. NCS sử dụng khung phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ để nhấn mạnh đến việc đưa ra một loạt các biện pháp can thiệp phụ thuộc lẫn nhau và củng cố lẫn nhau (gồm phòng ngừa, can thiệp sớm và ứng phó) đi kèm với các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân giúp họ có khả năng thoát khỏi bạo lực hoặc hoà nhập sau khi vụ việc bạo lực đã được xử lý. Theo đó, luận án cố gắng tìm ra các bài học kinh nghiệm, các thực hành tốt nhất nhằm đề xuất và

khuyến nghị về việc điều chỉnh các chương trình, các biện pháp, nhằm cung cấp các dịch vụ trợ giúp thiết yếu phù hợp với đặc trưng của cộng đồng các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Cố gắng thúc đẩy tính khả dụng của các dịch vụ nhằm bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân. Tạo ra môi trường tốt nhất để cung cấp dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ có chất lượng cao dành cho nạn nhân bị bạo lực nhằm giảm chấn thương, giúp nạn nhân chữa lành và ngăn ngừa các hậu quả tiêu cực của bạo lực cũng như ngăn chặn các hành vi bạo lực diễn ra trong cộng đồng. Đồng thời, mọi biện pháp can thiệp cần phải xuất phát từ nhu cầu nguyện vọng của người dân, hỗ trợ cộng đồng phát huy tốt nhất nguồn lực vốn có của mình trong phòng ngừa bạo lực.

Tiểu kết chương 1

Bạo lực đối với phụ nữ ngày càng được công nhận là một vấn đề quan trọng và cấp bách về sức khỏe cộng đồng. Ngày càng có nhiều tài liệu chứng minh tác động tiêu cực của bạo lực đối với sức khỏe thể chất và tinh thần của nạn nhân, cũng như một số hậu quả khác đối với gia đình và cộng đồng. Tuy nhiên việc xây dựng các chương trình phòng ngừa BLGD hiệu quả đối với phụ nữ đòi hỏi sự hiểu biết nhiều hơn về môi trường chính trị, xã hội, kinh tế và văn hóa và sự hợp tác liên ngành giữa các bên liên quan ở các cấp. Hiểu được các đặc trưng của cộng đồng, khả năng mà các cộng đồng có thể huy động các nguồn lực sẵn có để phòng ngừa bạo lực là điều quan trọng để điều chỉnh các chính sách cho phù hợp với các bối cảnh cụ thể. Đáng tiếc tại Việt Nam trong nhiều năm qua các chương trình, đề án phát huy vai trò của cộng đồng bao gồm tổ chức các hoạt động tuyên truyền, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ thường được triển khai theo cách đơn hướng đi từ trên xuống thay vì phương pháp có sự tham gia và dựa vào cộng đồng. Theo đó, cần có nhiều hơn nữa các nghiên cứu để đánh giá cụ thể chi tiết về các bối cảnh của bạo lực với phụ nữ để tìm ra các giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực với phụ nữ dân tộc thiểu số. Chương 1 của luận án hướng đến tổng quan các công trình nghiên cứu để tìm ra cơ sở lý luận cho việc triển khai các luận điểm nghiên cứu của đề tài.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ BẠO LỰC VỚI PHỤ NỮ, PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ

2.1.1. Khái niệm bạo lực gia đình với phụ nữ

Cho đến nay hệ thống luật pháp của hầu hết các quốc gia đều đưa ra cách tiếp cận và xác định như thế nào là hành vi bạo lực, BLGD và cách thức phân loại các hành vi này. Khái niệm bạo lực được sử dụng để chỉ “việc cố ý sử dụng sức mạnh hoặc quyền lực, đe dọa hoặc thực tế, chống lại chính mình, hoặc chống lại một nhóm hoặc cộng đồng mà dẫn đến hoặc có khả năng cao gây ra thương tích, tử vong, tổn hại về mặt tâm lý, sự phát triển kém hoặc sự thiếu thốn” [20].

Khái niệm bạo lực đối với phụ nữ được định nghĩa “là bất kỳ hành vi bạo lực nào gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thân thể, tình dục, tâm lý hay gây đau đớn cho phụ nữ, kể cả việc đe dọa thực hiện những hành vi này, sự ép buộc hoặc tùy tiện tước đoạt tự do của phụ nữ, cho dù những hành vi này xảy ra ở nơi công cộng hay trong cuộc sống riêng tư” [20]. Liên Hợp Quốc xác định BLVPN là “bất kỳ hành vi bạo lực nào trên cơ sở giới gây ra hoặc có khả năng gây ra tổn hại hoặc đau khổ về thể chất, tình dục hoặc tinh thần cho phụ nữ, bao gồm cả các mối đe dọa thực hiện các hành vi đó, cưỡng ép hoặc tước đoạt quyền tự do tùy tiện, cho dù xảy ra ở nơi công cộng hay trong cuộc sống riêng tư” [36]. Điều này bao gồm bất kỳ hành vi nào gây sợ hãi, đe dọa, khủng bố, thao túng, làm nhục, đổ lỗi, hoặc làm tổn thương ai đó.

Bạo lực trên cơ sở giới là bạo lực nhằm vào một người trên cơ sở đối xử phân biệt giới hoặc giới tính. Đó là các hành động gây tác hại hoặc gây đau đớn về thể xác, tinh thần hay tình dục, gồm cả sự đe dọa thực hiện những hành vi này, sự cưỡng bức và tước đoạt tự do dưới các hình thức khác nhau. Mặc dù phụ nữ, nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể trở thành nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới, song phụ nữ và trẻ em gái thường là nạn nhân chủ yếu.

Bạo lực gia đình được định nghĩa là sự đe dọa hoặc thực hiện bạo lực về thể chất, tâm lý và/hoặc tình cảm; tức là bất kỳ loại vũ lực nào đối với thành viên gia đình với mục đích gây hại hoặc thực hiện quyền lực và kiểm soát đối với nạn nhân. Thủ phạm gây ra BLGD là: bạn tình, chồng, bạn tình cũ, thành viên gia đình, bạn bè hoặc người quen, những người duy trì mối quan hệ thân thiện với nạn nhân và gặp gỡ nạn nhân trong bối cảnh gia đình. Việc nạn nhân có thực sự sống cùng trong một hộ gia đình với thủ phạm hay không không phải là yếu tố quan trọng đối với định nghĩa về BLGD; thuật ngữ này được xác định bởi mức độ gần gũi trong mối quan hệ giữa thủ phạm và nạn nhân bị ngược đãi. Về nguyên tắc, BLGD không mô tả một sự kiện bạo lực đơn lẻ mà là một hệ thống lạm dụng phức tạp có thể bao gồm bạo lực thể xác, tâm lý và tình dục [24]. BLGD xảy ra khi một người luôn cố gắng kiểm soát bạn đời của mình thông qua lạm dụng thể chất, tình dục hoặc tình cảm. Bộ Tư pháp Hoa Kỳ định nghĩa BLGD là “một dạng hành vi lạm dụng trong bất kỳ mối quan hệ nào được một đối tác sử dụng để giành hoặc duy trì quyền kiểm soát đối với một đối tác thân thiết khác” [24, tr.48]. BLGD có thể là thể chất hoặc tâm lý và ảnh hưởng đến bất kỳ ai ở mọi lứa tuổi, giới tính, chủng tộc hoặc khuynh hướng tình dục; có thể gồm các hành vi nhằm hù dọa, gây tổn hại về thể chất hoặc kiểm soát đối tác. Trong các mối quan hệ, BLGD thường là biểu hiện của động lực bất bình đẳng quyền lực, nơi một bên chiếm ưu thế và tìm cách kiểm soát bên kia. Các hành động như lăng mạ, đe dọa, lạm dụng tình cảm và ép buộc tình dục đều cấu thành BLGD. Một số thủ phạm có thể sử dụng trẻ em, vật nuôi hoặc các thành viên khác trong gia đình làm đòn bẩy tình cảm để khiến nạn nhân làm theo ý họ. Nạn nhân của BLGD bị giảm giá trị bản thân, lo lắng, trầm cảm và cảm giác bất lực nói chung có thể mất thời gian và thường là sự trợ giúp chuyên nghiệp để vượt qua.

Luận án sử dụng định nghĩa về bạo lực gia đình được quy định tại Luật phòng, chống BLGD năm 2022, theo đó BLGD là “hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình”.

Luận án nghiên cứu về BLGD đối với phụ nữ, trong đó tập trung vào bạo lực do chồng gây ra. Với cách tiếp cận này, luận án định nghĩa về bạo lực bởi

người chồng gây ra với phụ nữ (được dùng ngắn gọn là bạo lực gia đình với phụ nữ) như sau: *“Bạo lực gia đình đối với phụ nữ là hành vi cố ý của người chồng gây ra đối với vợ và làm tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế cho người vợ”*. Bạo lực được biểu hiện dưới nhiều hành vi khác nhau. Theo các nghiên cứu, bạo lực được thành các dạng thức căn bản sau:

.Bạo lực thể xác: Là bất kỳ hành vi nào mà cơ thể của thủ phạm cố ý tác động vào cơ thể của nạn nhân, từ đó dẫn đến nguy cơ khiến cho nạn nhân bị tổn hại về thể xác, ngay cả trong thực tế không xảy ra thương tích. Ví dụ về các hành vi gây bạo lực thể xác là: đá, cắn, đe dọa bằng dao hoặc các vũ khí khác, v.v.

.Bạo lực tình dục là một loại của bạo lực thể xác, được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Dù được coi là một dạng của bạo lực thể xác, nhưng việc phân biệt lạm dụng tình dục với các loại lạm dụng thể xác khác là cần thiết. Theo quan điểm lâm sàng, bạo lực tình dục là bất kỳ hành động tình dục không mong muốn nào. Cũng tùy theo từng quốc gia mà định nghĩa pháp lý về tội phạm tình dục đối với người lớn là rất khác nhau. Theo Bộ luật Hình sự Thụy Sĩ, bạo lực tình dục đặc biệt bao gồm các hành vi tình dục đối với trẻ vị thành niên, tấn công quyền tự do tình dục và danh dự của người khác, hiếp dâm, v.v. Ngoài những hành vi phạm tội có thể bị pháp luật trừng phạt, lạm dụng tình dục cũng gồm cả hành vi thâm nhập bằng miệng, hậu môn cũng được đưa vào định nghĩa. Theo đó, khái niệm bạo lực tình dục được hiểu một cách mở rộng là bất kỳ loại quan hệ tình dục thân mật nào mang tính bị ép buộc đối với người khác, ngay cả khi không cần thiết phải tiếp xúc cơ thể (ví dụ, ép khóa thân) [21]. Bạo lực tình dục không chỉ giới hạn ở bạo lực thể xác mà còn gồm cả tổn hại về tinh thần và tâm lý. Bạo lực tình dục cũng không giới hạn các hành vi sau (trong đó gồm cả hành vi không đủ để cấu thành tội hình sự): Xâm hại tình dục, bóc lột tình dục, tấn công tình dục (gồm cả hiếp dâm), cưỡng ép tình dục (cưỡng dâm), quấy rối tình dục, bạo lực trong mối quan hệ, gửi ảnh/video/tin nhắn khiêu dâm, chia sẻ hình ảnh thân mật mà không có sự đồng ý, rình rập (stalk), v.v.

Bạo lực tinh thần: là thuật ngữ ít được định nghĩa rõ ràng nhất trong số các loại bạo lực; không chỉ đơn thuần là giao tiếp bằng lời tiêu cực mà còn đề cập đến

cả cường độ và cách thức diễn đạt các thái độ và hành vi. Định nghĩa về bạo lực tinh thần hiện được công nhận dựa trên định nghĩa về tra tấn tâm lý của Tổ chức Ân xá Quốc tế. Theo đó, các hành vi bạo lực cũng bao gồm việc cô lập nạn nhân, gây ra khuyết tật do kiệt sức, suy yếu hoặc mất khả năng, làm nhục, tức giận và xúc phạm... hoặc các hình thức bạo lực gia đình khác như: cấm tiếp xúc, cô lập xã hội, v.v.)

.Bạo lực kinh tế: gồm các hành vi như tịch thu tiền, cấm hoặc ép buộc người khác làm việc... Đối chiếu với định nghĩa nêu trên, những hình thức này đều là một nhóm nhỏ của bạo lực tâm lý. Đặc điểm của loại hành vi này là nhằm mục đích kiểm soát nạn nhân và hạn chế ý chí tự do của họ[21]. Bạo lực kinh tế đề cập đến những hành động, lời nói, cử chỉ gây áp lực về kinh tế đối với một cá nhân khác, gồm các hành vi như: chiếm đoạt hoặc hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của các thành viên khác trong gia đình; Cưỡng ép các thành viên trong gia đình phải học tập hoặc lao động quá sức mình, cưỡng ép họ đóng góp tài chính vượt quá khả năng cũng như kiểm soát tài sản và thu nhập của họ nhằm mục đích tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất và lệ thuộc về mặt tinh thần.

Hiện nay các dạng thức và hành vi bạo lực được xác định tùy thuộc theo khuôn khổ của hệ thống pháp luật từng quốc gia, nó cũng được xác định tùy thuộc vào mỗi nghiên cứu. Để phù hợp với bối cảnh của Việt Nam, căn cứ Điều 3 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2022, Luận án phân tích mức độ bạo lực theo 16 hành vi bạo lực gia đình được nêu trong Luật này gồm:

- 1) Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng;
- 2) Lãng mạ, chì chiết hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;
- 3) Cưỡng ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý;
- 4) Bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc thành viên gia đình là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc; không giáo dục thành viên gia đình là trẻ em;

- 5) Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của thành viên gia đình;
- 6) Ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý;
- 7) Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;
- 8) Tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình của thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm;
- 9) Cường ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng;
- 10) Cường ép trình diễn hành vi khiêu dâm; cường ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực;
- 11) Cường ép tảo hôn, kết hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp;
- 12) Cường ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi;
- 13) Chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình;
- 14) Cường ép thành viên gia đình học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát tài sản, thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác;
- 15) Cô lập, giam cầm thành viên gia đình;
- 16) Cường ép thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật.

2.1.2. Phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ

Theo từ điển tiếng Việt, phòng ngừa là “phòng trước, không để cho cái xấu, cái không hay có thể xảy ra” [23, tr.45]. Theo từ điển Cambridge, phòng ngừa tiếng Anh là “prevention means the act of stopping something from happening or of stopping someone from doing something” [10]. Dịch sang tiếng Việt nghĩa là một hành động ngăn chặn điều gì đó xảy ra hoặc ngăn ai đó đang thực hiện hành động của họ.

Trong những năm qua, việc phát triển và áp dụng một số can thiệp phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ được các quốc gia quan tâm và thực hiện. Tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, với hỗ trợ kỹ thuật của UN Women, đã có một số quốc gia xây dựng khung luật pháp phòng ngừa như Campuchia (Chương trình hành động quốc gia phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ 2019-2023, trong đó nhấn mạnh phòng ngừa là một nội dung cốt lõi [2]); Fiji (Kế hoạch hành động quốc gia phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em giai đoạn 2023-2028 với 5 mục tiêu chiến lược để can thiệp phòng ngừa [1]). Theo đó, đến nay phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ trở thành một cách tiếp cận mới, để ngăn chặn không có các hành vi bạo lực xảy ra, hoặc khi đã xảy ra thì các hành vi này cần được ngăn không bị lặp lại hoặc giảm thiểu những hành vi có thể xảy ra.

Với cách giải nghĩa nêu trên, luận án cho rằng phòng ngừa bạo lực được hiểu là các hành động ngăn cản, ngăn chặn và chấm dứt việc phát sinh hoặc tái phát bạo lực, ngược đãi. Vì vậy, *khái niệm “Phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ”* được sử dụng trong Luận án là *tập hợp các hành động ngăn cản, ngăn chặn và chấm dứt bạo lực gia đình với phụ nữ xảy ra bằng cách giải quyết các nguyên nhân gốc rễ của nó, cụ thể là bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử có hệ thống và mối quan hệ quyền lực bất bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới”*.

Mục đích phòng ngừa BLGD nhằm thay đổi chuẩn mực xã hội, những thói quen và cấu trúc củng cố hoặc dung túng BLGD đối với phụ nữ; tăng cường áp dụng các biện pháp tương hỗ lẫn nhau đi kèm với cung cấp các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực và cơ chế giải trình, trách nhiệm của kẻ gây ra bạo lực nhằm giảm thiểu BLVPN.

Theo quan điểm của Liên hợp quốc thì phòng ngừa đòi hỏi “một loạt các biện pháp can thiệp phụ thuộc lẫn nhau và củng cố lẫn nhau đi kèm với các dịch vụ hỗ trợ cho những nạn nhân sống sót và trách nhiệm của thủ phạm.” [53, tr.2]. Theo đó, luận án áp dụng khung phòng ngừa BLGD đang được UN Women đưa vào áp dụng cho các chương trình, dự án về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực đối với phụ nữ. Vì vậy, khung phòng ngừa BLGD đối với phụ nữ DTTS được sử dụng trong luận án như sau:

Bảng 2.1. Khung phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ

Mô tả	Phòng ngừa	Can thiệp sớm	Ứng phó
	Tập trung vào toàn bộ cộng đồng dân cư, các dạng thức xác định các mối quan hệ giới các hành vi bạo lực, những yếu tố định hình, ảnh hưởng hoặc hành vi ngăn chặn bạo lực	Hướng đến cá nhân và nhóm có nguy cơ cao gây ra hoặc trở thành nạn nhân bị bạo lực; và nhận diện, xử lý các yếu tố đang làm gia tăng nguy cơ đó.	Chú trọng nhận diện các yếu tố ảnh hưởng; nâng cao năng lực cho các hệ thống (gồm các tổ chức và cộng đồng) nhằm xử lý và đối phó hiệu quả với tình trạng bạo lực
Phòng ngừa nguy cơ xảy ra bạo lực	Xây dựng các cấu trúc xã hội bền vững; định hình những chuẩn mực và thực hành tích cực để khuyến khích việc lên tiếng, bảo vệ phụ nữ và giảm thiểu nguy cơ bạo lực đối với họ	Giảm thiểu các nguy cơ/yếu tố rủi ro bằng cách ngăn ngừa và loại bỏ những điều kiện có thể dẫn đến hành vi bạo lực; đồng thời tăng cường, củng cố và phát huy các yếu tố bảo vệ nhằm kiến tạo một môi trường sống an toàn, ổn định và bền vững cho phụ nữ	Thiết lập các chuẩn mực xã hội lên án; phản đối và chống lại bạo lực đối với phụ nữ bằng cách chứng minh và làm sáng tỏ vai trò, trách nhiệm giải trình của các bên tham gia trong cộng đồng trong việc phản đối bạo lực và hiểu rõ quyền được bảo vệ, phục hồi và hỗ trợ của phụ nữ
Ngăn ngừa bạo	Xây dựng các cấu trúc xã hội, chuẩn		Cung cấp các biện pháp phục hồi và hỗ

lực tái diễn	mục và thực hành chống lại và/hoặc giảm thiểu nguy cơ hoặc ngăn chặn bất kỳ nguy cơ nào mà bạo lực có thể tái diễn		trợ cho phụ nữ bị bạo lực; đồng thời yêu cầu người chồng gây bạo lực phải chịu trách nhiệm. Việc này vừa giúp giải quyết bạo lực vừa củng cố các chuẩn mực xã hội lên án và đấu tranh bạo lực với phụ nữ.
Ngăn chặn những tác hại lâu dài do bạo lực gây ra	Xây dựng các cấu trúc xã hội, chuẩn mực và thực hành để tối đa hóa triển vọng gây dựng lại cuộc sống mới cho người phụ nữ sau bạo lực; giảm thiểu tác động và giảm khả năng tái diễn của bạo lực		Hỗ trợ cho các cá nhân để ngăn ngừa tác động tiêu cực của bạo lực; thúc đẩy tái thiết cuộc sống mới cho người phụ nữ và giảm khả năng tái diễn bạo lực trong tương lai
Ví dụ	Xây dựng khả năng độc lập kinh tế của phụ nữ; cùng làm việc với nam giới và phụ nữ để củng cố các mối quan hệ bình đẳng và tôn trọng.	Một chương trình giáo dục tâm lý dành cho trẻ em phải chứng kiến bạo lực của cha mẹ. Mục đích là giải quyết triệt để các hậu quả đối	Chính sách tại nơi làm việc để tăng cường hỗ trợ cho lao động nữ- đối tượng là nạn nhân (ví dụ: chế độ nghỉ phép có lương, tập huấn nâng cao nhận thức cho

	Chuyển đổi các chuẩn mực hướng đến các mối quan hệ công bằng và bình đẳng giới, xóa bỏ bạo lực với phụ nữ qua các hình thức tự giáo dục trong nhóm cộng đồng và truyền thông địa phương	với việc trẻ em phải chứng kiến bạo lực mà được coi là nguy cơ dẫn đến hành vi phạm tội hoặc bị bạo hành trong tương lai.	đồng nghiệp về bình đẳng giới, xóa bỏ bạo lực giới). Cải cách lập pháp và thủ tục để tăng cường khả năng tiếp cận công lý cho các nạn nhân bị xâm hại tình dục.
--	---	---	--

Nguồn: UN Women, 2015, Tr.15

Phòng ngừa BLGD với phụ nữ đòi hỏi sự tham gia của tất cả các cá nhân, gia đình, dòng họ, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và chính quyền các cấp. Việc triển khai các biện pháp can thiệp phòng ngừa đòi hỏi cách tiếp cận toàn diện với sự tham gia của nhiều nhóm chủ thể nhằm: 1) Giải quyết nguyên nhân gốc rễ (tức là bất bình đẳng/mất cân bằng quyền lực giữa nam giới và phụ nữ); và 2) Giảm thiểu các yếu tố nguy cơ và thúc đẩy các yếu tố bảo vệ cho người gây bạo lực và trở thành nạn nhân ở cấp độ cá nhân, mối quan hệ, cộng đồng và xã hội; 3) Hỗ trợ nạn nhân bạo lực tái hòa nhập và có thể vượt qua những cú sốc để phát triển.

2.1.3. Khái niệm dân tộc thiểu số và vùng dân tộc thiểu số

****Khái niệm dân tộc thiểu số***

Hiến pháp 2013 đã khẳng định Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển... Theo Điều 5, Hiến pháp 2013, Nhà nước thực hiện chính sách toàn diện và tạo điều kiện cho các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển đất nước. Khái niệm phổ biến về DTTS, dân tộc thiểu số rất ít người đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách có liên quan. Tại Nghị định số 05/NĐ-2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc, dân tộc thiểu số “là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

*** *Vùng dân tộc thiểu số***

“Vùng dân tộc thiểu số” được định nghĩa “là địa bàn có đông các dân tộc thiểu số cùng sinh sống ổn định thành cộng đồng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (theo Nghị định 05/NĐ-2011/NĐ-CP). Địa bàn có “đông” các dân tộc thiểu số được hiểu là địa bàn các xã, thôn có tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số 15% trở lên (được quy định tại Khoản 1, 2 của Điều 2 của Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025).

2.2. CỘNG ĐỒNG VÀ VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ

2.2.1 Khái niệm và cách thức phân loại cộng đồng

Hiện nay có nhiều định nghĩa và cách tiếp cận khác nhau về cộng đồng. Một số nhà nghiên cứu hiểu cộng đồng là hệ thống xã hội được xác định trong không gian, thời gian với cấu trúc xã hội nhất định gồm các thành viên có vị thế, vai trò và trách nhiệm với nhau có đặc trưng riêng được xác định qua bản sắc tập thể. Chúng ta cũng có thể hiểu cộng đồng là hệ thống xã hội trong đó các thành viên có chung các đặc trưng văn hóa, ngôn ngữ, truyền thống, pháp luật, địa lý và nhiều đặc điểm kinh tế, xã hội... Từ điển đại học Oxford định nghĩa "Cộng đồng là tập thể người sống trong cùng một khu vực, một tỉnh hoặc một quốc gia và được xem như một khối thống nhất" [7, tr.121]; "Cộng đồng là một nhóm người có cùng tín ngưỡng, chủng tộc, cùng loại hình nghề nghiệp hoặc cùng mối quan tâm"; "Cộng đồng là một tập thể cùng chia sẻ hoặc có tài nguyên chung, hoặc có tình trạng tương tự nhau về một số khía cạnh nào đó" [46, tr.59].

Cộng đồng là mối quan hệ qua lại giữa các cá nhân, được quyết định bởi sự gắn kết các lợi ích của họ nhờ sự giống nhau về điều kiện tồn tại và hoạt động sản xuất vật chất và các hoạt động khác của họ, sự gắn gũi giữa họ về tư tưởng tín ngưỡng, hệ giá trị, chuẩn mực xã hội, nền sản xuất, sự tương đồng về điều kiện sống cũng như các quan niệm chủ quan của họ về các mục tiêu và phương tiện hoạt động.

Theo cách tiếp cận của xã hội học, “cộng đồng” là một trong những thuật ngữ quan trọng được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Một cách chung nhất, cộng đồng là một nhóm người có nhiều đặc điểm khác nhau, được liên kết bằng các mối quan hệ xã hội, chia sẻ một quan điểm chung và tham gia vào một hành động chung tại vị trí hoặc bối cảnh địa lý. Một cộng đồng thường chia sẻ các chuẩn mực chung, chẳng hạn như ngôn ngữ, văn hóa, tôn giáo, lịch sử hoặc các giá trị. Theo Talcott Parsons, cộng đồng là khái niệm dùng để chỉ “một mối quan hệ thống nhất rộng rãi trên một phạm vi không xác định của đời sống và của các mối quan tâm.”[7, tr.121]. Vì vậy, có thể coi những dấu hiệu cốt yếu sau để nhận biết hay định nghĩa một cộng đồng:

- Cộng đồng phải là tập hợp của một số đông người.
- Mỗi cộng đồng phải có một bản sắc / bản thể riêng (identity).
- Các thành viên của cộng đồng phải tự cảm thấy có sự gắn kết với cộng đồng và với các thành viên khác của cộng đồng.
- Có thể có nhiều yếu tố tạo nên bản sắc và sức bền gắn kết cộng đồng, nhưng quan trọng nhất chính là sự thống nhất về ý chí và chia sẻ về tình cảm, tạo nên ý thức cộng đồng.
- Mỗi cộng đồng đều có những tiêu chí bên ngoài để nhận biết về cộng đồng và có những quy tắc chế định hoạt động, ứng xử chung của cộng đồng. [34]

Với những định nghĩa và cách hiểu nêu trên về cộng đồng, Luận án sử dụng *định nghĩa cộng đồng để nói đến “tập hợp những mối quan hệ xã hội được thiết lập một cách đặc thù dựa trên những cái mà thành viên cùng có chung- thường là một cảm quan chung về bản sắc.”*. Các yếu tố tạo thành cộng đồng gồm: địa vực cư trú, kinh tế, văn hoá, luật pháp, tôn giáo - những yếu tố được tạo thành trong quá trình lịch sử, cụ thể là:

* *Yếu tố địa vực*: Khi nói đến cộng đồng là nói đến một tập hợp người định cư trên một vùng đất đai nhất định, đó là yếu tố địa vực- có giá trị tinh thần và tạo nên sự gắn kết tập thể. Địa vực là yếu tố được xác định trong quá trình lịch sử, là cơ sở để phân biệt cộng đồng này với cộng đồng khác. Đường phân chia ranh giới thường lấy một số mốc tự nhiên như sông, núi, đường sá... Đôi khi chỉ là phân ranh giới vô hình được cộng đồng thoả thuận và chấp nhận.

**Yếu tố kinh tế:* Các hoạt động kinh tế hay nghề nghiệp tạo ra cho cộng đồng một sự bảo đảm về vật chất để cùng nhau tồn tại. Việc có cùng một nghề hay vài nghề chính trong cộng đồng sẽ liên quan đến sự tương đồng về yếu tố địa vị kinh tế, sở hữu, cách thức làm ăn, cùng một thị trường nguyên vật liệu và sản phẩm tiêu thụ chung.

** Yếu tố văn hoá của cộng đồng:* Liên quan đến tộc người, tôn giáo - tín ngưỡng và hệ giá trị chuẩn mực văn hóa hay quy phạm có tính bắt buộc như: luật pháp, hương ước, quy ước của cộng đồng, bao gồm:

.Tộc người: Tộc người là một tập đoàn người ổn định, được hình thành trong lịch sử trên một lãnh thổ, có đặc điểm văn hóa chung, có ý thức về sự thống nhất và sự khác biệt với cộng đồng khác. Các thành viên cộng đồng theo tộc người luôn tự nhận thức, tự đánh giá về bản thân với tư cách là một tập thể để có thể phân biệt với các tộc người khác, có cách tự gọi tên. Theo đó mà các nhà nghiên cứu nói đến ý thức tự giác tộc người - là một hiện tượng tâm lý khá phổ biến, hình thành nên tâm thế quan điểm lối sống của các cá nhân và cộng đồng.

.Tôn giáo, tín ngưỡng: Yếu tố này củng cố sự liên kết cộng đồng trên cơ sở niềm tin. Lịch sử cho thấy đây là một yếu tố có tính chất bền vững cho sự tồn tại của cộng đồng dân cư. Vì khi có chung một niềm tin và tín ngưỡng thì con người dễ chia sẻ được những ước nguyện về mặt tinh thần với nhau.

.Hệ giá trị chuẩn mực: mỗi cộng đồng xác định một hệ giá trị chuẩn mực riêng với tính chất là các định chế xã hội quy định các nhận thức và hành vi của các thành viên trong cộng đồng.

Phân loại cộng đồng

Hiện nay có nhiều cách phân loại cộng đồng, luận án sử dụng cách tiếp cận phân loại cộng đồng được áp dụng phổ biến và chia thành ba nhóm sau:

Cộng đồng địa lý (Geographic Communities) hay còn gọi là cộng đồng địa vực (location)” [34]. Cộng đồng gồm những người sống gần gũi với nhau theo phạm vi lãnh thổ được xác định qua mối quan hệ láng giềng, xóm, phố, làng xã, thành phố, vùng, quốc gia. Khi nói đến cộng đồng lãnh thổ, địa vực hay cộng đồng địa lý, luận án đề cập đến phản ứng của hàng xóm những người cư trú gần

gũi và hoạt động của của thôn bản được xác định theo khu vực cư trú. Sự gắn kết của cộng đồng này chủ yếu do sự tương tác, giao lưu, tiếp xúc thường xuyên, gần gũi giữa các thành viên hình thành nên.

Cộng đồng văn hóa (Communities of Culture): đề cập đến những nhóm người chia sẻ với nhau các đặc trưng văn hóa do có chung nguồn gốc sắc tộc, ngôn ngữ, y phục và sự tương đồng về phong tục, tập quán. Loại cộng đồng này có thể gồm cả những cộng đồng được hình thành dựa trên bản sắc, đặc điểm riêng biệt, như cộng đồng người khuyết tật hay cộng đồng người cao tuổi “vv...[34]. Những cộng đồng tộc người có chung địa bàn quần cư, có thể không, nhưng dù sinh sống cách xa nhau, nhưng họ vẫn chia sẻ những đặc trưng văn hóa, phong tục, tập quán và nhiều yếu tố khác. Ý thức cộng đồng của họ có thể trùng khớp về căn bản với ý thức tộc người.

Cộng đồng tổ chức (Community of Organizations): bao gồm gia đình, dòng họ, các mạng lưới, các tổ chức chính thức như chính quyền, kể cả kết cấu hệ thống hoạch định chính sách, các tập đoàn kinh tế, hiệp hội nghề nghiệp ở các quy mô nhỏ, dân tộc hay quốc tế. Về loại hình này, luận án chỉ đặt trọng tâm phân tích vai trò của gia đình, những người thân và vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức khác ...tham gia triển khai chương trình, chính sách, hoạt động phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở cơ sở.

2.2.2. Vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ

Khái niệm về vai trò của cộng đồng có thể được tiếp cận theo nhiều hướng khác nhau, mỗi cách tiếp cận đều mang lại những giá trị nhất định nhưng cũng có những giới hạn riêng. Theo trường phái chức năng luận, cộng đồng được coi như một thiết chế có nhiệm vụ duy trì sự ổn định và bảo vệ chuẩn mực xã hội, vì vậy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình chủ yếu thể hiện ở việc hòa giải, giám sát và giữ gìn trật tự; tuy nhiên, cách tiếp cận này dễ rơi vào bảo thủ, coi trọng sự ổn định hơn cải biến, bỏ qua những bất bình đẳng giới tiềm ẩn. Trái lại, cách tiếp cận quyền lực, mâu thuẫn nhìn nhận cộng đồng qua lăng kính đấu tranh lợi ích, nhấn mạnh sự tồn tại của bất bình đẳng và vai trò cộng đồng

vừa có thể duy trì, vừa có thể thách thức các quan hệ quyền lực bất công; điểm mạnh của cách tiếp cận này là tính phê phán, song lại có nguy cơ bỏ qua sự gắn kết và đồng thuận vốn có trong cộng đồng. Với cách tiếp cận văn hóa, nhân học, vai trò cộng đồng được đặt trong bối cảnh giá trị, phong tục và tín ngưỡng bản địa, coi trọng những yếu tố truyền thống như uy tín của già làng hay trưởng bản; ưu điểm là đề cao tính đặc thù văn hóa và khả năng chấp nhận giải pháp, nhưng hạn chế là có thể duy trì những tập quán lạc hậu bất lợi cho phụ nữ. Cách tiếp cận phát triển dựa vào cộng đồng đặt cộng đồng vào vị trí chủ thể, nhấn mạnh sự tham gia tích cực trong việc xây dựng và thực thi giải pháp, phát huy nguồn lực nội sinh, qua đó tăng tính bền vững và khả thi; song cách tiếp cận này cũng dễ gặp khó khăn nếu thiếu năng lực nội tại hoặc sự hỗ trợ từ bên ngoài.

Khác với quan điểm nêu trên, các nhà xã hội học sử dụng khái niệm “vai trò” để chỉ: “những kỳ vọng xã hội gắn với những vị thế hay vị trí nhất định trong xã hội và nó phân tích sự vận hành của những kỳ vọng ấy” [7, tr.639]. Theo I.Robertsons, vai trò là một tập hợp các chuẩn mực, hành vi, nghĩa vụ và quyền lợi gắn với một vị thế nhất định. J.H.Fischer cho rằng, vai trò là những hành động, hành vi ứng xử, khuôn mẫu tác phong mà xã hội chờ đợi hay đòi hỏi ở một người hay một nhóm xã hội nào đó phải thực hiện trên cơ sở vị thế (vị trí xã hội) của họ. Từ góc độ xã hội học, một vai trò có thể có nhiều mức độ biểu hiện khác nhau hay sắc thái khác nhau, không chỉ gồm những khuôn mẫu tác phong biểu hiện ra bên ngoài mà còn bao hàm các khuôn mẫu nội dung tinh thần ở bên trong. Như vậy, mỗi cách tiếp cận đều cung cấp một lăng kính phân tích riêng, và việc kết hợp linh hoạt chúng sẽ giúp hiểu rõ hơn vai trò đa chiều, phức tạp và luôn biến đổi của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số.

Do đó, trong phạm vi luận án này, tác giả sử dụng *khái niệm vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ để chỉ một tập hợp các chức năng, nhiệm vụ và mức độ tham gia của các nhóm chủ thể, thiết chế trong cộng đồng gồm: gia đình, hàng xóm, các tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức của người dân trong cộng đồng trong triển khai các biện pháp phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ và những đóng góp từ việc triển khai các biện pháp đó*

đối với việc làm tăng hay giảm, củng cố hay hạn chế các yếu tố tác động đến bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số.

Tác giả sử dụng cách tiếp cận này vì nhiều lý do mang tính lý luận và thực tiễn. *Trước hết*, khái niệm này bao quát được tính đa tầng, đa chủ thể của cộng đồng, từ phạm vi hẹp là gia đình, hàng xóm đến phạm vi rộng hơn là các tổ chức chính trị - xã hội, các nhóm tự quản và tổ chức dân sự, vốn đều có sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc duy trì hay thay đổi hành vi bạo lực. *Thứ hai*, khái niệm này cho phép nghiên cứu làm rõ mức độ tham gia của từng nhóm chủ thể trong phòng ngừa bạo lực gia đình, không chỉ dừng ở việc ghi nhận sự tồn tại mà còn phân tích chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của sự tham gia đó. *Thứ ba*, việc sử dụng khái niệm này giúp làm nổi bật tính hai mặt của vai trò cộng đồng: một mặt, cộng đồng có thể góp phần củng cố những chuẩn mực bất bình đẳng giới và duy trì tập quán lạc hậu, mặt khác, cộng đồng cũng có thể là động lực quan trọng trong việc thúc đẩy thay đổi nhận thức, xây dựng môi trường xã hội an toàn cho phụ nữ. *Cuối cùng*, trong bối cảnh nghiên cứu về phụ nữ dân tộc thiểu số, khái niệm này có ý nghĩa thực tiễn cao bởi nó phản ánh đúng đặc thù của cộng đồng nơi các thiết chế truyền thống như già làng, trưởng bản, cũng như các quan hệ láng giềng, dòng tộc còn giữ vai trò quan trọng, song song với sự hiện diện của các tổ chức chính trị - xã hội chính thống. Như vậy, việc tác giả sử dụng khái niệm này là nhằm đảm bảo tính toàn diện, linh hoạt và sát hợp với bối cảnh, từ đó có thể đánh giá được cả chiều tích cực và tiêu cực trong vai trò của cộng đồng đối với phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số.

Sự tham gia của cộng đồng luôn được coi là một trong những biện pháp quan trọng để tạo ra sự thay đổi tích cực trong xã hội. Phát huy vai trò của cộng đồng được công nhận là một chiến lược tốt để chuyển đổi thái độ, niềm tin và chuẩn mực có hại gây nên bạo lực đối với phụ nữ và bất bình đẳng giới. Kinh nghiệm trong việc thực hiện các phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới của Liên Hợp quốc cho thấy môi trường xã hội có thể cản trở khả năng và tính bền vững của việc thay đổi hành vi. Đồng thời, mô hình dựa vào cộng đồng cũng đã được thí điểm thực hiện nhằm ngăn ngừa và ứng phó với bạo lực tình dục đối với phụ nữ và trẻ

em gái trong bối cảnh có xung đột, vũ trang. Mô hình này huy động tất cả sự tham gia của các bên trong cộng đồng từ tổ chức, cơ quan đến cá nhân nhằm thúc đẩy việc tạo ra cơ hội và khả năng cho những thay đổi tích cực đối với các chuẩn mực xã hội góp phần thúc đẩy bình đẳng giới và giảm thiểu nguy cơ bạo lực trên cơ sở giới và nạn phân biệt đối xử mà nơi đó phụ nữ và trẻ em gái phải đối mặt với tình thế tồi tệ và nguy hiểm nhất như đang có chiến tranh, xung đột.

Các chương trình liên quan tới cộng đồng như vậy thường được coi là các chiến lược tiên tiến để tạo ra nhiều môi trường thuận lợi hơn. Những can thiệp và sáng kiến thường tập trung vào nâng cao nhận thức về bạo lực. Các phương pháp phát huy vai trò của cộng đồng thường chú trọng cả việc phát huy vai trò của các tổ chức chính quyền, các nhà lãnh đạo tôn giáo, cảnh sát, cũng như các hỗ trợ về y tế và xã hội nhằm tạo ra các dịch vụ phòng ngừa và ứng phó với bạo lực [33, tr.9]. Theo đó, *luận án tập trung phân tích bốn nhóm vai trò của cộng đồng trong thực hiện hoạt động tương ứng với 3 cấp độ của phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS gồm*: Cấp độ 1 là ngăn chặn phòng ngừa nguy cơ xảy ra bạo lực; Cấp độ 2 là kiểm soát để bạo lực không xảy ra, xử lý hành vi khi diễn ra bạo lực; Cấp độ 3 là thực hiện các hoạt động giúp tái hòa nhập, tăng cường khả năng để phụ nữ và gia đình họ vượt qua khó khăn thách thức do bạo lực gây ra và ngăn chặn bạo lực tái diễn. Đặc biệt là tái diễn bạo lực theo thể hệ.

Bốn nhóm vai trò chính của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gồm

1) *Vai trò xã hội hóa*, nhấn mạnh vào vai trò của cộng đồng trong định hình nhận thức, thái độ và hành vi đối với bạo lực nhằm giúp phòng ngừa bạo lực gia đình. Vai trò này được nhận diện thông qua trình chuyển giao các giá trị, chuẩn mực văn hóa, tập quán, lối sống của cộng đồng. Các tập quán văn hóa tạo ra khuôn mẫu ứng xử, định hình nhận thức, thái độ và hành vi của người dân với bạo lực. Để tác động làm thay đổi các khuôn mẫu chuẩn mực văn hóa, các chủ thể trong cộng đồng có thể triển khai một số biện pháp can thiệp như tuyên truyền, giáo dục...

2) *Vai trò kiểm soát xã hội*. Các cộng đồng luôn thiết lập các luật lệ để kiểm soát hành vi của các thành viên. Thông qua việc thi hành các luật lệ giúp các

thành viên phân biệt hành động được phép và không được phép. Để kiểm soát hành vi bạo lực đối với phụ nữ, cộng đồng sẽ áp dụng các biện pháp như lên án, trừng phạt để kiểm soát hành vi của các thành viên trong cộng đồng. Để nhận diện vai trò này tác giả sẽ tập trung phân tích phản ứng của người dân đối với hành vi bạo lực và nạn nhân, trong đó chú trọng phân tích các biện pháp mà cộng đồng đang thực hiện để lên án, trừng phạt người gây ra bạo lực hay phản ứng của họ với nạn nhân của bạo lực.

3) *Vai trò của cộng đồng trong cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho phụ nữ bị ảnh hưởng bởi bạo lực.* Để làm rõ vai trò của cộng đồng trong cung cấp các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân, tác giả phân tích mức độ phổ biến, và khả năng dễ tiếp cận của các dịch vụ hỗ trợ, trợ giúp do các cơ quan, tổ chức và người dân trong cộng đồng cung cấp.

4) *Vai trò của cộng đồng trong thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội,* nâng cao năng lực cho phụ nữ và nam giới để thay đổi các yếu tố có nguy cơ làm gia tăng bạo lực, giúp hạn chế bạo lực gia đình. Để làm rõ vai trò của cộng đồng trong việc tạo môi trường giảm nguy cơ bạo lực, tác giả tập trung phân tích vai trò của các chủ thể trong cộng đồng như các tổ chức chính trị - xã hội, thiết chế gia đình, dòng họ trong triển khai các biện pháp thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

2.3. LÝ THUYẾT ÁP DỤNG TRONG NGHIÊN CỨU VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ

2.3.1. Lý thuyết về sự thay đổi

Lý thuyết về sự thay đổi (*theory of change*) xuất hiện và được phát triển từ cuối thập niên 1990 trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển và chính sách xã hội, gắn với các học giả như Carol Weiss – người nhấn mạnh tầm quan trọng của việc làm rõ logic nguyên nhân – kết quả trong quá trình can thiệp xã hội. Sự ra đời và phát triển của lý thuyết về sự thay đổi xuất phát từ nhu cầu lý giải cách thức và điều kiện để một hoạt động, chương trình hay chính sách có thể tạo ra những thay đổi mong muốn trong thực tiễn. Nội dung cốt lõi của lý thuyết là xây dựng một chuỗi logic từ đầu vào - hoạt động - sản phẩm - kết quả - tác động, đồng thời xác

định rõ các giả định và yếu tố trung gian có thể ảnh hưởng đến tiến trình thay đổi. Nhờ đó, lý thuyết về sự thay đổi không chỉ dừng ở việc mô tả mục tiêu mà còn giải thích cơ chế vận hành, lý do tại sao một can thiệp được kỳ vọng thành công, cũng như những rủi ro hoặc hạn chế có thể phát sinh. Đây là một khung tham chiếu quan trọng, giúp các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách phân tích vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số, bởi nó cho phép xác định rõ những yếu tố nào cần thay đổi, thay đổi theo cách nào và cộng đồng sẽ tham gia ra sao trong quá trình ấy.

Tại một Hội nghị Thượng đỉnh của Canada, lý thuyết được đại biểu nhất trí đề xuất áp dụng trong đánh giá hiệu quả các mô hình can thiệp dựa vào cộng đồng. Lý thuyết nhấn mạnh rằng các biện pháp can thiệp dựa vào cộng đồng và sự thay đổi chuẩn mực xã hội là những động lực chính giúp giảm mức độ bạo lực gia đình [25]. Theo đó, lý thuyết sẽ đánh giá các hoạt động can thiệp của cộng đồng và so sánh kết quả nhằm tìm ra những thay đổi dưới tác động của quá trình triển khai các biện pháp can thiệp. Để đánh giá kết quả đạt được của các biện pháp can thiệp, lý thuyết quan tâm đến các hoạt động và kết quả. Các hoạt động đề cập đến các hành động mà một can thiệp cụ thể đang hướng đến triển khai. Các hành động đó được thực hiện vì người ta tin rằng khi thực hiện cùng nhau, chúng sẽ dẫn đến một số loại thay đổi cụ thể; thường được tổ chức thành các nhóm hoạt động được gọi là "thành phần chính". Kết quả thì đề cập đến những thay đổi dự kiến sẽ xảy ra khi các hoạt động được triển khai như mong đợi; thường được đánh giá qua các từ biểu thị sự thay đổi (ví dụ: tăng, giảm, nhiều hơn, ít hơn, nâng cao, ít hơn, v.v.). Kết quả có thể là ngắn hạn hoặc dài hạn và có thể đề cập đến sự thay đổi ở từng cá nhân, nhóm người hoặc môi trường xung quanh. Kết quả dự kiến của một dự án nghiên cứu dựa trên cộng đồng thường được nhóm thành ba loại chính: 1) quy trình nghiên cứu, 2) tính nghiêm ngặt của nghiên cứu và 3) tác động của nghiên cứu. Việc sắp xếp ba loại kết quả này là để nhấn mạnh lại niềm tin rằng cả chất lượng thiết kế (tính nghiêm ngặt) và tiện ích nghiên cứu (tác động) của nghiên cứu dựa trên cộng đồng đều phụ thuộc vào mức độ nghiên cứu được triển

khai (quy trình) tốt như thế nào.

Các nhà nghiên cứu sử dụng lý thuyết về sự thay đổi nhằm cố gắng đánh giá kết quả liên quan đến quá trình triển khai các biện pháp can thiệp. Đồng thời tìm kiếm các yếu tố có thể ảnh hưởng đến hiệu quả, tác động của các biện pháp này. Lý thuyết cho rằng việc từ bỏ các hoạt động, hành động có hại trong cộng đồng đòi hỏi nhiều hơn là sự thay đổi về kiến thức và thái độ của cá nhân; nó cũng bao gồm sự thay đổi trong các chuẩn mực xã hội hoặc kỳ vọng xã hội về hành vi. Những dự án áp dụng lý thuyết về sự thay đổi cố gắng thiết kế các biện pháp can thiệp sử dụng ngôn ngữ và hình ảnh quen thuộc để giáo dục về các quyền con người. Lý thuyết này cho rằng các cộng đồng có thể xác định được những mối quan tâm cụ thể và giải quyết một cách nghiêm túc thực tế xung quanh họ. Đồng thời, quy định rằng khi mọi người tiếp cận được thông tin từ các nguồn đáng tin cậy, cũng như cơ hội để suy ngẫm về những hàm ý của nó, thì họ có nhiều khả năng cùng nhau thực hiện các thay đổi vì lợi ích của họ; họ sẽ nỗ lực để xác định các giải pháp thay thế khả thi; và tích cực theo đuổi chúng.

Bản chất hợp tác nhóm của quá trình này cung cấp năng lượng và động lực cần thiết để thúc đẩy sự thay đổi, điều mà nếu để các cá nhân tự hành động, sẽ khó có thể đạt được. Để tạo ra sự thay đổi đầu tiên các dự án tăng cường thực hiện các hành động quan tâm đến các nạn nhân. Quá trình đó tập trung vào việc thu hút các thành viên cộng đồng tham gia vào quá trình phản ánh và nhận ra các giá trị, nguyện vọng và các chuẩn mực có hại nuôi dưỡng bạo lực và phân biệt đối xử, sau đó tìm ra các giải pháp để thay thế nạn bạo lực và phân biệt đối xử. Các thành viên cộng đồng được khuyến khích cam kết thực hiện hành động cụ thể để thúc đẩy các mối quan hệ bình đẳng giới trong gia đình và cộng đồng của họ. Truyền đạt cam kết về các niềm tin và hành vi bình đẳng giới với người khác và xây dựng một môi trường hỗ trợ hành vi lành mạnh, phi bạo lực thông qua việc áp dụng luật pháp và chính sách, cũng là những khía cạnh quan trọng của quá trình thay đổi vai trò của cộng đồng.

Các nhà nghiên cứu áp dụng lý thuyết về sự thay đổi mong muốn tuân thủ các nguyên tắc tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả những người trong cộng đồng có thể

tham gia vào các can thiệp phòng ngừa bạo lực thông qua hoạt động để trao quyền, trao cơ hội cho họ thực hiện. Các học giả từ lâu đã khẳng định rằng sự tham gia là một quá trình trao quyền, có thể khiến các cá nhân cảm thấy rằng họ có quyền kiểm soát các rào cản chính trị, kinh tế và tâm lý để đạt được sự thay đổi trong cuộc sống của họ. Sự hiểu biết về sự tham gia như một đòn bẩy trao quyền và do đó tăng cường khả năng huy động cộng đồng tham gia vào các hoạt động. Việc huy động sự tham gia của cộng đồng không chỉ chú trọng vào triển khai các biện pháp, dịch vụ hỗ trợ cụ thể như y tế hay giáo dục mà còn thúc đẩy sự tham gia vào quá trình ra quyết định. Chính nhờ sự tham gia vào quá trình ra quyết định mà các cá nhân nhận ra tiềm năng của họ trong việc mang lại sự thay đổi. Lý thuyết về sự thay đổi đã khái niệm hóa sự tham gia như một chuỗi liên tục, bắt đầu bằng việc cung cấp thông tin (chia sẻ thông tin) và kết thúc bằng quá trình tích cực trong đó những người hưởng lợi dự định tác động đến các chương trình và phát triển cá nhân.

Có thể thấy rằng lý thuyết về sự thay đổi có khả năng cung cấp một bối cảnh rộng lớn cho việc thiết kế các công cụ giúp nhà nghiên cứu và người làm chính sách kiểm chứng đánh giá tác động mà các biện pháp can thiệp dựa vào cộng đồng đã và đang được triển khai. Khi nghiên cứu về vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD, lý thuyết về sự thay đổi có thể cung cấp một mô hình rõ ràng để đánh giá cách thức của các can thiệp xã hội nào có thể góp phần vào chuỗi các kết quả mong muốn. Những thay đổi này (thường được gọi là "kết quả" hoặc "tác động") có thể ngắn hơn hoặc dài hơn về mặt thời gian và có thể xảy ra trong phạm vi một cá nhân, một nhóm người hoặc môi trường xung quanh. Bên cạnh đó lý thuyết cũng có thể giúp cung cấp một lộ trình toàn diện để thực hiện nghiên cứu về vai trò của cộng đồng. Trong các thập kỷ gần đây, lý thuyết về sự thay đổi đã được xem là công cụ hữu ích cho việc lập kế hoạch và quản lý chương trình trên nhiều lĩnh vực của xã hội. Lý thuyết này không chỉ cung cấp cái nhìn sâu sắc về sự thay đổi dự định mà còn cho chúng ta các thông tin về mô hình hành động, tức là cách tốt nhất mà các chương trình nên được triển khai. Đây là một lý thuyết có tính cụ thể theo ngữ cảnh; chủ yếu mô tả một can thiệp cụ thể theo đó có thể giúp xây dựng sự đồng thuận về các thành phần và kết quả của nghiên cứu

dựa vào cộng đồng.

Lý thuyết về sự thay đổi đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá các dự án nghiên cứu dựa vào cộng đồng. Đánh giá chất lượng của một chương trình thông qua lý thuyết về sự thay đổi của chính chương trình đó đã trở thành phương pháp chủ đạo trong lĩnh vực đánh giá hiện nay. Mặc dù có nhiều các nguyên tắc chung cho nghiên cứu về cộng đồng, nhưng có rất ít sự đồng thuận về những tác động có giá trị mà các biện pháp can thiệp này có thể tạo ra. Theo đó, lý thuyết có thể cung cấp khuôn khổ cần thiết tạo ra sự đồng thuận trong việc đánh giá các kết quả mà các biện pháp can thiệp mang lại. Sự đồng thuận về các tiêu chuẩn đánh giá như vậy sẽ hữu ích cho việc tăng cường tính nghiêm ngặt trong nghiên cứu dựa vào cộng đồng, góp phần làm tăng khả năng thành công trong việc triển khai các biện pháp can thiệp.

Cho dù có nhiều ưu điểm nhưng lý thuyết về sự thay đổi cũng được đánh giá là có hạn chế nhất định, đặc biệt khi lý thuyết này đánh giá kết quả mang tính khát vọng: nó mô tả những gì được dự đoán chứ không phải những gì thực sự đã xảy ra. Do đó, lý thuyết về sự thay đổi phù hợp với đánh giá trong đó các kết quả dự đoán được đánh giá dựa trên các kết quả thực tế.

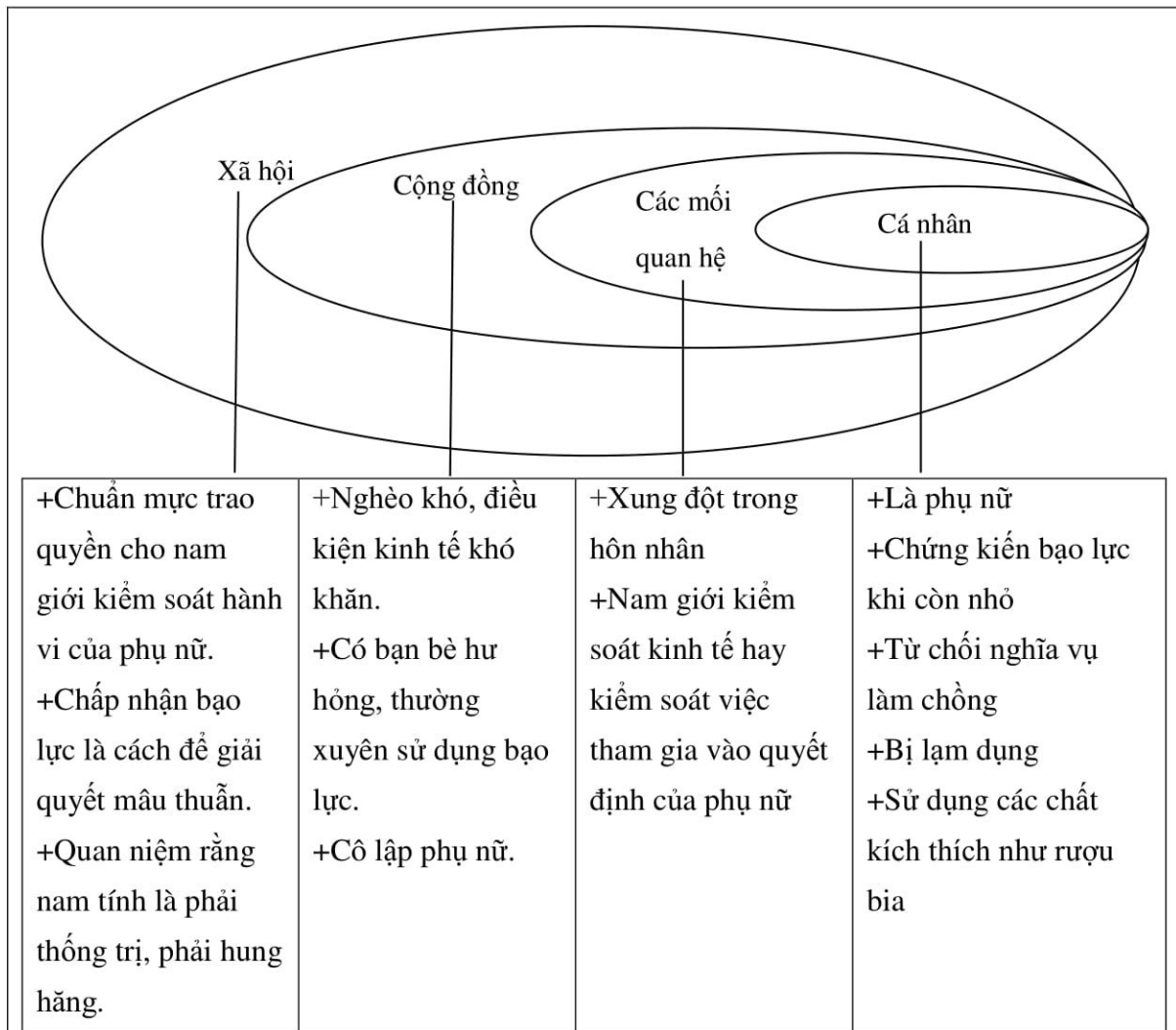
Luận án áp dụng quan điểm của lý thuyết về sự thay đổi nhằm kiểm tra đánh giá tác động, hiệu quả của các biện pháp mà cộng đồng đang triển khai nhằm phòng ngừa bạo lực với phụ nữ DTTS, đồng thời phát triển đề xuất các biện pháp can thiệp mới. Theo đó, chúng tôi áp dụng lý thuyết về sự thay đổi để liên kết các hoạt động mà cộng đồng đang triển khai với các kết quả mong muốn của nó. Sử dụng quan điểm của lý thuyết này để xác định các giải pháp nhằm giải quyết một cách có hiệu quả nguyên nhân của các vấn đề đang cản trở tiến độ và định hướng của các quyết định cho cách tiếp cận nào nên được thực hiện; xem xét các lợi thế so sánh, tính hiệu quả, tính khả thi và sự không chắc chắn của các biện pháp can thiệp. Đồng thời, cũng giúp chúng tôi xác định các giả định và rủi ro tiềm ẩn cần thiết để hiểu một cách thấu đáo hơn và xem xét lại trong suốt quá trình nhằm đảm bảo phương pháp tiếp cận sẽ góp phần tạo ra sự thay đổi như

mong muốn.

2.3.2. Lý thuyết sinh thái - xã hội

Phần lớn các chương trình phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ do các tổ chức quốc tế triển khai đều hướng đến thay đổi quan niệm về giá trị của phụ nữ và vai trò mà họ có thể đảm nhiệm. Ví dụ, Tuyên bố về Xóa bỏ mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ kêu gọi các quốc gia triển khai các biện pháp phòng ngừa bạo lực theo cách tiếp cận toàn diện, theo đó cần triển khai nhiều giải pháp mang tính pháp lý, chính trị, hành chính và văn hóa để thúc đẩy việc bảo vệ phụ nữ trước mọi hình thức bạo lực[58]. Do đó, nhiệm vụ đầy thách thức là phải phát triển một phương pháp thực tế để tạo ra những ngôi nhà và cộng đồng an toàn cho phụ nữ, nơi mà các quyền con người của phụ nữ được tôn trọng. Để làm được điều này trước hết cần hiểu được nguyên nhân dẫn đến bạo lực, cách thức nào mà bạo lực xảy ra và được duy trì hay tái diễn.

Vì vậy, khung lý thuyết sinh thái xã hội là một trong những cách tiếp cận quan trọng giúp ta nhận diện và phân tích được các nguyên nhân và cách thức mà bạo lực xảy ra [58]. Được xây dựng bởi nhà tâm lý học người Mỹ Bronfenbrenner vào năm 1975, lý thuyết sinh thái xã hội hiện được áp dụng trên phạm vi quốc tế để giải quyết các vấn đề mang tính gốc rễ của bạo lực trên cơ sở giới [55,tr.23] và cung cấp một khung phân tích toàn diện để nhận diện các yếu tố tác động đến bạo lực ở các cấp độ. Lý thuyết chứng minh rằng hành vi bạo lực phát sinh từ sự tương tác phức tạp của các động lực cá nhân, các mối quan hệ giữa các cá nhân và các thành viên khác trong cộng đồng hoặc giữa cộng đồng và xã hội. Nó khẳng định rằng bạo lực có thể được duy trì và tái diễn do sự phối kết hợp của bốn nhóm yếu tố gồm xã hội, cộng đồng, các mối quan hệ và cá nhân. Các yếu tố ở mỗi cấp độ cùng tác động làm gia tăng hoặc giảm thiểu tình trạng bạo lực trên cơ sở giới [58]. (*Xem Hình 2.1*):



Hình 2.1: Khung sinh thái - xã hội

Nguồn: UN Division for the Advancement of Women [47].

Cấp độ cá nhân: Các đặc điểm cá nhân (của người bị bạo lực hoặc người gây bạo lực) như giới tính, tuổi tác, điều kiện kinh tế, vị trí xã hội, khuyết tật, hoàn cảnh cá nhân, sức khỏe, trình độ học vấn... là các yếu tố có thể làm tăng nguy cơ bị bạo lực hoặc gây ra bạo lực. Ví dụ một phụ nữ khuyết tật có thể có nguy cơ bị bạo lực cao hơn phụ nữ không khuyết tật. Chứng kiến hay bị lạm dụng bạo lực khi còn nhỏ, hay lạm dụng các chất kích thích như rượu bia.

Cấp độ mối quan hệ: Mối quan hệ với người khác, ảnh hưởng của các mối quan hệ thân thiết như mối quan hệ trong gia đình, bạn bè, đồng nghiệp; hoặc dụ

cha mẹ, các thành viên gia đình có thể ảnh hưởng đến tình trạng tảo hôn của con cái. Trẻ em gái dễ bị lừa gạt và mua bán khi bị ảnh hưởng bởi áp lực từ bạn bè đồng trang lứa cần phải có công việc, kiếm được tiền nên buộc phải di cư và rơi vào tình trạng bị bóc lột, mua bán người. Đồng nghiệp im lặng khi chứng kiến quấy rối tình dục nơi làm việc làm tình trạng này có khả năng diễn ra với nhiều đồng nghiệp khác... các biểu hiện trong các mối quan hệ như: phụ nữ bị kiểm soát, ít có tiếng nói trong gia đình, các mâu thuẫn xung đột trong hôn nhân.

Cấp độ cộng đồng: Các đặc điểm của cộng đồng nơi họ sống có thể tăng nguy cơ hoặc tăng yếu tố bảo vệ nạn nhân trước các hành vi bạo lực, ví dụ như tính sẵn có các dịch vụ hỗ trợ, sự nghèo đói, các phong tục tập quán tại cộng đồng, tình trạng mất an ninh, tệ nạn xã hội, các cơ sở vật chất thiết kế không đảm bảo an toàn...

Cấp độ xã hội: Các chuẩn mực xã hội, mối quan hệ quyền lực bất bình đẳng trong xã hội, luật pháp, chính sách...

Dựa trên những phân tích về các yếu tố tác động đến bạo lực, lý thuyết sinh thái - xã hội đưa ra phương pháp tiếp cận mới để giải quyết các vấn đề gốc rễ mang tính cấu trúc của bạo lực, bao gồm mối quan hệ, tư duy và hành vi của các tác nhân có ảnh hưởng chính trong hệ thống - cũng là những yếu tố ảnh hưởng đến việc triển khai chính sách phòng ngừa bạo lực với phụ nữ. Theo quan điểm của lý thuyết này, để phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới, cần có sự tham gia của tất cả các bên liên quan, và được chia thành ba cấp độ như sau:

Phòng ngừa ở cấp độ 1 (cấp độ ban đầu): cấp độ này nhằm ngăn chặn bạo lực xảy ra chủ yếu thông qua việc nâng cao nhận thức của cá nhân, tổ chức, cộng đồng và xã hội. Các biện pháp này cần thực hiện đồng thời ở cả 4 mức độ của vòng tròn sinh thái ví dụ như đối với *cá nhân*, cần phải thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức về BLGD, bạo lực trên cơ sở giới; đối với *gia đình* hay các mối quan hệ xã hội thì cần thực hiện các chương trình, biện pháp ngăn ngừa bạo lực như xây dựng mối quan hệ tôn trọng, bình đẳng; đối với *cộng đồng* cần thực hiện nhiều biện pháp như nâng cao nhận thức, huy

động cộng đồng tham gia lên tiếng đối với các vụ việc bạo lực, có các sáng kiến tuyên truyền về bạo lực; đối với *xã hội*, nhà nước cần thúc đẩy vai trò của nhà nước trong việc ban hành văn bản pháp luật có liên quan, và các chương trình, kế hoạch hành động về phòng ngừa bạo lực với phụ nữ.

Phòng ngừa ở cấp độ 2: để ngăn chặn các nguy cơ xảy ra bạo lực. Trong xã hội, sẽ có những nhóm có nguy cơ bị bạo lực cao hơn, ví dụ như nhóm dễ bị tổn thương, hoặc trong cộng đồng dân cư có những gia đình có nguy cơ xảy ra bạo lực (hộ nghèo, có cha mẹ lạm dụng chất kích thích, thất nghiệp...), do đó cần xác định các nhóm có nguy cơ để có các biện pháp can thiệp phù hợp nhằm ngăn chặn bạo lực xảy ra. Các tổ chức cộng đồng, tổ chức xã hội, tổ chức đoàn thể ở địa phương (ví dụ như Hội phụ nữ, Tổ hòa giải, Tổ dân phố...) sẽ xác định các hộ gia đình có nguy cơ xảy ra bạo lực để có biện pháp ngăn chặn, nâng cao nhận thức, hỗ trợ sinh kế, xóa bỏ định kiến giới, phân biệt đối xử về giới v.v, từ đó làm hạn chế các nguy cơ xảy ra bạo lực.

Phòng ngừa ở cấp độ 3: Là việc áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết để hỗ trợ người bị bạo lực tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ cần thiết, bảo đảm an toàn cho người bị bạo lực và ngăn chặn vụ việc bạo lực tiếp tục xảy ra và đồng thời bảo đảm thủ phạm phải được xử lý. Ví dụ như cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho người bị bạo lực bao gồm chăm sóc y tế, tư vấn tâm lý, trợ giúp pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ, và áp dụng các biện pháp làm chấm dứt hành vi bạo lực tiếp diễn như áp dụng các biện pháp chế tài đối với người gây bạo lực, áp dụng biện pháp tạm lánh tại các địa chỉ tin cậy ở cộng đồng, trung tâm hỗ trợ nạn nhân và người thân của họ.

Khi áp dụng cách tiếp cận của lý thuyết sinh thái xã hội, đề tài hướng đến đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố cá nhân, các mối quan hệ, yếu tố cộng đồng đến bạo lực. Vận dụng lý thuyết này NCS tập trung mô tả vai trò của các chủ thể trong cộng đồng như tổ chức trong: thôn bản, nơi làm việc, trong gia đình để phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS. Luận án áp dụng cách tiếp cận của lý thuyết sinh thái-xã hội để thiết kế các giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực với phụ nữ. Theo đó, luận án cố gắng đề xuất các giải

pháp theo cách tiếp cận phòng ngừa, hướng đến triển khai đồng bộ và toàn diện các nhóm giải pháp ở mọi cấp độ của mô hình sinh thái bao gồm: việc tạo ra một môi trường pháp lý và chính sách hỗ trợ quyền của phụ nữ, một nền văn hóa trong cộng đồng thúc đẩy các hành vi nên án bạo lực, các giải pháp để hỗ trợ cải thiện các mối quan hệ giữa các thành viên gia đình dựa trên nguyên tắc công bằng và bình đẳng. Các cá nhân có quan điểm văn hoá tiến bộ nói không với bạo lực và không cổ xúy cho bạo lực, biết cách ngăn chặn bạo lực xảy ra.

2.4. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH

2.4.1. Các cam kết quốc tế liên quan đến phòng ngừa bạo lực giới, bạo lực gia đình mà Việt Nam đã tham gia

Tham gia các cam kết quốc tế về bảo vệ quyền con người là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Cộng đồng quốc tế đánh giá Việt Nam là một trong những quốc gia đi tiên phong trong xây dựng chính sách và luật pháp nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và chấm dứt nạn bạo lực đối với phụ nữ. Cho đến nay, Việt Nam đã ký và thực hiện nhiều cam kết quốc tế về phòng chống bạo lực gia đình và bạo lực trên cơ sở giới, nổi bật là Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (Công ước CEDAW) – là Công ước được Việt Nam ký kết năm 1980 và phê chuẩn năm 1981.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng tham gia ký kết và cam kết thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh năm 1995 (Cương lĩnh). Đây không phải là một văn kiện bắt buộc nhưng được coi là văn bản thống nhất và toàn diện nhất về những vấn đề liên quan đến phụ nữ mà thế giới đồng thuận và chứng kiến. Cương lĩnh này đề cập đến hàng loạt các vấn đề bất bình đẳng giới, quyền con người tới nghèo đói; yêu cầu các quốc gia tham gia thực hiện việc đảm bảo lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng và hoạch định luật pháp chính sách trên mọi lĩnh vực, trong đó có phòng, chống bạo lực gia đình; kêu gọi người dân và tổ chức, cộng đồng tham gia Cương lĩnh cam kết thực hiện hàng loạt các hành động, bình đẳng giới trong các lĩnh vực hướng tới chấm dứt bạo lực với phụ nữ.

Cho đến nay, Việt Nam đã và đang cam kết thực hiện các Mục tiêu phát

triển bền vững trong đó xác định các quốc gia thành viên LHQ xây dựng một xã hội “không bạo lực” vào năm 2030. Đồng thời, Việt Nam tham gia thực hiện Tuyên bố của Liên hợp quốc về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ (theo Nghị quyết số 48/104 ngày 20/12/1993 của Đại Hội đồng Liên hợp quốc). Tuyên bố nêu rõ:

- Phụ nữ được quyền thụ hưởng bình đẳng và được bảo vệ tất cả các quyền con người, bao gồm quyền sống, bình đẳng, tự do, an toàn cá nhân, quyền được bảo vệ bình đẳng trước pháp luật và quyền không bị tra tấn hay đối xử, trừng phạt một cách độc ác, vô nhân đạo hoặc hèn hạ.

- Các quốc gia có nghĩa vụ lên án bạo lực đối với phụ nữ và không được viện dẫn bất kỳ tập quán, truyền thống hay lý do tôn giáo nào nhằm từ chối trách nhiệm xóa bỏ bạo lực.

- Các quốc gia phải thực hiện trách nhiệm đầy đủ để phòng ngừa, điều tra và trừng trị các hành vi bạo lực đối với phụ nữ theo pháp luật quốc gia, dù các hành vi đó là do Nhà nước hay cá nhân thực hiện.

- Các quốc gia có nghĩa vụ thiết lập những biện pháp phòng ngừa để tăng cường bảo vệ phụ nữ trước mọi hình thức bạo lực và đảm bảo rằng phụ nữ không bị tổn thương thêm do sự thiếu nhạy cảm giới của hệ thống luật pháp, các hoạt động hành pháp và các can thiệp khác.

- Các quốc gia phải có biện pháp đảm bảo rằng phụ nữ bị bạo lực và con cái (nếu có) nhận được sự trợ giúp đặc biệt, như phục hồi sức khỏe, trợ giúp chăm sóc con cái, điều trị, tư vấn, các dịch vụ y tế và xã hội, các cơ sở và chương trình trợ giúp.

- Các quốc gia có nghĩa vụ thiết lập những biện pháp phòng ngừa để tăng cường bảo vệ phụ nữ trước mọi hình thức bạo lực và đảm bảo rằng phụ nữ không bị tổn thương thêm do sự thiếu nhạy cảm giới của hệ thống luật pháp, các hoạt động hành pháp và các can thiệp khác.

- Các quốc gia phải có biện pháp đảm bảo rằng phụ nữ bị bạo lực và con cái (nếu có) nhận được sự trợ giúp đặc biệt, như phục hồi sức khỏe, trợ giúp chăm sóc con cái, điều trị, tư vấn, các dịch vụ y tế và xã hội, các cơ sở và chương trình trợ giúp.

- Các quốc gia phải thực hiện các biện pháp đảm bảo rằng những cán bộ hành pháp và công chức chịu trách nhiệm thực hiện các chính sách phòng ngừa, điều tra và xử lý bạo lực đối với phụ nữ phải được tập huấn để nhạy cảm hơn về các nhu cầu của phụ nữ./.

Việt Nam cũng chủ động và tham gia có trách nhiệm trong việc đưa ra các sáng kiến và tuyên bố chung liên quan đến bình đẳng giới, xoá bỏ bạo lực trên cơ sở giới và bạo lực gia đình trong khu vực ASEAN; thúc đẩy cơ hội phát triển của phụ nữ và kinh tế trong khuôn khổ APEC. Cụ thể là Tuyên bố về Xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ trong khu vực ASEAN (2004); Tuyên bố về Xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và Xóa bỏ bạo lực đối với trẻ em ASEAN (2013); Kế hoạch hành động khu vực ASEAN về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ (2015). Trong quá trình tham gia các cam kết, các quốc gia thành viên ASEAN, trong đó có Việt Nam đều thống nhất rằng bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái (BLPNTEG) là "một trở ngại cho sự phát triển kinh tế và xã hội của các cộng đồng và các quốc gia [1]. Đồng thời, Việt Nam tăng cường học hỏi và trao đổi kinh nghiệm và cách làm hay về phòng, chống bạo lực gia đình trong hợp tác song phương với các quốc gia.

2.4.2. Chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình

*** Chủ trương và quan điểm của Đảng về phòng ngừa bạo lực gia đình**

Gia đình là tổ ấm, môi trường đầu tiên, quan trọng nhất để hình thành, nuôi dưỡng nhân cách, giáo dục đạo đức, lối sống văn minh và trao truyền các giá trị văn hóa tốt đẹp. Thực hiện lời căn dặn của chủ tịch Hồ Chí Minh “muốn xây dựng xã hội tốt phải chăm lo xây dựng gia đình tốt”. Những năm qua Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo công tác xây dựng đời sống gia đình Việt Nam. Một số văn bản chính có thể kể đến như Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Nghị quyết này xác định gia đình là yếu tố quyết định trong tiến trình xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện.

Nghị quyết Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhấn mạnh xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa lành mạnh trong hệ thống chính trị, trong mỗi địa phương, trong từng cộng đồng, làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, khu công nghiệp và mỗi gia đình, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, đạo đức, lối sống. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc khóa XIII cũng đề ra các quan điểm, chủ trương, giải pháp cụ thể cho việc thực hiện các biện pháp phát triển gia đình hạnh phúc, bền vững và thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình toàn diện, khả thi, có hiệu quả.

Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới nêu vấn đề: một trong số những thách thức đối với công tác xây dựng gia đình là việc “chưa xử lý triệt để tình trạng bạo lực gia đình”. Trên cơ sở đó, Chỉ thị yêu cầu cần phải “Kiên quyết đấu tranh chống lối sống thực dụng, tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình, xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu trong hôn nhân và gia đình”.

*** Chính sách pháp luật của Nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình và bạo lực trên cơ sở giới**

Trên cơ sở chủ trương và quan điểm nêu trên, đồng thời tuân thủ các cam kết quốc tế, Việt Nam đã nỗ lực trong đấu tranh với bạo lực gia đình và bạo lực trên cơ sở giới. Việc ban hành một số luật quan trọng, trong đó có Luật Bình đẳng giới 2006, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2007, Luật Phòng, chống mua bán người 2011, Bộ luật Lao động (sửa đổi) 2019 và Luật Trẻ em 2016 đã chứng minh hành động mạnh mẽ của Việt Nam trong việc thúc đẩy bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới. Theo đó, các văn bản dưới luật, các Chiến lược, Chương trình quốc gia về bình đẳng giới, phòng chống mua bán người, bảo vệ trẻ em và giáo dục, phòng chống bạo lực gia đình đã thúc đẩy những hành động cụ thể nhằm ngăn ngừa và kiểm soát vấn đề bạo lực trên cơ sở giới.

Xây dựng và phát triển gia đình được quy định trong Hiến pháp năm 2013. Theo đó, Khoản 3, Điều 60 của Hiến pháp 2013 đã khẳng định Nhà nước và xã hội tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng con người Việt Nam có sức khỏe, văn hóa, giàu lòng yêu nước, có tinh thần đoàn kết, ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân. Theo đó, các văn bản luật đã cụ thể hoá quy định của Hiến pháp để bảo vệ quyền và lợi ích của công dân như: Bộ luật Hình sự (2015), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015, Bộ luật Dân sự (2015), Bộ luật Lao động (2019); Luật Trẻ em (2016); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính (2020); Luật Phòng, chống ma túy (2021) và một số luật khác có liên quan.

Sau khi tổng kết và đánh giá 15 năm thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Quốc hội đã nhất trí thông qua Luật phòng, chống bạo lực gia đình Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 gồm 06 chương, 56 điều, có hiệu lực thi hành từ 01/7/2023 sẽ tiếp tục tạo ra những chuyển biến tích cực trong phòng, chống bạo lực gia đình, góp phần xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Các nội dung mới nổi bật gồm: (i) thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước với các giải pháp thực hiện các biện pháp phát triển gia đình hạnh phúc, bền vững và thực hiện phòng chống bạo lực gia đình toàn diện, khả thi, có hiệu quả nêu trong Nghị quyết Đại hội XII, XIII của Đảng; Nghị quyết 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới; Hiến pháp năm 2013 và các Luật bảo vệ quyền và lợi ích công dân như: Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Bộ Luật Hình sự 2015; Bộ Luật Dân sự 2015...; (ii) giải quyết những bất cập trong thực tiễn thi hành luật về công tác phòng ngừa, ngăn chặn, hỗ trợ, bảo vệ trong Phòng, chống bạo lực gia đình: giải quyết những bất cập của thuật ngữ, khái niệm; bất cập của các quy định về phòng ngừa bạo lực gia đình; những bất cập của các quy định về hòa giải; về bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân

bạo lực gia đình; về xử lý hành vi bạo lực gia đình và vi phạm pháp luật trong phòng, chống bạo lực gia đình; Về công tác phối hợp liên ngành và điều kiện đảm bảo để thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình; Về công tác xã hội hóa trong phòng, chống bạo lực gia đình; (iii) bảo đảm phù hợp với các Điều ước, cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia và bài học kinh nghiệm quốc tế trong phòng, chống bạo lực gia đình.

Quyền và trách nhiệm của các chủ thể có liên quan đến vấn đề BLGD được quy định trong Luật phòng, chống bạo lực gia đình như sau:

* *Quyền, trách nhiệm của nạn nhân bạo lực gia đình*: Người bị bạo lực gia đình có các quyền sau đây: (1) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác có liên quan đến hành vi BLGD; (2) Yêu cầu cơ quan, cá nhân có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ theo quy định của Luật này; (3) Được bố trí nơi tạm lánh, giữ bí mật về nơi tạm lánh và thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; (4) Được cung cấp dịch vụ y tế, tư vấn tâm lý, kỹ năng để ứng phó với bạo lực gia đình, trợ giúp pháp lý và trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật; (5) Yêu cầu người có hành vi BLGD khắc phục hậu quả, bồi thường tổn hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và thiệt hại về tài sản; (6) Được thông tin về quyền và nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình, xử lý hành vi bạo lực gia đình; (7) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình; (8) Quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến phòng, chống BLGD (9) Người bị bạo lực gia đình, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời thông tin liên quan đến hành vi bạo lực gia đình khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

* *Trách nhiệm của người có hành vi bạo lực gia đình*: Chấm dứt ngay hành vi BLGD; Chấp hành yêu cầu, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khi áp dụng biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ và xử lý vi

phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình; Kịp thời đưa người bị BLGD đi cấp cứu, điều trị. Chăm sóc người bị BLGD, trừ trường hợp người bị BLGD, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình từ chối; Bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do mình gây ra cho người bị BLGD, người tham gia phòng, chống BLGD và tổ chức, cá nhân khác; Người có hành vi bạo lực gia đình là người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của người bị BLGD thì không được thực hiện quyền của người giám hộ, người đại diện theo pháp luật quy định của Luật này đối với vụ việc bạo lực gia đình do mình thực hiện

** Quyền và trách nhiệm của thành viên gia đình trong phòng, chống bạo lực gia đình:* Giáo dục, nhắc nhở thành viên gia đình thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống BLGD, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới và quy định khác của pháp luật có liên quan; Hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình; yêu cầu người có hành vi BLGD chấm dứt ngay hành vi BLGD; tham gia chăm sóc người bị bạo lực gia đình; Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư trong phòng, chống bạo lực gia đình; Thực hiện các biện pháp trong phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

** Quyền và trách nhiệm của cá nhân trong phòng, chống bạo lực gia đình:* Được khen thưởng khi có thành tích trong phòng, chống BLGD theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; được bảo vệ, giữ bí mật về thông tin cá nhân khi báo tin, tố giác hành vi bạo lực gia đình; được Nhà nước hỗ trợ để bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản khi tham gia phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định. Cá nhân khi phát hiện hành vi bạo lực gia đình có trách nhiệm sau đây: Báo tin, tố giác ngay cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; và Tham gia bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình và các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng.

Ngày 1/11/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 76/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống BLGD (có hiệu lực thi hành từ ngày 25/12/2023). Nghị định 76/2023/NĐ-CP quy định rõ các hành vi BLGD cho từng

trường hợp cụ thể; quy trình tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi BLGD; đơn vị có trách nhiệm giải quyết của cơ quan chức năng; quy trình thực hiện biện pháp cấm người có hành vi bạo lực tiếp xúc với nạn nhân; cơ chế tuyên truyền phòng chống bạo lực gia đình. Trong đó, các hành vi BLGD được quy định rất chi tiết trong 4 điều khoản (từ Điều 2 đến Điều 5) áp dụng cho 4 trường hợp có quan hệ gia đình mà Luật Phòng, chống bạo lực gia đình chưa nêu cụ thể. Đó là: (a) 16 nhóm hành vi BLGD áp dụng đối với gia đình hợp pháp; (b) 6 nhóm hành vi BLGD áp dụng giữa người đã ly hôn; (c) 11 nhóm hành vi BLGD áp dụng đối với người chung sống như vợ chồng; (d) 3 nhóm hành vi BLGD áp dụng đối với người là cha, mẹ, con riêng, anh, chị, em của người đã ly hôn, người sống chung như vợ chồng; (e) 3 nhóm hành vi bạo lực gia đình áp dụng đối với người đã từng có quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi.

Để xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức thi hành Luật Phòng, chống BLGD bảo đảm đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả, Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình đã được Chính phủ ban hành tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/5/2024. Mục đích nhằm bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc triển khai thi hành Luật Phòng, chống BLGD. Kế hoạch yêu cầu các bộ, ban ngành tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Phòng, chống BLGD và thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Luật Phòng, chống BLGD.

Chương trình về phòng, chống BLGD trong tình hình mới đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 13/1/2022 nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống BLGD tạo chuyển biến về nhận thức, hành động trong phòng, chống bạo lực để từng bước giảm dần bạo lực gia

đình, kịp thời hỗ trợ người bị bạo lực gia đình. Chương trình đưa ra 8 mục tiêu cụ thể, trong đó có 01 mục tiêu yêu cầu các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có cộng tác viên dân số thực hiện các nhiệm vụ về phòng, chống bạo lực gia đình tại cộng đồng phấn đấu đạt 90%[11].

Với quyết tâm xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh là hạt nhân, tế bào lành mạnh của xã hội, tổ ấm của mỗi người, Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 (theo Quyết định số 2238/QĐ-Ttg ngày 30/12/2021) đã đưa ra một trong những mục tiêu cụ thể là phấn đấu hằng năm 90% vụ việc BLGD được giải quyết theo quy định của pháp luật; 100% người bị BLGD được hỗ trợ cung cấp các dịch vụ thiết yếu; 100% địa phương có mô hình can thiệp, phòng ngừa và ứng phó BLGD nhằm giảm tác hại của BLGD, đặc biệt với phụ nữ, người yếu thế và trẻ em. Một số giải pháp nổi bật của Chiến lược là (i) hoàn thiện chính sách pháp luật về gia đình, trong đó có tiến hành rà soát, hoàn thiện sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, thúc đẩy bình đẳng giới; (ii) xây dựng môi trường gia đình văn minh, hạnh phúc, tạo điều kiện cho mọi thành viên được phát triển toàn diện và thụ hưởng thành quả phát triển; nghiên cứu xây dựng hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước; tiếp tục xây dựng các mô hình gia đình kiểu mẫu trong các phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở; (iii) phát huy hiệu quả nguồn lực đầu tư, huy động xã hội hoá, phát triển lĩnh vực gia đình; trong đó nhấn mạnh khuyến khích và huy động cá nhân, tổ chức, cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ gia đình; chăm lo, giúp đỡ, hỗ trợ gia đình dân tộc thiểu số [2].

Nhằm tập trung tuyên truyền, giáo dục về giá trị văn hóa truyền thống; phát huy giá trị tốt đẹp các mối quan hệ trong gia đình và hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững; xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh, ngăn chặn sự suy thoái về đạo đức, lối sống và tệ nạn xã hội xâm nhập vào gia đình; góp phần thực hiện Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã ban hành Bộ Tiêu chí ứng xử trong gia đình để áp dụng cho các thành viên trong gia đình với 5 tiêu chí được phổ biến và áp dụng (Quyết định số 224/QĐ-

BVHTTDL ngày 28/1/2022). Cụ thể gồm (i) Tiêu chí ứng xử chung “Tôn trọng, bình đẳng, yêu thương, chia sẻ”; (ii) Tiêu chí ứng xử của vợ, chồng “Chung thủy, nghĩa tình”; (iii) Tiêu chí ứng xử của cha mẹ với con cái, ông bà với cháu “Gương mẫu, yêu thương”; (iv) Tiêu chí ứng xử của con cái với cha mẹ, cháu với ông bà “Hiếu thảo, lễ phép”; (v) Tiêu chí ứng xử của anh, chị, em “Hoà thuận, chia sẻ”. Theo đó, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia tổ chức hoạt động hỗ trợ tuyên truyền, phổ biến, vận động gia đình, thành viên gia đình thực hiện Bộ Tiêu chí này; các gia đình đăng ký thực hiện theo hướng dẫn với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương ở nơi cư trú. Cho đến nay, đã có 06 mẫu phiếu được áp dụng tại khu dân cư, trong đó có (i) Mẫu số 1a Phiếu đăng ký thực hiện Bộ Tiêu chí ứng xử trong gia đình hàng năm (dành cho hộ gia đình lần đầu đăng ký thực hiện) và Mẫu phiếu 1b Phiếu tự đánh giá thực hiện Bộ Tiêu chí ứng xử trong gia đình (dành cho hộ gia đình tự đánh giá việc thực hiện Bộ Tiêu chí và đăng ký thực hiện trong năm tiếp theo).

Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030 (Nghị Quyết số 28/NQ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ) khẳng định tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước. Mục tiêu 3 về bình đẳng giới trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới đặt ra chỉ tiêu thứ 2 như sau: Đến năm 2025 đạt 80% và đến 2030 đạt 90% người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản; đến năm 2025 đạt 50% và đến năm 2030 đạt 70% người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn. Trong đó, giao cho Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm hướng dẫn triển khai các hoạt động hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình; thu thập, thống kê số liệu liên quan tới số nạn nhân bị bạo lực gia đình, số nạn nhân và người gây bạo lực gia đình được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ, tư vấn.

Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2232/QĐ-TTg ngày 28/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ)

được ban hành nhằm tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, ngăn chặn sự gia tăng của tình trạng này thông qua việc nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân và phát triển, tăng cường khả năng đáp ứng của các cơ sở cung cấp dịch vụ phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Các chỉ tiêu được đặt ra cho đến 2025 là (i) Tối thiểu 50% người bị bạo lực trên cơ sở giới tìm kiếm sự trợ giúp từ cơ quan cung cấp dịch vụ; (ii) 100% trường hợp có nhu cầu trợ giúp về bạo lực trên cơ sở giới được trợ giúp bằng các hình thức khác nhau. Một trong nhóm giải pháp của Chương trình nhấn mạnh về việc truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm về phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới bằng các hình thức đa dạng, phù hợp với các nhóm đối tượng, trong đó Tổ chức các hoạt động truyền thông thường xuyên và chiến dịch truyền thông hướng tới các nhóm đối tượng phù hợp với mục tiêu vận động chính sách và vận động xã hội, tạo sự thay đổi nhận thức, thực hành về bình đẳng giới trong các tầng lớp nhân dân; chú trọng sự tham gia của những người có uy tín trong cộng đồng, nam giới, trẻ em trai, thanh niên nhằm tạo sự thay đổi trong xã hội.

Chương trình phối hợp công tác giai đoạn 2021-2025 được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Ủy ban Dân tộc ký kết nhằm tiếp tục thực hiện công tác phối hợp, triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của người dân trong các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, gia đình truyền thống các dân tộc thiểu số; tổ chức các sự kiện giới thiệu, quảng bá về văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số của Việt Nam, góp phần thu hút, phát triển du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân tộc và công tác văn hoá, thể thao và du lịch, gia đình; tập huấn nâng cao năng lực trong công tác văn hoá, thể thao, du lịch và gia đình cho các các nghệ nhân, Người có uy tín, trưởng thôn, bản người dân tộc thiểu số. Tăng cường tổ chức các hoạt động mang tính đặc thù tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam nhằm bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch, quảng bá, tôn vinh giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Tổ chức triển khai Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số

giai đoạn 2015-2025”; Đề án hỗ trợ bình đẳng giới vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức cơ bản về dân tộc, công tác dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác văn hoá, thể thao, du lịch và gia đình các cấp. Triển khai Dự án xây dựng Học viện Dân tộc tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam theo kế hoạch. Tổ chức Ngày hội giao lưu văn hóa thanh niên, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số xuất sắc; Gặp mặt, biểu dương Người có uy tín, các nghệ nhân dân gian ưu tú là người dân tộc thiểu số trong bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 tác giả tập trung phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD đối với phụ nữ DTTS. Trong đó, đã làm rõ khái niệm, các dạng thức và 16 loại hành vi bạo lực gia đình với phụ nữ được sử dụng trong luận án. Tác giả phân tích khái niệm cộng đồng, vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ.

Bên cạnh đó, Chương 2 cũng chỉ ra bốn nhóm vai trò chính của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gồm 1. Vai trò xã hội hóa trong định hình nhận thức, thái độ và hành vi với bạo lực; 2. Vai trò kiểm soát xã hội; 3. Vai trò tham gia cung cấp các dịch vụ trợ giúp cho phụ nữ bị ảnh hưởng bởi bạo lực; 4. Vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao năng lực cho phụ nữ và nam giới để thay đổi các yếu tố làm gia tăng bạo lực.

Để có cơ sở lý luận định hướng cho việc thu thập, xử lý số liệu và viết báo cáo, chương này luận án đã phân tích quan điểm của hai lý thuyết gồm: 1) Lý thuyết về sự thay đổi; 2) Lý thuyết sinh thái - xã hội. Chương 2 còn giới thiệu chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước để nêu bật khung luật pháp chính sách hiện nay trong phòng ngừa bạo lực với phụ nữ. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho mọi hoạt động nhằm phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam.

Chương 3

CÁC VAI TRÒ TRỌNG YẾU VÀ MỨC ĐỘ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở HÀ GIANG

3.1. KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

Hà Giang là một tỉnh miền núi biên giới thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam. Phía đông giáp tỉnh Cao Bằng, phía tây giáp tỉnh Yên Bái và Lào Cai, phía nam giáp tỉnh Tuyên Quang phía bắc giáp với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Hà Giang có diện tích tự nhiên trên 7.945,79 km², chỗ rộng nhất từ tây sang đông dài 115 km và từ bắc xuống nam dài 137km. Điểm cực bắc của Hà Giang cũng là điểm cực bắc của Tổ quốc, cách Lũng Cú chừng 3km về phía đông, có vĩ độ 23013'00"; điểm cực tây cách Xín Mần khoảng 10km về phía tây nam, có kinh độ 104024'05"; mỏm cực đông cách Mèo Vạc 16 km về phía đông - đông nam có kinh độ 105030'04".

Tỉnh Hà Giang có 10 đơn vị hành chính cấp huyện và 01 thành phố trực thuộc, 193 xã, phường, thị trấn, 2.071 thôn, bản; có 7 huyện nghèo và 133 xã khu vực III thuộc xã đặc biệt khó khăn, 81 thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I và II. Tỉnh có 19 dân tộc sinh sống, đông nhất là Dân tộc Mông chiếm 32,87%, dân tộc Tày chiếm 23,2%, dân tộc Dao chiếm 15,1%, dân tộc Kinh chiếm 13,1%, Nùng chiếm 9,93%, Giáy chiếm 2,17%, Cờ Lao, La Chí chiếm 1,68%, và còn lại là các dân tộc Lô Lô, Pu Páo, Bô Y, Phù Lá, Pà Thẻn, Hoa Hán chiếm 1,05%, Sán Chay, Thái, Sán Dìu, Mường, các dân tộc còn lại.

Trong điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019, toàn bộ 100% (195/195) số xã, phường, thị trấn của tỉnh Hà Giang thuộc vùng dân tộc. Đến năm 2024 toàn tỉnh có 193 xã/phường/thị trấn (trong đó có 133 xã khu vực III thuộc xã đặc biệt khó khăn). Dân số toàn tỉnh năm 2021 ước 887.086 người, trong đó: Dân số nữ 438.715 người, chiếm tỷ lệ 49,46%, dân số khu vực thành thị 140.327 người, chiếm 15,82%. Tỷ số giới tính của dân số toàn tỉnh năm 2021 là 102,2 nam/100 nữ, trong đó khu vực thành thị là 98,12 nam/100 nữ; khu

vực nông thôn là 102,99 nam/100 nữ. Dân số của tỉnh phân bố không đồng đều, tập trung đông ở một số huyện như: huyện Bắc Quang, Vị Xuyên (trên 100.000 người), các huyện vùng cao thì tỷ lệ dân cư tập trung ít hơn như huyện Quản Bạ, Bắc Mê (trên 50.000 người). Tỷ lệ dân số tự nhiên ước đạt 1, 54% [44].

Hà Giang được thiên nhiên ưu đãi với nền văn hoá lâu đời thuộc niên đại đồ đồng Đông Sơn, có các di tích người tiền sử ở Bắc Mê, Mèo Vạc. Đây cũng là tỉnh có nhiều đồng bào dân tộc thuộc vùng Đông Bắc sinh sống với 22 dân tộc có nhiều phong tục tập quán, văn hoá truyền thống, lễ hội sinh động làm cho Hà Giang trở thành nơi hấp dẫn du khách đến tham quan. Tuy nhiên, trình độ nhận thức, dân trí của đa số người dân vẫn còn thấp, một số hủ tục lạc hậu còn tồn tại trong các cộng đồng dân tộc thiểu số. Đến cuối năm 2021, theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2022 – 2025, tỷ lệ hộ nghèo là 42, 08% (trong đó hộ nghèo dân tộc thiểu số chiếm 98,94%), số hộ cận nghèo là 13,21% [44].

Là một địa bàn có đông đồng bào DTTS, nơi tình trạng BLGD vẫn diễn ra với khoảng 20% phụ nữ DTTS [4]. Do đó, trong những năm qua, chính quyền địa phương đã triển khai nhiều hoạt động phòng ngừa BLGD với phụ nữ. Các cấp, ngành và tổ chức đoàn thể các cấp đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới qua tổ chức các chiến dịch, hội thi, sinh hoạt chuyên đề và truyền thông tại cộng đồng, chú trọng vào Tháng hành động vì bình đẳng giới (15/11–15/12) và Tháng hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình (tháng 6). Theo báo cáo của sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, năm 2023, Sở này đã phối hợp với Đoàn Thanh niên, hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh triển khai 2.564 buổi tuyên truyền miệng, 2.700 buổi trên các phương tiện thông tin đại chúng 1.200 khẩu hiệu, 36 băng rôn tuyên truyền về gia đình, bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình tại cơ sở; Sở Y tế phối hợp hỗ trợ các tổ chức trong cộng đồng tuyên truyền về mất cân bằng giới tính khi sinh. Hệ thống loa phát thanh ở thôn bản đã phổ biến 1.216 lượt tin bài về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình [49].

Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh đã thực hiện tuyên truyền 2.000 cuộc với sự tham

gia của hơn 45.000 hội viên; Ban Dân tộc tỉnh thành lập và duy trì các tổ truyền thông tại cộng đồng, tổ chức các hội nghị truyền thông ... Khi báo cáo về kết quả thực hiện Tháng hành động vì bình đẳng giới, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới năm 2023, Hà Giang nêu rõ Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh sản xuất, phát hành 01 phóng sự chuyên đề “Hà Giang nâng cao nhận thức về bình đẳng giới”; Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh tuyên truyền 15 tin bài trên Trang thông tin điện tử của Hội, thành lập 90 tổ truyền thông tại cộng đồng và có 205 buổi truyền thông tại cơ sở với hơn 6.000 người tham gia qua các loại hình đa dạng như hội nghị, sinh hoạt chuyên đề...; 60 cuộc truyền thông về gói hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số, 68 lớp tập huấn cho 3.519 người, hỗ trợ lương thực dinh dưỡng cho 96 phụ nữ sau sinh, tổ chức 4 hội nghị truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới ở cấp tỉnh...[50].

Một số tổ chức quốc tế còn phối hợp với các cơ quan, tổ chức địa phương để triển khai thực hiện các hoạt động liên quan đến phòng, chống bạo lực với phụ nữ như: Tổ chức trẻ em Ròng xanh (BDCE/ÚC) tài trợ 05 lớp tập huấn về công tác hỗ trợ nạn nhân cho 191 đại biểu là cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã tham dự với kinh phí hơn 425 triệu đồng; Đại sứ quán Anh hỗ trợ tổ chức 02 hội thi tuyên truyền về phòng, chống mua bán người và di cư trái phép cho học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh năm học 2023-2024, tại Trung tâm GDNN - GDTX huyện Quang Bình và trường Phổ thông dân tộc nội trú - THCS&THPT huyện Quản Bạ, với 1.000 người tham gia với kinh phí 307 triệu đồng.

Nhìn chung, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân trong cộng đồng đã tích cực tham gia vào các hoạt động tuyên truyền về phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật nhà nước về bình đẳng giới. Theo báo cáo của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tỉnh năm 2023 : (1) Tỷ lệ người dân ở các cụm dân cư được tuyên truyền về bình đẳng giới đạt 55,0%; (2) 100% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện được phổ biến, cập nhật thông tin về bình đẳng giới; (3) 85,0% xã/phường /thị trấn có tin, bài tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin ở cơ sở; (4)

100% đài phát thanh và truyền hình các huyện/thành phố, Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh hàng quý có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới. Kết quả thực hiện Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh được mô tả trong bảng sau:

Bảng 3.1. Các hoạt động và hình thức tuyên truyền về bình đẳng giới, phòng ngừa bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2023-2024

Địa bàn tuyên truyền	Hình thức tuyên truyền	Số lượt tuyên truyền
Thành phố Hà Giang	Tuyên truyền trên Đài phát thanh	125
	Tuyên truyền trên FM giao thông	21
	Trang thông tin điện tử	11 bài
	Tuyên truyền bằng xe lưu động	14
	Tuyên truyền tại tổ dân phố, thôn bản	475 cuộc với 20.785 người tham gia
Huyện Đồng Văn	Tuyên truyền qua cuộc họp	100% cán bộ đảng viên, CCVC và 80% người dân cụm dân cư được tuyên truyền về BDG
Huyện Mèo Vạc	Tuyên truyền miệng	155 cuộc với 34/872 người nghe
	Tuyên truyền bằng loa di động	316 cuộc với trên 25.700 người nghe
Huyện Xín Mần	Tuyên truyền miệng tại các hội nghị phổ biến giáo dục pháp luật cơ sở	
	Tuyên truyền bằng tờ gấp	3.000 tờ gấp tuyên truyền về bình đẳng giới
	Phát 01 bản tin trên hệ thống đài truyền	05 lượt

Địa bàn tuyên truyền	Hình thức tuyên truyền	Số lượt tuyên truyền
	thanh huyện	
	Tuyên truyền trên các phương tiện như loa không dây, loa lưu động, tại chợ phiên, trong buổi sinh hoạt thôn...)	102
	Treo 02 pano; 04 băng rôn tại trục đường huyện, 16 băng rôn tại các xã, thị trấn;	
	Đăng tải trên website của các cơ sở giáo dục và trên facebook Giáo dục huyện	140 ảnh, 9 video, 56 tin, bài viết
Huyện Yên Minh	Phổ biến về chính sách pháp luật BDG	cho 10.000 người

Nguồn: Tác giả thống kê từ Báo cáo Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về đẳng giới trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2023

Bên cạnh đó cũng có nhiều mô hình can thiệp hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình được hình thành và duy trì như: 253 mô hình phòng, chống bạo lực gia đình; 1.155 địa chỉ tin cậy tại cộng đồng, câu lạc bộ “Xây dựng gia đình phát triển bền vững” và tổ phòng, chống bạo lực giới. Các mô hình này cung cấp nơi tạm lánh an toàn, hỗ trợ pháp lý, tâm lý và giúp phụ nữ tái hòa nhập cộng đồng. Tuy nhiên, việc triển khai phòng ngừa BLGD của tỉnh vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Về hai địa bàn đã thực hiện điều tra khảo sát:

Xã Nậm Khòa huyện Hoàng Su Phì. Nậm Khòa là một xã nằm ở phía nam của huyện Hoàng Su Phì, phía bắc giáp với xã Thông Nguyên, Phía nam giáp với xã Tiên Nguyên, huyện Quang Bình, Phía đông giáp với xã Thông Nguyên, huyện Hoàng Su Phì và xã Tiên Nguyên, Quang Bình, phía tây giáp với xã Nam sơn. Xã có 9 thôn với tổng số hộ dân là: 595 hộ với 2.988 khẩu, với 07 dân tộc sinh sống trên địa bàn xã (*Chủ yếu là dân tộc Dao, chiếm 60%*). Người dân đa số sinh sống bằng hoạt động sản xuất nông nghiệp. Đến cuối năm 2023, có 306 hộ nghèo chiếm 52,13% tổng số hộ trên địa bàn xã, hộ cận nghèo là 85 hộ chiếm 14,48% tổng số hộ trên địa bàn xã, 166 hộ trung bình chiếm 28,3% tổng số hộ

trên địa bàn xã.

Xã Đạo Đức huyện Vị Xuyên. Đạo Đức là xã vùng thấp của huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Giang nằm ở giữa trung tâm thị trấn Vị Xuyên và TP Hà Giang, cách trung tâm huyện Vị Xuyên 10 km về phía Bắc, cách trung tâm thành phố Hà Giang 11 km về phía nam, xã có địa giới hành chính, phía Bắc giáp xã Phương Thiện, TP Hà Giang, phía Nam giáp xã Ngọc Linh, thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên, Phía Tây, giáp xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, Phía Đông giáp xã Phú Linh, huyện Vị Xuyên. Xã hiện có 14 thôn bản với tổng số 1.537 hộ và 6.047 khẩu; Đạo Đức là nơi sinh sống của 12 dân tộc trong đó Dân tộc Tày chiếm 40,2%; dân tộc Kinh 32,7%; dân tộc Dao 13,2%; dân tộc Giáy 8,5% còn lại là các dân tộc khác (*Hoa, Hán; Nùng; Mông; Cờ Lao; Pà Thẻn; La Chí; Mường; Cao Lan*). Năm 2023 xã có 151 hộ nghèo, 559 khẩu, đạt tỷ lệ 11%; hộ cận nghèo chiếm 8,4%; hộ không nghèo 80.55%.

3.2. THỰC TRẠNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH HÀ GIANG

Theo Tổ chức Y tế Thế giới, năm 2022 trên toàn cầu có 31% phụ nữ trong độ tuổi 15 - 49 phải chịu bạo lực thể xác và/hoặc tình dục do chồng hoặc bạn tình gây ra. Con số này chiếm gần một phần ba số phụ nữ trên toàn thế giới, số phụ nữ bị bạo lực lên đến 852 triệu người [57, tr.25]. Tại Việt Nam, theo Điều tra quốc gia về bạo lực với phụ nữ năm 2019, có tới 58% phụ nữ đã từng kết hôn cho biết họ đã trải qua ít nhất một trong ba hình thức bạo lực trong đời là thể xác, tinh thần hoặc tình dục. Bạo lực tinh thần chiếm tỷ lệ cao nhất với 54% trong đời và 25% trong thời gian gần đây. Bạo lực thể xác ảnh hưởng đến 32% phụ nữ đã kết hôn, trong khi 6% trải qua bạo lực thể xác trong vòng 12 tháng gần đây. Đáng chú ý, tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực tình dục do chồng hoặc bạn tình gây ra năm 2019 (13%) đã tăng so với năm 2010 (10%). Tình trạng bạo lực cũng có sự khác biệt giữa các vùng, miền và nhóm dân tộc, trong đó phụ nữ DTTS thường chịu ảnh hưởng nặng nề hơn. Ước tính có khoảng 9,25 triệu phụ nữ Việt Nam trong độ tuổi 15–64 từng có chồng hoặc bạn tình đã bị ảnh hưởng bởi bạo lực, để lại những hậu quả nghiêm

trọng không chỉ cho bản thân họ mà còn với cả gia đình [6].

Tại Hà Giang, tình trạng bạo lực đối với phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ DTTS, vẫn là vấn đề đáng quan tâm. Nhiều phụ nữ phải đối mặt với các hình thức bạo lực như thể xác, tinh thần, kinh tế và kiểm soát hành vi trong cuộc sống hàng ngày. Số liệu nghiên cứu của luận án cho thấy, BLGD, đặc biệt là BLGD với phụ nữ DTTS ở Hà Giang vẫn còn tồn tại khá phổ biến. (Xem số liệu Bảng 3.2).

Bảng 3.2. Tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số ở Hà Giang bị bạo lực do chồng gây ra trong vòng 12 tháng qua và từ khi kết hôn

Đơn vị tính: tỷ lệ %

Các loại hình bạo lực	Trong vòng 12 tháng qua		Kể từ khi kết hôn	
	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
1. “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng”	6,5	0,5	7,3	4,7
2. “Đánh đập, lăng mạ, chì chiết hay cưỡng ép chứng kiến bạo lực”	8,0	1,3	7,0	4,4
3. “Cưỡng ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý”	4,9	2,3	7,3	2,1
4. Chồng bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc vợ đặc biệt khi mang thai, hay ốm đau	6,7	3,9	9,8	3,6
5. Chồng kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của vợ	6,2	1,0	3,6	5,7
6. Chồng ngăn cản vợ gặp gỡ người thân, quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác để cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý cho vợ	4,9	2,8	7,8	2,3
6. Chồng ngăn cản vợ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ với	7,8	0,3	5,7	4,7

Các loại hình bạo lực	Trong vòng 12 tháng qua		Kể từ khi kết hôn	
	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
những người thân khác trong gia đình				
7. Chồng tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình của vợ, thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của vợ;	4,1	2,6	6,2	3,6
9.Chồng cưỡng ép vợ thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của cô ấy	4,9	2,6	8,3	3,4
10.Chồng cưỡng ép vợ trình diễn hành vi khiêu dâm, nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực	5,2	2,1	6,2	2,3
11.Cưỡng ép tảo hôn, kết hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp;	4,7	1,8	4,1	2,6
12.Chồng cưỡng ép vợ mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi;	7,8	1,6	7,0	2,3
13.Chồng chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của vợ	5,2	1,0	7,0	1,8
14.Chồng cưỡng ép vợ học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của vợ; kiểm soát tài sản, thu nhập của vợ nhằm tạo ra việc lệ thuộc vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác;	2,3	5,2	6,2	2,6
15.Chồng cô lập, giam cầm vợ	2,1	4,1	6,0	2,8
16.Chồng cưỡng ép vợ ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật	5,4	2,8	5,2	2,6
Tổng mẫu: 385				

Nguồn: Số liệu khảo sát về bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang được thực hiện năm 2024.

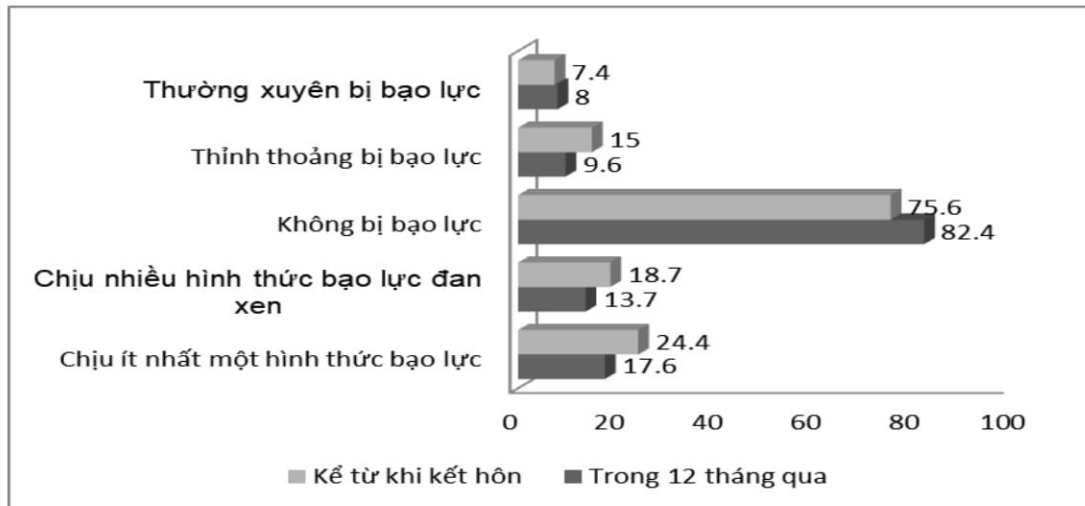
Số liệu được trình bày tại bảng 3.2 cho thấy 7,3% phụ nữ DTTS trong mẫu

ngiên cứu cho biết họ thỉnh thoảng bị chồng “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng” kể từ khi kết hôn. 6,5% phụ nữ dân tộc thiểu số trong mẫu nghiên cứu bị chồng thỉnh thoảng “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng” trong vòng 12 tháng qua và tỷ lệ thường xuyên bị đối xử như vậy trong vòng 12 tháng qua là 0,5%. Có 8,0 % thỉnh thoảng bị chồng “Đánh đập, lăng mạ, chì chiết hay cưỡng ép chứng kiến bạo lực” trong vòng 12 tháng qua và tỷ lệ phụ nữ thường xuyên bị chồng đối xử như vậy trong vòng 12 tháng qua là 1,3%.

Có 7% phụ nữ DTTS trong mẫu nghiên cứu cho biết thỉnh thoảng bị chồng “Đánh đập, lăng mạ, chì chiết hay cưỡng ép chứng kiến bạo lực” kể từ khi kết hôn và những người thường xuyên bị đối xử như vậy kể từ khi kết hôn là 4,4%.

Nếu tính trong vòng 12 tháng qua thì hành vi bạo lực diễn ra nhiều nhất với phụ nữ DTTS là “Đánh đập, lăng mạ, chì chiết hay cưỡng ép chứng kiến bạo lực”. Có 8% phụ nữ DTTS thỉnh thoảng bị đối xử như vậy và tỷ lệ thường xuyên bị đối xử như vậy là 1,3%. Hành vi bạo lực phổ biến thứ 2 diễn ra trong vòng 12 tháng qua đó là “Chồng ngăn cản vợ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ với những người thân khác trong gia đình”. Đối với hành vi “Chồng cưỡng ép vợ mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi: có 7,8% phụ nữ DTTS thỉnh thoảng bị chồng đối xử như vậy trong vòng 12 tháng qua và tỷ lệ phụ nữ thường xuyên bị đối xử như vậy là 0,3 % và 1,6%. Có thể thấy nếu tính trong vòng 12 tháng qua và kể từ khi kết hôn thì bạo lực với phụ nữ DTTS diễn ra ở tất cả các loại hình bạo lực khác nhau: từ thể xác đến bạo lực tình dục, tinh thần và kinh tế.

Số liệu được trình bày trong biểu đồ dưới đây đã mô tả tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực và mức độ thường xuyên xảy ra bạo lực với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang (*Xem số liệu Biểu đồ 3.1*)



Biểu đồ 3.1. Tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số bị bạo lực

Nguồn: Số liệu khảo sát về bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang thực hiện năm 2024.

Biểu đồ 3.1 đã cho thấy một số điểm đáng lưu ý về thực trạng bạo lực với phụ nữ DTTS trên địa bàn tỉnh Hà Giang trong quá trình điều tra của tác giả thực hiện năm 2024 như sau:

Thứ nhất, Trong tổng số 385 phụ nữ DTTS tham gia trả lời phiếu hỏi có 17,6 % chịu ít nhất một hình thức bạo lực trong vòng 12 tháng qua. Con số này nếu tính kể từ khi kết hôn là 24,4%. Cũng trong mẫu nghiên cứu, có 18,7% phụ nữ DTTS cho biết họ đã phải chịu nhiều hình thức bạo lực đan xen kể từ khi kết hôn và con số này trong vòng 12 tháng qua là 13,7%.

Thứ hai, Nếu nhìn vào mức độ thường xuyên xảy ra bạo lực, số liệu biểu đồ 3.1 cho thấy số phụ nữ thường xuyên bị bạo lực trong vòng 12 tháng qua là 8% và con số này kể từ khi kết hôn là 7,4%. Có 9,6% phụ nữ dân tộc thiểu số trong mẫu nghiên cứu thỉnh thoảng bị bạo lực trong vòng 12 tháng qua và con số này kể từ khi kết hôn là 15%.

Mặc dù các số liệu thống kê cho ta thấy một phần bức tranh về thực trạng bạo lực gia đình với phụ nữ DTTS trên địa bàn tỉnh Hà Giang nhưng những dữ liệu thống kê này chỉ là một phần rất nhỏ về thực trạng bạo lực bởi phụ nữ thường gặp khó khăn khi tiết lộ những trải nghiệm bạo lực, đặc biệt là bạo lực tình dục do chồng gây ra. Mức độ xảy ra bạo lực có sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm theo dân tộc. (Xem số liệu bảng 3.3)

Bảng 3.3. Tỷ lệ và mức độ xảy ra bạo lực với phụ nữ dân tộc thiểu số ở Hà Giang chia theo các dân tộc

Đơn vị tính tỷ lệ %

		Tày	Nùng	Dao	Mông
Trong vòng 12 tháng qua					
1. Chịu ít nhất một loại hình bạo lực hay nhiều hình thức bạo lực đan xen	Chịu ít nhất một loại bạo lực	8,6	20,8	23,2	27,3
	Chịu nhiều hình thức bạo lực đan xen	7,2	12,3	20,9	18,2
	Hệ số Cramer's V=.188 *				
2. Mức độ thường xuyên bị bạo lực	Thỉnh thoảng bị bạo lực	4,3	15,1	9,3	27,3
	Thường xuyên bị bạo lực	4,3	5,7	14,0	0,0
	Hệ số Cramer's V=.210 *				
Kể từ khi kết hôn					
1. Chịu ít nhất một loại hình bạo lực hay nhiều hình thức bạo lực đan xen	Chịu ít nhất một loại bạo lực	17,3	25,5	29,5	36,4
	Chịu nhiều hình thức bạo lực đan xen	14,4	17,0	23,3	27,3
	Hệ số Cramer's V=.130 *				
2. Mức độ thường xuyên bị bạo lực	Thỉnh thoảng bị bạo lực	11,7	20,4	14,2	27,3
	Thường xuyên bị bạo lực	4,4	2,9	14,2	9,1
	Hệ số Cramer's V=.154 *				

* P<0.001

Nguồn: Số liệu khảo sát về bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang thực hiện năm 2024.

Theo số liệu được trình bày tại bảng 3.3 nêu trên, có 27,3% phụ nữ dân tộc Mông chịu ít nhất một hình thức bạo lực trong vòng 12 tháng qua, con số này của phụ nữ dân tộc Dao là 23,2%, dân tộc Nùng là 20,8% và của dân tộc Tày là 8,6%. Hệ số tương quan Cramer's V cho mỗi quan hệ giữa dân tộc và bạo lực là Cramer's V=.188.

Cũng tại số liệu bảng 3.3, tỷ lệ phụ nữ dân tộc Mông và Nùng thỉnh thoảng bị bạo lực trong vòng 12 tháng qua cao hơn con số này ở phụ nữ Dao và Tày. Con số tương ứng là 27,3 %; 15,1%; 9,3% và 4,3%. Trong vòng 12 tháng qua tỷ lệ phụ nữ Dao thường xuyên bị bạo lực là cao nhất, tỷ lệ thỉnh thoảng bị bạo lực của phụ nữ Dao thấp hơn tỷ lệ này của phụ nữ các dân tộc khác trong mẫu nghiên cứu. 14% phụ nữ Dao thường xuyên bị bạo lực trong vòng 12 tháng qua con số này của phụ nữ Nùng là 5,7%; phụ nữ Tày là 4,3% và không có người phụ nữ Mông nào thường xuyên bị bạo lực.

Nếu tính kể từ khi kết hôn, có 36,4% phụ nữ Mông chịu ít nhất một hình thức bạo lực, con số này của phụ nữ Dao là 29,5%; phụ nữ Nùng là 25,5% và phụ nữ Tày là 17,3%. Kể từ khi kết hôn có 27,3% phụ nữ Mông chịu nhiều hình thức bạo lực đan xen, con số này của phụ nữ Dao là 23,3%; phụ nữ Nùng là 17% và 14,4% phụ nữ Tày chịu nhiều hình thức bạo lực đan xen kể từ khi kết hôn. Có 14,2% phụ nữ Dao trong mẫu nghiên cứu thường xuyên bị bạo lực kể từ khi kết hôn, con số này của phụ nữ Mông là 9,1%; phụ nữ Tày là 4,4% và phụ nữ Nùng là 2,9%.

Tỷ lệ và mức độ bị bạo lực của phụ nữ DTTS ở Hà Giang cũng có sự khác biệt theo nhóm tuổi. (Xem số liệu bảng 3.4)

Bảng 3.4. Tỷ lệ và mức độ xảy ra bạo lực với phụ nữ dân tộc thiểu số ở Hà Giang chia theo nhóm tuổi

Đơn vị tính tỷ lệ %

		Dưới 30 tuổi	Từ 31 đến 40 tuổi	Từ 41 đến 60 tuổi
Trong vòng 12 tháng qua				
1.Chịu ít nhất một loại hình bạo lực hay nhiều hình thức bạo lực đan xen	Chịu ít nhất một loại bạo lực	24,0	16,2	17,3
	Chịu nhiều hình thức bạo lực đan xen	18,0	12,3	14,3
	Hệ số Cramer's V=.052 * *			
2.Mức độ thường	Thỉnh thoảng bị bạo lực	10,0	11,8	6,0

xuyên bị bạo lực	Thường xuyên bị bạo lực	14,0	4,4	11,3
	Hệ số Cramer's V=.116 *			
Kể từ khi kết hôn				
1.Chịu ít nhất một loại hình bạo lực hay nhiều hình thức bạo lực đan xen	Chịu ít nhất một loại bạo lực	26,0	23,7	24,8
	Chịu nhiều hình thức bạo lực đan xen	26,0	16,3	19,5
	Hệ số Cramer's V=.089 * *			
2.Mức độ thường xuyên bị bạo lực	Thỉnh thoảng bị bạo lực	12,2	17,7	13,0
	Thường xuyên bị bạo lực	12,2	4,0	10,7
	Hệ số Cramer's V=.103 * *			

* P<0.001; * * p<0.05; * * * P>0.1

Nguồn: Số liệu khảo sát về bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang thực hiện năm 2024.

Số liệu được trình bày tại bảng 3.4 cho thấy có sự khác biệt đáng kể về trải nghiệm bạo lực gia đình ở phụ nữ thuộc các nhóm tuổi khác nhau, đặc biệt là nhóm dưới 30 tuổi. Trong vòng 12 tháng qua, tỷ lệ phụ nữ dưới 30 tuổi chịu ít nhất một loại hình bạo lực (24,0%) và chịu nhiều hình thức bạo lực đan xen (18,0%) đều cao hơn rõ rệt so với các nhóm tuổi còn lại. Đồng thời, nhóm này cũng ghi nhận tỷ lệ bị bạo lực thường xuyên cao nhất (14,0%), cho thấy mức độ nghiêm trọng và tính kéo dài của hành vi bạo lực trong các mối quan hệ thân mật. Kể từ khi kết hôn, phụ nữ dưới 30 tuổi vẫn tiếp tục là nhóm chịu ảnh hưởng nặng nề với 26,0% từng chịu nhiều hình thức bạo lực đan xen và 12,2% bị bạo lực thường xuyên. Mặc dù hệ số Cramer's V ở cả bốn chỉ báo đều cho thấy mối liên hệ ở mức độ thấp (dưới 0,12), nhưng sự ổn định trong xu hướng cho thấy độ tuổi, đặc biệt là ở giai đoạn đầu của hôn nhân, có liên quan nhất định đến nguy cơ bị bạo lực. Kết quả nghiên cứu này của luận án có cùng xu hướng với kết quả nghiên cứu về bạo lực giới của Báo cáo Điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 - Hành trình để thay đổi. Theo Báo cáo này “phụ nữ ở nhóm

tuổi cao hơn và có việc làm thì nguy cơ bị bạo lực thấp hơn.” [6, tr.xxviii]. Kết quả này gợi mở nhu cầu cấp thiết trong việc xây dựng các chương trình can thiệp sớm, tập trung vào nhóm phụ nữ trẻ tuổi – những người có thể chưa đủ khả năng tự bảo vệ mình và còn hạn chế trong việc tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ từ cộng đồng và xã hội.

3.3. MỨC ĐỘ THỰC HIỆN VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG

3.3.1. Vai trò xã hội hóa của cộng đồng trong định hình nhận thức, thái độ và hành vi với bạo lực

**** Vai trò xã hội hóa của gia đình***

Gia đình là một trong những khía cạnh quan trọng nhất đối với cuộc sống của mỗi con người. Mỗi quan hệ gia đình vừa là môi liên kết khởi đầu vừa là kim chỉ nam cho tương lai của cá nhân. Đây là tổ chức có ảnh hưởng lớn đến quá trình phát triển của mỗi con người. Bạo lực của nam giới đối với phụ nữ vẫn tồn tại trong xã hội vì nó được lưu giữ và truyền tải trong mỗi gia đình. Nó bắt nguồn từ các khuôn mẫu và chuẩn mực giới được hình thành và chuyển giao thông qua quá trình xã hội hóa diễn ra trong các gia đình. Mặt khác cách ứng xử trong gia đình đôi khi lại dung túng cho bạo lực. Thực tế, thủ phạm gây ra bạo lực trong gia đình hiếm khi phải chịu những hình phạt nghiêm khắc vì mọi người thường dùng mối quan hệ tình thân để thuyết phục và ngăn cản nạn nhân tố cáo và nạn nhân cũng cảm thấy chính mình bị thiệt hại nếu người thân bị xử phạt. Bên cạnh đó, bạo lực cũng bắt nguồn từ chính quan niệm, chuẩn mực, vai trò giới được thực hành và lưu giữ trong gia đình. Một trong những ví dụ đơn giản chứng minh cho điều này đó là phụ nữ cho rằng “Người vợ nên thỏa mãn tất cả nhu cầu tình dục của chồng mình” 13% phụ nữ DTTS tham gia trả lời phiếu hỏi đồng ý với quan điểm này. Hơn 38% phụ nữ DTTS trong mẫu nghiên cứu đồng ý một phần hoặc đồng ý với quan điểm “Quan hệ tình dục giữa vợ và chồng là chuyện riêng tư không nên chia sẻ, kể cho người khác biết.” (Xem số liệu tại bảng 3.6). Các quan điểm này khiến cho bạo lực tình dục không chỉ diễn ra bên ngoài gia đình mà còn xảy ra trong chính ngôi nhà

của chúng ta, nhưng mọi người không thừa nhận điều đó.

Sự mất cân bằng quyền lực giới trong chính gia đình có thể là một yếu tố dẫn đến bạo lực. Là một thiết chế, gia đình có thể khuyến khích hay kìm hãm bạo lực thông qua các chuẩn mực văn hóa hay các hành vi mà mọi người trong gia đình ứng xử với nhau. Trong khi đó bạo lực là hành vi có thể học hỏi và lan truyền, nó cũng được chuyển giao giữa các thế hệ. Các nghiên cứu về BLGD cho thấy các nạn nhân hay người chứng kiến bạo lực có xu hướng thực hiện các hành vi bạo lực trong tương lai. Trẻ em lớn lên trong những gia đình bạo lực có nguy cơ cao mắc các triệu chứng chấn thương kéo dài trong suốt cuộc đời [20]. Những đứa trẻ này có nguy cơ cao trở thành nạn nhân hoặc thủ phạm của bạo lực. Do đó, con cái của những bậc cha mẹ đã từng trải qua bạo lực có nguy cơ cao hơn sẽ trải qua bạo lực khi chúng trưởng thành. Cơ chế này được gọi là sự truyền giao bạo lực qua các thế hệ trong gia đình. Một báo cáo của Tổ chức Y tế Thế giới có tựa đề "Tôn trọng phụ nữ: ngăn ngừa bạo lực đối với phụ nữ" cho thấy một trong những yếu tố rủi ro chính gây ra bạo lực đối với phụ nữ được xác định là trải nghiệm bạo lực thời thơ ấu và/hoặc tiếp xúc với bạo lực trong gia đình. Ngoài ra, kết quả khảo sát bình đẳng giới trên quy mô toàn cầu chỉ ra rằng những người đàn ông chứng kiến bạo lực khi còn nhỏ, đặc biệt là bạo lực với mẹ của họ, có khả năng thực hiện bạo lực với bạn tình khi trưởng thành cao gấp đôi [26].

Số liệu nghiên cứu của luận án được trình bày tại mục 3.2 cho thấy bạo lực gia đình là hiện tượng diễn ra thường xuyên với khoảng 8% phụ nữ dân tộc thiểu số trong mẫu nghiên cứu. Trong khi đó, chất lượng các mối quan hệ gia đình mà một cá nhân trải nghiệm từ giai đoạn đầu đời ảnh hưởng sâu sắc đến việc hình thành các khuôn mẫu hành vi, giá trị và chuẩn mực trong gia đình mà họ có xu hướng tái tạo hoặc điều chỉnh khi trưởng thành. Dù phần lớn nạn nhân của bạo lực thời thơ ấu sẽ không trở thành thủ phạm gây ra bạo lực khi trưởng thành, nhưng trong số người gây ra bạo lực, có tỷ lệ lớn là nam giới đã từng là nạn nhân của bạo lực khi còn nhỏ. Do đó, so với nhóm dân số nói chung, thì nhóm nam giới là nạn nhân hay phải chứng kiến bạo lực thời thơ ấu có tỷ lệ cao hơn trở thành thủ phạm gây ra bạo lực [61]. Điều đó phản ánh rằng gia đình đóng vai trò quan trọng

trong quá trình xã hội hóa các hành vi liên quan đến bạo lực với phụ nữ.

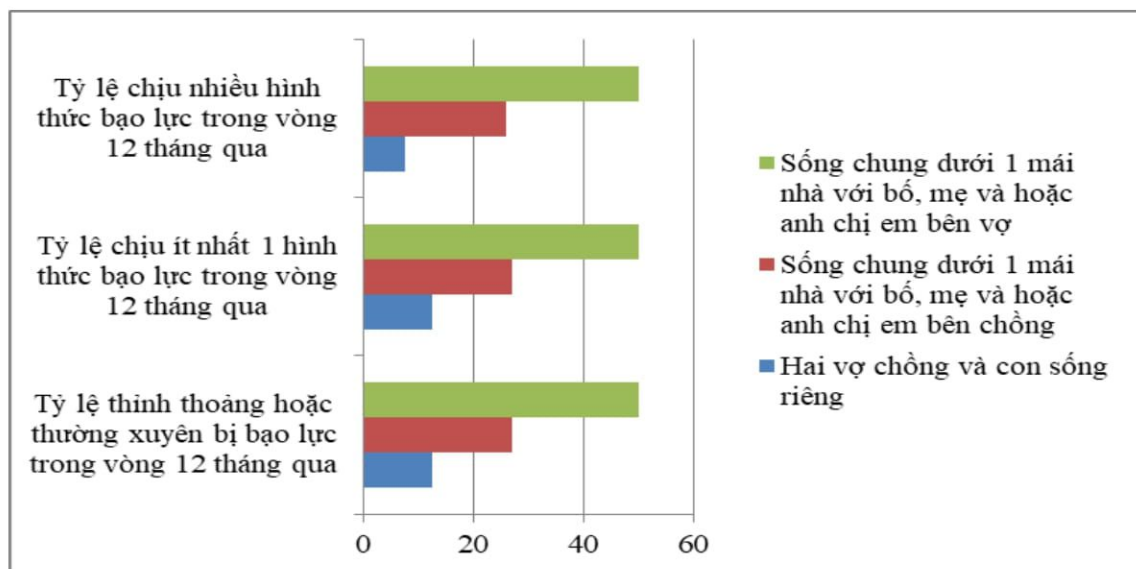
Tất cả mọi người đều học được các nguyên tắc chuẩn mực bắt đầu từ trong gia đình. Việc quan sát hành vi của cha mẹ sẽ giúp những đứa trẻ xác định, hình thành các khuôn mẫu, bản dạng giới và kỳ vọng giới. Ở trong các gia đình xảy ra bạo lực, các thành viên gia đình đặc biệt là trẻ em học được rằng bạo lực là bình thường và không thể tránh khỏi trong các mối quan hệ thân mật. Theo đó, các xung đột có xu hướng dẫn đến bạo lực không được ngăn cản mà được khen ngợi và cho là hợp lý hoặc chấp nhận được. Điều này có tác động xấu và làm gia tăng bạo lực. Ngược lại trong môi trường bạo lực không diễn ra, các thành viên học được kỹ năng giải quyết xung đột hiệu quả và an toàn, do đó bạo lực có khả năng không diễn ra mà được giải quyết bằng các biện pháp thay thế có lợi.

Một trong những lý do chính khiến bạo lực đối với phụ nữ DTTS ở Hà Giang còn tồn tại và nạn nhân của bạo lực ít khi lên tiếng là do các quan niệm và chuẩn mực hóa được duy trì và thực hành trong các gia đình. Kết quả nghiên cứu định tính và định lượng của luận án đã chỉ ra rằng các cộng đồng DTTS ở Hà Giang còn duy trì một số quan điểm văn hóa gây bất lợi cho công tác phòng ngừa bạo lực gia đình đặc biệt với các hành vi của bạo lực tình dục. Nhiều phụ nữ tham gia phỏng vấn đồng ý với quan điểm “Người vợ nên thỏa mãn tất cả nhu cầu tình dục của chồng mình” hay “Quan hệ tình dục giữa vợ và chồng là chuyện riêng tư không nên chia sẻ, kể cho người khác biết”. Một phụ nữ người Dao tham gia phỏng vấn cho rằng “*Nếu biết gia đình hàng xóm hay người thân có những xung đột trong quan hệ thân thiết giữa vợ và chồng, mình cũng không nên can thiệp vì đó là chuyện riêng tư trong gia đình họ*” (Trích biên bản PVS phụ nữ dân tộc Dao 38 tuổi).

Trong cộng đồng vẫn có quan điểm cho rằng BLGD là điều không thể tránh khỏi. Một số nam giới tham gia phỏng vấn cho biết trong mối quan hệ vợ chồng sẽ không tránh khỏi lúc mâu thuẫn, xung đột do đó nam giới khi nóng tính có thể đánh vợ, việc này là điều bình thường và nếu nó không nghiêm trọng thì không

sao. Nhiều nam giới và phụ nữ DTTS tham gia trao đổi trong các cuộc phỏng vấn sâu với chúng tôi đều thể hiện quan điểm coi bạo lực giữa vợ và chồng là điều chấp nhận được. Nếu các quan điểm văn hóa có xu hướng dung túng cho bạo lực tiếp tục được người dân trong cộng đồng thừa nhận nó sẽ trở thành khuôn mẫu định hình hành vi ứng xử. Điều này giải thích vì sao nạn nhân của bạo lực ít khi lên tiếng và cộng đồng sẽ không có các biện pháp can thiệp khi bạo lực xảy ra trừ khi nó rất nghiêm trọng.

Kết quả nghiên cứu của luận án cũng chỉ ra rằng hình thức cư trú của gia đình cũng là yếu tố làm gia tăng hay giảm bớt bạo lực. Phân tích dữ liệu định lượng cho thấy hình thức cư trú có mối tương quan có ý nghĩa thống kê với tỷ lệ và mức độ BLGD với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang. (Xem số liệu biểu đồ 3.2).



Biểu đồ 3.2. Tương quan giữa tỷ lệ và mức độ chịu bạo lực với hình thức cư trú

Nguồn: Số liệu khảo sát về bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang thực hiện năm 2024.

Số liệu được trình bày trong biểu đồ 3.2 cho thấy tỷ lệ phụ nữ cho biết hiện đang sống chung dưới 1 mái nhà với bố, mẹ và hoặc anh chị em bên vợ có tỷ lệ

thình thoảng hay thường xuyên bị bạo lực do chồng gây ra trong vòng 12 tháng qua cao hơn tỷ lệ này ở nhóm phụ nữ cư trú trong các căn nhà riêng chỉ có vợ chồng và con hay so với nhóm sống chung dưới 1 mái nhà với bố, mẹ và hoặc anh chị em bên chồng. Tỷ lệ phụ nữ chịu ít nhất 1 hình thức bạo lực hay chịu nhiều hình thức bạo lực đan xen của nhóm hiện đang cư trú với bố mẹ và hoặc anh chị em bên vợ cũng cao hơn nhóm cư trú riêng hay cư trú dưới 1 mái nhà với bố, mẹ và hoặc anh chị em bên chồng.

Thực trạng tỷ lệ phụ nữ sống cùng với bố mẹ hoặc anh chị em ruột bên vợ có nguy cơ bị chồng bạo lực cao hơn so với các nhóm khác có thể được lý giải từ một số khía cạnh văn hóa, tâm lý và mối quan hệ gia đình trong xã hội Việt Nam. Việc sống chung trong gia đình bên vợ có thể tạo áp lực cho người chồng, đặc biệt khi vai trò và vị thế của họ trong gia đình bị cho là yếu thế hoặc lệ thuộc, dẫn đến cảm giác mất kiểm soát và dễ kích thích hành vi bạo lực để khẳng định quyền lực. Đồng thời, môi trường sống có nhiều thế hệ bên ngoại có thể làm gia tăng mâu thuẫn vợ chồng do ảnh hưởng từ những khác biệt trong quan điểm sống, nuôi dạy con cái và can thiệp từ người thân bên vợ [57]. Bên cạnh đó, sự hiện diện của gia đình bên vợ đôi khi không đủ để ngăn chặn bạo lực do tâm lý e ngại can thiệp vào đời sống hôn nhân của con cháu. Điều này cũng có thể lý giải do yếu tố tâm lý, mức độ chịu đựng, cam chịu của phụ nữ để bảo toàn hạnh phúc cho gia đình gốc của mình. Phụ nữ không muốn khiến bố mẹ hay anh chị em mình lo lắng và phiền não vì cuộc sống của cá nhân. Đặc biệt khi họ cư trú trong cùng mái nhà với bố mẹ, và hoặc anh chị em mình. Những yếu tố này góp phần lý giải tại sao phụ nữ sống chung với gia đình bên vợ có tỷ lệ bị bạo lực cao hơn. Những phụ nữ sống chung với bố mẹ mình sau khi kết hôn có xu hướng ít nói về bạo lực hơn. *(Xem số liệu bảng 3.5).*

Số liệu bảng 3.5 cho thấy tỷ lệ phụ nữ sống chung dưới một mái nhà với bố, mẹ và/hoặc anh chị em bên vợ không bao giờ nói cho người khác biết về việc bị chồng “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng” cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ này của nhóm có hình thức cư trú là hai vợ chồng và con sống riêng hay sống chung dưới một mái nhà

với bố mẹ và/hoặc anh chị em bên chồng. Con số tương ứng là 83.3% so với 60.5% và 40.9%. Hệ số tương quan Cramer's $V=.590$.

Bảng 3.5. Tương quan giữa hình thức cư trú và việc nói cho người khác biết về việc bị chồng “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng”

Mô tả		Chị có nói cho người khác biết về việc bị chồng “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng” hay không?		
		1. Không bao giờ	2. Thỉnh thoảng	3. Thường xuyên
Hình thức cư trú	1.Hai vợ chồng và con sống riêng	60,5%	30,6%	8,9%
	2.Sống chung dưới một mái nhà với bố mẹ và/hoặc anh chị em bên chồng	40,9%	51,6%	7,5%
	3.Sống chung dưới một mái nhà với bố, mẹ và /hoặc anh chị em bên vợ	83,3%	16,7%	0,0%
Cramer's $V=.590$ *				

Nguồn: Số liệu khảo sát về bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang thực hiện năm 2024.

*** Vai trò xã hội hóa của các tổ chức trong cộng đồng**

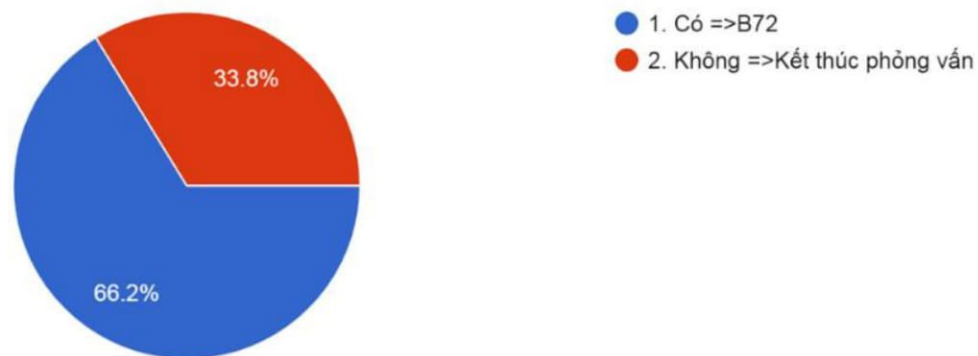
Ngoài gia đình, quá trình xã hội hóa được thực hiện trong cộng đồng thông qua quá trình các tổ chức thiết lập các nguyên tắc, chuẩn mực và phổ biến nó cho các thành viên của cộng đồng. BLVPN là hành vi vi phạm quyền cơ bản của con người, bắt nguồn từ sự bất bình đẳng giới cũng như các quan điểm, chuẩn mực mang tính văn hóa. Các quan điểm, chuẩn mực giới trong cộng đồng được coi là

yếu tố có thể làm gia tăng hay giảm bớt bạo lực với phụ nữ. Đồng thời các yếu tố văn hóa có thể được củng cố thông qua chính sách, luật pháp. Theo đó việc thiết lập các quy định mang tính bắt buộc chung như luật pháp, chính sách sẽ giúp chuyển đổi thái độ, niềm tin và định hình các chuẩn mực, cách thức ứng xử với bạo lực. Trong xã hội hiện đại, luật pháp, chính sách đóng vai trò quan trọng trong định hình khuôn mẫu, chuẩn mực, giá trị và định hướng hành vi của từng thành viên trong cộng đồng. Việc thiết lập khung luật pháp, chính sách đã tạo ra cơ sở pháp lý quan trọng, là tiền đề cốt lõi của bất kỳ nỗ lực nào nhằm phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực. Các cơ quan thực thi pháp luật đóng một vai trò quan trọng trong triển khai các biện pháp để xác định các mối đe dọa, rủi ro, và luật pháp và chính sách là công cụ để hình thành chuẩn mực, định hình thái độ và hành vi của người dân trong cộng đồng.

Những năm qua, trên địa bàn điều tra khảo sát của tác giả là hai xã Đạo Đức huyện Vị Xuyên và Nậm Khòa của Hoàng Su, các tổ chức chính trị - xã hội như Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân xã... đã phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Các kiến thức về bình đẳng giới, bạo lực gia đình được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân bằng các hình thức đa dạng, phong phú. Việc lồng ghép tuyên truyền về bình đẳng giới trong kế hoạch hành động về kinh tế xã hội hoặc kế hoạch công tác được thực hiện hàng năm, hoặc qua các chương trình tập huấn, hội nghị, hội thảo, giao ban, đọc báo đầu giờ. Các tổ chức này còn chủ động tổ chức các đợt tuyên truyền về bình đẳng giới qua sinh hoạt câu lạc bộ, nói chuyện chuyên đề, tuyên truyền trực tiếp tại chợ phiên với sự hỗ trợ của một số sở, ngành của tỉnh... đặc biệt truyền thông bình đẳng giới; phòng, chống bạo lực, xâm hại phụ nữ và trẻ em được triển khai rộng khắp tại cơ sở.

Việc thực hiện công tác tuyên truyền bước đầu có tác động tích cực trong nâng cao nhận thức của người dân trong cộng đồng về bình đẳng giới và phòng ngừa bạo lực gia đình, các quy định pháp luật cũng như các chính sách liên quan. Số liệu điều tra của luận án cho thấy có 66,2% phụ nữ DTTS cho biết họ có được nghe, đọc, phổ biến các thông tin về bình đẳng giới, phòng ngừa bạo lực xâm hại phụ nữ. Trong số đó, hầu hết họ cho biết các thông tin được tuyên truyền giúp họ

hiểu rõ hơn về bình đẳng giới và cách phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ. (Xem số liệu biểu đồ 3.3)



Biểu đồ 3.3. Tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số trong mẫu nghiên cứu có nghe, đọc, được phổ biến thông tin về bình đẳng giới, phòng ngừa bạo lực với phụ nữ

Nguồn: Số liệu khảo sát về bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang thực hiện năm 2024.

Việc thực hiện công tác tuyên truyền của các tổ chức chính trị - xã hội đã góp phần nâng cao nhận thức của người dân và đội ngũ cán bộ về các quy định pháp luật giúp chuyển đổi các trải nghiệm và chuẩn mực, khuôn mẫu văn hóa, cách thức, ứng xử của cán bộ và người dân địa phương. Qua phỏng vấn sâu cũng cho thấy nhận thức của người dân về phòng, chống bạo lực gia đình, bạo lực với phụ nữ được cải thiện đáng kể.

“Ngày nay, phụ nữ trong làng đã có kiến thức và hiểu biết nhất định về phòng chống bạo lực. Mỗi khi họ bị chồng đánh, chửi, cấm đoán, họ lập tức hiểu ngay đây là những hành vi bạo lực, do đó tự bản thân phụ nữ đã chủ động trình báo, tố cáo vụ việc với các cơ quan chức năng liên quan. Các cán bộ phụ trách ngay lập tức vào cuộc và giải quyết vụ việc”. (Trích biên bản phỏng vấn sâu cán bộ công an xã).

Kết quả nghiên cứu của luận án cho thấy đa số phụ nữ DTTS trong mẫu nghiên cứu tại thời điểm điều tra có nhận thức tương đối tốt về các biểu hiện của bạo lực gia đình, họ có quan điểm phản đối bạo lực cũng như trợ giúp nạn nhân trình báo vụ việc. Đặc biệt với các hành vi bạo lực thể xác. (Xem số liệu bảng 3.6)

**Bảng 3.6. Nhận thức của phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh
Hà Giang về các hành vi bạo lực**

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

	Không Đồng ý	Đồng ý 1 phần	Đồng ý
Câu hỏi: Chị đồng ý ở mức độ nào với nhận định sau đây			
1. Nếu vợ làm gì có lỗi chồng có thể ngược đãi, đánh đập vợ	94	4,9	1,1
2. Trong mọi trường hợp chồng không được phép “ <i>Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng vợ</i> ”	52,6	5,2	42,2
3. Chồng ngược đãi, đánh đập vợ là chuyện riêng tư không nên kể cho người khác biết	86,5	7,0	6,5
4. Chồng ngược đãi, đánh đập, ép vợ làm điều gì đó trái ý muốn là chuyện riêng tư không nên báo cho chính quyền hay các tổ chức trong cộng đồng	86,3	9,4	4,4
5. Nếu biết “người khác ngược đãi, đánh đập vợ họ” mình cũng không nên can thiệp vì đó là chuyện riêng tư trong gia đình họ	83,4	12,4	4,2
6. Nếu biết “người khác ngược đãi, đánh đập vợ họ” thì mình phải tìm mọi cách thích hợp để can thiệp vì đó là điều không thể chấp nhận được	43,3	21,8	35,1
Chị có đồng ý rằng hành động dưới đây là được phép/hợp pháp?			
7. Chồng bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc vợ đặc biệt khi mang thai, hay ốm đau	91,2	7,5	1,3
8. Chồng kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của vợ	87,3	7,8	5,0
9. Chồng ngăn cản vợ gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý cho vợ	90,7	6,2	3,1
10. Chồng ngăn cản vợ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ với những người thân khác trong gia đình	87,3	9,1	3,6
11. Chồng tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình của vợ, thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của vợ;	90,4	6,7	2,8
Câu hỏi: Chị đồng ý ở mức độ nào với các quan điểm và nhận định sau:			
12. Người vợ nên thỏa mãn tất cả nhu cầu tình dục của chồng mình	83,7	13,0	3,4

13.Quan hệ tình dục giữa vợ và chồng là chuyện riêng tư không nên chia sẻ, kể cho người khác biết	61,9	20,5	17,4
14.Nếu biết “Người khác có hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ họ” mình cũng không nên can thiệp vì đó là chuyện riêng tư trong gia đình họ	72,3	18,9	8,8
15.Nếu biết “người khác có hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ họ” thì mình phải tìm mọi cách thích hợp để can thiệp vì đó là điều không thể chấp nhận được	50,3	35,8	14,0
16.Chính quyền sẽ không can thiệp vào quan hệ tình dục giữa vợ và chồng vì đây là chuyện riêng tư	75,4	15,3	9,4
Câu hỏi: Chị có đồng ý rằng hành động dưới đây là được phép/hợp pháp?			
17.Chồng cưỡng ép vợ thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của cô ấy	92,2	6,0	1,8
18.Chồng cưỡng ép vợ trình diễn hành vi khiêu dâm; cưỡng ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực	90,4	4,4	5,2
19.Cưỡng ép tảo hôn, kết hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp;	90,9	3,9	5,2
4.Chồng cưỡng ép vợ mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi;	91,2	6,5	2,4
Câu hỏi: Chị có đồng ý rằng hành động dưới đây là được phép/hợp pháp?			
20. Chồng chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của vợ	92,2	3,6	4,1
21.Chồng cưỡng ép vợ học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của vợ; kiểm soát tài sản, thu nhập của vợ nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác;	90,2	8,5	1,3
22.Chồng cô lập, giam cầm vợ	90,4	4,9	4,7
23.Chồng cưỡng ép vợ ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật	89,6	7,3	3,1
Tổng mẫu: 385	100%		

Nguồn: Số liệu khảo sát về bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang thực hiện năm 2024.

Số liệu bảng 3.6 cho thấy phần lớn phụ nữ đã có thái độ rõ ràng trong việc phản đối bạo lực gia đình và các hành vi vi phạm quyền của phụ nữ. Một tỷ lệ áp đảo người tham gia khảo sát không đồng ý với việc biện minh cho hành vi bạo lực

của chồng đối với vợ. 90% phụ nữ DTTS trong mẫu nghiên cứu không đồng ý với quan điểm “Nếu vợ làm gì có lỗi chồng có thể ngược đãi, đánh đập vợ”. Đại đa số người tham gia không đồng tình với các hành vi xâm phạm thể chất, tinh thần, kinh tế và tình dục đối với phụ nữ. 90,4% không đồng ý rằng chồng cô lập, giam cầm vợ là hành vi được phép hay hợp pháp; 92,2% phụ nữ trong mẫu nghiên cứu không đồng ý rằng chồng chiếm đoạt hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của vợ là hành vi được phép/hợp pháp... Như vậy dữ liệu cho thấy phần lớn phụ nữ DTTS trong mẫu nghiên cứu đã có thái độ rõ ràng trong việc phản đối bạo lực gia đình và hành vi vi phạm quyền của phụ nữ. Điều này tạo thuận lợi cho việc họ tham gia vào các hoạt động phòng ngừa bạo lực. Bởi nhận thức là yếu tố đầu tiên có tác động đến hành vi.

Có thể thấy qua các hoạt động tuyên truyền, các tổ chức trong cộng đồng góp phần quan trọng trong việc hình thành các quan điểm, cách thức ứng xử với bạo lực. Quá trình này giúp cá nhân học cách hòa nhập vào xã hội và trở thành một thành viên có trách nhiệm của cộng đồng cũng như giúp họ phát triển các giá trị, chuẩn mực, định hình hành vi ứng xử với bạo lực. Quá trình đó còn giúp các cá nhân và tổ chức biết cách hợp tác và giải quyết tình huống khi có bạo lực xảy ra, đồng thời nó giúp tạo ra trật tự xã hội trong đó các cá nhân học cách tuân thủ các quy tắc và luật lệ nhằm đảm bảo sự ổn định chung.

3.3.2. Vai trò của cộng đồng trong kiểm soát hành vi bạo lực gia đình với phụ nữ

Trong công tác phòng ngừa bạo lực gia đình thì công tác tiếp nhận xử lý các hành vi bạo lực như hòa giải, xử phạt, hay việc lên án hành vi bạo lực của cộng đồng dân cư đóng vai trò quan trọng. Trong xã hội hiện đại các cơ quan chức năng đặc biệt là các cơ quan tư pháp hiện đóng vai trò quan trọng trong lập hồ sơ; xác minh, và xử lý vụ việc. Có thể thấy những năm qua các dịch vụ hành pháp trong xử lý bạo lực luôn đảm bảo tính sẵn có và khả năng tiếp cận dịch vụ cho nạn nhân. Những phụ nữ và nam giới DTTS tham gia phỏng vấn đều biết đến các dịch vụ tư pháp và hành pháp. Họ mô tả qua được các bước của quá trình trước

khi xét xử, trách nhiệm của người gây bạo lực và bồi thường. Đa số cán bộ và người dân tham gia phỏng vấn đề đánh giá cao vai trò của các cơ quan công an trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ.

Số liệu được trình bày tại biểu đồ 3.5 của Luận án cũng cho thấy gần 90% phụ nữ DTTS là nạn nhân của bạo lực tìm kiếm sự giúp đỡ của công an. Điều đó đã phản ánh thực tế về tính sẵn có và khả năng tiếp cận các dịch vụ thiết yếu trong lĩnh vực tư pháp và hành pháp đã tăng lên. Phụ nữ tham gia trả lời phiếu hỏi cho biết sự can thiệp của các cơ quan công quyền đôi khi có tác dụng khá rõ trong phòng ngừa bạo lực. (Xem số liệu bảng 3.7).

Bảng 3.7. Phản ứng của chồng khi được chính quyền địa phương, già làng, trưởng bản can thiệp về các hành vi bạo lực

Các hành vi bạo lực	Phản ứng của chồng			
	PU'1	PU'2	PU'3	PU'4
1. “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng”	2,4	5,7	4,0	65,6
2. “Đánh đập, lăng mạ, chì chiết hay cưỡng ép chứng kiến bạo lực”	2,6	5,7	5,2	71,6
3. “Cưỡng ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý”	2,6	5,7	5,2	71,6
4. Chồng bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc vợ đặc biệt khi mang thai, hay ốm đau	2,6	5,7	5,2	71,6
5. Chồng kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của vợ	2,6	5,7	5,2	71,6
6. Chồng ngăn cản vợ gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý cho vợ	2,6	5,7	5,2	71,6
7. Chồng ngăn cản vợ thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ với những người thân khác trong gia đình	2,6	5,7	5,2	71,6
8. Chồng tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình của vợ, thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của vợ	2,6	5,7	5,2	71,6

Các hành vi bạo lực	Phản ứng của chồng			
	PU'1	PU'2	PU'3	PU'4
9.Chồng cưỡng ép vợ thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của cô ấy	2,3	3,5	3,9	75,4
10.Chồng cưỡng ép vợ trình diễn hành vi khiêu dâm; cưỡng ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực	2,3	3,5	3,9	75,4
11.Cưỡng ép tảo hôn, kết hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp;	17,8	4,4	7,2	68,3
12.Chồng cưỡng ép vợ mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi;	2,3	3,5	3,9	75,4
13.Chồng chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của vợ	1,5	3,4	5,8	65,5
14.Chồng cưỡng ép vợ học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của vợ; kiểm soát tài sản, thu nhập của vợ nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác;	1,5	3,4	5,8	65,5
15.Chồng cô lập, giam cầm vợ	1,5	3,4	5,8	65,5
16.Chồng cưỡng ép vợ ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật	1,5	3,4	5,8	65,5

Ghi chú: PU'1: Anh ấy thực hiện hành vi này nhiều hơn

PU'2:..Anh ấy có hình thức cư xử tệ bạc khác với tôi

PU'3 Anh ấy không lắng nghe và không thay đổi thái độ của mình

PU'4:Anh ấy lắng nghe và không cư xử như vậy với tôi nữa

Ngoài ra còn có phản ứng khác với tỷ lệ không đáng kể NCS không đưa vào bảng số liệu

Nguồn: Số liệu khảo sát về bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang thực hiện năm 2024.

Theo số liệu bảng 3.7 trong Luận án, có ít nhất trên 65% phụ nữ tham gia trả lời phiếu hỏi cho biết chồng của họ thường lắng nghe và không thực hiện hành vi bạo lực khi có sự can thiệp, khuyên nhủ của chính quyền địa phương. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của các tổ chức trong ngăn chặn xử lý các hành vi bạo lực với phụ nữ DTTS tại Hà Giang.

Số liệu điều tra của luận án cũng đưa ra một thực tiễn là bên cạnh vai trò quan trọng của thiết chế tư pháp những người sống trong cộng đồng thường có phản ứng để chống lại bạo lực cũng như lên án hành vi bạo lực. Khi được hỏi “Những người trong cộng đồng của chị thường cư xử như thế nào nếu phụ nữ bị chồng “đánh đập, lăng mạ, chì chiết hay cưỡng ép chứng kiến bạo lực?”. Số liệu điều tra cho thấy 84% phụ nữ khẳng định rằng không ai lơ đi không làm gì cả khi biết phụ nữ bị chồng “đánh đập, lăng mạ, chì chiết hay cưỡng ép chứng kiến bạo lực”. 12% phụ nữ trong mẫu nghiên cứu cho rằng có một số người sẽ lơ đi không làm gì cả và 4% cho biết đa số sẽ lơ đi. (Xem số liệu bảng 3.8).

Bảng 3.8. Cách ứng xử của những người trong cộng đồng khi phụ nữ bị chồng “đánh đập, lăng mạ, chì chiết hay cưỡng ép chứng kiến bạo lực”

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Các cách cư xử	Mức độ phổ biến
1.Lơ đi không làm gì cả	1. Không ai cư xử như vậy 64,8 2.Một số ít sẽ cư xử như vậy 32,6 3. Đa số cư xử như vậy 2,3
2.Ngay lập tức can ngăn	1.Không ai cư xử như vậy 7,3 2.Một số ít sẽ cư xử như vậy 43,3 3. Đa số cư xử như vậy 49,5
3.Họ sẽ cố gắng khuyên nhủ, động viên để người vợ chấp nhận thực trạng đó	1.Không ai cư xử như vậy 68,4 2.Một số ít sẽ cư xử như vậy 22,3 3. Đa số cư xử như vậy 9,1
4.Họ sẽ cố gắng khuyên nhủ, động viên, giúp đỡ để người vợ thoát khỏi thực trạng đó	1.Không ai cư xử như vậy 11,7 2.Một số ít sẽ cư xử như vậy 29,5 3. Đa số cư xử như vậy 58,5
5.Họ sẽ nói rằng chồng cô làm điều đó là đúng đắn và có thể chấp nhận được	1.Không ai cư xử như vậy 77,7 2.Một số ít sẽ cư xử như vậy 17,1 3. Đa số cư xử như vậy 4,9
6.Họ sẽ nên án, cố gắng ngăn cản hành vi của người chồng	1.Không ai cư xử như vậy 13,2 2.Một số ít sẽ cư xử như vậy 36,8 3. Đa số cư xử như vậy 49,7

7.Họ sẽ cố vũ để người chồng thực hiện hành vi này	1.Không ai cư xử như vậy	83,7
	2.Một số ít sẽ cư xử như vậy	12,2
	3. Đa số cư xử như vậy	3,9
8.Họ sẽ bàn tán và nói không hay về gia đình đó	1.Không ai cư xử như vậy	23,8
	2.Một số ít sẽ cư xử như vậy	67,9
	3. Đa số cư xử như vậy	8,0

Nguồn: Số liệu khảo sát về bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang thực hiện năm 2024.

Với số liệu được trình bày tại bảng trên thì có 64.8% phụ nữ DTTS trong mẫu nghiên cứu tin rằng khi biết phụ nữ bị chồng “đánh đập, lăng mạ, chì chiết hay cưỡng ép chứng kiến bạo lực” không ai trong cộng đồng sẽ lờ đi không làm gì cả. 49,5% cho rằng đa số người trong cộng đồng sẽ ngay lập tức can ngăn. 58,5% tin rằng đa số mọi người sẽ cố gắng khuyên nhủ, động viên, giúp đỡ để người vợ thoát khỏi thực trạng đó.

Tương tự như phản ứng của cộng đồng với hành vi “đánh đập, lăng mạ, chì chiết hay cưỡng ép chứng kiến bạo lực, với 15 loại hành vi bạo lực khác mặc dù mức độ phản ứng có thể khác nhau nhưng nhìn chung phụ nữ tham gia trả lời phiếu hỏi tin rằng cộng đồng sẽ có xu hướng can ngăn, khuyên nhủ và giúp đỡ người vợ và khuyên nhủ ngăn chặn hành vi bạo lực của người chồng.

Có một tỷ lệ lớn phụ nữ trong mẫu nghiên cứu cho biết chồng họ đã thay đổi thái độ và hành vi bạo lực của mình khi được người thân và bạn bè khuyên can. (Xem số liệu bảng 3.9).

Bảng 3.9. Phản ứng của chồng khi được bạn bè, người thân trong gia đình can thiệp về các hành vi bạo lực

Các hành vi bạo lực	Phản ứng của chồng			
	PU'1	PU'2	PU'3	PU'4
1.“Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng”	1,6	3,4	5,2	46,4
2.“Đánh đập, lăng mạ, chì chiết hay cưỡng ép chứng kiến bạo lực”	2,6	5,7	5,2	71,6
3.“Cưỡng ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý”	2,6	5,7	5,2	71,6

Các hành vi bạo lực	Phản ứng của chồng			
	PU'1	PU'2	PU'3	PU'4
4.Chồng bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc vợ đặc biệt khi mang thai, hay ốm đau	2,6	5,7	5,2	71,6
5.Chồng kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của vợ	2,6	5,7	5,2	71,6
6.Chồng ngăn cản vợ gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý cho vợ	2,6	5,7	5,2	71,6
7.Chồng ngăn cản vợ thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ với những người thân khác trong gia đình	2,6	5,7	5,2	71,6
8.Chồng tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình của vợ, thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của vợ;	2,6	5,7	5,2	71,6
9.Chồng cưỡng ép vợ thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của cô ấy	2,6	1,8	3,1	50,0
10.Chồng cưỡng ép vợ trình diễn hành vi khiêu dâm; cưỡng ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực	2,3	3,5	3,9	75,4
11.Cưỡng ép tảo hôn, kết hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp;	1,0	4,1	6,0	38,3
12.Chồng cưỡng ép vợ mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi;	2,3	3,5	3,9	75,4
13.Chồng chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của vợ	1,5	3,4	5,8	65,5
14.Chồng cưỡng ép vợ học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của vợ; kiểm soát tài sản, thu nhập của vợ nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác;	1,5	3,4	5,8	65,5
15.Chồng cô lập, giam cầm vợ	1,5	3,4	5,8	65,5
16.Chồng cưỡng ép vợ ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật	1,5	3,4	5,8	65,5

Ghi chú: PU'1: Anh ấy thực hiện hành vi này nhiều hơn

PU'2: Anh ấy có hình thức cư xử tệ bạc khác với tôi

PU'3 Anh ấy không lắng nghe và không thay đổi thái độ của mình

PU4: Anh ấy lắng nghe và không cư xử như vậy với tôi nữa

Ngoài ra còn có phản ứng khác với tỷ lệ không đáng kể NCS không đưa vào bảng số liệu

Nguồn: Số liệu khảo sát về bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang thực hiện năm 2024.

Số liệu được trình bày tại bảng trên cho thấy khi được người thân, bạn bè khuyên nhủ về hành vi bạo lực đa số phụ nữ trong mẫu nghiên cứu cho thấy chồng họ đã có phản ứng tích cực như lắng nghe và không cư xử như vậy nữa. Tuy nhiên, phản ứng của người chồng là khác nhau tùy thuộc vào từng loại hành vi bạo lực. Với một số hành vi bạo lực tình dục như: chồng cưỡng ép vợ thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của cô ấy hay bạo lực tinh thần như “Cưỡng ép tảo hôn, kết hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp” tỷ lệ chồng lắng nghe và thay đổi hành vi bạo lực của mình khi được người nhà, bạn bè khuyên nhủ là thấp hơn so với các hành vi bạo lực khác.

Khi đề cập đến phản ứng của người chồng cũng thì số liệu ở các bảng trên cũng cho thấy: Mặc dù đa số người chồng, lắng nghe và thay đổi thái độ và hành vi bạo lực sau khi được khuyên giải, *nhưng thực tế vẫn tồn tại một bộ phận không nhỏ – khoảng gần 10% – có phản ứng tiêu cực sau đó*. Thay vì dừng lại, họ thậm chí còn tiếp tục hoặc gia tăng hành vi bạo lực đối với vợ, dưới nhiều hình thức như bạo lực thể chất, đe dọa tinh thần, kiểm soát kinh tế hoặc cư xử lạnh nhạt, khinh miệt. Một số trường hợp còn có biểu hiện tiêu cực, cho rằng việc bị “phản ánh” hay “phê bình” là sự xúc phạm thể diện đàn ông trong gia đình. Điều này cho thấy sự thay đổi thiếu bền vững, phản ánh những hạn chế trong nhận thức về bình đẳng giới, cũng như sự thiếu vắng các biện pháp can thiệp về tâm lý, pháp lý đủ mạnh và hiệu quả từ cộng đồng và chính quyền địa phương.

Hiện nay, cộng đồng đã thiết lập một số tổ chức để tiếp nhận xử lý các trường hợp bạo lực như các tổ an ninh trật tự, tổ hòa giải cộng đồng. Theo số liệu khảo sát của luận án, hiện nay 100% các thôn bản trên địa bàn tỉnh Hà Giang đã thiết lập và duy trì hoạt động của tổ an ninh trật tự, tổ hòa giải tiếp nhận xử lý các vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình. Ở hai địa bàn điều tra, tổ an ninh trật tự và tổ hòa giải cộng đồng đã được thành lập và đi vào hoạt động. Tuy nhiên, chúng ta

phải thấy rằng khi thiết chế tư pháp đóng vai trò trọng yếu trong tiếp nhận và xử lý bạo lực thì vai trò của cộng đồng trong hòa giải, xử lý hành vi bạo lực dường như lại khá mờ nhạt và ít có tác động. Một phụ nữ người Dao tham gia phỏng vấn với chúng tôi cho biết:

“Công tác của tổ hòa giải đôi khi không có tác dụng vì toàn là những người thân quen làm việc và sống cùng nhau trong thôn bản nên có khuyên can thì nhiều người chồng cũng không nghe. Nhưng khi nghe nói đến công an xã thì họ sợ. Khi bị công an gọi lên trụ sở xã làm việc và nghe nói đến pháp luật và bị phạt là họ sợ ngay” (Trích biên bản phỏng vấn sâu phụ nữ dân tộc Dao- Hà Giang).

3.3.3. Vai trò của cộng đồng trong việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho phụ nữ là nạn nhân của bạo lực

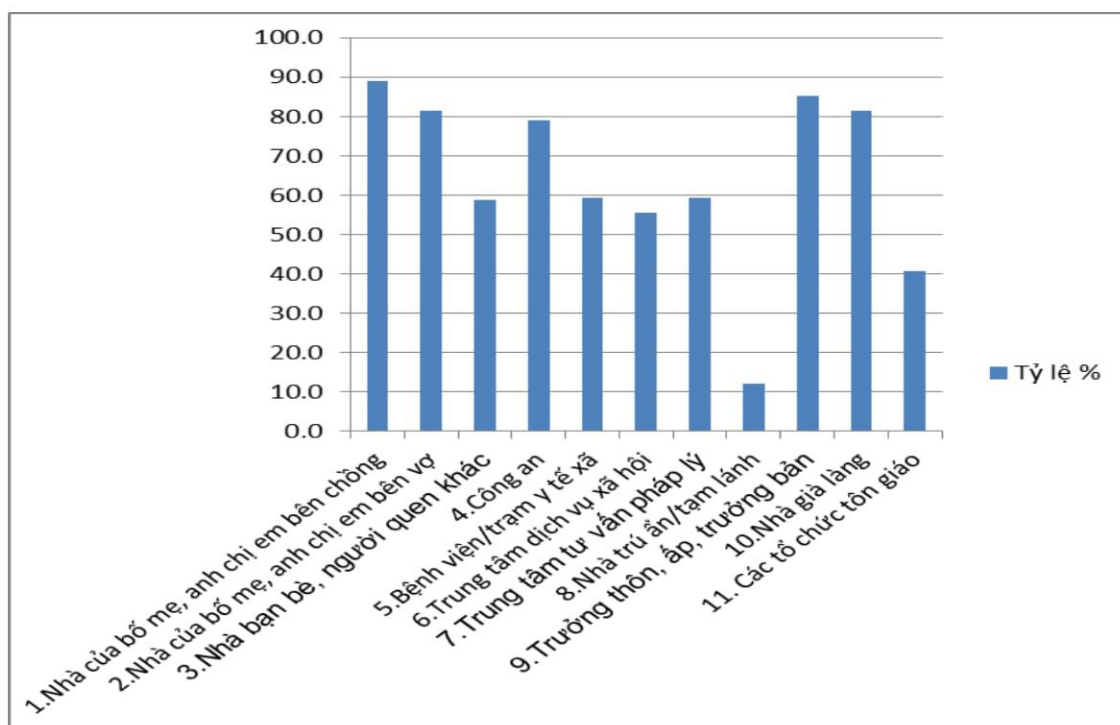
Nhận thức là bước đầu tiên hướng đến ngăn ngừa bạo lực gia đình. Bước tiếp theo là giúp đỡ, trợ giúp các gia đình cần được hỗ trợ. Sự trợ giúp thiết thực và gần gũi nhất với nạn nhân thường đến từ các hoạt động trợ giúp của người thân trong gia đình, hàng xóm hay các cộng đồng cùng chia sẻ quan điểm hay công việc chung.

****Những trợ giúp về vật chất và tinh thần của gia đình, hàng xóm, và các tổ chức trong cộng đồng***

Kết quả nghiên cứu của luận án hé lộ rằng gia đình, hàng xóm và bạn bè luôn đóng vai trò là nguồn hỗ trợ về mặt tinh thần và vật chất đối với những phụ nữ dân tộc thiểu số là nạn nhân của bạo lực gia đình. Khi trở thành nạn nhân của bạo lực thì nơi đầu tiên phụ nữ thường tìm kiếm sự giúp đỡ và hỗ trợ đó là thành viên gia đình, nhà của bạn bè hay nhà của người quen khác. Số liệu điều tra của luận án cho thấy hơn 80% phụ nữ dân tộc thiểu số là nạn nhân của bạo lực tìm kiếm sự giúp đỡ của gia đình nội ngoại hai bên, gần 60% phụ nữ DTTS trong mẫu nghiên cứu tìm kiếm sự trợ giúp của gia đình bạn bè người thân. (Xem số liệu biểu đồ 3.5).

Dữ liệu điều tra của luận án được trình bày tại biểu đồ 3.5 cho thấy có một

tỷ lệ đáng kể phụ nữ bị bạo lực đã tìm kiếm sự trợ giúp từ các thiết chế truyền thống trong cộng đồng như nhà của già làng hay các tổ chức tôn giáo. Hơn 80% phụ nữ DTTS là nạn nhân của BLGD có tìm kiếm sự giúp đỡ của trưởng ấp, trưởng bản hay nhà già làng. 40% tìm kiếm sự hỗ trợ của các tổ chức tôn giáo.



Biểu đồ 3.4. Tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực có tìm kiếm sự giúp đỡ của các địa chỉ trợ giúp

***Nguồn:** Số liệu khảo sát về bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang thực hiện năm 2024.*

Những phụ nữ DTTS tham gia nghiên cứu cho biết khi họ nói cho các thành viên gia đình như con họ, người thân bên gia đình chồng, người thân bên gia đình vợ đa số những người thân sẽ tìm cách khuyên nhủ hỗ trợ vợ hoặc khuyên nhủ để thay đổi thái độ và hành vi của chồng. Có thể thấy sự trợ giúp và thái độ của các thành viên trong gia đình lại là yếu tố có tác động tích cực với phòng ngừa bạo lực. (Xem số liệu bảng 3.10).

Bảng 3.10. Phản ứng của những người xung quanh khi phụ nữ cho biết họ bị chồng thực hiện các hành vi bạo lực tinh thần

Đơn vị: Tỷ lệ %

1.Con chị	☐ 1.Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên	13,3
	☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả	11,3
	☐ 3.Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi	32,6
	☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi	20,0
	☐ 5.Các cách cư xử khác	2,6
2.Người thân trong gia đình chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên	7,3
	☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả	11,4
	☐ 3.Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi	85,7
	☐ 4.Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi	18,9
	☐ 5.Các cách cư xử khác	1,7
3.Người thân trong gia đình chồng	☐ 1.Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên	4,3
	☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả	12,9
	☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi	91,3
	☐ 4.Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi	20,3
	☐ 5.Các cách cư xử khác	1,2
4.Bạn bè/ đồng nghiệp của chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên	6,3
	☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả	7,9
	☐ 3.Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi	76,7
	☐ 4.Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi	13,4
	☐ 5.Các cách cư xử khác	5,5
5.Bạn bè/đồng nghiệp của chồng	☐ 1.Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên	5,9
	☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả	14,0
	☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi	53,2
	☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi	8,3
	☐ 5.Các cách cư xử khác	4,5
6. Hàng xóm, những người sống xung quanh	☐ 1.Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên	5,2
	☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả	14,2
	☐ 3.Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi	77,4
	☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi	23,5
	☐ 5.Các cách cư xử khác	3,5

7.Cán bộ chính quyền, các tổ chức đoàn thể	☐ 1.Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên	6,3
	☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả	12,0
	☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tinh thần/vật chất giúp đỡ tôi	40,2
	☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi	19,0
	☐ 5. Tổ chức hòa giải, xử lý hành vi của chồng tôi	19,7
	☐ 6. Các cách xử lý khác	1,4
8.Những người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản, người trong tổ chức tôn giáo, nhóm hội,	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên	5,9
	☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả	12,5
	☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tinh thần/vật chất giúp đỡ tôi	65,3
	☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi	16,7
	☐ 5.Tổ chức hòa giải, xử lý hành vi của chồng tôi	15,4
	☐ 6.Các cách cư xử khác	1,3

Nguồn: Số liệu khảo sát về bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang thực hiện năm 2024.

Số liệu được trình bày tại bảng trên cho thấy phản ứng phổ biến nhất của các thành viên trong cộng đồng khi biết phụ nữ bị bạo hành về tinh thần là khuyên nhủ, động viên tinh thần/vật chất giúp đỡ nạn nhân. 65,3% phụ nữ dân tộc thiểu số trong mẫu nghiên cứu cho biết những người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản, người trong tổ chức tôn giáo, nhóm hội) sẽ khuyên nhủ động viên tinh thần và vật chất khi phụ nữ kể cho họ nghe về việc mình bị chồng bạo lực tinh thần, 77% cho biết hàng xóm, những người sống xung quanh sẽ khuyên nhủ động viên tinh thần và vật chất hỗ trợ phụ nữ là nạn nhân của bạo lực tinh thần. 53,2% phụ nữ cho biết họ được bạn bè/đồng nghiệp của chồng khuyên nhủ động viên tinh thần hoặc giúp đỡ về vật chất. 85,7% cho biết người thân trong gia đình có hỗ trợ vật chất hoặc tinh thần khi họ là nạn nhân của bạo lực.

Ngoài việc khuyên nhủ, hỗ trợ giúp đỡ nạn nhân về vật chất hay tinh thần, có một tỷ lệ nhỏ phụ nữ cho biết các thành viên trong cộng đồng sẽ khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng. Việc tổ chức hòa giải cũng được cán bộ chính quyền và các tổ chức đoàn thể triển khai. Tìm hiểu về phản ứng của cộng đồng khi biết phụ nữ bị bạo lực, số liệu nghiên cứu của luận án cho thấy phản ứng của thành

viên trong cộng đồng có thể khác biệt với từng loại hình vi bạo lực. Với các hành vi bạo lực về thể xác bao gồm những hành vi ngược đãi gây tổn hại về sức khỏe thể chất thường dễ quan sát do đó mức độ phản ứng can thiệp của cộng đồng là phổ biến hơn so với các hành vi bạo lực tinh thần hay bạo lực tình dục vốn được cho là các hành vi nhạy cảm mang tính riêng tư. Số liệu nghiên cứu cũng cho thấy các thành viên trong gia đình, hàng xóm hay các tổ chức trong cộng đồng thường khuyên nhủ động viên người vợ, nạn nhân của bạo lực hơn là khuyên nhủ người chồng, thủ phạm gây ra bạo lực. Điều này phản ánh một thực trạng đáng lo ngại về quan điểm giới và văn hóa ứng xử mang nặng tư tưởng gia trưởng và định kiến giới trong đó người phụ nữ thường bị kỳ vọng phải "chịu đựng", "nhẫn nhịn", "giữ gìn hạnh phúc gia đình", trong khi hành vi của người chồng dù bạo lực vẫn được bao dung, xem là chuyện "nóng giận nhất thời" hoặc là "việc nội bộ gia đình". Sự thiên lệch trong quan điểm này khiến nạn nhân không những không được bảo vệ đúng mức mà còn có nguy cơ tiếp tục bị tổn thương cả về thể chất lẫn tinh thần. Đồng thời, nó cũng làm suy giảm hiệu quả của các chương trình phòng ngừa và can thiệp bạo lực gia đình, bởi vì thủ phạm không bị lên án, giáo dục hoặc xử lý thích đáng, dẫn đến nguy cơ tái diễn hành vi bạo lực. (Xem số liệu bảng 3.11).

Bảng 3.11. Phản ứng của những người xung quanh khi phụ nữ cho biết họ bị chồng “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng”

Đơn vị: Tỷ lệ %

1.Con chị	☐ 1.Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên	6,5
	☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả	6,7
	☐ 3.Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi	33,4
	☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi	7,5
	☐ 5.Các cách cư xử khác	5,4
2.Người thân trong gia đình chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên	3,9
	☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả	7,6
	☐ 3.Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi	37,6
	☐ 4.Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi	7,6
	☐ 5.Các cách cư xử khác	3,1

3. Người thân trong gia đình chồng	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên	2,6
	☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả	6,5
	☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi	36,8
	☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi	9,2
	☐ 5. Các cách cư xử khác	2,6
4. Bạn bè/ đồng nghiệp của chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên	3,3
	☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả	7,8
	☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi	51,3
	☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi	6,8
	☐ 5. Các cách cư xử khác	9,3
5. Bạn bè/đồng nghiệp của chồng	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên	3,4
	☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả	10,9
	☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi	47,7
	☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi	6,7
	☐ 5. Các cách cư xử khác	2,1
7. Hàng xóm, những người sống xung quanh	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên	3,7
	☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả	6,7
	☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi	43,0
	☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi	2,4
	☐ 5. Các cách cư xử khác	3,6
7. Cán bộ chính quyền, các tổ chức đoàn thể	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên	3,2
	☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả	7,3
	☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi	34,5
	☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi	1,2
	☐ 5. Tổ chức hòa giải, xử lý hành vi của chồng tôi	10,4
	☐ 6. Các cách xử lý khác	3,1
8. Những người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản, người trong tổ chức tôn giáo, nhóm hội,	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên	2,6
	☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả	7,3
	☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi	34,5
	☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi	2,9
	☐ 5. Tổ chức hòa giải, xử lý hành vi của chồng tôi	9,6
	☐ 6. Các cách cư xử khác	3,1

Nguồn: Số liệu khảo sát về bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang thực hiện năm 2024.

Trong cộng đồng các DTTS sinh sống, gồm cả cả phụ nữ và nam giới tham gia trong nghiên cứu tại địa bàn điều tra đều cho biết rằng gia đình mở rộng, bạn bè và hàng xóm của họ đã ảnh hưởng đến niềm tin và hành vi của họ về bạo lực gia đình. Phụ nữ thường tìm kiếm sự hỗ trợ và hòa giải từ các thành viên gia đình mở rộng và sự can thiệp hỗ trợ của hàng xóm, hay cộng đồng cùng chung các đặc điểm như nghề nghiệp sẽ có những hoạt động để hỗ trợ phụ nữ khi họ không may trở thành nạn nhân của bạo lực. Đàn ông cũng tìm kiếm lời khuyên từ bạn bè và gia đình. Đàn ông sợ bị xấu hổ trước công chúng khi các vấn đề của họ được phơi bày với hàng xóm hay các tổ chức của chính quyền địa phương. Điều này đóng vai trò quan trọng trong việc giảm bạo lực trong các mối quan hệ gia đình.

**** Các dịch hỗ trợ y tế, nơi tạm lánh và dịch vụ hỗ trợ tư pháp cho nạn nhân của bạo lực gia đình được cộng đồng triển khai***

Việc giúp đỡ và trợ giúp các gia đình và nạn nhân đang đối mặt với bạo lực luôn được coi là biện pháp ưu tiên. Hiện nay các mô hình trợ giúp hầu hết đã được các cấp chính quyền triển khai trong cộng đồng. Đề án “Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016- 2020 và tầm nhìn tới 2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 22/7/2016 đã và đang được triển khai để cải thiện các cơ chế và chính sách phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới và nâng cao việc thực thi pháp luật, đảm bảo cung cấp các hệ thống dịch vụ phòng ngừa, ứng phó bạo lực trên cơ sở giới. Để triển khai đề án này nhiều giải pháp đã được thực hiện đồng bộ trên phạm vi cả nước, hướng tới mục tiêu xây dựng môi trường an toàn, bình đẳng và không có bạo lực vào năm 2030[5]. Cho đến năm 2018, toàn quốc đã có 9.024 mô hình phòng, chống bạo lực gia đình, đạt 74,85% tổng số xã/ phường/ thị trấn trong cả nước có mô hình phòng chống bạo lực gia đình. Có 33.192 địa chỉ tin cậy ở cộng đồng; 26.558 nhóm phòng, chống bạo lực gia đình và 19.812 câu lạc bộ xây dựng gia đình bền vững [57].

Trên địa bàn tỉnh Hà Giang cũng có các mô hình về phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình được các cơ quan, tổ chức triển khai, nhân rộng. Ví dụ như mô hình ngăn ngừa và giảm thiểu tác hại của bạo lực trên cơ sở giới được Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện và nhân rộng ở một số địa phương với các hoạt động can thiệp như: Câu lạc bộ ngăn ngừa, giảm

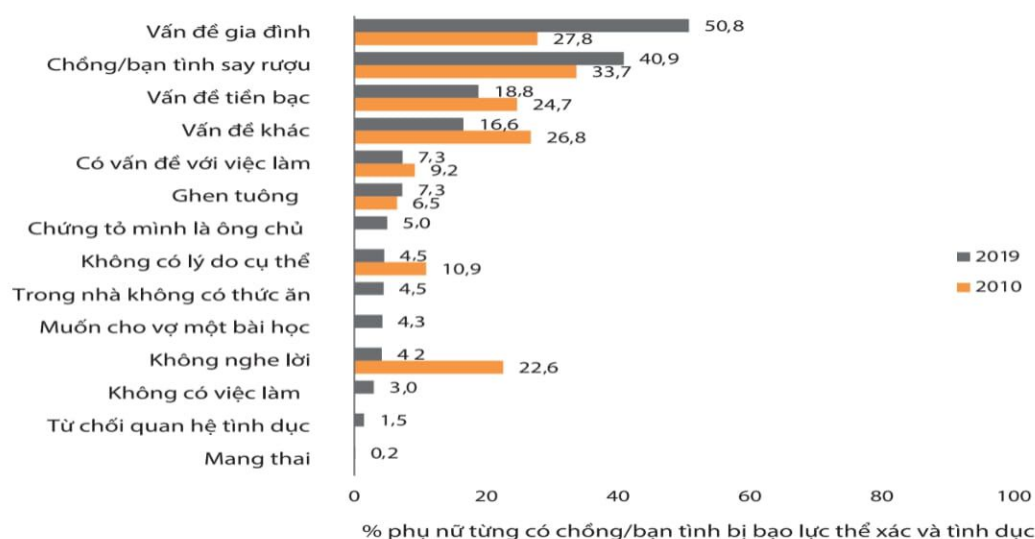
thiếu tác hại của bạo lực trên cơ sở giới; Tổ phòng, chống bạo lực giới, nhà tạm lánh tại cộng đồng... Mô hình Phòng, chống bạo lực gia đình của Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch đã thành lập câu lạc bộ Xây dựng gia đình phát triển bền vững và Nhóm phòng, chống bạo lực gia đình. Ngoài ra, còn có Mô hình phòng chống bạo lực gia đình và xây dựng gia đình hạnh phúc, Địa chỉ tin cậy của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Mô hình phòng chống bạo lực gia đình và Mô hình truyền thông về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới của Hội Nông dân [6, tr.21].

Toàn tỉnh Hà Giang hiện đang duy trì 872 địa chỉ tin cậy ở cộng đồng, 01 Câu lạc bộ hỗ trợ phụ nữ có nguy cơ bị ép kết hôn với người nước ngoài, 258 cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. Công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về tại cơ sở trợ giúp xã hội: Tỉnh Hà Giang có 01 cơ sở trợ giúp xã hội công lập (Trung tâm Công tác xã hội) và cũng là cơ sở duy nhất thực hiện việc tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán [51]. Việc xây dựng, duy trì các mô hình cung cấp dịch vụ, hỗ trợ bình đẳng giới đã giúp cho người dân tiếp cận được các dịch vụ trợ giúp. Nạn nhân của bạo lực gia đình đã được cung cấp các dịch vụ thiết yếu giúp họ vượt qua được hoàn cảnh khó khăn. Theo báo cáo của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Giang năm 2023 “Tỷ lệ người bị bạo lực gia đình, được phát hiện, được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản đạt 100%” [51].

Mặc dù vậy hiện nay, Trung tâm công tác xã hội của tỉnh là cơ sở duy nhất thực hiện việc tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực tại Hà Giang nhưng lại có trụ sở đặt tại thành phố Hà Giang vị trí địa lý khá xa so với địa bàn 2 xã khảo sát. Do đó, việc phát huy vai trò của trung tâm này trong phòng ngừa BLVPN trên phạm vi toàn tỉnh, trong đó có hai xã được khảo sát còn nhiều hạn chế.

3.3.4. Vai trò của cộng đồng trong thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình trong đó nghèo đói, khó khăn về kinh tế được xác định là một trong những lý do phổ biến làm nảy sinh bạo lực với phụ nữ. (Xem số liệu Biểu đồ 3.6)



Biểu đồ 3.5. Các lý do được cho là làm nảy sinh bạo lực thể xác do chồng/bạn tình gây ra, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình và đã từng bị bạo lực, Việt Nam 2010 (N=1.393) và 2019 (N=1.471)

Nguồn: Báo cáo kết quả điều tra quốc gia về bạo lực gia đình năm 2019 tr.43

Số liệu được trình bày tại biểu đồ 3.5 cho thấy trong rất nhiều lý do làm nảy sinh bạo lực gia đình thì các lý do liên quan đến vấn đề kinh tế như: không có việc làm, trong nhà không có thức ăn, tiền bạc là những lý do căn bản dẫn đến bạo lực gia đình.

Tại hai địa bàn điều tra của luận án những khó khăn về kinh tế cũng là một trong những lý do căn bản dẫn đến những mâu thuẫn xung đột và là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến các hành vi bạo lực diễn ra với nhiều phụ nữ dân tộc thiểu số. Những cán bộ chính quyền cơ sở, nam giới và phụ nữ tham gia phỏng vấn đều thừa nhận thực trạng này. Một cán bộ xã tham gia phỏng vấn cho biết: “*Bạo lực thường bắt đầu từ việc thiếu thốn về kinh tế, không có việc làm, nhậu nhẹt say xỉn rồi về nhà cãi vã nên dẫn đến đánh nhau*” (Trích biên bản PVS cán bộ xã).

Số liệu điều tra định lượng của đề tài cho thấy tỷ lệ phụ nữ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn (phụ nữ sống trong hộ gia đình nghèo/rất nghèo) có tỷ lệ thỉnh thoảng hay thường xuyên bị bạo lực trong vòng 12 tháng qua cao hơn con số này ở nhóm phụ nữ dân tộc thiểu số sống trong hộ gia đình trung bình, giàu có hay khá giả. (Xem số liệu bảng 3.12).

Bảng 3.12. Tương qua giữa mức độ bị bạo lực trong vòng 12 tháng qua với điều kiện kinh tế hộ gia đình

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Hoàn cảnh kinh tế gia đình	Mức độ bị bạo lực trong vòng 12 tháng qua		
	Không bị bạo lực	Thỉnh thoảng bị bạo lực	Thường xuyên
Giàu có/khá giả	75,0	17,9	7,1
Trung bình	87,1	5,9	7,0
Nghèo/Rất nghèo	62,8	23,3	14,0
Giàu có/khá giả	75,0	17,9	7,1
Cramer's V=.168 *	Tổng mẫu: 385		

Nguồn: Số liệu khảo sát về bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang thực hiện năm 2024.

Số liệu được trình bày tại bảng 3.12 cho thấy mối tương quan giữa điều kiện kinh tế với mức độ xảy ra bạo lực tại địa bàn nghiên cứu. Có sự chênh lệch rõ rệt về tỷ lệ thường xuyên và thỉnh thoảng bị bạo lực giữa các nhóm hộ gia đình theo điều kiện kinh tế. Tình trạng bạo lực có xu hướng giảm dần khi điều kiện kinh tế của hộ gia đình tốt hơn. Nhóm hộ nghèo/rất nghèo có tỷ lệ bị bạo lực cao nhất, hơn 30% phụ nữ dân tộc thiểu số trong nhóm này báo cáo chịu một hình thức bạo lực nào đó trong vòng 12 tháng qua (tỷ lệ không bị bạo lực của nhóm này là 62,8%), thấp nhất trong ba nhóm. Trong đó 23,3% phụ nữ trong nhóm hộ gia đình này thỉnh thoảng bị bạo lực tỷ lệ này cao nhất trong ba nhóm. 14,0% thường xuyên bị bạo lực con số này cao gấp đôi so với tỷ lệ thường xuyên bị bạo lực của hai nhóm còn lại. Rõ ràng điều kiện kinh tế gia đình có ảnh hưởng đáng kể đến nguy cơ bị bạo lực trong gia đình. Các hộ gia đình có điều kiện kinh tế tốt hơn ít có khả năng bị bạo lực hơn so với các hộ nghèo.

Theo đó một trong những chiến lược hiệu quả nhằm phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ là thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội. Hoạt động này đề cập

đến các chiến lược nhằm vào các đối tượng là phụ nữ hoặc thành viên của hộ gia đình với mục tiêu là giảm đói nghèo thông qua các hoạt động như: hỗ trợ tiền mặt, tiết kiệm, các hỗ trợ về tài chính hay vật nuôi, cây con giống, các chương trình can thiệp hỗ trợ người dân tham gia lực lượng lao động. Ở cấp độ vĩ mô là việc triển khai các chương trình như phát triển hạ tầng, đầu tư vốn nhân lực trong đó có giáo dục và đào tạo, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thúc đẩy phát triển thị trường cho địa phương.

Nhiều thập kỷ qua Việt Nam luôn được Liên hợp quốc công nhận là một trong các quốc gia đi đầu trong việc thực hiện một số mục tiêu Thiên niên kỷ trong đó có xóa đói giảm nghèo. Bên cạnh việc triển khai chính sách xóa đói giảm nghèo nói chung, gần đây Việt Nam đã dành một nguồn lực đáng kể để giảm nghèo cho các vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Các chương trình giảm nghèo những vùng trọng điểm như miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số (như Nghị Quyết 30a) đã và đang được triển khai rộng khắp trong đó tập trung vào hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển cơ sở hạ tầng và nâng cao năng lực để đồng bào dân tộc thiểu số tự vươn lên thoát nghèo.

Tại hai địa bàn điều tra của luận án nhiều chương trình, chính sách xóa đói giảm nghèo được các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức trong cộng đồng của người dân tích cực triển khai. Ví dụ Hội Liên Hiệp Phụ nữ xã Đạo Đức huyện Vị Xuyên trong nhiều năm kiên trì thực hiện các chính sách hỗ trợ kinh tế, trong đó có hỗ trợ tiền mặt có điều kiện/không có điều kiện, cùng với phiếu mua hàng và các khoản hỗ trợ bằng hiện vật cho chị em hội viên hội phụ nữ. Hội phụ nữ, Hội nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội khác đã phát động phong trào tích cực học tập, lao động sản xuất góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện an sinh xã hội.

Người dân trong cộng đồng đã tích cực tham gia vào các hoạt động do chính quyền triển khai như cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn hộ để tạo sinh kế cho người dân. Hội Liên hiệp phụ nữ của xã tại địa bàn nghiên cứu đã tập trung đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn triển khai thực hiện Cuộc vận động xây dựng

“Gia đình 5 không, 3 sạch”, phong trào thi đua “*chung sức xây dựng nông thôn mới*”. Rà soát, lập danh sách và tổ chức giúp thêm được 05 hộ gia đình đạt các tiêu chí “*gia đình 5 không, 3 sạch*” trong đó có 01 hộ thoát nghèo theo tiêu chí nghèo đa chiều.

Trong năm 2022 và 2023, Hội Liên hiệp phụ nữ tiếp tục duy trì 04 tổ “*Phụ nữ liên kết phát triển kinh tế*” tại các thôn, trong đó, có 01 tổ nuôi lợn nái luân chuyển với tổng đàn 6 con; 01 tổ trồng rau an toàn.; 01 tổ phụ nữ liên kết trồng Ngô nếp. 01 tổ phụ nữ tiểu thương. Các chi hội đã tích cực tuyên truyền, hướng dẫn việc sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ ngân hàng Chính sách xã hội cho hội viên, phụ nữ vay phát triển kinh tế gia đình. Hội Liên hiệp phụ nữ xã thường xuyên kiểm tra, giám sát các chương trình vay vốn phát triển kinh tế. Các chương trình được triển khai đã góp phần nâng cao thu nhập, từng bước cải thiện đời sống vật chất cho gia đình... góp phần vào xóa đói giảm nghèo, tăng hộ khá giàu tiêu biểu thông qua việc thúc đẩy phát triển kinh tế với mô hình trồng rau, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Thu nhập của nhiều hộ đã đạt từ 200 - 300 triệu đồng/năm.

Theo Báo cáo của Hội liên hiệp phụ nữ xã trên địa bàn điều tra nhờ việc triển khai các chính sách phát triển kinh tế mà năng lực, vai trò vị thế của phụ nữ trong gia đình ngày càng được nâng lên; đời sống vật chất, tinh thần từng bước được cải thiện theo đó mà tình trạng bạo lực trong gia đình đã giảm bớt.

Tại xã vùng cao của huyện Hoàng Su Phì các tổ chức chính trị xã hội đã phối hợp với các công ty, doanh nghiệp tổ chức Tư vấn tuyển dụng lao động đi làm việc tại các Khu công nghiệp, khu kinh tế trong và ngoài tỉnh. Từ đầu năm 2024 đến thời điểm khảo sát điều tra trên địa bàn xã có 69/68 lao động đi làm việc trong và ngoài tỉnh. Thu nhập bình quân đạt 6,5 triệu đồng/người/tháng.

Các tổ chức chính trị - xã hội và người dân trong các làng bản đã tích cực tham gia cùng các cấp chính quyền để triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với đa dạng các dự án hướng đến giải quyết vấn đề kinh tế cho các hộ gia đình như:

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt. Tổng số vốn là 1.558 triệu đồng, đã giải ngân 323.593.000 (phát téch nước song cho 127 hộ = 127 chiếc).

- Tiểu dự án 1, Dự án 3: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân. Tổng số kinh phí được phân bổ 1.720.640.000 đồng.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS. Tổng số vốn được phân bổ 231 triệu đồng Tu sửa kênh mương thôn Hùng An, thôn Nùng Mới, đã hoàn thiện hồ sơ. Hiện nay đang thực hiện. Hỗ trợ làm nhà ở vùng đồng bào DTTS và miền núi, tổng số vốn 576.800.000 đồng. Đã thực hiện giải ngân 100%.

Bên cạnh đó người dân trong các cộng đồng còn tích cực cùng với chính quyền triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trong đó tập trung xây dựng hạ tầng như thực hiện đổ đường bê tông. Người dân đã tham gia vào các dự án phát triển kinh tế như:

- Dự án 2: Tiểu dự án 1: Đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo. Tổng nguồn vốn thực hiện dự án là: 769 triệu đồng.

- Dự án 3 (Tiểu dự án 1): Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng.

- Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo với tổng số vốn 1.452 triệu đồng.

Với sự hỗ trợ của chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội đã triển khai các can thiệp thúc đẩy tỷ lệ người dân tham gia lực lượng lao động thông qua triển khai chính sách việc làm, sinh kế và đào tạo nghề cùng với các can thiệp về tài chính vi mô hoặc tiết kiệm, các chính sách phát triển hạ tầng, chuyển đổi mô hình kinh tế đã giúp các hộ gia đình cải thiện điều kiện kinh tế. Những cải thiện về đời sống kinh tế có tác động tích cực làm thay đổi các chuẩn mực văn hóa vốn cổ vũ cho bạo lực với phụ nữ đồng thời làm giảm các căng thẳng kinh tế dẫn đến bạo lực vì vậy nó có tác động tích cực đến tính trạng bạo lực với phụ nữ dân tộc thiểu số.

Theo đánh giá của cán bộ địa phương, các thành viên của Tổ Hòa giải cộng đồng tình trạng bạo lực ở các hộ gia đình có khó khăn về kinh tế đã phần nào hạn chế khi các thành viên gia đình có việc làm ổn định. Nguyên nhân hợp lý để lý giải cho việc này là do giảm được xung đột liên quan đến căng thẳng nghèo đói giữa các cặp vợ chồng. Một phụ nữ Dao tham gia phỏng vấn cho biết:

“Ở quanh đây chỉ có một số gia đình thường xuyên xảy ra tình trạng vợ chồng đánh cãi nhau thường do khó khăn về kinh tế. Giờ thì tình trạng này ít đi rồi vì các gia đình đều tập trung vào làm ăn. Bạo lực không còn diễn ra thường xuyên và phổ biến nữa” (Trích biên bản PVS phụ nữ DTTS).

Việc giảm tình trạng bạo lực gia đình là một trong những minh chứng cho thấy thành công trong tác xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Điều đó cho thấy hoạt động của các tổ chức trong cộng đồng có tác động đáng kể giúp tạo ra môi trường sống an toàn cho phụ nữ dân tộc thiểu số bằng các biện pháp can thiệp về kinh tế.

3.4. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TRẠNG THỰC HIỆN VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ

Ở các phần nêu trên trong Chương này, luận án đã phân tích những vai trò trọng yếu của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS trên địa bàn tỉnh Hà Giang, cụ thể là ở hai địa bàn điều tra khảo sát. Kết quả phân tích của luận án cho thấy cộng đồng thể hiện mức độ thực hiện vai trò xã hội hóa khá tích cực giúp định hình nhận thức, thái độ và hành vi với bạo lực. Các tổ chức trong cộng đồng đã nỗ lực cùng phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước triển khai các biện pháp hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tạo môi trường làm giảm các yếu tố nguy cơ dẫn đến bạo lực. Các tổ chức trong cộng đồng như các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức tự quản của người dân trong thôn bản như: tổ hòa giải, tổ an ninh trật tự, gia đình, dòng họ, thôn bản đã có những hoạt động cụ thể để ngăn ngừa, xử lý các hành vi bạo lực và có hành động để hỗ trợ, trợ giúp nạn nhân khi bạo lực xảy ra. Tuy nhiên bên cạnh những thành công thì vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực chưa được phát huy hiệu quả, cụ thể như sau:

3.4.1. Các thiết chế truyền thống trong cộng đồng hiện đóng vai trò khá mờ nhạt trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số

Trong các cộng đồng DTTS thì các thiết chế truyền thống như già làng, trưởng bản, người có uy tín trong thôn, bản, các tập tục văn hóa của cộng đồng được xem là đóng vai trò quan trọng trong phát triển cộng đồng, giải quyết các xung đột mâu thuẫn giữa các thành viên gia đình. Đặc biệt, già làng, trưởng bản và người có uy tín luôn nắm giữ và am hiểu sâu sắc về văn hóa, lịch sử, luật tục và các giá trị truyền thống của dân tộc, bản làng; họ còn là người giữ lửa cho bản sắc văn hóa của cộng đồng; trên thực tế họ luôn là trung tâm quyền lực truyền thống giải quyết các vấn đề nội bộ như hoà giải mâu thuẫn, quản lý cộng đồng.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của luận án cho thấy cùng với sự phát triển của các thiết chế chính trị, sự hoàn thiện của các tổ chức chính quyền thì các thiết chế truyền thống hiện chỉ đóng vai trò như một thiết chế hỗ trợ bổ sung cùng tham gia với chính quyền trong triển khai các biện pháp và can thiệp phòng ngừa bạo lực gia đình. Các thiết chế truyền thống hiện đóng vai trò khá mờ nhạt trong các hoạt động liên quan đến tiếp nhận, xử lý bạo lực hay ngăn chặn bạo lực tái diễn. Việc phát triển hệ thống tư pháp chính thống thông qua công cụ của tòa án, luật pháp rõ ràng đã làm giảm vai trò của các thể chế truyền thống, đặc biệt là liên quan đến xử lý các hành vi bạo lực. Các quan niệm văn hóa truyền thống cũng dần bị thay thế bởi các nguyên tắc chuẩn mực do nhà nước thiết lập. Do đó, thay vì áp dụng cơ chế truyền thống đã được thiết lập để giải quyết xung đột trong mối quan hệ vợ chồng, người dân dần hình thành các quan niệm và thói quen để xử lý các mối quan hệ theo thiết chế tư pháp chính thống. Mọi người cảm thấy thoải mái hơn khi tìm kiếm sự trợ giúp của công an. Do đó, các thể chế truyền thống hiện chỉ tồn tại như một tác nhân hỗ trợ cho sự vận hành của các cơ chế pháp lý chính thống.

Gia đình, dòng họ, các tổ chức trong cộng đồng thường tập trung khuyến nhủ phụ nữ là nạn nhân của bạo lực trong khi đó lại thiếu quan tâm triển khai các

biện pháp để lên án, xử lý hành vi của thủ phạm gây ra bạo lực. Trong nhiều trường hợp gia đình và cộng đồng còn dung túng cho bạo lực bởi họ coi đó là điều bình thường có thể chấp nhận được. Số liệu điều tra của đề tài được trình bày tại các bảng 3.10 và bảng 3.11 cho thấy khi phụ nữ chia sẻ về việc bị chồng thực hiện hành vi bạo lực chỉ có một tỷ lệ nhỏ người dân và tổ chức trong cộng đồng có hoạt động khuyên nhủ, ngăn chặn hay lên án đối với hành vi của người chồng. Báo cáo của các cơ quan chức năng như tổ an ninh trật tự cộng đồng thôn bản, công an xã cho biết có rất ít vụ bạo lực gia đình được trình báo và phải xử lý bằng các biện pháp hành chính hay hình sự.

3.4.2. Vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực sẽ không phát huy hiệu quả nếu thiếu sự hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước

Các cấp chính quyền đặc biệt là chính quyền địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức và giáo dục cộng đồng về phòng ngừa bạo lực gia đình. Các cơ quan quản lý nhà nước là tổ chức khởi xướng và hỗ trợ các chiến dịch truyền thông nhằm thúc đẩy sự hiểu biết về bạo lực gia đình. Các tổ chức này đóng vai trò trọng yếu trong việc cung cấp các dịch vụ y tế, pháp lý và dịch vụ xã hội cần thiết như nơi trú ẩn an toàn cho các nạn nhân của bạo lực. Chính quyền địa phương là tổ chức có trách nhiệm phân bổ kinh phí và xây dựng, thực thi luật pháp liên quan đến phòng ngừa bạo lực gia đình, bao gồm lệnh bảo vệ, lệnh hạn chế và hình phạt đối với người phạm tội. Họ cũng là cơ quan có trách nhiệm trong triển khai các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Các tổ chức trong cộng đồng như đoàn Thanh niên, hội Liên hiệp phụ nữ, hội Nông dân, các tổ chức an ninh trật tự, tổ hòa giải đều có mối quan hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương. Ở Việt Nam, các tổ chức này là cánh tay nối dài của chính quyền trong triển khai luật pháp, chính sách. Theo đó, vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD sẽ khó được phát huy một cách hiệu quả nếu thiếu sự hỗ trợ của chính quyền.

3.4.3. Các biện pháp phát huy vai trò của cộng đồng do nhà nước triển khai chưa đạt được hiệu quả như mong muốn

** Công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng ngừa bạo lực gia đình chưa*

được thực hiện tốt

Như phần trên đã phân tích những năm qua chính quyền đã phối hợp với các tổ chức trong cộng đồng để duy trì việc tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về bình đẳng giới và phòng chống BLGD. Công tác truyền thông về bạo lực trên cơ sở giới, BLGD được các tổ chức này triển khai với nhiều hình thức đa dạng. Tuy nhiên các hoạt động đó vẫn chưa đem lại hiệu quả to lớn để có tác động đến thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của cán bộ và người dân.

Nội dung tuyên truyền thường quá tập trung vào tuyên truyền chính sách pháp luật mà chưa chú trọng nâng cao nhận thức và kỹ năng để người dân có thể tự phòng ngừa bạo lực. Sản phẩm, tài liệu và phương thức truyền thông chưa phong phú. Nội dung và thông điệp truyền thông đa phần phổ biến đơn thuần về thông tin cơ bản của chính sách, luật pháp; chưa đa dạng hóa thể loại và phương thức tác động đến các đối tượng khác nhau trong cộng đồng. Tuyên truyền chưa được tổ chức đến từng bản làng, thôn xóm; đồng thời, do nhiều cơ quan, đơn vị cùng triển khai nên nội dung còn chồng chéo. Nhiều hoạt động còn mang tính phong trào. Một cán bộ thôn tham gia phỏng vấn cho biết.

“Nội dung tập huấn, tuyên truyền năm nào cũng như nhau vì vậy cán bộ tham gia tập huấn chủ yếu đến tham dự và ngồi xem, lướt điện thoại nên thiếu hiệu quả. Tuyên truyền cho bà con thì cũng như nước đổ lá khoai nghe rồi lại quên nên cũng ít tác dụng” (Trích biên bản phỏng vấn Trưởng thôn)

Đối tượng tham gia tuyên truyền thường chưa bao phủ và chưa thu hút sự tham gia đông đảo của người dân trong cộng đồng. Cán bộ xã tham gia phỏng vấn với chúng tôi cho biết:

“Các hoạt động phòng chống bạo lực gia đình chủ yếu thu hút sự tham gia của phụ nữ, chưa tập trung vào nam giới và các đối tượng có nguy cơ gây bạo lực cao”. (Trích biên bản phỏng vấn sâu cán bộ xã)

Báo cáo của Bộ Lao động -Thương binh và xã hội cho thấy: “Hiện chưa có các chương trình giáo dục dành cho các thủ phạm gây ra bạo lực giới.” [4]. Chưa có sẵn hướng dẫn cụ thể (như tờ giới thiệu, sổ tay) dành cho địa chỉ tin cậy (hoặc

nhà tạm lánh an toàn) và nhân viên tư vấn pháp lý, xã hội, những người làm việc với các đối tượng nạn nhân bạo lực khác nhau.

**** Công tác phát huy vai trò của cộng đồng trong ngăn ngừa xử lý, trợ giúp nạn nhân chưa được thực hiện tốt***

Mặc dù Việt Nam có cam kết chính trị mạnh mẽ về bình đẳng giới và phòng ngừa bạo lực giới, tuy nhiên việc tổ chức triển khai thực hiện và cơ chế điều phối hiện hành đối với công tác phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới vẫn còn nhiều bất cập và hạn chế. Các dịch vụ và hoạt động ngăn ngừa, hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân bị bạo lực (chủ yếu là phụ nữ và trẻ em gái) là rất cần thiết. Tuy nhiên, những dịch vụ sẵn có (như nhà tạm lánh an toàn, sàng lọc nạn nhân bạo lực giới tại bệnh viện và phòng khám, tư vấn tâm lý và trợ giúp pháp lý tại cộng đồng và trung tâm trợ giúp pháp lý) dành cho nạn nhân, nhất là phụ nữ còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng. Các mô hình can thiệp và hỗ trợ dành cho nạn nhân bạo lực tại Hà Giang hiện tại có quy mô nhỏ, bị phân khúc và đang cùng được thực hiện bởi các cơ quan khác nhau (như một số sở, ban ngành cấp tỉnh, một số tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế, các tổ chức dựa vào cộng đồng) mà không có cơ chế phối hợp [57].

Các chương trình can thiệp phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới ở Việt Nam nói chung ở Hà Giang nói riêng vẫn còn ở trong giai đoạn thí điểm và triển khai chưa đồng bộ, hạn chế về nguồn lực; một số mô hình và hoạt động còn trên quy mô nhỏ, không đáp ứng kịp nhu cầu thực tiễn. Nhiều dịch vụ còn mang tính hình thức, chất lượng phục vụ không cao, thậm chí không khả thi, như dịch vụ về nhà tạm lánh/địa chỉ tin cậy tại cộng đồng. Phần lớn người dân tại địa bàn điều tra hiện có hiểu biết rất ít về các địa chỉ này. Sở dĩ mô hình về địa chỉ tin cậy, nhà tạm lánh khó tiếp cận tới người dân trong cộng đồng một phần do thông tin còn hạn chế một phần do nó là biện pháp can thiệp được đưa từ bên ngoài vào do đó không thu hút được sự tham gia của người dân trong cộng đồng.

**** Những hạn chế trong phát huy vai trò của cộng đồng trong phát triển kinh tế- xã hội***

Các tổ chức trong cộng đồng chưa thực hiện tốt vai trò của mình trong phát triển kinh tế- xã hội, tạo việc làm và giảm nghèo bền vững. Công tác xóa đói giảm nghèo được nhà nước và các tổ chức trong cộng đồng tích cực triển khai, tuy nhiên thành tựu trong xóa đói, giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo còn cao, tình trạng tái nghèo còn diễn ra khá phổ biến. Theo kết quả rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022-2025, tính đến cuối năm 2022, toàn tỉnh Hà Giang có 94.727 hộ nghèo, cận nghèo đa chiều, trong đó số hộ nghèo là 7.318 hộ chiếm 42,08% số hộ toàn tỉnh và số hộ cận nghèo là 24.409 hộ. Trong tổng số 11 huyện, Hà Giang có 7 huyện nghèo nơi có tỷ lệ hộ nghèo chiếm từ 48,83% - 67,96%.

Đối với 2 huyện thực hiện điều tra của luận án, tỷ lệ hộ nghèo trung bình chiếm hơn 50%. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo ở 2 xã điều tra của luận án có bức tranh khá khác biệt. Đến cuối năm 2023, xã Nậm Khòa huyện Hoàng Su Phì có: (i) 306 hộ nghèo chiếm 52,13%; (ii) 85 hộ cận nghèo chiếm 14,48%. Đối với xã Đạo Đức huyện Vị Xuyên- nơi có vị trí địa lý gần với thành phố Hà Giang- trung tâm kinh tế - hành chính của tỉnh thì tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn, cụ thể năm 2003 có (i) 151 hộ nghèo với 559 nhân khẩu chiếm 11% số hộ gia đình của xã; (ii) tỷ lệ hộ cận nghèo là 8,4%;

Với bối cảnh kinh tế xã hội, điều kiện tự nhiên, xã Nậm Khòa có tỷ lệ hộ nghèo khá cao. Đây là xã thuần nông, có xuất phát điểm thấp, các điều kiện cho phát triển kinh tế không thuận lợi như khí hậu khắc nghiệt, thiếu đất canh tác, địa hình hiểm trở thiếu nước cho tưới tiêu, giao thông đi lại khó khăn; người dân chỉ trồng được lúa 1 vụ, diện tích đất canh tác không nhiều do địa hình chia cắt, núi cao, vực sâu. Hơn nữa, trình độ canh tác lạc hậu việc ứng dụng khoa học kỹ thuật đưa cơ giới hóa vào sản xuất gặp nhiều khó khăn. Chăn nuôi nhỏ lẻ, chưa hình thành nền kinh tế sản xuất hàng hóa, chủ yếu là sản xuất tự sản tự tiêu nên thu nhập bình quân đầu người của xã rất thấp. Trình độ dân trí còn hạn chế đây là

những rào cản lớn khiến cho việc phát huy vai trò của cộng đồng trong phát triển kinh tế chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

3.4.4. Các hoạt động, dịch vụ đang được các tổ chức trong cộng đồng triển khai thường chú trọng vào phòng chống, tập trung xử lý vấn đề khi bạo lực xảy ra, thiếu các hoạt động, dịch vụ trợ giúp nạn nhân hòa nhập hay ngăn chặn sự tái diễn của bạo lực, đặc biệt là bạo lực tái diễn theo vòng đời

Hạn chế bạo lực theo cách tiếp cận phòng ngừa hướng đến giải quyết các vấn đề gốc rễ mang tính cấu trúc gồm mối quan hệ, tư duy và hành vi của các tác nhân có ảnh hưởng chính trong hệ thống, cũng là những yếu tố ảnh hưởng đến công tác phòng ngừa bạo lực với phụ nữ. Để phòng ngừa cần áp dụng tất cả các biện pháp để không chỉ ngăn chặn nguyên nhân các yếu tố làm gia tăng nguy cơ dẫn đến bạo lực mà còn hỗ trợ người bị bạo lực tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ cần thiết, bảo đảm an toàn cho nạn nhân và người thân của họ, ngăn chặn bạo lực có thể tiếp diễn trong tương lai và hỗ trợ nạn nhân để họ có khả năng tự giải quyết hay vượt qua những hậu quả mà bạo lực gây ra. Ví dụ như cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho người bị bạo lực bao gồm chăm sóc y tế, tư vấn tâm lý, trợ giúp pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ, và áp dụng các biện pháp làm chấm dứt hành vi bạo lực tiếp diễn như áp dụng các biện pháp chế tài đối với người gây bạo lực, áp dụng biện pháp tạm lánh tại các địa chỉ tin cậy ở cộng đồng, trung tâm hỗ trợ nạn nhân.

Hiện tại các hoạt động của cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang đặc biệt tại hai địa bàn điều tra khảo sát của luận án cho thấy các hoạt động phòng ngừa chỉ đang tập trung vào tuyên truyền làm thay đổi các quan điểm, chuẩn mực và thực hành văn hóa cũng như triển khai một số biện pháp phát triển kinh tế- xã hội nhằm giải quyết các nguyên nhân/yếu tố làm gia tăng tình trạng bạo lực do yếu tố kinh tế gây ra. Một số biện pháp xử lý và hỗ trợ nạn nhân bước đầu được triển khai nhưng mức độ phổ biến rộng rãi hay tính dễ tiếp cận còn hạn chế.

Các tổ chức trong cộng đồng chưa phát huy tốt vai trò của mình trong triển khai các biện pháp phòng ngừa hướng đến giải quyết nguyên nhân sâu xa, gốc rễ

dẫn đến bạo lực. Hiện nay, cộng đồng chưa có các chiến lược cải thiện kỹ năng giao tiếp, quản lý xung đột và chia sẻ trách nhiệm trong việc ra quyết định giữa các thành viên gia đình. Thiếu các hoạt động nâng cao kỹ năng làm cha mẹ, giải quyết bạo lực do chồng gây ra. Các hoạt động tuyên truyền chưa tập trung vào đối tượng thủ phạm gây ra bạo lực là nam giới để thay đổi thái độ và xây dựng mối quan hệ tôn trọng và thúc đẩy bình đẳng; chưa có các hoạt động tư vấn trị liệu cho các cặp vợ chồng có nguy cơ xảy ra bạo lực.

Cộng đồng cũng chưa triển khai các hoạt động hướng đến giảm thiểu tái diễn bạo lực theo vòng đời hay trợ giúp nạn nhân đặc biệt là trẻ em người chứng kiến bạo lực vượt qua những cú sốc về thể chất và tinh thần. Chưa phát huy tốt vai trò của cộng đồng trong việc nâng cao kỹ năng sống qua chương trình giáo dục hỗ trợ tâm lý cho trẻ em chứng kiến bạo lực giữa bố mẹ.

Một số thành tựu và hạn chế về thực hiện vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực với phụ nữ dân tộc thiểu số được mô tả ngắn gọn qua khung phân tích vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ DTTS được trình bày tại bảng 3.13 dưới đây:

Bảng 3.13. Khung phân tích vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang

Mô tả	Phòng ngừa	Can thiệp sớm	Ứng phó
	Tập trung vào toàn bộ dân cư và các dạng thức xác định các mối quan hệ giới, hành vi bạo lực, định hình ảnh hưởng, hành vi ngăn cản bạo lực	Tập trung vào các cá nhân và nhóm có nguy cơ cao thực hiện/trở thành nạn nhân của bạo lực và các yếu tố góp vào nguy cơ đó	Tập trung vào những yếu tố ảnh hưởng và xây dựng năng lực cho hệ thống, tổ chức và cộng đồng để ứng phó với bạo lực
Phòng ngừa nguy	Cộng đồng <i>hiện đang đóng vai trò quan</i>	<i>Đã có các hoạt động tuyên truyền, hoạt</i>	<i>Đã thiết lập được các chuẩn mực xã hội để</i>

cơ xảy ra bạo lực	<i>trọng</i> trong xây dựng các cấu trúc xã hội, chuẩn mực và hành động để lên tiếng, bảo vệ chống lại bạo lực với phụ nữ hoặc giảm nguy cơ xảy ra bạo lực với phụ nữ (khung luật pháp chính sách bạo lực gia đình được xây dựng và đưa vào thực hiện)	<i>động thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội</i> làm giảm thiểu/ ngăn ngừa các yếu tố nguy cơ dẫn đến bạo lực và đồng thời tăng cường, củng cố và tạo ra các yếu tố bảo vệ	<i>lên án, phản đối và chống lại bạo lực với phụ nữ. Đã thiết lập được các tổ chức có vai trò, trách nhiệm trong việc xử lý</i> vấn đề khi bạo lực xảy ra hay cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho nạn nhân
Ngăn ngừa bạo lực tái diễn	Cộng đồng <i>chưa có các biện pháp</i> để xây dựng các cấu trúc xã hội, các chuẩn mực và thực hành chống lại và/hoặc giảm thiểu nguy cơ hoặc ngăn chặn mọi nguy cơ mà bạo lực có thể tái diễn		<i>Đã cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho phụ nữ bị ảnh hưởng bởi bạo lực</i> và nhưng <i>ít có quy định bắt buộc</i> thủ phạm phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình
Ngăn chặn những tác hại lâu dài do bạo lực gây ra	<i>Chưa có các hoạt động để</i> xây dựng các cấu trúc xã hội, chuẩn mực và thực hành để tối đa hóa triển vọng gây dựng cuộc sống		<i>Chưa có các hoạt động</i> hỗ trợ cho cá nhân để ngăn ngừa tác động tiêu cực của bạo lực, thúc đẩy tái thiết cuộc sống mới

	mới cho phụ nữ sau bạo lực, giảm thiểu tác động và giảm khả năng tái diễn của bạo lực		phụ nữ và giảm khả năng tái diễn bạo lực hay giảm bạo lực tái diễn theo thể hệ
--	---	--	--

Tiểu kết chương 3

Cộng đồng là nơi duy trì hoặc xóa bỏ các phong tục, tập quán, các quan điểm, chuẩn mực giới. Thông qua các hoạt động thay đổi nhận thức của các thành viên, thúc đẩy quan điểm coi bạo lực gia đình với phụ nữ là vấn đề không thể chấp nhận được, và tích cực tham gia phát hiện, ngăn chặn các vụ việc bạo lực xảy ra sẽ giúp làm thay đổi tình trạng bạo lực đối với phụ nữ. Chương 3 cho thấy một số vai trò quan trọng của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Có bằng chứng chỉ ra rằng dưới sự hỗ trợ của chính quyền địa phương thì các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức khác trong cộng đồng đã rất nỗ lực trong thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức, củng cố thái độ và niềm tin về phòng ngừa bạo lực với phụ nữ. Mặc dù có một số yếu tố của tổ chức gia đình có thể cản trở việc phụ nữ lên tiếng khi trở thành nạn nhân của bạo lực làm cho có khả năng thúc đẩy nguy cơ bạo lực hay bạo lực kéo dài. Tuy nhiên, điều tra cũng lại cho thấy sự trợ giúp và thái độ của các thành viên gia đình là yếu tố có tác động tích cực với phòng ngừa bạo lực. Hình thức cư trú có mối tương quan có ý nghĩa thống kê với tỷ lệ và mức độ bạo lực gia đình với phụ nữ DTTS trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Dù các thiết chế truyền thống vẫn được đánh giá có vai trò quan trọng trong phát triển cộng đồng và giải quyết xung đột nhưng kết quả nghiên cứu của luận án tại Chương 3 lại cho thấy vai trò khá mờ nhạt của các thiết chế truyền thống như già làng, trưởng bản, người có uy tín trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS. Các thiết chế truyền thống khó phát huy vai trò của mình nếu thiếu sự hỗ trợ của chính quyền. Trong khi đó các hoạt động phát huy vai trò của cộng đồng do chính quyền triển khai hiện còn hạn chế.

Chương 4

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI HÀ GIANG

4.1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI HÀ GIANG

4.1.1. Mức độ hoàn thiện của các cơ chế, chính sách trong phòng ngừa bạo lực gia đình

Luật pháp, chính sách đóng vai trò quan trọng trong định hình thái độ hành vi của người dân trong cộng đồng về bạo lực. Nó cũng là căn cứ cơ sở để các tổ chức trong cộng đồng triển khai các giải pháp phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ. Việt Nam đã có hệ thống chính sách pháp luật tương đối toàn diện về phòng ngừa bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới. Hà Giang cũng đã có nhiều nỗ lực để thể chế hóa các văn bản quy phạm pháp luật thành các chương trình, chính sách, kế hoạch triển khai thực hiện, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về phòng ngừa bạo lực gia đình. Đây là cơ sở chính trị pháp lý quan trọng giúp thúc đẩy công tác phòng ngừa bạo lực trên địa bàn tỉnh Hà Giang trong nhiều năm qua.

Mặc dù có hệ thống chính sách pháp luật khá toàn diện nhưng công tác thực thi luật pháp, chính sách còn gặp nhiều khó khăn. Hiện tại, công tác thực thi pháp luật còn nhiều yếu kém, công tác phối hợp liên ngành trong kiểm tra, giám sát tình trạng bạo lực đối với phụ nữ còn chưa hiệu quả. Những hạn chế trong công tác thực thi chính sách pháp luật một phần xuất phát từ những hạn chế bất cập trong các quy định của chính sách và pháp luật

**Một số hạn chế về luật pháp, chính sách liên quan đến xử lý bạo lực gia đình và triển khai các dịch vụ xã hội trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ ở địa phương*

Một số văn bản quy định của địa phương chưa được lồng ghép giới một cách triệt để, hoặc vẫn phản ánh trung tính về giới; kiến thức và hiểu biết về bình đẳng giới của đội ngũ cán bộ làm công tác hoạch định chính sách còn hạn chế;

chưa đủ nguồn lực con người, kỹ thuật và ngân sách cho công tác bình đẳng giới. Những khó khăn và thách thức mà địa phương đang phải đối mặt cũng là do các chính sách pháp luật về phòng chống bạo lực trên cơ sở giới hiện nay của Việt Nam còn quy định lẻ tẻ, rải rác ở nhiều văn bản khác nhau, chưa hệ thống. Chưa có định nghĩa, quy định chi tiết về các biểu hiện cụ thể của hành vi bạo lực trên cơ sở giới. Quy định xử phạt trong khung hình phạt vi phạm của Luật phòng chống bạo lực gia đình còn rộng. Việc thiếu vắng các định nghĩa rõ ràng dẫn đến khó áp dụng quy định của pháp luật trong xử phạt [57].

Chưa có các quy định chuẩn cho các cơ sở trợ giúp ví dụ về điều kiện tối thiểu về nhà tạm lánh; tiêu chuẩn về kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp cho nhân viên các cơ sở trợ giúp nạn nhân, ... Chưa có quy định chính thức về cơ quan chịu trách nhiệm chính trong vai trò quản lý nhà nước, chịu trách nhiệm giải trình về bạo lực trên cơ sở giới nói chung [58].

Thủ tục tư pháp hiện hành chưa mang tính có trách nhiệm giới, nghĩa là hầu hết các quy định chỉ đề cập loại dịch vụ giống nhau cho tất cả nạn nhân bạo lực giới và dịch vụ không thể đáp ứng các yêu cầu và nhu cầu cụ thể của phụ nữ và trẻ em gái, nam giới và trẻ em trai, người chuyển giới vv...

Hình phạt dành cho người gây bạo lực vẫn chưa được sửa đổi trong các văn bản pháp lý liên quan. Vẫn chưa có sẵn các quy định cụ thể về đảm bảo an toàn cho nạn nhân bạo lực sau khi quá trình xét xử kết thúc. Luật và chính sách trợ giúp pháp lý cũng như các quy định về xử phạt hành chính chưa được sửa đổi để có thể cung cấp trợ giúp pháp lý miễn phí cho tất cả nạn nhân của bạo lực gia đình. Chưa có chính sách, chương trình cụ thể để hỗ trợ nạn nhân tham gia vào quá trình điều tra và xét xử các vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình [57].

Tại địa phương, việc ban hành một số văn bản chỉ đạo hướng dẫn trong triển khai các quy phạm văn bản pháp luật, chính sách của Nhà nước chưa kịp thời. Công tác phối hợp trong triển khai chính sách pháp luật còn lúng túng dẫn đến chồng chéo trong nội dung, chương trình, hoạt động của nhiều chính sách [57]. Công tác tuyên truyền, tập huấn về các mô hình liên quan đến phòng chống bạo lực được nhiều cơ quan, đơn vị cùng triển khai. Kết quả là nguồn lực bị phân tán, các hoạt động chồng chéo, làm cho việc triển khai chương trình thiếu hiệu quả.

Thiếu cơ chế thông tin, báo cáo và liên kết giữa các bên nên nhiều tổ chức cùng cung cấp dịch vụ trợ giúp nhau. Các dịch vụ xã hội trên địa bàn đều do các cơ quan nhà nước cung cấp, nên còn mang tính hành chính-thứ bậc, chưa mang tính dịch vụ cao, có thể gây ra sự không thoải mái cho nạn nhân khi có mong muốn tiếp cận dịch vụ.

****Những hạn chế của chính sách khiến cho việc phát huy vai trò của cộng đồng trong phát triển kinh tế- xã hội còn gặp nhiều khó khăn***

Một trong những biện pháp tốt để phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS là phát huy vai trò của cộng đồng trong phát triển kinh tế -xã hội. Tuy nhiên như Chương 3 đã phân tích các chủ thể trong cộng đồng chưa thể thực hiện tốt vai trò của mình trong triển khai các công tác xóa đói giảm nghèo một phần do hạn chế của các chương trình hiện có. Rất nhiều chính sách xóa đói giảm nghèo do cơ quan quản lý nhà nước làm đầu mối triển khai nhưng không thể tổ chức thực hiện, nhiều nguồn vốn không được giải ngân do có các quy định không phù hợp với đặc điểm và cấu trúc của cộng đồng. Hiện nay, chính sách giảm nghèo được hình thành từ rất nhiều văn bản khác nhau từ Nghị quyết của Quốc hội đến Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các thông tư, văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành. Đây là nguyên nhân làm phát sinh nhiều thủ tục hành chính gây rườm rà, khó khăn cho cả bên tổ chức thực thi chính sách ở địa phương và bên nhận hỗ trợ là các hộ gia đình. Trong khi đó công tác lập kế hoạch chưa sát với thực tế làm cho công tác thực hiện phân bổ vốn nguồn vốn của chương trình chưa hợp lý, dẫn đến tình trạng vừa thừa, vừa thiếu trong khi mỗi chương trình lại có cơ chế quản lý khác nhau.

Để thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội, xóa đói giảm nghèo nhiều năm qua Việt Nam nói chung Hà Giang nói riêng đã triển khai nhiều chương trình xóa đói giảm nghèo riêng ở quy mô nhỏ với nhiều đầu mối nhiều cơ quan quản lý và thực hiện. Theo đó mà việc triển khai chính sách thiếu hiệu quả do nguồn lực bị phân tán, việc triển khai chính sách bị chồng chéo [49].

Nhiều chính sách giảm nghèo vẫn thực hiện theo hình thức hỗ trợ không hoàn lại, cơ chế "cho không", đặc biệt là chính sách hỗ trợ vốn, trợ cấp trợ giúp đất ở, đất sản xuất hay các tư liệu sản xuất cho hộ gia đình nghèo thuộc vùng sâu

vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Những hỗ trợ này có thể có tác động tích cực làm giảm đói nghèo nhanh chóng nhưng kết quả lại thiếu bền vững. Khi các chính sách ngưng triển khai, các hộ gia đình lại lập tức trở thành hộ nghèo và tạo ra tình trạng người dân trông chờ, ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ tiếp theo; không thúc đẩy tính trách nhiệm của người tiếp nhận hỗ trợ; không thúc đẩy, khơi thông được nguồn lực của chính cá nhân tổ chức trong cộng đồng để họ tự vươn lên thoát nghèo.

Bên cạnh đó, nếu nhìn vào các chính sách, chúng ta thấy phần lớn biện pháp được sử dụng trong chính sách xóa đói giảm nghèo hướng đến hỗ trợ cho sản xuất (như hỗ trợ vốn, hỗ trợ đất đai, hỗ trợ vật tư nông nghiệp), trong khi nhóm hỗ trợ cho tiêu thụ (như hỗ trợ tiếp cận thị trường, hỗ trợ cho liên kết, bán hàng lại ít được chú trọng. Điều này vô hình trung tạo ra áp lực khiến người nghèo rơi vào vòng luẩn quẩn của việc sản xuất vượt thừa, không tiêu thụ được sản phẩm, từ đó dẫn đến thua lỗ, gánh chịu những hệ quả tiêu cực về mặt kinh tế. Đồng thời, các chính sách trợ giúp xã hội còn manh mún và chưa đầy đủ, và còn bộc lộ nhiều vấn đề bất cập trong triển khai thực hiện. Các chương trình này thường tập trung vào các nhóm hộ gia đình như người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số và người khuyết tật. Chính vì vậy, nhiều hộ nghèo không đạt các tiêu chí trên đã bị loại ra. Các chính sách an sinh chưa hướng đến nhóm đối tượng cần nhất đến sự trợ giúp của chính sách.

4.1.2. Thiếu sự tham gia một cách tích cực và chủ động của cộng đồng trong triển khai luật pháp, chính sách phòng ngừa bạo lực gia đình

Phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ đòi hỏi phải triển khai đồng bộ nhiều biện pháp can thiệp cùng với sự tham gia của nhiều chủ thể trong đó có các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội, các thiết chế truyền thống của cộng đồng cũng như các cộng đồng chia sẻ quan điểm sở thích chung. Tuy nhiên, với mô hình quản lý hiện nay của nước ta các chương trình, đề án của nhà nước thường được triển khai theo hướng đi từ trên xuống với cơ chế mệnh lệnh hành chính. Theo đó, nhiều chương trình, chính sách không huy động sự tham gia của người dân địa phương. Thông thường, các cộng đồng không

có động lực tham gia khi họ không thấy các hoạt động của các chương trình, chính sách là thiết thực hay hữu ích với cộng đồng [52]. Hoặc không phù hợp với quan điểm, văn hóa lối sống hay nhu cầu thiết yếu của họ. Mặt khác, nếu người dân cảm thấy thiếu niềm tin vào cách hành xử của các cơ quan công quyền ví dụ họ nhìn nhận một cách tiêu cực đối với một số hành vi của cán bộ thực thi pháp luật và coi hành động đó là vô trách nhiệm hoặc bất công. Các nạn nhân bị bạo lực sẽ không trình báo vụ việc hay không tìm đến cơ sở trợ giúp nếu họ nghĩ rằng cơ quan thực thi pháp luật không giúp ích gì cho họ.

Kết quả điều tra của luận án cho thấy số phụ nữ bị bạo lực -những người không tìm sự trợ giúp của cộng đồng chủ yếu là liên quan đến quan điểm và nhận thức này. Hơn 20% phụ nữ bị bạo lực không tìm đến sự giúp đỡ của công an, bệnh viện/trạm y tế xã, trung tâm tư vấn pháp lý, nhà tạm lánh vì họ cho rằng sẽ không được trợ giúp hoặc đã từng không được trợ giúp.

Sự thiếu gắn kết của các chương trình, dự án với cộng đồng cũng là một rào cản. Hiện nay, các chương trình dự án thường được triển khai qua các tổ chức chính trị xã hội. Tuy nhiên, nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có nhiều người dân đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt là giới trẻ ít tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội. Nếu họ có là thành viên thì họ cũng ít khi tham gia hoạt động của các tổ chức này; đồng thời cũng ít tham gia vào các hoạt động chung của cộng đồng. Không chỉ Hội Liên hiệp phụ nữ, mà hầu hết các tổ chức khác như đoàn thanh niên, hội nông dân tại địa bàn nghiên cứu không có mối quan hệ chặt chẽ với các thành viên trong cộng đồng. Một số phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ trẻ, và cũng là những người tham gia nghiên cứu không biết chắc liệu mình có phải là thành viên của Hội liên hiệp phụ nữ hay không. Họ không biết nhiều về các cuộc họp của Hội phụ nữ và cũng không biết lãnh đạo Hội liên hiệp phụ nữ tại địa phương. Một phụ nữ trẻ tham gia phỏng vấn sâu cho biết:

“Em dường như không biết mình có là hội viên của tổ chức nào không. Hình như có là hội viên hội phụ nữ nhưng không biết hội phụ nữ có hoạt động gì và em không tham gia nhiều vào các hoạt động của hội tại bản em” (Trích biên bản phỏng vấn sâu phụ nữ dân tộc thiểu số Hà Giang).

4.1.3. Hạn chế về nguồn lực khiến cho sự hỗ trợ của chính quyền với cộng đồng trong triển khai các biện pháp phòng ngừa bạo lực với phụ nữ chưa đạt hiệu quả cao

Như đã phân tích trong Chương 3, nếu thiếu sự hỗ trợ của chính quyền thì các tổ chức trong cộng đồng dường như khó phát huy vai trò của mình trong triển khai các biện pháp phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ. Theo đó, yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến vai trò của cộng đồng chính là khả năng triển khai luật pháp, chính sách của các cơ quan công quyền. Trong khi đó, hiệu quả của việc triển khai luật pháp chính sách của cơ quan công quyền lại phụ thuộc vào các nguồn lực mà cơ quan này có. Trong phần này luận án tập trung phân tích nguồn lực của các cơ quan quản lý nhà nước làm công tác triển khai chương trình chính sách phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ.

Thứ nhất về bộ máy làm công tác bình đẳng giới và phòng ngừa bạo lực gia đình

Hiện nay, đội ngũ cán bộ làm công tác phòng ngừa bạo lực gia đình và bình đẳng giới của địa phương không những ít về số lượng mà còn hạn chế về năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao. Sở Văn hoá-Thể thao và Du lịch là đơn vị tham mưu trực tiếp cho Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng và thực hiện công tác phòng chống bạo lực gia đình; nhưng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lại được giao nhiệm vụ về triển khai luật pháp chính sách về bình đẳng giới. Hai cơ quan này chỉ bố trí và phân công 01 công chức làm đầu mối, trực tiếp tham mưu, giúp lãnh đạo đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ theo phân công. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh cũng có phân công 01 công chức kiêm nhiệm tham mưu về lĩnh vực bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ và phòng chống bạo lực gia đình song cũng thường xuyên thay đổi.

Ở cấp huyện, tỉnh Hà Giang có 11 đơn vị cấp huyện; không bố trí cán bộ chuyên trách, mà phân công 01 công chức phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kiêm nhiệm công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ. Đồng thời, phòng Văn hoá-Thể thao và Du lịch huyện cũng không bố trí cán bộ chuyên trách, mà phân công 01 công chức phòng kiêm nhiệm công tác phòng, chống bạo lực gia đình. Ở cấp xã, có công chức lao động thương binh xã hội, hoặc công chức văn hoá

- xã hội tham mưu, triển khai các lĩnh vực công tác của ngành, trong đó có công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ và phòng chống bạo lực gia đình.

Qua phân tích nêu trên, có thể thấy rằng, từ cấp tỉnh cho đến cấp xã, số lượng cán bộ phụ trách công tác bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình là quá mỏng, khó có thể tham mưu hiệu quả trong tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình liên quan đến bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình.

Thứ hai, Năng lực của đội ngũ cán bộ còn hạn chế

Mặc dù trong những năm qua, chất lượng của đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên trách đã được tăng cường, nhưng năng lực trình độ của đội ngũ cán bộ vẫn còn nhiều hạn chế, khiến cho việc triển khai các chương trình chính sách gặp nhiều khó khăn. Cán bộ các cơ quan công an, cán bộ y tế được giao nhiều trách nhiệm, điều này làm cho họ có rất ít thời gian theo dõi các vụ bạo lực theo tiêu chuẩn, quy định được các cơ quan cấp trên hướng dẫn.

Các vụ việc liên quan đến BLGD đòi hỏi cán bộ, nhân viên phụ trách giải quyết vụ việc phải có hiểu biết chuyên sâu và các quy trình và thủ tục. Họ cũng phải có kiến thức xã hội và có kỹ năng giao tiếp. Nếu họ không hiểu bản chất và tác động của bạo lực hoặc không hiểu hết công tác phối hợp liên ngành của công tác này thì họ sẽ không có khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ. Tuy nhiên, hiện nay, nhiều cán bộ y tế ở tỉnh, huyện, xã chưa được đào tạo về kỹ năng làm việc với nạn nhân BLGD, chủ yếu do hạn chế về nguồn lực và thời gian. Mỗi đơn vị chỉ có 1 hoặc 2 người được đào tạo. Không có ngân sách và kế hoạch đào tạo sẵn có cho các cán bộ khác; cũng không có chương trình đào tạo lại, cập nhật kiến thức, kỹ năng cần thiết. Cho đến nay, số lượng nhân viên y tế đã qua đào tạo rất ít và dường như không đáng kể so với đội ngũ cán bộ sẵn có của địa phương. Tương tự, cán bộ ngành y tế, ngành tư pháp và hành pháp vẫn thiếu kiến thức và kỹ năng phòng ngừa bạo lực gia đình và hỗ trợ nạn nhân.

Những năm qua, Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội đã phối hợp với Bộ Công an và Bộ Tư pháp và Bộ Y tế đã xây dựng tài liệu tập huấn thí điểm về các tiêu chuẩn đối với dịch vụ hỗ trợ thiết yếu về y tế, tư pháp, hành pháp... và đã tổ chức một số khóa tập huấn cho các cán bộ của các ngành có liên quan. Nhưng qua

báo cáo cho thấy, các khóa tập huấn đôi khi chưa đem lại hiệu quả do hình thức tập huấn nhiều khi chỉ chú trọng vào cung cấp tri thức một chiều. Các cán bộ thôn bản đã từng được tham gia khóa tập huấn ở huyện nhưng những cán bộ tham gia phỏng vấn cho biết:

“Nội dung tập huấn về kiến thức bạo lực giới, phòng chống bạo lực gia đình thường lặp đi lặp lại, năm sau tham dự thấy kiến thức mà giảng viên cung cấp vẫn giống năm trước do đó tôi cảm thấy nhàm chán. Tôi thấy vẫn kiến thức cũ, mất thời gian dự tập huấn mà lại không hiệu quả. Tôi đề nghị cần thay đổi hình thức, nội dung tập huấn; nên tập trung hướng dẫn chúng tôi trở thành tuyên truyền viên ở thôn bản thì tốt hơn” (Trích biên bản phỏng vấn cán bộ xã).

Bên cạnh đó là tình trạng thiếu nhân viên hoặc không có nhân viên y tế xã nào được đào tạo về việc cung cấp các dịch vụ cho nạn nhân bạo lực gia đình, như: trực/tiếp nhận thông tin 24/7; cung cấp dịch vụ hỗ trợ qua điện thoại, tham vấn tâm lý, can thiệp khủng hoảng...

Trên thực tế phụ nữ khó tiếp cận đối với các địa chỉ nhà tạm lánh. Ở hai địa bàn nghiên cứu, địa chỉ tạm lánh là do Hội liên hiệp phụ nữ xã phối hợp với già làng, trưởng bản chịu trách nhiệm duy trì mô hình này, nhưng các thành viên tham gia duy trì mô hình này lại không được trang bị kiến thức đầy đủ về cách thức để nạn nhân có nguy cơ bị bạo lực có thể dễ tiếp cận. Thậm chí, việc kết nối từ địa chỉ tạm lánh tới việc tiếp nhận và xử lý bạo lực như công an, y tế xã vẫn còn chưa thông suốt, phối hợp nhịp nhàng, vẫn còn thiếu kỹ năng về việc hỗ trợ tâm khi khi có trường hợp bạo lực gia đình xảy ra trên địa bàn. Điều này cho thấy, ngành y tế, tư pháp và hành pháp đều cung cấp dịch vụ hỗ trợ nhưng các dịch vụ được thực hiện bởi các cán bộ công an, y tá (hoặc bác sĩ) không có chuyên môn, chưa được đào tạo để giải quyết vấn đề bạo lực gia đình. Theo đó, để nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ ở các lĩnh vực nêu trên vẫn cần thiết kể nhiều khóa tập huấn chuyên sâu với các bài tập thực hành giúp cán bộ tư pháp và cán bộ công an, cán bộ y tế, cán bộ trong các tổ hòa giải, tổ an ninh trật tự thôn bản làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả với nạn nhân bạo lực gia đình.

Thứ ba, Nguồn lực tài chính và nguồn lực khác phục vụ cho triển khai chính sách phòng ngừa bạo lực còn rất hạn chế

Bên cạnh nguồn nhân lực thì việc thiếu nguồn lực tài chính hay các nguồn lực khác cũng là rào cản lớn. Theo báo cáo của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Giang năm 2023-2024 ở cấp tỉnh: Không tổ chức được lớp tập huấn nghiệp vụ cập nhật và bồi dưỡng kiến thức, nâng cao năng lực thực hiện công tác bình đẳng giới, do không có nguồn ngân sách bố trí riêng cho công tác bình đẳng giới. Hiện tại, việc thiếu ngân sách đang là khó khăn lớn của tất cả các ngành (y tế, tư pháp và hành pháp, và dịch vụ xã hội, điều phối và quản trị điều phối). Theo tiêu chuẩn của việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ thiết yếu, cần có nhà tâm lý học/phòng chăm sóc riêng cho các dịch vụ tư vấn tại các cơ sở y tế nhưng điều này chưa được đáp ứng. Cơ sở vật chất và thiết bị (như nhà tạm lánh, dụng cụ sơ cứu, chăn, phòng tư vấn, không gian an toàn vv...) dành cho nạn nhân bạo lực gia đình vẫn còn hạn chế và thiếu thốn, nhất là thiếu nhà tạm lánh tạm thời ở cộng đồng cũng như thiếu phòng tư vấn riêng tại trạm y tế xã và các bệnh viện. Ngoài ra, tình hình và nguồn lực của các nhà tạm lánh tạm thời hiện tại, hoạt động trợ giúp pháp lý, phòng riêng tại bệnh viện/cơ sở y tế công (cần có phòng riêng để kiểm tra sức khỏe và tư vấn) cần được cải thiện. Đây cũng là yêu cầu tối thiểu của nguyên tắc cung cấp Gói dịch vụ thiết yếu mà đã được UN Women hỗ trợ cho Việt Nam để thực hiện thí điểm trong thời gian qua [57].

4.1.4. Hạn chế về nguồn lực của các tổ chức trong cộng đồng

Hiện nay trong tất cả các thôn bản đều có tổ truyền thông cộng đồng, tổ an ninh trật tự và tổ hòa giải. Tuy nhiên thành viên của các tổ công tác này thường phải làm kiêm nhiệm với rất nhiều công việc khác nhau. Vì vậy, năng lực khi triển khai hoạt động chuyên biệt là rất khó khăn. Một cán bộ thôn tham gia phỏng vấn cho biết.

“Khi đi tham gia tuyên truyền, hòa giải chúng tôi không đủ kiến thức và kỹ năng. Nội dung tuyên truyền do cán bộ cơ sở tự soạn nhưng cùng lúc cán bộ đó phải làm rất nhiều việc, do đó việc tham gia vào các tổ công tác của thôn đều kiêm nhiệm nên năng lực còn hạn chế. Ví dụ khi thực hiện công tác tuyên truyền hầu hết chúng tôi không đủ thời gian chuẩn bị, chủ yếu cầm văn bản đọc” (Trích biên bản phỏng vấn sâu cán bộ xã).

Nhiều thành viên của tổ hòa giải, tổ an ninh trật tự không biết rằng bạo lực gia đình tồn tại trong cộng đồng của họ. Nhiều cán bộ thôn bản không có thông tin về các dịch vụ trợ giúp/địa chỉ hỗ trợ tại xã. Họ cũng không rõ về các quy trình hay hoạt động của các trung tâm trợ giúp xã hội, hay các mô hình đang triển khai như thế nào. Một cán bộ thôn cho biết:

“Mặc dù có được mời đi ra mắt mô hình nhưng chúng tôi không biết nó hoạt động thế nào. Chúng tôi cũng không biết có nhà tạm lánh hay không; hình như là có địa chỉ tin cậy ở cộng đồng, hình như là hội phụ nữ thôn bản phụ trách; tổ hoà giải thôn bản là do Bí thư chi bộ làm tổ trưởng.... Đôi khi chúng tôi cũng không rõ về các quy định của Luật...” (Trích biên bản phỏng vấn trưởng thôn).

Các tổ hòa giải cơ sở, đội phản ứng nhanh về phòng chống bạo lực gia đình duy trì hoạt động mà chưa được tập huấn về yêu cầu tối thiểu về việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ và các kỹ năng hòa giải có trách nhiệm giới. Điều này đã làm hạn chế việc áp dụng các nguyên tắc cung cấp dịch vụ hỗ trợ thiết yếu khi giải quyết, xử lý các loại hình bạo lực, nhất là đối với những vụ việc liên quan đến bạo lực tình dục.

Hiện tại, “địa chỉ tin cậy -nhà tạm lánh an toàn” trên địa bàn tỉnh Hà Giang là do Trung tâm trợ giúp xã hội đảm nhiệm đặt tại thành phố Hà Giang, vị trí khá xa so với nhiều địa bàn trong tỉnh. Ví dụ: Xã Nậm Khoa huyện Hoàng Su Phì cách trung tâm thành phố Hà Giang khoảng hơn 100 km. Đường đi vào xã khó khăn và có nhiều đoạn đồi dốc. Do đó việc tiếp cận với Trung tâm này là rất khó khăn. Tỉnh đã hỗ trợ xã để triển khai địa chỉ tin cậy tại cộng đồng và giao cho người có uy tín trong cộng đồng quản lý – đó là già làng, trưởng bản và nạn nhân bạo lực gia đình được người có uy tín hỗ trợ và tư vấn. “Cơ sở tạm lánh an toàn nay được đặt tại thôn. Thành phần Đội phản ứng nhanh của cơ sở tạm lánh an toàn gồm có các cán bộ của Công an xã, Hội phụ nữ xã và cán bộ ngành tư pháp - các cán bộ này cũng có thể tình nguyện đề xuất nhà của họ trở thành địa chỉ tin cậy tại cộng đồng. Tuy nhiên, điều kiện của những cơ sở này vẫn còn rất nghèo nàn. Nếu bạo hành xảy ra vào ban đêm và nạn nhân là phụ nữ hoặc một bé gái cần có nơi tạm lánh an toàn, ai sẽ ở cùng nạn nhân vào ban đêm? Đây là một tình

huống khó khăn. Không có tiêu chuẩn hoạt động, không có ngân sách dành cho chỗ ở và sinh hoạt, sẽ tốt hơn nếu nạn nhân được hỗ trợ tài chính” [57].

4.1.5. Rào cản liên quan đến yếu tố tâm lý, văn hóa, tập quán và đặc trưng cư trú của người dân trong cộng đồng

Các đặc điểm của cộng đồng như sự nghèo đói, các phong tục tập quán, tình trạng mất an ninh, tệ nạn xã hội, các cơ sở vật chất thiết kế không đảm bảo an toàn sẽ góp phần gia tăng hay hạn chế bạo lực gia đình với phụ nữ. Cộng đồng các DTTS ở Hà Giang như người Tày, Nùng, Dao, Mông là các cộng đồng theo chế độ phụ hệ. Người phụ nữ thường chịu trách nhiệm chính về công việc chăm sóc các thành viên trong gia đình, chăm sóc trẻ nhỏ, người già, người ốm; họ là người thực hiện chính các công việc nội trợ. Trong cộng đồng tồn tại các khuôn mẫu định kiến giới về phân công công việc trong gia đình, áp đặt công việc nội trợ, chăm sóc trẻ em, người già, người ốm trong gia đình là trách nhiệm, nghĩa vụ của phụ nữ [6,tr.40]. Do đó, khi các cộng đồng chưa phát triển các dịch vụ y tế, giáo dục để hỗ trợ các gia đình trong việc thực hiện nghĩa vụ chăm sóc và làm việc nhà thì áp lực từ các công việc này có thể là một yếu tố làm gia tăng bạo lực. Hiện nay mặc dù các tập quán văn hoá của các cộng đồng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang đã có nhiều thay đổi cùng với quá trình phát triển kinh tế xã hội. Các tập quán văn hóa cổ xúy bạo lực nay đã dần mất đi hoặc phai nhạt trong cộng đồng, đa số người dân tham gia nghiên cứu đều thể hiện quan điểm tích cực trong phòng ngừa bạo lực gia đình nhưng kết quả từ điều tra định tính và định lượng của đề tài cho thấy vẫn còn một tỷ lệ đáng kể người dân có những quan điểm dung túng cho bạo lực, đặc biệt là bạo lực tình dục, một trong những lĩnh vực rất nhạy cảm. Những trải nghiệm của phụ nữ về bạo lực từ chồng vẫn được coi là diễn ra trong phạm vi riêng tư của các mối quan hệ thân mật và do đó nằm ngoài tầm với của các nhà hoạch định chính sách, dịch vụ chăm sóc sức khỏe và các nhà cung cấp dịch vụ khác.

Kết quả khảo sát được trình bày trong bảng 3.6 của Chương 3 cho thấy mặc dù phần lớn phụ nữ không đồng tình với hành vi bạo lực gia đình, vẫn tồn tại những khoảng mờ trong nhận thức xã hội về tính chất, mức độ nghiêm trọng và

trách nhiệm cộng đồng trong vấn đề này. Chỉ 52,6% hoàn toàn đồng ý rằng trong mọi trường hợp chồng không được phép hành hạ, ngược đãi vợ, trong khi 42,2% chỉ “đồng ý một phần”, phản ánh sự do dự trong việc xem bạo lực là hoàn toàn không thể chấp nhận. Đáng lưu ý, phần lớn phụ nữ vẫn cho rằng bạo lực trong gia đình là chuyện riêng tư: 86,5% không muốn kể với người khác khi bị đánh đập, và 83,4% cho rằng không nên can thiệp nếu người khác bị bạo hành. Ngay cả với bạo lực tình dục, chỉ 50,3% cho rằng cần phải can thiệp nếu biết người khác có hành vi cưỡng ép vợ họ quan hệ tình dục trái ý muốn, trong khi 72,3% cho rằng đây là chuyện riêng tư không nên xen vào. Bên cạnh đó, các hành vi kiểm soát, ép buộc tâm lý, kinh tế hoặc thân thể đều bị đa số bác bỏ, với tỷ lệ không đồng tình thường vượt 90%. Tuy nhiên, việc 13% cho rằng vợ nên thỏa mãn mọi nhu cầu tình dục của chồng và gần 62% cho rằng tình dục vợ chồng là chuyện không nên chia sẻ cho thấy tư duy định kiến giới vẫn còn bám rễ sâu sắc. Những con số này phản ánh một thực trạng đáng lo ngại: dù luật pháp và xã hội đã có tiến bộ trong nhận diện và xử lý bạo lực giới, nhưng các chuẩn mực văn hóa truyền thống vẫn đang duy trì sự im lặng, che giấu và dung túng cho hành vi bạo lực trong đời sống hôn nhân.

Bản thân phụ nữ thường bị đổ lỗi là phải chịu bạo lực nếu họ bị coi là đi chệch khỏi các vai trò và chuẩn mực giới tính được xã hội quy định. Trong nhiều bối cảnh, bạo lực do chồng gây ra thường được biện minh là dạy vợ hoặc "trừng phạt" vợ vì nói chuyện với người đàn ông khác, từ chối quan hệ tình dục, hoặc không xin ý kiến của người chồng khi định làm gì đó. Một phụ nữ tham gia phỏng vấn với chúng tôi cho biết:

“Gần đây trong bản của tôi có một phụ nữ đã bị chồng đến tận nơi chị ấy làm việc và lôi về đánh chỉ vì chị ấy muốn đi làm kiếm tiền trả nợ cho gia đình nhưng lại chưa được sự đồng ý của người chồng.” (Trích biên bản phỏng vấn sâu phụ nữ -Hoàng Su Phì, Hà Giang).

Bạo lực đối với phụ nữ, đặc biệt là bạo lực tình dục, bạo lực kinh tế vẫn đang là một vấn đề chưa được công khai. Nhiều phụ nữ tham gia trả lời phiếu hỏi cho biết họ không cho ai biết về việc bị chồng có hành vi đối xử bạo lực với mình.

Bảng 4.1. Tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực không nói cho người khác biết việc mình bị bạo lực

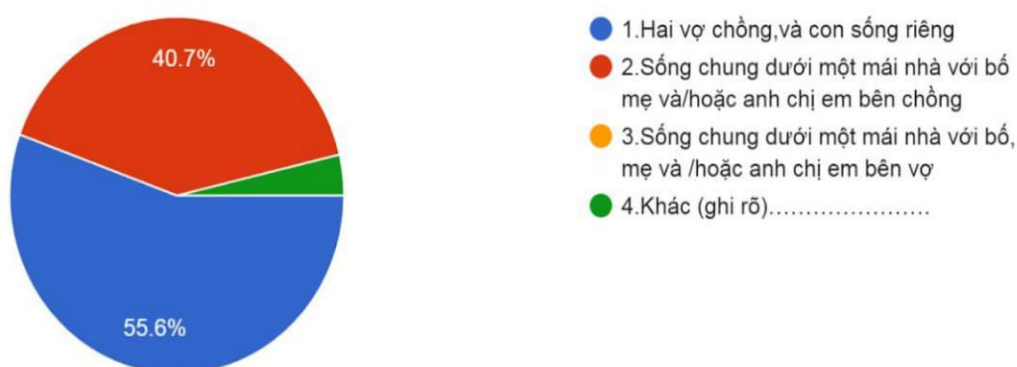
Chỉ có nói cho ai biết khi bị chồng:	Tỷ lệ %
1. “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng”	22,2
2. “Đánh đập, lăng mạ, chì chiết hay cưỡng ép chứng kiến bạo lực”	14,8
3. “Cưỡng ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý”	14,8
4. Chồng bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc vợ đặc biệt khi mang thai, hay ốm đau	26,3
5. Chồng kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của vợ	26,3
6. Chồng ngăn cản vợ gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý cho vợ	26,3
7. Chồng ngăn cản vợ thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ với những người thân khác trong gia đình	26,3
8. Chồng tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình của vợ, thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của vợ;	26,3
9. Chồng cưỡng ép vợ thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của cô ấy	38,5
10. Chồng cưỡng ép vợ trình diễn hành vi khiêu dâm; cưỡng ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực	38,5
11. Cưỡng ép tảo hôn, kết hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp;	66,7
12. Chồng cưỡng ép vợ mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi;	54,5
13. Chồng chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của vợ	46,5
14. Chồng cưỡng ép vợ học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của vợ; kiểm soát tài sản, thu nhập của vợ nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác;	46,5
15. Chồng cô lập, giam cầm vợ	46,2
16. Chồng cưỡng ép vợ ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật	46,2

Nguồn: Số liệu khảo sát về bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang thực hiện năm 2024.

Số liệu bảng trên cho thấy vẫn có một tỷ lệ lớn phụ nữ tham gia nghiên cứu khi bị bạo lực không nói với ai về việc mình bị bạo lực. Điều này phần lớn là do

họ nghĩ rằng đó là việc không nghiêm trọng hoặc họ cho đó là chuyện riêng tư, họ không muốn người ngoài biết. Phần lớn vụ việc nếu như họ có kể hay có trình báo, tìm kiếm sự trợ giúp thì thường là trong những trường hợp bạo lực có xu hướng đặc biệt nghiêm trọng và họ thường trông cậy vào công an hoặc người thân. Những người không trình báo hay tìm kiếm sự giúp đỡ thường thì họ cảm thấy không được hỗ trợ vì họ cho rằng bạo lực là phạm vi trong gia đình.

Bên cạnh yếu tố văn hóa thì điều kiện kinh tế xã hội, mật độ dân cư, hình thức cư trú của người dân trong cộng đồng có thể là yếu tố tác động đến phòng ngừa bạo lực. Kết quả nghiên cứu của luận án cho thấy các DTTS thường cư trú trong các thôn bản nơi có mật độ dân cư không lớn. Các hình thức cư trú phổ biến gồm cư trú riêng hoặc sống chung với bố mẹ, anh chị em bên chồng. Số liệu được trình bày tại biểu đồ 4.1 dưới đây cho thấy 55.6% phụ nữ DTTS tham gia trả lời phiếu hỏi cho biết họ sống riêng cùng chồng và con. 40,7% sống chung dưới một mái nhà với bố mẹ và/hoặc anh chị em bên chồng. 40,7% sống chung dưới một mái nhà với bố mẹ và /hoặc anh chị em bên vợ. 4,7% khác (ghi rõ).



Biểu đồ 4.1 Hiện trạng hình thức cư trú trong cộng đồng các gia đình dân tộc thiểu số

Nguồn: Số liệu khảo sát về bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang thực hiện năm 2024.

Bên cạnh đó, một tỷ lệ lớn 86,8% phụ nữ DTTS trong mẫu nghiên cứu cho biết nơi cư trú của họ sát gần với hàng xóm xung quanh. 51,8% cho biết nơi cư trú của họ sát gần với bố mẹ và hoặc anh chị em bên vợ và 78,5% cho biết nơi cư trú của họ gần với bố mẹ và hoặc anh chị em bên chồng. Việc sống gần với hàng xóm và người thân có thể là yếu tố giúp làm giảm bạo lực hay giảm tính trầm trọng của bạo lực bởi những người trong cộng đồng có thể dễ dàng can thiệp.

Số liệu nghiên cứu của luận án được trình bày trong bảng sau cho thấy có mối liên hệ chặt chẽ giữa nơi cư trú và mức độ, và tỷ lệ bị bạo lực của phụ nữ dân tộc thiểu số (Xem số liệu bảng 4.2). Số liệu này cho thấy tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số thỉnh thoảng hay thường xuyên bị bạo lực cao hơn trong trường hợp khi gia đình họ sống cách xa hàng xóm xung quanh. Trong nhóm phụ nữ có nơi cư trú riêng biệt, cách xa hàng xóm, tỷ lệ thỉnh thoảng bị bạo lực trong vòng 12 tháng qua là 24% trong khi đó con số này của nhóm sống trong cộng đồng có hàng xóm xung quanh chỉ là 7,5%.

Bảng 4.2. Tương quan giữa nơi cư trú với mức độ và tỷ lệ bị bạo lực

Đơn vị tính tỷ lệ %

	Mức độ bạo lực trong vòng 12 tháng qua		Tỷ lệ bị bạo lực trong vòng 12 tháng qua	
	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Chịu ít nhất 1 hình thức bạo lực	Chịu nhiều hình thức bạo lực đan xen
1.Nơi cư trú riêng biệt, cách xa hàng xóm xung quanh	24,0	12,0	42,1	36,8
2.Cư trú trong cộng đồng gần hàng xóm xung quanh	7,5	7,2	14,7	11,0
	Cramer's V=.189 *		Cramer's V=.164 *	
1. Nơi cư trú gần với nơi bố mẹ, anh chị em bên chồng sinh sống	8,9	6,6	15,6	11,6
2.Nơi cư trú xa với nơi bố mẹ anh chị em bên chồng sinh sống	12,2	12,2	24,4	20,7
	Cramer's V=.141 *		Cramer's V=.119 *	
1.Nơi cư trú gần với nơi bố mẹ, anh chị em bên vợ sinh sống	11,0	7,5	18,5	13,5
2.Nơi cư trú xa nơi bố mẹ anh chị em bên vợ sinh sống	9,6	8,0	16,3	13,5
	Cramer's V=.127 *		Cramer's V=.100 * * *	
Tổng mẫu 385:				100%

* P<0.001; ***p>0.1

Nguồn: Số liệu khảo sát về bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang thực hiện năm 2024.

Tỷ lệ thường xuyên bị bạo lực của nhóm phụ nữ dân tộc thiểu số có nơi cư trú cách xa hàng xóm là 12% trong khi con số này của nhóm sống trong cộng đồng, nơi cư trú gần hàng xóm là 7,2%. Tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số chịu ít nhất một hình thức bạo lực trong vòng 12 tháng qua của nhóm cư trú riêng biệt không

có hàng xóm xung quanh là 42,1% và tỷ lệ chịu nhiều hình thức bạo lực đan xen của nhóm này là 36,8%. Trong khi đó với nhóm phụ nữ sinh sống trong cộng đồng có hàng xóm xung quanh tỷ lệ chịu ít nhất một hình thức bạo lực là 14,7 % và tỷ lệ chịu nhiều hình thức bạo lực là 11%.

Kết quả này phản ánh rằng việc cư trú gần bố mẹ và anh chị em bên chồng làm giảm tỷ lệ bạo lực và mức độ xảy ra bạo lực với phụ nữ dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, việc cư trú gần nơi cư trú với bố mẹ và hoặc anh chị em bên vợ lại không có mối tương quan có ý nghĩa thống kê với mức độ hay tỷ lệ bị bạo lực.

Tại hai địa bàn nghiên cứu nơi có điều kiện kinh tế - xã hội hoàn toàn khác biệt, tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực rất khác nhau. Tại xã Nậm Khòa- một xã thuộc vùng cao của huyện Hoàng Su Phì, nơi có tỷ lệ nghèo đói cao, cách trung tâm huyện, ít có các chương trình hỗ trợ phòng chống bạo lực gia đình thì tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số bị bạo lực cao hơn so với tỷ lệ này ở xã Đạo Đức- thuộc vùng thấp của huyện Vị Xuyên, nơi có tỷ lệ đói nghèo thấp, gần trung tâm đô thị và đang có nhiều chương trình dự án về phòng chống bạo lực gia đình được triển khai. (Xem số liệu Bảng 4.3)

Bảng 4.3. Mức độ thường xuyên bị bạo lực trong vòng 12 tháng qua phân theo địa bàn nghiên cứu

Xã	Mức độ bị bạo lực trong vòng 12 tháng qua		
	Không bị bạo lực	Thỉnh thoảng bị bạo lực	Thường xuyên
Nậm Khòa-Hoàng Su Phì	73,3%	12,3%	14,4%
Đạo Đức-Vị Xuyên	92,1%	6,8%	1,1%
Cramer's V=.274 * * P<0.001			

Nguồn: Số liệu khảo sát về bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang thực hiện năm 2024.

Số liệu được trình bày tại bảng trên cho thấy tỷ lệ phụ nữ DTTS thỉnh thoảng bị BLGD tại xã Nậm Khòa huyện Hoàng Su Phì là 12,3% cao hơn 5,5 điểm phần trăm so với tỷ lệ này ở xã Đạo Đức huyện Vị Xuyên. Tỷ lệ phụ nữ dân tộc thiểu số thường xuyên bị bạo lực trong vòng 12 tháng qua tại Nậm Khòa là 14,4% trong khi đó con số này ở xã Đạo Đức chỉ có 1,1%. Như vậy số liệu điều

tra cho thấy các đặc trưng kinh tế- xã hội, cấu trúc cộng đồng có ảnh hưởng nhất định đến quy mô, mức độ xảy ra bạo lực với phụ nữ.

4.2. GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG

4.2.1. Phát huy tốt vai trò của cộng đồng trong thực hiện vai trò xã hội hóa nhằm chuyển đổi thái độ, niềm tin và chuẩn mực văn hóa thông qua truyền thông, giáo dục và thiết lập các kênh đối thoại cộng đồng

Bạo lực thường gắn với quan điểm văn hóa, tập quán, lối sống, phong tục tập quán có hại và cổ súy cho bạo lực vốn ăn sâu bám rễ trong gia đình và cộng đồng. Theo đó, để phòng ngừa bạo lực, các biện pháp can thiệp dựa vào cộng đồng cần phải được điều chỉnh phù hợp với các đặc trưng văn hóa. Việc chuyển đổi thái độ, niềm tin và các chuẩn mực văn hóa thường đề cập đến các chiến lược hành động hướng đến thay đổi thái độ, niềm tin, chuẩn mực và khuôn mẫu giới đang ủng hộ đặc quyền của nam giới và sự phụ thuộc của phụ nữ, biện minh cho bạo lực đối với phụ nữ và kỳ thị những người là nạn nhân của bạo lực hay những người can đảm đối đầu và lên án bạo lực đối với phụ nữ. Nâng cao nhận thức về vấn đề bạo lực gia đình và thiết lập các chuẩn mực xã hội khiến cho bạo lực không thể chấp nhận được trong xã hội là giải pháp hướng đến sự chuyển đổi mang tính bền vững. Những năm qua, công tác tuyên truyền đã được chính quyền và các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư chú trọng. Tuy nhiên, vì nhiều lý do mà các phương thức triển khai thực hiện chưa thật sự đem lại hiệu quả như mong muốn. Do đó, cần thúc đẩy và nâng cao hiệu quả của các biện pháp này đồng thời thực hiện đồng bộ các giải pháp can thiệp khác nhằm chuyển đổi các chuẩn mực, thái độ, niềm tin và hành vi của cộng đồng đối với bạo lực.

Mục tiêu chính của nhóm giải pháp này là:

* Thay đổi các chuẩn mực, thái độ và niềm tin của cộng đồng (bao gồm chính quyền địa phương, tổ chức xã hội, làng xóm, thôn bản, cộng đồng dân cư...) nhằm hướng đến thay đổi hành vi với bạo lực;

* Cung cấp hiểu biết về quy định của pháp luật đối với phòng ngừa bạo lực gia đình;

* Cung cấp kiến thức, kỹ năng về quy trình và cách thức mà nạn nhân có thể tìm kiếm sự giúp đỡ từ cộng đồng. Cung cấp cho cộng đồng các thông tin về địa điểm và cách tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ, dịch vụ trợ giúp hiện có ở nơi gần nhất và thông báo cho họ về cách thức liên lạc với các tổ chức cung cấp dịch vụ;

* Củng cố thái độ và niềm tin vào tính đúng đắn và khả thi của các biện pháp phòng ngừa bạo lực mà cộng đồng đang triển khai để thúc đẩy hoạt động trình báo hay thúc đẩy việc sử dụng các dịch vụ hỗ trợ và thúc đẩy cộng đồng cùng chung tay phòng chống bạo lực.

Nguyên tắc triển khai các giải pháp:

Thay đổi các chuẩn mực, thái độ và niềm tin để chuyển đổi hành vi của cộng đồng là một quá trình chứ không phải là một sự kiện đơn lẻ. Theo đó, các giải pháp cần được thực hiện dựa trên một số nguyên tắc cơ bản như sau:

Các giải pháp đưa ra phải phù hợp với đặc trưng của cộng đồng, phù hợp cho sự tham gia của cộng đồng, đảm bảo rằng quan điểm và ý kiến của cộng đồng luôn được xem xét và phản ánh trong quá trình thực hiện.

Đảm bảo sự tham gia thực chất của cộng đồng trong tiến trình triển khai các giải pháp. Chiến lược của chương trình về chuyển đổi thái độ, niềm tin và chuẩn mực có hại về bạo lực đối với phụ nữ và bất bình đẳng giới cần phải tuân thủ nguyên tắc của sự tham gia. Để đảm bảo rằng sự tham gia của cộng đồng là thực chất, hiệu quả các cơ quan chịu trách nhiệm triển khai cần thu hút sự tham gia, tạo sự ảnh hưởng và lan tỏa sâu rộng từ các giải pháp của mình. Các cơ quan này phải đảm bảo tất cả các bên liên quan đều tham gia tích cực vào việc thực hiện các biện pháp của chương trình. Ví dụ, các biện pháp tuyên truyền cần hướng đến tất cả các đối tượng. Ở cấp độ cá nhân, đó là phụ nữ và nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái. Trong các mối quan hệ, đó là họ hàng, người thân trong gia đình, bạn bè và hàng xóm; ở cấp độ cộng đồng, đó là sự tham gia của tất cả các bên liên quan, gồm cả cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan tư pháp, cơ sở cung cấp dịch vụ y tế hoặc dịch vụ khác, các tổ chức chính trị xã hội, thôn bản, hàng xóm xung quanh và các phương tiện truyền thông.

Mọi can thiệp phải được thực hiện theo nguyên tắc minh bạch và rõ ràng; đảm bảo thông tin có liên quan về bạo lực gia đình và bình đẳng giới được chia sẻ một cách rõ ràng, dễ tiếp cận và phù hợp với đối tượng.

Luôn có cơ chế giám sát, đánh giá về tính hiệu quả của các biện pháp được triển khai, đồng thời có cơ chế để cập nhật hoặc làm rõ thông tin cho cộng đồng, cũng như giải quyết khiếu nại.

Luôn thúc đẩy hỗ trợ để cộng đồng tự thiết kế và quản lý việc triển khai các biện pháp. Việc huy động hiệu quả ở cấp cộng đồng nhằm thay đổi các niềm tin và tập quán có hại phải có sự tham gia của mọi thành viên trong cộng đồng và do chính họ thiết kế và thực hiện. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội có thể tạo điều kiện và hỗ trợ thay đổi, nhưng sự thay đổi phải diễn ra trong trái tim và khối óc của chính các thành viên cộng đồng.

Các biện pháp phải được thực hiện một cách liên tục trong một thời gian dài để có tác động thực chất.

Các giải pháp chính cần được triển khai:

Thứ nhất, Triển khai các chiến dịch truyền thông về phòng ngừa bạo lực gia đình với hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn cụ thể. Phát huy vai trò của các phương tiện truyền thông đại chúng, liên cá nhân về tuyên truyền, giáo dục đối với việc phòng ngừa bạo lực.

Phát triển tờ rơi hoặc tài liệu giáo dục thông tin và truyền thông để chia sẻ với cộng đồng, lưu ý sử dụng ngôn ngữ và hình ảnh phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số. Bố trí kinh phí dành cho thôn bản để in băng rôn, khẩu hiệu, biểu ngữ treo ở nơi công cộng, dễ nhìn, dễ tiếp cận.

Sử dụng loa phát thanh, đài phát thanh cộng đồng để truyền bá thông tin về bình đẳng giới và lên án bạo lực gia đình đến cộng đồng.

Tổ chức hội nghị, tọa đàm cập nhật và chia sẻ thông tin về bình đẳng giới, phòng ngừa bạo lực gia đình. Các nội dung của các hội nghị cần được thiết kế phù hợp, tuân theo các mô hình giáo dục có sự tham gia trong đó người dân trong cộng đồng phải được tham gia ngay từ đầu để xác định các vấn đề bạo lực gia đình, bất bình đẳng giới đang hiện hữu tại địa phương. Huy động sức mạnh và sự sáng tạo của cộng đồng để thiết kế biện pháp chia sẻ kiến thức và thông tin.

Sân khấu hóa nội dung tuyên truyền bằng các trò chơi cộng đồng, nhạc kịch, tiểu phẩm hay giao lưu văn nghệ... với các chủ đề về Luật hôn nhân và gia đình, Luật bình đẳng giới, Luật phòng, chống bạo lực gia đình và các vấn đề bức thiết khác. Thiết kế các hoạt động tuyên truyền gắn với lễ hội của các dân tộc tại địa phương. Đây là hoạt động có khả năng lan tỏa có tác động tích cực và nhanh nhất đến nhận thức thái độ và hành vi của đồng bào dân tộc thiểu số vì vậy cần hỗ trợ kinh phí để các thôn bản đưa các nội dung này gắn với các dịp lễ hội hay các đợt sinh hoạt tập thể tại cộng đồng.

Xây dựng mạng lưới người có ảnh hưởng/người có uy tín trong làng, bản để truyền tải thông điệp về phòng ngừa và ứng phó bạo lực gia đình. Thành lập các nhóm/mạng lưới hỗ trợ cung cấp thông tin về các dịch vụ và tính khả dụng của các dịch vụ hỗ trợ. Ở vùng DTTS, người dân thường sống trong cộng đồng, trong các bản, làng với mối quan hệ chủ đạo là quan hệ cộng đồng. Tính cộng đồng trong vùng dân tộc thiểu số được thể hiện nổi bật trong các thể chế phi chính thức, tạo ra vô số các chuẩn mực, thói quen, khuôn mẫu ứng xử, luật tục, hương ước... Các chuẩn mực đóng vai trò rất quan trọng trong việc quản lý xã hội, quản lý tài nguyên thiên nhiên, định hướng các hành vi ứng xử của mỗi cá nhân. Do đó, việc phát huy văn hoá, truyền thống tốt đẹp trong cộng đồng sẽ làm cho vai trò của cộng đồng ngày càng được người dân coi trọng, góp phần đảm bảo công tác phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ sẽ đạt được hiệu quả.

Tiếp tục duy trì và thực hiện hiệu quả mô hình tổ truyền thông cộng đồng. Để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ truyền thông cộng đồng, chính quyền địa phương cần phối hợp với các bên liên quan làm tốt công tác cung cấp thông tin cho các thành viên của tổ truyền thông. Ngoài việc định kỳ biên soạn và phát hành bản tin thông báo nội bộ đến tận thôn bản, cần tổ chức kết nối trực tuyến với các hội nghị phổ biến tuyên truyền của cấp tỉnh, trung ương đến các điểm cầu ở xã, phường, thị trấn, qua đó giúp cho thành viên của tổ truyền thông được tiếp cận những thông tin có giá trị để phục vụ tốt cho công tác tuyên truyền tại cơ sở.

Thứ hai, ở cấp cao hơn như cấp huyện, tỉnh hoặc trung ương, cần thiết kế lồng ghép các kiến thức về giới, bình đẳng giới và phòng ngừa bạo lực trong các chương trình giáo dục chính quy hoặc ngoại khóa để phá vỡ sự im lặng về BLGD

với phụ nữ và thúc đẩy văn hoá lên tiếng khi thấy bạo lực xảy ra. Giáo dục kiến thức bình đẳng giới, phòng ngừa bạo lực gia đình cho các học sinh ở các bậc học phổ thông đã được chứng minh là một biện pháp hiệu quả về chi phí và thu hút được sự chú ý hơn trong phòng ngừa bạo lực. Các chương trình giáo dục này nếu được thiết kế tốt, được triển khai phù hợp có thể cung cấp cho thế hệ tương lai những kiến thức và kỹ năng để các em đang ngồi trên ghế nhà trường ở các bậc học có thể giải quyết các vấn đề của mình và gia đình mình.

Thứ ba, Hỗ trợ các sáng kiến, năng lực, kỹ năng và kiến thức để người dân trong cộng đồng tự tạo kênh truyền thông/đối thoại cởi mở với những người trong cộng đồng hướng đến phòng ngừa bạo lực gia đình. Ở hầu hết các cộng đồng, phụ nữ cảm thấy khó tham gia và phát biểu trong các nhóm/cuộc họp hỗn hợp do các chuẩn mực, thái độ và tập quán của cộng đồng. Các thành viên nữ trong cộng đồng có thể thấy khó khăn khi thể hiện bản thân một cách cởi mở trước các thành viên nam trong cộng đồng. Nam giới có thể (có ý thức hoặc vô thức) nghĩ ít hơn về những đóng góp của phụ nữ. Nam giới thường quen với việc nói trước và mạnh mẽ hơn khi đưa ra ý kiến. Điều này có thể diễn ra một cách rõ ràng và tinh tế trong các cuộc thảo luận của cộng đồng. Ví dụ, nam giới thường giơ tay trước khi được hỏi/và thường được gọi trước để trả lời/phản hồi, do đó, những người tham gia là nữ cảm thấy rằng suy nghĩ của họ đã được bày tỏ hoặc họ không đồng ý với nam giới và không cảm thấy thoải mái khi công khai phản biện và thách thức, đặc biệt khi có liên quan đến động lực, quyền lực cộng đồng. Quyền lực giới có thể không phải là cố ý, nhưng dù sao, chúng có thể tạo ra những bất lợi cho quá trình thay đổi và đặc biệt là đối với những người tham gia nữ, và chúng củng cố định kiến giới. Nam giới có thể cảm thấy rất khó chịu khi nghe về bạo lực và bóc lột, vì những hành vi như vậy thường do nam giới gây ra, mặc dù nam giới cũng có thể đã trải qua bạo lực, lạm dụng và bóc lột tình dục. Bởi vì bạo lực thường được coi là vấn đề rất nhạy cảm mọi người thường không muốn chia sẻ. Theo đó rất cần hỗ trợ để cộng đồng tạo ra các kênh đối thoại một cách cởi mở để tất cả mọi người đặc biệt là nhóm yếu thế như phụ nữ và trẻ em gái có thể nói lên tiếng nói và suy nghĩ của mình.

Khi thiết lập kênh đối thoại cộng đồng cần áp dụng linh hoạt ví dụ ứng dụng công nghệ để tạo ra các kênh đối thoại mở trong đó người tham gia với tư cách ẩn danh/danh tính ảo. Ví dụ Hội liên hiệp phụ nữ, đoàn thanh niên, tổ hòa giải... có thể thiết lập các kênh ứng dụng công nghệ, cho phép người tham gia có thể trao đổi, chia sẻ, phản ánh với tư cách ẩn danh hoặc danh tính ảo. Mô hình này không chỉ giúp bảo vệ sự riêng tư và an toàn cho nạn nhân mà còn khuyến khích những người đang chịu tổn thương hoặc có tâm lý e ngại, xấu hổ mạnh dạn lên tiếng. Việc sử dụng nền tảng trực tuyến như các diễn đàn bảo mật, ứng dụng trò chuyện, hộp thư góp ý điện tử hay đường dây nóng hỗ trợ qua mạng xã hội sẽ góp phần tạo ra một không gian an toàn, tin cậy, dễ tiếp cận. Qua đó, chính quyền địa phương, tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội có thể nắm bắt tình hình thực tế, kịp thời tư vấn, hỗ trợ pháp lý, tâm lý và xây dựng các chính sách can thiệp phù hợp. Đây là hướng đi có tiềm năng cao, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phổ cập của thiết bị di động tại các vùng nông thôn, miền núi hiện nay. Đối với những vấn đề nhạy cảm, việc yêu cầu người tham gia của chia sẻ cởi mở, công khai là thách thức lớn bởi một diễn đàn hoặc buổi họp, một kênh liên lạc công khai có thể đi kèm với nỗi sợ mất đi vốn xã hội hoặc thậm chí là tỏ ra không khoan dung đối với hành vi bạo lực. Do đó cần tạo ra kênh đối thoại ẩn danh để mọi người kể cả nam giới và phụ nữ có thể tự do trao đổi chia sẻ quan điểm việc làm này giúp lấp đầy những lỗ hổng kiến thức. Điều này cũng giúp mọi người phá vỡ sự im lặng mà không sợ bị phán xét.

Thứ tư, Đầu tư nhân lực, vật lực cho việc triển khai các biện pháp tuyên truyền, đào tạo và tổ chức đối thoại cộng đồng. Thiếu các nguồn này sẽ là rào cản lớn đối với các giải pháp truyền thông –thường đòi hỏi thực hiện liên tục, kéo dài. Theo đó, các cơ quan chức năng cần bố trí nguồn lực thỏa đáng cho việc triển khai các giải pháp này. Hiện nay, các hoạt động tuyên truyền được thực hiện bởi nhiều cơ quan với nhiều đầu mối nên không tránh khỏi việc trùng lặp và thiếu tập trung nguồn lực. Vì vậy cần có sự thống nhất tập trung một đầu mối để triển khai công tác này một cách có hiệu quả hơn.

Thứ năm, Tạo cơ chế phối hợp để các thiết chế, tổ chức trong cộng đồng cùng nhau thực hiện vai trò xã hội hóa. Nhiều chương trình bắt đầu và kết thúc bằng việc nâng cao nhận thức, nhưng chúng ta biết rằng việc đưa thông điệp vào cộng đồng hoặc đến từng cá nhân là không đủ để thay đổi hành vi. Điều cần thiết là phải giúp các cá nhân và cộng đồng trải qua quá trình thay đổi.

Theo đó cần phối hợp nhiều tổ chức và các thiết chế trong cộng đồng dân cư như gia đình, dòng họ, hàng xóm, thôn bản để triển khai các chương trình đa dạng. Các cơ quan quản lý nhà nước cần phối hợp với các tổ chức trong cộng đồng để có thể triển khai được nhiều chương trình toàn diện hơn. Với mục đích hướng tới một ứng phó toàn diện đồng bộ hơn, tránh cách tiếp cận hạn hẹp chỉ làm việc với một hoặc hai nhóm liên quan (ví dụ: phụ nữ hoặc nhân viên y tế, v.v.), việc kết nối đồng bộ với các bên tham gia sẽ tạo ra bức tranh lớn về những gì đang diễn ra để phát huy vai trò của cộng đồng trong ngăn chặn và ứng phó bạo lực đối với phụ nữ và sau đó lập kế hoạch dài hạn giải quyết nguyên nhân gốc rễ của vấn đề này.

Thứ sáu, Phát huy vai trò xã hội hóa của gia đình trong chuyển đổi nhận thức, thái độ và hành vi của từng cá nhân đối với bạo lực. Là một trong những khía cạnh quan trọng nhất trong cuộc sống của một người, mối quan hệ gia đình là mối liên kết với sự khởi đầu của chúng ta và là kim chỉ nam cho tương lai. Những ảnh hưởng ban đầu rất cơ bản đối với sự phát triển cá nhân của chúng ta. Mọi người học thông qua việc quan sát hành vi, thái độ và kết quả của những hành vi đó của người khác, sau đó, những hành vi đó trở nên bình thường khi một người bắt đầu thực hành chúng thường xuyên. Cha mẹ nên dạy các con của họ biết tôn trọng phụ nữ, rộng lượng và tử tế, đồng thời cũng dạy các con về tầm quan trọng của bình đẳng giới. Hãy trao cho chúng một công cụ để thành công trong cuộc sống không có tội phạm. Cha mẹ có quyền định hình, uốn nắn và phát triển con cái mình. Phương pháp kỷ luật và thái độ của gia đình đối với xã hội cuối cùng sẽ phản ánh lên con cái họ. Đó là lý do tại sao, người ta tin rằng việc nuôi dạy con cái có thể là nguyên nhân cũng như là cách hạn chế bạo lực. Cách chúng ta nuôi dạy con cái ảnh hưởng đến thế hệ tương lai và cách tiếp cận của chúng đối với bạo lực. Theo đó cần tác động đến các mối quan hệ gia đình hỗ trợ xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, văn minh thông qua các chương

trình giáo dục chuyển đổi nhận thức của các thành viên gia đình về vai trò, trách nhiệm cũng như quyền lực giới.

4.2.2. Nâng cao năng lực và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội giúp cơ quan, tổ chức thực hiện tốt vai trò phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ

Để tạo ra sự thay đổi lâu dài và bền vững, các biện pháp phòng ngừa cần áp dụng lập trường chủ động thay vì bị động. Theo cách tiếp cận phòng ngừa, việc cung cấp dịch vụ cho phụ nữ bị bạo lực hoặc thúc đẩy chấm dứt bạo lực là chưa đủ nếu không thách thức cộng đồng buộc phải xem xét các giả định duy trì tình trạng này. Theo đó, phải chú trọng hoạt động phòng ngừa để giải quyết tận gốc nguyên nhân của bạo lực đối với phụ nữ thông qua việc phân tích các yếu tố giới; làm rõ tại sao bạo lực gia đình lại xảy ra. Có nghĩa là việc thừa nhận địa vị thấp kém của phụ nữ, sự mất cân bằng quyền lực và vai trò giới cứng nhắc sẽ là nguyên nhân gốc rễ của bạo lực gia đình. Trên cơ sở đó, để phát huy tốt vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực với phụ nữ cần đảm bảo rằng các chủ trương và đường lối của Đảng và chương trình, chính sách của Nhà nước liên quan tới lĩnh vực này sẽ được triển khai. Cần phát huy vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội trong triển khai các chương trình, chính sách. Cần đảm bảo rằng các cơ quan, tổ chức đó phải dành nguồn lực thỏa đáng cho những nỗ lực triển khai thực hiện chương trình, chính sách. Đồng thời, đảm bảo rằng công tác triển khai thực hiện sẽ không bị phân tán nguồn lực và phải đem lại hiệu quả thực tế. Hiện nay, trong tiến trình hoạch định và triển khai các chính sách công, các cơ quan quản lý nhà nước đóng vai trò chủ đạo, sự thay đổi trong mỗi cộng đồng thường xuất phát từ các chính sách và quá trình triển khai chính sách của cơ quan quản lý nhà nước. Theo đó, để tạo ra sự thay đổi lâu dài cần có sự tham gia của các cơ quan và thể chế nhà nước.

Mục tiêu của nhóm giải pháp

Nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang trong triển khai các chương trình, chính sách phòng ngừa bạo lực giới, bạo lực gia đình đối với phụ nữ.

Hỗ trợ các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án về phòng chống bạo lực giới, bạo lực gia đình đã được xác định như: Nghị quyết số 28/NQ-CP của Chính phủ về ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” của Hội Liên Hiệp phụ nữ thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Đề án hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025.

Các biện pháp cần triển khai

Thứ nhất, Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý nhà nước, các cơ quan/tổ chức tham gia cung cấp dịch vụ hỗ trợ và mạng lưới thành viên các tổ công tác tại cộng đồng về phòng ngừa, ứng phó với bạo lực gia đình đối với phụ nữ. Hiện nay, việc nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ trong các cơ quan quản lý nhà nước được tiến hành chủ yếu thông qua các hoạt động tuyên truyền, tập huấn đào tạo. Tuy nhiên, các khóa đào tạo, tập huấn nhiều khi không được tổ chức thường xuyên, đúng đối tượng. Nội dung của các chương trình đào tạo tập huấn còn bị trùng lặp, nhàm chán; các phương thức đào tạo thường chú trọng lý thuyết gắn với mô hình giáo dục thiếu tri thức hoàn toàn không phù hợp cho đội ngũ cán bộ làm công tác triển khai chính sách trên thực tế. Vì vậy, những năm tới, cần phải quan tâm đến việc triển khai công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, kiến thức và kỹ năng cho cán bộ các cấp, đặc biệt đội ngũ cán bộ triển khai chính sách cấp cơ sở nơi gần nhất với người dân. Các chương trình đào tạo cần được thay đổi phù hợp với từng nhóm cán bộ gắn với vị trí việc làm, theo mô hình học tập có sự tham gia; tránh giáo dục mang tính ép buộc truyền tải kiến thức một chiều.

Thứ hai, Xây dựng và ban hành hướng dẫn, tiêu chí về phòng ngừa bạo lực gia đình dễ áp dụng, triển khai và phù hợp với thực tiễn. Các Sở, ban ngành liên quan ở cấp tỉnh cần tăng cường giám sát, theo dõi việc triển khai thực hiện các chính sách, luật pháp về bình đẳng giới và phòng ngừa bạo lực gia đình; cần đảm bảo phù hợp với luật pháp chính sách của Việt Nam và cam kết quốc tế mà Việt Nam đang tham gia thực hiện như Công ước của Liên Hợp quốc về xóa bỏ mọi hình thức phân

biệt đối với phụ nữ (CEDAW); Tuyên bố xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ ASEAN, Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Đảm bảo phân bổ nguồn lực đầy đủ và bền vững, bố trí ngân sách thực hiện hiệu quả các biện pháp can thiệp để phòng ngừa và ngăn chặn bạo lực gia đình, giảm thiểu tác động của bạo lực với phụ nữ và đẩy mạnh xử lý theo quy định của pháp luật, cảnh báo và không miễn hình phạt đối với kẻ gây bạo lực.

Cũng cần tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét đưa tiêu chí về thúc đẩy bình đẳng giới, giảm thiểu bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở các cấp trở thành một yêu cầu trong thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan đơn vị, cá nhân trong tỉnh. Điều này sẽ giúp công tác lồng ghép giới, đảm bảo bình đẳng giới, phòng ngừa bạo lực giới được xem xét và quán triệt thực hiện ở tất cả các cấp.

Thứ ba, Xây dựng bộ công cụ thu thập số liệu và thiết lập cơ sở dữ liệu về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới. Hiện nay, dù việc lưu trữ báo cáo thông tin về bạo lực gia đình đã được quan tâm, tuy nhiên, nghiên cứu của chúng tôi cho thấy các vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình, đặc biệt bạo lực đối với phụ nữ dân tộc thiểu số thường rất khó thống kê và ít khi được lưu trữ thông tin chi tiết. Các vụ việc đôi khi được các tổ chức cung cấp dịch vụ trợ giúp hay cơ quan công an ghi nhận lại. Theo đó, ở cấp trung ương, Bộ ngành đảm nhiệm chức năng là cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới cần phải được giao làm đầu mối để phối hợp với các cơ quan chức năng như Bộ Công an, Bộ Y tế... để thu thập lưu trữ các thông tin về tình trạng bạo lực giới, bạo lực gia đình. Ở cấp cơ sở, cần hỗ trợ cho các thôn bản để lưu trữ các thông tin về các vụ việc ngay tại cộng đồng bởi vì hiện tại các cơ quan như công an xã thường chỉ lưu trữ các vụ việc lớn đã được xử phạt hành chính hoặc hình sự. Hiện tại, dữ liệu và thông tin do các cơ quan ban ngành liên quan tại địa phương quản lý lại không được chia sẻ do đó cần tạo ra một bộ dữ liệu chung phục vụ cho công tác triển khai hoạt động phòng ngừa.

Chính quyền địa phương nên xem xét việc xác lập bản đồ/thông tin theo dõi các tổ chức xã hội hiện có cung cấp dịch vụ để giải quyết các yếu tố rủi ro về bạo

lực. Nên duy trì hợp tác, phối hợp với các tổ chức này để tạo điều kiện trao đổi kỹ năng, kiến thức về việc cung cấp dịch vụ hiện có của địa phương.

Thứ tư, Tăng cường và điều phối, huy động sự tham gia của các thiết chế trong cộng đồng và chính quyền địa phương để giải quyết bạo lực đối với phụ nữ, thúc đẩy bình đẳng giới, đặc biệt thông qua việc tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan chức năng trong việc xử lý người gây bạo lực và các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân. Tăng cường giám sát, theo dõi việc thực hiện hiệu quả các chính sách, luật pháp về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình. Thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát đánh giá tính hiệu quả của các chương trình chính sách đã được triển khai. Hiện nay, công tác kiểm tra đánh giá việc triển khai các chương trình, chính sách thường được coi là khâu yếu vì thiếu tiêu chí trong kiểm tra và đánh giá nên khó quy trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị đã triển khai thực hiện. Vì vậy, những năm tới, các cơ quan chức năng cần chú trọng thực hiện tốt việc kiểm tra đánh giá các chương trình dự án, chú trọng việc đánh giá độc lập, tránh đánh giá mang tính hình thức. Để làm được điều này, các Bộ ngành có liên quan cần tham mưu cho Chính phủ xây dựng bộ công cụ đánh giá hiệu quả chương trình, chính sách về phòng chống bạo lực giới, phòng chống bạo lực gia đình. Phối hợp với cơ quan chức năng để thiết lập bộ công cụ đánh giá hiệu quả chính sách có trách nhiệm giới trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thứ năm, Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các cơ quan ban ngành trong phòng ngừa bạo lực gia đình. Cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan trong triển khai các chương trình, chính sách về phòng ngừa bạo lực gia đình để tránh phân tán nguồn lực và hạn chế khả năng bị chồng chéo, trùng lặp trong triển khai các giải pháp do các cơ quan, đơn vị, các tổ chức cùng thực hiện. Bên cạnh đó, duy trì một cơ chế phối hợp liên ngành trong giải quyết bạo lực trên cơ sở giới để kết nối dịch vụ, hỗ trợ, bảo vệ nạn nhân và can thiệp, xử lý phù hợp đối với người gây bạo lực. Nên giao nhiệm vụ rõ ràng cho Sở ban ngành có chức năng tham mưu về công tác bình đẳng giới chủ trì và điều phối các giải pháp phòng ngừa BLVPN. Đồng thời, cũng cần duy trì công tác thống kê và theo dõi

đối với việc vận hành và hoạt động của mạng lưới các dịch vụ xã hội, dịch vụ y tế và dịch vụ tư pháp liên quan đến phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới đang được triển khai trên địa bàn tỉnh. Các Sở ban ngành cấp tỉnh cần phối hợp chặt chẽ với nhau để xem xét áp dụng “Gói dịch vụ thiết yếu” trong phòng ngừa và ứng phó, hỗ trợ cho nạn nhân bạo lực giới. Tăng cường thực hiện, giám sát và đánh giá, tính sẵn có của các dịch vụ và khả năng tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ và công tác điều phối triển khai gói dịch vụ.

Chú trọng việc tập huấn nâng cao năng lực, cập nhật kiến thức định kỳ cho đội ngũ cán bộ có liên quan để nâng cao hiệu quả công tác điều phối hoạt động phòng ngừa và ứng phó bạo lực gia đình.

Các cơ quan khác ở cấp tỉnh như Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, các cơ quan truyền thông, báo chí cần đẩy mạnh việc xây dựng cơ chế phối hợp với sở ban ngành trong tuyên truyền, tập huấn nâng cao kiến thức và kỹ năng phòng ngừa bạo lực gia đình cho cán bộ cấp cơ sở và thậm chí cả cho người dân. Tránh thực hiện công tác tuyên truyền dàn trải, trùng lặp và hạn chế phân mảnh trong phân bổ nguồn lực thực hiện tuyên truyền và tập huấn về nhận thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng chống bạo lực gia đình các cấp.

Thứ sáu, Xây dựng kênh hỗ trợ/giúp đỡ người dân trong cộng đồng dễ tiếp cận để trình báo vụ việc với các cơ quan công quyền tại địa phương. Phát triển và sử dụng đường dây nóng để người dân dễ trình báo về các vụ việc bạo lực gia đình. Tại các thôn bản, các cơ quan chức năng cần hỗ trợ để mỗi nơi đều có kênh dành cho người dân phản ánh về các vụ việc cho những người xung quanh nhằm ngăn chặn nguy cơ bạo lực bạo lực xảy ra từ sớm, từ xa. Lập biểu đồ về các dịch vụ đang được cung cấp để in thành tài liệu phát tay cho cán bộ cấp cơ sở và in thành băng rôn khẩu hiệu tại các địa điểm công cộng trên địa bàn thôn, bản để phổ biến và cung cấp thông tin rộng khắp cho mọi người dân. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong trình báo và phản đối bạo lực gia đình thông qua cách tiếp cận lấy lợi ích của người dân làm trung tâm; nhằm giúp mỗi cá nhân nhận thức rằng phòng ngừa bạo lực không chỉ vì sợ bị xử lý theo pháp luật, mà

còn là cách bảo vệ sự an toàn, ổn định và hạnh phúc cho chính họ và những người xung quanh. Thuyết phục các bên liên quan về những lợi ích đối với những ngôi nhà và cộng đồng không có bạo lực. Để người dân thấy rằng bạo lực đối với phụ nữ là vấn đề của cộng đồng chứ không phải là vấn đề riêng của phụ nữ. Do đó cộng đồng phải có trách nhiệm trong việc ngăn chặn, xử lý bạo lực. Đó không phải là việc làm vì phụ nữ mà là vì sự tồn tại an toàn của cả cộng đồng.

4.2.3. Phát huy tốt vai trò của các chủ thể trong cộng đồng trong cung cấp các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân một cách phù hợp và hiệu quả

Ngoài các biện pháp phòng ngừa thì việc giảm thiểu tác động tiêu cực của bạo lực, ngăn chặn những tình huống rủi ro có thể xảy ra với nạn nhân là điều cần thiết. Trong phòng ngừa bạo lực, các giải pháp hướng đến giảm thiểu tác hại sau khi bạo lực xảy ra thường chú trọng đến việc tạo ra các dịch vụ hỗ trợ cần thiết để hỗ trợ hay điều trị cho nạn nhân và xử lý người gây ra bạo lực. Đối với giai đoạn này, các hoạt động nhằm mục đích điều trị và phục hồi chức năng cho phụ nữ trải qua bạo lực; đảm bảo an toàn cho họ và ngăn chặn vụ việc bạo lực có khả năng xảy ra trong tương lai; đồng thời đảm bảo những người gây ra bạo lực cũng được điều trị, phục hồi và phải được xử lý. Các phương pháp tiếp cận tập trung vào việc chăm sóc dài hạn, chẳng hạn như phục hồi chức năng và tái hòa nhập, và các nỗ lực nhằm giảm chấn thương hoặc giảm các khuyết tật dài hạn liên quan đến bạo lực.

Mục tiêu chính của nhóm giải pháp là:

Triển khai các biện pháp hỗ trợ phù hợp với nguồn lực và đặc trưng văn hóa của cộng đồng, dễ tiếp cận với người dân đặc biệt là với phụ nữ dân tộc thiểu số.

Phát triển các dịch vụ hỗ trợ toàn diện để đảm bảo các lợi ích cả trong ngắn hạn và dài hạn nhằm giải quyết các yếu tố gây ra bạo lực. Xây dựng và triển khai các biện pháp ứng phó và can thiệp phù hợp, hiệu quả, chất lượng cao. Cung cấp dịch vụ hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình. Phổ biến rộng rãi thông tin dịch vụ hỗ trợ như các địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh hiện có tại thôn bản của địa bàn điều tra khảo sát để cung cấp nơi tạm trú an toàn và tạm thời cho nạn nhân cũng như địa chỉ của Trung

tâm trợ giúp xã hội tại thành phố Hà Giang để cung cấp dịch vụ chăm sóc cho nạn nhân; tư vấn cho người gây bạo lực;

Nâng cao hiệu quả của các biện pháp can thiệp hay các dịch vụ hỗ trợ bao gồm các dịch vụ pháp lý, y tế và dịch vụ xã hội.

Kết nối cộng đồng với các dịch vụ được triển khai qua các hoạt động tuyên truyền phổ biến thông tin cũng như tạo môi trường văn hoá cởi mở để người dân đồng tình và chấp nhận với dịch vụ được cung cấp.

Nguyên tắc trong triển khai các dịch vụ hỗ trợ

*Luôn đặt người dân đặc biệt là nạn nhân bị bạo lực gia đình là trung tâm để triển khai dịch vụ. Việc triển khai dịch vụ hỗ trợ nên được tiếp cận từ dưới lên nhằm phát huy sáng kiến và nguồn lực của cộng đồng.

*Dịch vụ hỗ trợ phải đảm bảo thân thiện và dễ tiếp cận đối với tất cả mọi người, mọi đối tượng. Các dịch vụ này khi cung cấp phải tính toán đầy đủ đến các yếu tố về địa lý, đặc trưng văn hóa lối sống của cộng đồng và các yếu tố liên quan đến các nhóm xã hội khác nhau theo tuổi, dân tộc, tôn giáo và vùng miền.

* Minh bạch trong các hoạt động và gắn trách nhiệm rõ ràng cho các cơ quan, tổ chức triển khai cung cấp dịch vụ.

* Trong thiết kế và triển khai dịch vụ, luôn quán triệt phải tôn trọng các tập tục văn hóa, tâm linh và truyền thống tốt đẹp của người dân địa phương.

*Tham khảo ý kiến cộng đồng về các khía cạnh khác nhau của các dịch vụ hỗ trợ. Cần đảm bảo rằng các biện pháp can thiệp mang lại những kết quả có tác động lâu dài và bền vững. Để đạt được kết quả bền vững cần cần đảm bảo quá trình tham gia của người dân trong tất cả chu trình từ lựa chọn, thiết kế triển khai các dịch vụ hỗ trợ.

*Việc triển khai các dịch vụ hỗ trợ cần đảm bảo đủ thời lượng và cường độ để các giải pháp có thể phát huy tác động. Phòng ngừa bạo lực gia đình không phải là công việc có thể thực hiện trong một thời gian ngắn. Cần có thời gian để thay đổi các chuẩn mực, thái độ và niềm tin của người dân trong cộng đồng và cũng cần có thời gian để xây dựng sự hiểu biết và hợp tác giữa các tổ chức và cộng đồng trong triển khai dịch vụ.

Các biện pháp cần được triển khai thực hiện

Thứ nhất, phổ biến một cách sâu rộng thông tin về các dịch vụ hỗ trợ có trong cộng đồng đến mọi người dân cũng như cách thức tiếp cận với dịch vụ. Hiện nay, tỷ lệ cán bộ cơ sở và người dân biết về các dịch vụ hỗ trợ tư vấn phòng ngừa bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Hà Giang còn rất hạn chế. Theo đó, các bộ, ngành chức năng cần phối hợp để giúp các cơ quan địa phương lập danh sách và biểu đồ về cung cấp thông tin dịch vụ hỗ trợ phòng ngừa bạo lực giới đến cho người dân tại các thôn bản. Cần cho mọi người biết về những dịch vụ hiện có trong cộng đồng, cũng như các cách thức để có thể tiếp cận đến các dịch vụ phù hợp.

Thứ hai, Tiếp tục duy trì và nhân rộng mô hình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực giới, bạo lực gia đình tại cộng đồng nhằm giảm thiểu tình trạng bạo lực gia đình tại vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Cần đẩy mạnh khả năng thực hiện “Gói dịch vụ thiết yếu” bao gồm các dịch vụ hỗ trợ phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, các dịch vụ điều trị và hỗ trợ nạn nhân để ai cũng có thể dễ dàng tiếp cận và có khả năng chi trả được. Cung cấp nơi trú ẩn và tạm lánh an toàn, thuận tiện cho nạn nhân ngay tại cộng đồng thông qua việc kết nối với gia đình họ hàng và những người cùng bản làng xung quanh. Với các nhà tạm lánh hoặc áp dụng gói dịch vụ thiết yếu, thì ngoài việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ về tạm lánh, dịch vụ chăm sóc, tư vấn tâm lý cũng nên cung cấp nguồn lực, nếu có thể, để hỗ trợ phụ nữ tiếp cận dễ dàng các dịch vụ này, chẳng hạn như hỗ trợ chi phí đi lại, chi phí ăn và ở trong thời gian ngắn... khi nạn nhân bị bạo lực, cụ thể là phụ nữ bị bạo lực gia đình đang phải tạm lánh để tránh khỏi nguy cơ bạo lực do người chồng gây ra.

Tích hợp nội dung phòng ngừa bạo lực gia đình vào quá trình cung cấp các dịch vụ chăm sóc y tế khác ở cơ sở. Bởi vì bạo lực là yếu tố nguy cơ dẫn đến các hậu quả sức khỏe thể chất và tinh thần, các rối loạn sức khỏe tâm thần đối với phụ nữ bị bạo lực, thậm chí đối với cả kẻ gây ra bạo lực. Do đó, cần tích hợp các dịch vụ hỗ trợ với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện có.

Thứ ba, Đảm bảo phân bổ nguồn lực đầy đủ và bền vững cho các chương trình và dự án triển khai các dịch vụ hỗ trợ này. Đưa vào nguồn ngân sách địa

phương để thực hiện các can thiệp phòng ngừa bạo lực gia đình, giảm thiểu những tác động của bạo lực đối với phụ nữ. Để tránh nguồn ngân sách bị phân tán thì rất cần tập trung vào một đầu mối quản lý nhà tạm lánh và cơ sở cung cấp dịch vụ. Cần xem xét, đánh giá mức độ thành công và hiệu quả của các chương trình phòng ngừa giải quyết bạo lực hiện có để thực hiện việc tích hợp và thu gọn vào một chương trình cho phù hợp.

Thứ tư, Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ hoạt động trong các lĩnh vực cung cấp dịch vụ trợ giúp gồm: 1) Đánh giá tiến bộ và tiếp tục cải thiện năng lực ứng phó của ngành y tế trước những tác động khác nhau của bạo lực đối với phụ nữ. 2) Tăng cường cao năng lực cho đội ngũ cán bộ ở các cơ quan liên quan để nâng cao hiệu quả hoạt động điều phối, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực giới, bạo lực gia đình. 3) Tiếp tục nâng cao năng lực cho cán bộ ngành hành pháp và tư pháp cấp cơ sở để thực hiện hiệu quả các chính sách và pháp luật về bình đẳng giới và phòng ngừa bạo lực gia đình tại địa phương.

Việc nâng cao nhận thức và năng lực cho đội ngũ cán bộ cần được thực hiện qua các hoạt động như: Tuyên truyền nâng cao nhận thức thay đổi các chuẩn mực văn hóa; tập huấn đào tạo giúp cán bộ có kỹ năng nhạy cảm giới trong giao tiếp và xử lý vụ việc liên quan đến bạo lực. Các kỹ năng giao tiếp bằng lời nói và không bằng lời nói cần được đào tạo để cán bộ thực hiện nhiệm vụ có kỹ năng cơ bản trong giao tiếp làm giảm các trải nghiệm xấu của nạn nhân khi trình báo vụ việc hay tiếp cận với dịch vụ. Các cán bộ này cũng cần biết cách sử dụng ngôn ngữ hay cử chỉ để không tạo ra không gian khó chịu cho nạn nhân hay người nhà họ khi đến trình báo và nhận sự trợ giúp từ các dịch vụ. Theo đó, các cơ quan tư pháp và hành pháp tiếp tục tăng cường năng lực thực thi chính sách và pháp luật về phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình qua đào tạo nâng cao nhận thức, thực hiện quy trình vận hành có quy chuẩn và trách nhiệm giải trình. Phải có kế hoạch tập huấn và bồi dưỡng kiến thức định kỳ cho đội ngũ cán bộ tư pháp và hành pháp đặc biệt là cán bộ cấp thôn bản, cán bộ xã về các nội dung cơ bản như: Trách nhiệm giới trong thụ lý giải quyết và thu thập lưu trữ số liệu về bạo lực gia đình; quy trình theo dõi vụ việc sau khi đã giải quyết và xử lý để đảm bảo rằng công

tác phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ được thực hiện có hệ thống và hiệu quả. Hỗ trợ các cơ quan tư pháp xã tập huấn nâng cao nhận thức và cung cấp thông tin về các chính sách, pháp luật liên quan đến bạo lực gia đình, các biện pháp thực thi hiệu quả mà các cơ quan tư pháp đang áp dụng trong phòng ngừa bạo lực gia đình.

Với chính quyền xã, thôn bản cần đảm bảo nguồn lực cho thực hiện các hoạt động phòng ngừa bạo lực gia đình. Phát huy tốt vai trò của Đoàn Thanh niên và Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân và các tổ an ninh trật tự, tổ hòa giải của địa phương trong nâng cao nhận thức về bạo lực gia đình để tuyên truyền thay đổi các chuẩn mực và khuôn mẫu, hỗ trợ tư vấn, phòng ngừa bạo lực thông qua các biện pháp can thiệp và xử lý người gây bạo lực. Các biện pháp can thiệp và hoạt động ở cấp cộng đồng cần gắn kết các lãnh đạo xã và vận động sự hỗ trợ của họ.

Thứ năm, Tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát kết quả hoạt động của các dịch vụ hỗ trợ hay các mô hình đang được triển khai. Việc kiểm tra giám sát nên được thực hiện thường xuyên bằng nhiều hình thức khác nhau. Khuyến khích công tác đánh giá độc lập để xem xét hiệu quả và mức độ hài lòng của người dân với các dịch vụ đang được cung cấp. Cung cấp dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ chất lượng cao cho nạn nhân bạo lực là điều quan trọng để giảm chấn thương, giúp nạn nhân chữa lành và ngăn ngừa nạn nhân và tái phạm.

Thứ sáu, Thiết lập các khuôn khổ, quy trình và cơ chế giải trình cho phép các thành viên cộng đồng đưa ra ý tưởng, phản hồi và khiếu nại về chất lượng của các dịch vụ thực thi pháp luật. Cho phép mọi người nộp đơn khiếu nại đối với nhân viên/ dịch vụ thực thi pháp luật một cách dễ dàng và an toàn, đồng thời thiết lập các thủ tục minh bạch, kịp thời để phản hồi và đảm bảo có hành động khắc phục ngay. Phản hồi hoặc khiếu nại có thể liên quan đến các dịch vụ đã được cung cấp, quy trình tham gia hoặc các vấn đề được nêu ra hoặc hành vi của các cán bộ thực thi pháp luật hoặc những người khác làm việc trong lĩnh vực này. Phương pháp có thể áp dụng một cách chính thức hoặc không chính thức (ví dụ từ cuộc họp tham vấn chính thức, đối thoại, khiếu nại, hộp thư góp ý, số điện thoại miễn phí (điện thoại hoặc tin nhắn), bộ phận trợ giúp hoặc phiên họp trực tiếp). Các cơ quan chức năng cần cung cấp thông tin cập nhật hoặc thông tin liên lạc thường xuyên trong các

cuộc họp hoặc trong suốt thời gian tổ chức thực hiện các hoạt động có liên quan/hoặc thậm chí ở các lĩnh vực khác nhau. Tổ chức các cuộc họp cập nhật hoặc diễn đàn học tập/sự kiện/tuyên truyền phổ biến nơi công cộng; để thảo luận về ý tưởng hoặc kinh nghiệm trong việc cung cấp dịch vụ, hoặc về vấn đề do cộng đồng xác định, theo dõi tiến độ hoặc đánh giá việc cung cấp dịch vụ.

Thứ bảy, tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế và các cơ quan tài trợ để triển khai các dịch vụ hỗ trợ trên địa bàn. Từ năm 2004 đến nay, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp lý quan trọng liên quan đến phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới. Để triển khai các quy định của pháp luật vào cuộc sống, những năm qua, cùng với việc xây dựng các chính sách, chương trình, đề án về phòng chống bạo lực giới; các Bộ, ngành, địa phương đã và đang phối hợp với các tổ chức Liên Hợp quốc và các tổ chức quốc tế cùng triển khai thí điểm nhiều mô hình/ chương trình/ sáng kiến về phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới ở các địa phương trên toàn quốc. Theo đó, Hà Giang cũng cần chủ động tiếp tục tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế để huy động nguồn lực và học hỏi kỹ thuật chuyên môn của các quốc gia để giúp việc triển khai thực hiện các chương trình, mô hình, sáng kiến về phòng ngừa bạo lực gia đình tại địa phương đạt kết quả.

4.2.4. Phát huy tốt hơn vai trò của cộng đồng trong phát triển kinh tế xã hội nhằm tác động làm thay đổi các yếu tố có nguy cơ dẫn đến bạo lực

Trong công tác phòng ngừa bạo lực giới và bạo lực gia đình thì biện pháp hữu hiệu nhất đó là xóa bỏ các nguyên nhân dẫn đến bạo lực và các nguyên nhân khiến nạn nhân không trình báo cũng như chấp nhận bạo lực. Các chương trình, chính sách liên quan đến xóa đói giảm nghèo và bất bình đẳng là các hoạt động phòng ngừa hữu hiệu để giảm thiểu nguy cơ liên quan tới bạo lực giới, bạo lực gia đình. Theo đó, các mô hình phòng ngừa thường lấy các gia đình làm trung tâm để thiết kế các can thiệp, nhằm biến mỗi gia đình thành nơi ở an toàn cho các thành viên trong đó có phụ nữ. Để làm được điều này, ngoài các biện pháp can thiệp mang tính hỗ trợ khi bạo lực xảy ra, cần xóa bỏ các điều kiện tạo cơ hội nảy sinh bạo lực và đẩy mạnh việc trao quyền cho phụ nữ để họ có thể tự bảo vệ mình hoặc giúp họ có đủ các nguồn lực để tự phòng ngừa bạo lực. Theo đó cần triển khai một số giải pháp cơ bản như sau:

Thứ nhất, thực hiện các biện pháp can thiệp sớm thông qua tăng cường giáo dục sớm, hỗ trợ nhà ở, tiếp cận dịch vụ y tế, sức khỏe, giải trí và hỗ trợ việc làm và các cơ hội phát triển nghề nghiệp để cho người dân có thu nhập ổn định. Các nghiên cứu về bạo lực gia đình đều cho thấy nghèo đói, lạm dụng chất gây nghiện, thiếu kỹ năng giao tiếp là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến bạo lực gia đình. Do đó, nhiệm vụ đầy thách thức nhất của các cơ quan, tổ chức phòng ngừa bạo lực là phải thúc đẩy sự thay đổi hoặc cố gắng loại bỏ các điều kiện làm cho nảy sinh bạo lực, đồng thời đảm bảo rằng các nạn nhân nhận được sự hỗ trợ cần thiết. Tại các vùng có đông đồng bào DTTS như Hà Giang thì bạo lực thường gắn liền với nghèo đói, các tập quán văn hóa. Sự chấp nhận của phụ nữ là nạn nhân của bạo lực cũng có thể xuất phát từ bối cảnh kinh tế - xã hội thiếu thốn, thiếu phương tiện tài chính là một trong những lý do chính khiến phụ nữ không thoát khỏi các mối quan hệ bạo lực. Theo đó, nâng cao khả năng, năng lực để phụ nữ và nam giới có thể cải thiện điều kiện sống dẫn đến giảm thiểu bạo lực bằng các hoạt động giúp thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương là rất cần thiết. Tăng khả năng tiếp cận việc làm chất lượng và cơ hội phát triển kinh tế cho cả phụ nữ và nam giới. Cần tiếp tục tập trung nguồn lực và triển khai có hiệu quả các chương trình xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Để tiếp tục triển khai hiệu quả công tác xóa đói giảm nghèo cần thay đổi cách thức triển khai chương trình theo hướng đi từ trên xuống bằng việc huy động nguồn lực của các tổ chức trong cộng đồng nhấn mạnh triển khai chính sách theo hướng đi từ dưới lên. Phát huy tính tích cực chủ động của từng hộ gia đình của từng tổ chức trong cộng đồng dân cư. Vì vậy, việc triển khai các chương trình, chính sách ở cấp xã có thể được tăng cường theo hướng (i) Đảm bảo các nguồn lực bổ sung đến được với những đối tượng cần nhận được sự trợ giúp; (ii) đảm bảo phân bổ nguồn lực dựa trên tình trạng khó khăn ở cấp xã, để các xã khó khăn hơn nhận được đầu tư nhiều hơn; (iii) phân bổ riêng nguồn lực theo các lĩnh vực để đảm bảo dành đủ nguồn lực cho việc cải thiện chất lượng các dịch vụ phát triển con người và can thiệp nhằm hỗ trợ sinh kế; và (iv) tăng cường theo dõi ở cấp xã bằng cách triển khai các công cụ thu thập và tổng hợp dữ liệu trực tuyến nhằm hình

thành cơ sở dữ liệu tập trung cho đánh giá hiệu quả của các chương trình, chính sách này. Các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh cần hỗ trợ cộng đồng nhằm tăng năng suất và tiếp cận thị trường cho sản phẩm nông nghiệp là chìa khóa để duy trì sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số hiện đang sinh sống chủ yếu bằng hoạt động sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ. Tiếp cận kiến thức mới và đổi mới sáng tạo, trong đó có việc áp dụng công nghệ số phù hợp là cách để hỗ trợ tăng năng suất lao động. Thay đổi cách tiếp cận để mở rộng độ bao phủ của các chính sách an sinh phù hợp với đặc trưng của các vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ hai, tại mỗi cộng đồng cần cải thiện các trung tâm cộng đồng, công viên, sân chơi và các cơ sở hạ tầng vật chất nơi công cộng và chương trình khác nhằm tạo sân chơi năng động, khỏe mạnh cho các thành viên trong cộng đồng. Khuyến khích sự tham gia của tất cả các thành viên của cộng đồng vào các hoạt động vui chơi, giải trí để tạo ra sự gắn kết. Huy động cộng đồng đòi hỏi sự tham gia và hành động của nhiều thành viên trong đó có phụ nữ và nam giới, người già và thanh thiếu niên, những người làm chính sách và những người dân thụ hưởng chính sách. Các chương trình được coi là hiệu quả khi thu hút được tất cả các nhóm này thông qua các chiến lược khác nhau, trong đó việc thu hút sự tham gia của nam giới là rất quan trọng. Không thể ngăn ngừa bạo lực với phụ nữ nếu không có sự tham gia tích cực và trực tiếp của nam giới. Việc thiếu sự hỗ trợ từ nam giới có thể làm tăng nguy cơ phụ nữ bị bạo lực và tạo ra phản ứng dữ dội đối với công tác này.

Thứ ba, Tăng cường kỹ năng giao tiếp, thiết lập quan hệ xã hội cho người dân. Giải pháp này đề cập đến các chiến lược nhắm vào cá nhân hoặc nhóm phụ nữ, nam giới hoặc các cặp vợ chồng để cải thiện kỹ năng trong giao tiếp giữa các cá nhân, quản lý xung đột và ra quyết định chung. Các chương trình phát triển xã hội và kỹ năng sống là phương pháp phòng ngừa bạo lực phổ biến nhất mà các quốc gia trên thế giới đang triển khai. Các loại chương trình kiểu như vậy đang được thiết kế để giúp mọi người có khả năng kiểm soát cơn giận, giải quyết xung đột theo cách phi bạo lực và phát triển các kỹ năng giải quyết vấn đề xã hội. Các chương trình nâng cao năng lực phòng ngừa bạo lực cho phụ nữ dân tộc thiểu số ở Hà Giang nên chú trọng triển khai các giải pháp này. Việc nâng cao kỹ năng giao

tiếp, kiểm soát cảm xúc nên được thực hiện ngay tại các trường học để tạo ra thế hệ trẻ có đầy đủ các kỹ năng cảm xúc. Phòng ngừa chính là yếu tố quan trọng để tạo ra sự thay đổi lâu dài. Giải quyết tận gốc nguyên nhân gây ra bạo lực đối với phụ nữ chính là bản chất của phòng ngừa. Để tạo ra sự thay đổi xã hội, điều quan trọng là các chương trình phải bắt đầu giải quyết một cách có hệ thống các niềm tin và thái độ ăn sâu bám rễ làm nền tảng cho bạo lực đối với phụ nữ. Bằng cách cá nhân hóa các quan điểm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống căng thẳng, xung đột của mỗi người. Công tác phòng ngừa bạo lực phải khuyến khích sự phản ánh và hành động của cá nhân. Phụ nữ và nam giới tham gia vào hoạt động phòng ngừa cần được hỗ trợ để tạo ra thay đổi tích cực trong cuộc sống cá nhân và nghề nghiệp của họ.

Tiểu kết chương 4

Chương 4 tác giả tập trung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa BLGD với phụ nữ DTTS. Kết quả nghiên cứu của Chương này cho thấy rằng vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực tại Hà Giang phụ thuộc vào hiệu quả của việc triển khai luật pháp chính sách có liên quan do chính quyền triển khai. Bởi nếu không có sự hỗ trợ của chính quyền thì vai trò của các tổ chức trong cộng đồng sẽ không phát huy được. Thiếu sự tham gia một cách tích cực, chủ động của cộng đồng trong triển khai luật pháp, chính sách phòng ngừa bạo lực gia đình có thể làm giảm hiệu quả của việc triển khai luật pháp chính sách.

Đồng thời, hạn chế về nguồn lực của các cơ quan, tổ chức ở địa phương cũng khiến cho công tác thực thi luật pháp, chính sách phòng ngừa bạo lực với phụ nữ chưa đạt được hiệu quả cao. Bên cạnh sự hỗ trợ cộng đồng của chính quyền thì các nguồn lực của tổ chức trong cộng đồng, đặc trưng văn hóa, lối sống, hình thức cư trú và điều kiện kinh tế xã hội của cộng đồng là các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện vai trò của cộng đồng. Ở địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn thì tỷ lệ bạo lực diễn ra nhiều hơn.

Theo đó, để phát huy tốt vai trò của cộng đồng cần có các giải pháp đồng bộ để xóa bỏ các nguyên nhân dẫn đến bạo lực và các nguyên nhân khiến nạn nhân

không trình báo cũng như chấp nhận bạo lực. Cần triển khai hiệu quả các biện pháp để phát huy vai trò xã hội hóa, vai trò xử lý, kiểm soát các hành vi bạo lực; vai trò hỗ trợ, trợ giúp của cộng đồng dành cho nạn nhân nhằm phòng ngừa, giảm thiểu nguy cơ tái diễn bạo lực.

KẾT LUẬN

Khi mọi người đặt câu hỏi, "làm thế nào để phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số?" thì chúng ta phải thừa nhận rằng câu trả lời không phải là cần tìm ra một biện pháp sâu sắc duy nhất mà là toàn bộ cộng đồng phải sẵn sàng tham gia vào mọi hành động phòng ngừa, ứng phó với bạo lực một cách có chủ đích theo thời gian.

Tất cả các cá nhân, gia đình, dòng họ, các tổ chức trong cộng đồng (từ các tổ chức chính trị xã hội- xã hội cho đến tổ chức nghề nghiệp, cộng đồng chia sẻ quan điểm và sở thích) đều đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn ngừa bạo lực. Cho dù điều này chỉ có thể đơn giản là lên tiếng khi chứng kiến hành vi bạo lực, hay là xem xét cách chúng ta tìm kiếm sự đồng thuận trong các mối quan hệ của chính mình hay suy nghĩ về các nguồn lực, các dịch vụ hỗ trợ thiết yếu mà chúng ta có thể cung cấp cho những nạn nhân.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của luận án tại địa bàn tỉnh Hà Giang cùng với việc vận dụng lý thuyết về sự thay đổi và lý thuyết sinh thái xã hội để phân tích vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số, luận án có một số phát hiện chủ yếu như sau:

Nhìn chung, Việt Nam hiện đã có hệ thống chính sách pháp luật tương đối toàn diện về phòng ngừa bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới. Chính quyền tỉnh Hà Giang cũng đã có nhiều nỗ lực để thể chế hóa các văn bản quy phạm pháp luật này thành các chương trình, chính sách, kế hoạch thực hiện, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về phòng ngừa bạo lực gia đình. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng giúp thúc đẩy công tác phòng ngừa bạo lực trên địa bàn Hà Giang trong nhiều năm qua. Quá trình triển khai pháp luật chính sách này đã ảnh hưởng lớn đến vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ dân tộc thiểu số.

Thứ nhất, về vai trò xã hội hóa. Có bằng chứng chỉ ra rằng dưới sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội và một số tổ chức khác đã rất nỗ lực trong thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức củng cố thái độ và niềm tin về phòng ngừa bạo lực. Các hoạt động tuyên truyền do các tổ chức trong cộng đồng triển khai, quá trình xã hội hóa trong gia đình đã giúp cá

nhân học cách hòa nhập vào xã hội và trở thành một thành viên có trách nhiệm của cộng đồng. Quá trình xã hội hoá giúp các cá nhân phát triển các giá trị, chuẩn mực, định hình hành vi ứng xử với bạo lực. Nó giúp các cá nhân và tổ chức biết cách hợp tác, và giải quyết tình huống khi có bạo lực xảy ra, đồng thời nó giúp tạo ra trật tự xã hội trong đó các cá nhân học cách tuân theo các quy tắc và luật lệ nhằm đảm bảo sự ổn định chung.

Thứ hai, Vai trò của cộng đồng trong kiểm soát các hành vi bạo lực gia đình với phụ nữ. Hiện nay, ở Việt Nam nói chung và trên địa bàn tỉnh Hà Giang nói riêng với sự phát triển của dịch vụ tư pháp, hành pháp thì chính quyền hiện đóng vai trò quan trọng trong tiếp nhận và xử lý bạo lực. Người dân thường nhắc đến vai trò các thiết chế hành pháp và tư pháp chính thống trong xử lý bạo lực. Nhưng các thiết chế hành pháp tư pháp chính thống thường chỉ được sử dụng khi các vụ bạo lực được coi là nghiêm trọng. Tại các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Hà Giang, việc xử lý bạo lực gia đình chủ yếu do tổ an ninh trật tự và tổ hòa giải đảm nhiệm, hiện đã có mặt ở hầu khắp các thôn bản. Cộng đồng có vai trò quan trọng trong việc lên án và can thiệp các hành vi bạo lực. Cả phụ nữ và nam giới đều tìm đến gia đình, bạn bè, hàng xóm để tìm kiếm sự hỗ trợ và lời khuyên. Nỗi sợ bị mất thể diện trước cộng đồng khiến nhiều người chồng kiềm chế hành vi bạo lực. Chính áp lực xã hội này góp phần giảm bạo lực trong gia đình.

Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại vai trò trong tiếp nhận và xử lý xung đột của các thiết chế truyền thống như già làng, trưởng bản được chuyển giao phần lớn sang cho các cơ quan chức năng. Theo đó vai trò của các thiết chế truyền thống trong xử lý bạo lực dường như khá mờ nhạt. Và vai trò tiếp nhận và xử lý bạo lực của cộng đồng sẽ khó phát huy tác dụng nếu nó không được sự ủng hộ hay hỗ trợ của thiết chế tư pháp chính thống.

Thứ ba, Vai trò của cộng đồng trong việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho phụ nữ là nạn nhân của bạo lực. Kết quả nghiên cứu của luận án cho thấy thành viên trong các gia đình, cộng đồng làng xóm và các tổ chức có các hoạt động cụ thể để trợ giúp nạn nhân. Thái độ của các thành viên trong gia đình là yếu tố có tác động tích cực với phòng ngừa bạo lực đối với phụ nữ. Trong bối cảnh hiện

nay nhà nước đã cung cấp các dịch vụ xã hội để trợ giúp nạn nhân như các dịch vụ y tế, các trung tâm tạm trú, tạm lánh, địa chỉ an toàn. Tuy nhiên thực tế ở các cộng đồng các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang thì các dịch vụ này còn khá xa lạ và chưa dễ tiếp cận với người dân trong cộng đồng. Theo đó các thiết chế gia đình, dòng họ, hàng xóm trong thôn bản, cộng đồng cùng nơi cư trú hay cộng đồng nghề nghiệp sẽ tỏ ra hữu ích hơn trong việc trợ giúp nạn nhân của bạo lực, bởi cộng đồng là nơi gần gũi nhất để hỗ trợ nạn nhân hoặc đưa ra những khuyến can với thủ phạm gây ra bạo lực.

Thứ tư, Vai trò của cộng đồng trong thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao năng lực cho phụ nữ và nam giới để thay đổi và giảm thiểu các yếu tố có nguy cơ làm gia tăng bạo lực. Tại hai địa bàn điều tra của luận án là xã Nậm Khòa huyện Hoàng Su Phì và xã Đạo Đức huyện Vị Xuyên của Hà Giang, những khó khăn về kinh tế là một trong những lý do căn bản dẫn đến những mâu thuẫn xung đột và là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến các hành vi bạo lực diễn ra với nhiều phụ nữ dân tộc thiểu số. Những năm qua người dân, các tổ chức chính trị xã hội đã tích cực tham gia vào các chương trình, chính sách xóa đói giảm nghèo do các cấp chính quyền triển khai. Việc triển khai các chính sách việc làm, sinh kế và đào tạo nghề cùng với các can thiệp về tài chính vi mô hoặc tiết kiệm, các chính sách phát triển hạ tầng, chuyển đổi mô hình kinh tế đã giúp các hộ gia đình cải thiện điều kiện kinh tế. Điều này có tác động tích cực góp phần làm thay đổi các chuẩn mực văn hóa vốn cổ vũ cho bạo lực với phụ nữ đồng thời làm giảm các căng thẳng kinh tế dẫn đến nguy cơ bạo lực có thể xảy ra. Do đó, những cải thiện về đời sống kinh tế đã và đang có tác động tích cực đến việc làm cho giảm thiểu tình trạng bạo lực với phụ nữ dân tộc thiểu số.

Thứ năm, Mặc dù cộng đồng và chính quyền địa phương đã nỗ lực triển khai các biện pháp phòng ngừa bạo lực điều này đã và đang góp phần làm giảm thiểu nguy cơ gây ra bạo lực tuy nhiên số liệu điều tra của luận án cho thấy tình trạng bạo lực gia đình với phụ nữ vẫn diễn ra. Kết quả khảo sát cho thấy một tỷ lệ đáng kể phụ nữ dân tộc thiểu số đã từng chịu ít nhất một hình thức bạo lực gia đình, cả trong vòng 12 tháng gần đây lẫn kể từ khi kết hôn. Mức độ bạo lực có sự

phân hóa rõ rệt theo nhóm dân tộc, trong đó phụ nữ dân tộc Mông, Dao và Nùng có tỷ lệ bị bạo lực cao hơn so với các nhóm khác. Bạo lực không chỉ xuất hiện rải rác mà còn diễn ra với tần suất nhất định, bao gồm cả những trường hợp bị bạo lực thường xuyên. Thực trạng này phản ánh tính chất dai dẳng và phổ biến của bạo lực gia đình trong cộng đồng dân tộc thiểu số.

Thứ sáu, một trong những lý do chính khiến bạo lực đối với phụ nữ dân tộc thiểu số ở Hà Giang còn diễn ra phổ biến và nạn nhân của bạo lực ít khi lên tiếng là do các quan niệm và chuẩn mực hóa được duy trì và thực hành trong các gia đình. Các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Hà Giang vẫn còn tồn tại một số quan điểm văn hóa, tập tục truyền thống gây bất lợi cho công tác phòng ngừa bạo lực gia đình. Cộng đồng ở hai địa bàn khảo sát điều tra của Luận án các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Mông là các cộng đồng theo chế độ phụ hệ, đó là trong gia đình con trai mang họ cha, cúng giỗ ông bà tổ tiên (người con trai cả thường là người chịu trách nhiệm chính), coi trọng việc có con trai để nối dõi tông đường. Còn người phụ nữ thường chịu trách nhiệm chính về công việc chăm sóc các thành viên trong gia đình, chăm sóc trẻ nhỏ, người già, người ốm; họ là người thực hiện chính các công việc nội trợ. Theo đó, định kiến giới và bất bình đẳng giới vẫn tồn tại trong cộng đồng, khá nhiều phụ nữ dân tộc thiểu số khi tham gia khảo sát đồng tình với quan điểm rằng người vợ phải đáp ứng đầy đủ nhu cầu tình dục của chồng. Bên cạnh đó, không ít người cho rằng quan hệ tình dục vợ chồng là chuyện riêng tư và không nên chia sẻ với người khác. Những quan điểm này phản ánh sự chấp nhận thụ động đối với bất bình đẳng giới và có thể làm gia tăng nguy cơ bạo lực trong gia đình. Điều này khiến cho xâm hại, bạo lực tình dục không chỉ diễn ra bên ngoài gia đình mà còn có nhiều nguy cơ xảy ra trong chính ngôi nhà của mỗi chúng ta, nhưng dường như mọi người không thừa nhận điều đó. Chính quan niệm, chuẩn mực, vai trò giới được thực hành và lưu giữ trong mỗi gia đình đang tạo ra rào cản đối với các can thiệp phòng ngừa bạo lực.

Điều đó cũng cho thấy cộng đồng chưa phát huy hiệu quả vai trò xã hội hóa. Các tổ chức trong cộng đồng chưa thực hiện tốt vai trò của mình trong phát triển kinh tế- xã hội, tạo việc làm và giảm nghèo bền vững. Vai trò của cộng đồng

trong ngăn ngừa xử lý, trợ giúp nạn nhân hiện còn khá mờ nhạt và nó sẽ thiếu hiệu quả nếu thiếu sự trợ giúp của các thiết chế tư pháp chính thống. Các hoạt động, dịch vụ đang được các tổ chức trong cộng đồng triển khai thường chú trọng vào phòng chống, tập trung xử lý vấn đề khi bạo lực xảy ra, thiếu các hoạt động, dịch vụ trợ giúp nạn nhân hòa nhập hay ngăn chặn sự tái diễn của bạo lực, đặc biệt là bạo lực tái diễn theo vòng đời.

Thứ bảy, Để phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình với phụ nữ chúng ta phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau. Các giải pháp đó phải được triển khai ở nhiều cấp độ với sự phối hợp và cộng tác của nhiều bên liên quan đặc biệt sự hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước. Để các thiết chế trong cộng đồng phát huy tốt vai trò của mình, các cơ quan quản lý nhà nước và bản thân các thiết chế trong cộng đồng từ gia đình, hàng xóm và các tổ chức chính trị xã hội, cần phối hợp với nhau và tích cực chủ động tham gia vào việc thúc đẩy các mối quan hệ hỗ trợ, giáo dục về các kỹ năng sống và giải quyết xung đột cho người dân ngay từ khi còn nhỏ. Hoặc đó cũng có thể là một số biện pháp can thiệp hiệu quả tập trung vào các yếu tố và khía cạnh về kinh tế - xã hội hoặc nguyên nhân gốc rễ của bạo lực, chẳng hạn như các dân tộc khác nhau sống chung ở một địa bàn dân cư, vấn đề nghèo đói, không có nhà ở và các yếu tố xã hội quyết định sức khỏe khác. Dù triển khai bất cứ giải pháp nào việc đầu tiên chúng ta cần phải nhớ đó là các giải pháp phải luôn đảm bảo tính thực tế gắn với bối cảnh văn hoá xã hội và các nguồn lực tại địa phương. Đó phải là quá trình triển khai các chính sách có sự tham gia và người dân trong cộng đồng phải là trọng tâm của mọi chính sách. Các thành viên của cộng đồng và mỗi gia đình cần tích cực và chủ động tham gia vào can thiệp phòng ngừa bạo lực gia đình được chính quyền triển khai trên địa bàn. Tích cực lên tiếng phản đối bạo lực, hỗ trợ nạn nhân bị bạo hành, lên án hành vi của người gây ra bạo lực.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Asean.org. *ASEAN Regional Guidelines on Violence against Women and Girls Data Collection*. Truy cập từ: <https://asean.org/...>
2. Asiapacific.unwomen.org. *Fiji National Action Plan 2023–2028*. Truy cập từ: <https://asiapacific.unwomen.org/...>
3. Ban Tuyên giáo, Tỉnh ủy Hà Giang (2022). *Phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số qua thực tế tỉnh Hà Giang*. Truy cập tại: <https://tuyengiao.hangiang.gov.vn>
4. Bevan, E. (2002). *Is Domestic Violence Learned? The Contribution of Five Forms of Child Maltreatment to Men's Violence and Adjustment*. Truy cập từ: <https://www.researchgate.net/...>
5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2025). *Báo cáo quốc gia rà soát và kiểm điểm 25 năm Việt Nam thực hiện Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh*.
6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê & UNFPA (2020). *Báo cáo Điều tra quốc gia về Bạo lực đối với Phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 - Hành trình để thay đổi*.
7. Bùi Thế Cường, Đặng Thị Việt Phương, Trịnh Huy Hóa (2010). *Từ điển Xã hội học Oxford*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Bybee, D., & Sullivan, C. M. (2002), *The process through which an advocacy intervention resulted in positive change for battered women over time*. American Journal of Community Psychology, 30, 103–132.
9. Cambodia.unfpa (2019), *Royal Government of Cambodia National Action Plan to Prevent Violence against Women 2019*. [Truy cập từ: <https://cambodia.unfpa.org/>]
10. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới. Truy cập từ: <https://thuvienphapluat.vn/...>
11. Chương trình phòng chống bạo lực gia đình. Truy cập từ: <https://thuvienphapluat.vn/...>

12. Cohen, S., & Wills, T. A. (1985). *Stress, social support, and the buffering hypothesis*. Psychological Bulletin, 98(2), 310–357.
13. Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women) (2021). *Các vấn đề về giới trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*.
14. Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women) phối hợp với Viện Khoa học Lao động và Xã hội... (2021). *Báo cáo tóm tắt chính sách: Các vấn đề giới trong vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam*.
15. Dictionary.Cambridge, Truy cập từ: <https://dictionary.cambridge.org/>...
16. Đài PT–TH Hà Giang (2023), *Hà Giang quan tâm hỗ trợ phụ nữ yếu thế*. Truy cập tại: <https://hagiangtv.vn>
17. Đối thoại thận trọng (2019), *Cẩm nang giải quyết vấn đề bạo lực với phụ nữ trong và thông qua truyền thông*. UNESCO & UN Women
18. Emma Bevan và Daryl J. Higgins (2002), Is Domestic Violence Learned? The Contribution of Five Forms of Child Maltreatment to Men's Violence and Adjustment *Journal of Family Violence*, Tập 17, Số 3, trang 223–245.
19. Etzioni, A., & Etzioni, O. (1999), *Face-to-face and computer-mediated communities, a comparative analysis*. The Information Society, 15(4), 241–248.
20. Flury, M., Nyberg, E., & Riecher-Rössle, A. (2010), *Domestic violence against women: definitions, epidemiology, risk factors and consequences*. Swiss Medical Weekly.
21. Gupta, S., & Kim, H.-W. (2004), *Virtual community: Concepts, implications, and future research directions*. AMCIS 2004. Truy cập từ: <https://aisel.aisnet.org/>.
22. Hattie Lowe et al. (2022), *Mechanisms for community prevention of violence against women in low and middle-income countries*. Social Science & Medicine, 305.
23. Hoàng Phê (2003), *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng & Trung tâm Từ điển học.

24. International Organization for Migration (IOM (2020), *Community Engagement in Preventing and Responding to Gender-based Violence*.
25. Joanna Ochocka & Rich Janzen (2016), *Towards a Theory of Change for Community-based Research Projects*. Engaged Scholar Journal.
26. John Motsamai Modise (2022), *The Role of the Community in Preventing Gender-Based Violence...* International Journal of Innovative Science and Research Technology, 7(6).
27. Lowe, H. et al. (2022), *Mechanisms for the Prevention of Adolescent Intimate Partner Violence: A Realist Review of Interventions in Low- and Middle-Income Countries*. PLOS Global Public Health
28. Mahapatro, M., & Singh, S. P. (2019), *Role of Social Support in Women Facing Domestic Violence During Lockdown...* Journal of Family Issues.
29. Martin, P., & Mohr, P. B. (2001), *Posttraumatic stress disorder in Australian victims of domestic violence*. Violence and Victims, 16, 645–654.
30. M.K.M. Lünemann. (2019), *The intergenerational impact of trauma and family violence...* Truy cập từ: <https://www.sciencedirect.com/>.
31. Nguyễn Hữu Minh & Đặng Thị Hoa (2020). *Thực hiện bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội.
32. Noël Bridget Busch & Deborah Valentine. *Empowerment Practice: A Focus on Battered Women*. Truy cập từ: <https://sites.utexas.edu/>.
33. Panaghi, L. et al. (2013), *Social support, coping mechanisms and mental health of women suffering from spouse abuse*. Practice in Clinical Psychology.
34. Phạm Hồng Tung. *Nghiên cứu về cộng đồng...* Truy cập từ: <https://repository.vnu.edu.vn/>...
35. Pierre Bourdieu. *Sự Thống Trị Của Nam Giới*. Nxb Tri thức.
36. Preventing violence against women and girls in the family context. Truy cập từ: <https://static1.squarespace.com/>.
37. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2022), *Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi)*.

38. Raising Voices. *SASA! Approach*. Truy cập từ: <https://raisingvoices.org/>.
39. Ridings, C. M., Gefen, D., & Arinze, B (2002), *Trust in virtual communities*. Journal of Strategic Information Systems, 11(3–4), 271–295.
40. Romm, C. T., Pliskin, N., & Clarke, R (1997), *Virtual communities and society*. Information & Management, 32(4), 261–270.
41. Stepping Stones to Rights. Truy cập từ: <https://steppingstonerights.net/>.
42. Stern, E. (2021), *Learning from Practice: Community Mobilization to Prevent Violence against Women and Girls*. UN Trust Fund.
43. Tổng cục Thống kê (2020), *Báo cáo kết quả điều tra quốc gia về bạo lực với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019*. [Truy cập từ: <https://vietnam.unfpa.org>].
44. Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả Điều tra 53 dân tộc thiểu số năm 2019*. Nxb Thống kê.
45. Tönnies, F (2001), *Community and Civil Society*. Cambridge University Press. (Nguyên bản 1887)
46. Trần Hữu Quang (2019), *Xã hội học nhập môn*. Nxb Khoa học xã hội.
47. Tổ chức Y tế thế giới (2024), *Bạo lực chống lại phụ nữ*. Truy cập từ: <https://www.who.int/...>
48. Tuyên bố về Xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ. Truy cập từ: <http://www.un.org/documents/ga/res/48/a48r104.htm>
49. Ủy ban Dân tộc (2021). *Triển khai chương trình phối hợp công tác 2021–2025*. Truy cập từ: <http://www.cema.gov.vn/...>
50. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang (2024), *Báo cáo Kết quả thực hiện các mục tiêu Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới năm 2023*.
51. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang (2023), *Báo cáo đánh giá 15 năm thi hành Luật bình đẳng giới (CV 135/BC-UBND ngày 23/5/2023)*.
52. UN Division for the Advancement of Women (2005), *Good practice in designing a community-based approach to prevent domestic violence*.
53. UN Women (2015), *A framework to underpin action to prevent violence against women*.

54. UN Women (2016), *Hướng tới bình đẳng giới tại Việt Nam*.
55. UN Women (2019), *Báo cáo rà soát 25 năm Cương lĩnh Bắc Kinh tại Việt Nam*. [Truy cập từ: <https://asiapacific.unwomen.org/>]
56. UN Women Viet Nam (2020), *Ending Violence against Women and Children in Viet Nam*.
57. UN Women, Bộ LĐ-TBXH Việt Nam (2019), *Báo cáo đánh giá chương trình gói dịch vụ thiết yếu dành cho phụ nữ và trẻ em gái*.
58. UNHCR (2021), *Công cụ phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới*.
59. United Nations General Assembly (1993), *Declaration on the Elimination of Violence against Women (A/RES/48/104)*.
60. Valesca Lima (2020), *The Role of Local Government in the Prevention of Violence against Women...* Bulletin of Latin American Research
61. Vera Lomazzi (2023), *The Cultural Roots of Violence against Women...* Truy cập từ: <https://www.mdpi.com/>.
62. Violence against women prevalence estimates (2021). WHO. Geneva: World Health Organization.
63. Whittaker, S., Isaacs, E., & O'Day, V. (1997). *Workshop report on physical and network communities*. ACM SIGGROUP Bulletin, 18(1), 44–58.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. ThS Hoàng Thị Thu Huyền, 2024, “Phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số (Qua thực tế tỉnh Hà Giang)”; Tạp chí Lý luận chính trị điện tử, <https://lyluanchinhtri.vn/phong-ngua-bao-luc-gia-dinh-doi-voi-phu-nu-dan-toc-thieu-so-qua-thuc-te-tinh-ha-giang-6518.html>.
2. NCS Hoàng Thị Thu Huyền, 2024, “Phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng, chống bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam”, Tạp chí Lý luận chính trị điện tử, <https://lyluanchinhtri.vn/phat-huy-vai-tro-cua-cong-dong-trong-phong-chong-bao-luc-gia-dinh-doi-voi-phu-nu-tai-viet-nam-6525.html>.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

MÃ PHIẾU	TÊN HUYỆN	TÊN XÃ

Xin chào chị

Tôi là Hoàng Thị Thu Huyền, Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội. Tôi xin mời chị tham gia vào cuộc khảo sát về "**Vai trò của cộng đồng trong cải thiện mối quan hệ hôn nhân và gia đình (nghiên cứu trường hợp tỉnh Hà Giang)**".

Mục tiêu nghiên cứu: Tìm kiếm các dữ liệu nhằm đánh giá bối cảnh đề xuất giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong cải thiện mối quan hệ hôn nhân và gia đình trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Bảo mật và đồng ý: Sự tham gia của chị là tự nguyện và tất cả các câu trả lời sẽ được bảo mật lưu giữ dưới dạng khuyết danh. Việc hoàn thành và gửi bảng câu hỏi này đồng nghĩa với việc đồng ý cho sử dụng câu trả lời cho mục đích nghiên cứu.

Chỉ dẫn: Vui lòng đọc kỹ và chọn câu trả lời phù hợp nhất với quan điểm hoặc kinh nghiệm của chị. Nếu không có đáp án phù hợp hoặc không chắc chắn, vui lòng chọn "Ý kiến khác". Câu trả lời trung thực của chị vô cùng quan trọng cho sự thành công của nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của chị!

I. THÔNG TIN CHUNG

Vui lòng cho biết một số thông tin sau để phục vụ cho việc phân loại và trình bày các dữ liệu thống kê. (bạn đánh dấu (✓) vào ô tương ứng)

A1. Dân tộc

- ☐1. Tày
☐2. Nùng
☐3. Mông
☐4. Dao

A3.Trình độ học vấn

- ☐1. Chưa tốt nghiệp tiểu học
☐2. Tốt nghiệp tiểu học
☐3. Tốt nghiệp Trung học cơ sở
☐4. Tốt nghiệp Trung học phổ thông
☐5. Tốt nghiệp cao đẳng, đại học trở lên

A2. Sinh năm (Ghi đủ 4 số ví dụ 1983, nếu không nhớ ghi tuổi)

.....

A4. Công việc chính

- ☐1.Nội trợ, không có hoạt động tạo thu nhập
☐2.Trồng trọt, chăn nuôi
☐3.Làm cho công ty, doanh nghiệp tư nhân có nhận lương
☐4. Kinh doanh, buôn bán
☐5.Công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan tổ chức nhà nước
☐6.Lao động tự do khác

A5. Người đóng góp chính cho thu nhập của gia đình

- ☐ 1. Chồng
☐ 2. Vợ
☐ 3. Hai vợ chồng như nhau
☐ 4. Khác

A7. Số năm chung sống như vợ chồng?

.....Năm

A9. Hình thức cư trú

- ☐ 1. Hai vợ chồng, và con sống riêng
☐ 2. Sống chung dưới một mái nhà với bố mẹ và hoặc anh chị em bên chồng
☐ 3. Sống chung dưới một mái nhà với bố, mẹ và ,hoặc anh chị em bên vợ
☐ 4. Khác (ghi rõ).....

A6. Tự đánh giá về đời sống kinh tế của gia đình

- ☐ 1. Giàu có
☐ 2. Khá giả
☐ 3. Trung bình
☐ 4. Nghèo
☐ 5. Rất nghèo

A8. Người chồng hiện tại là

- ☐ 1. Người chồng đầu tiên
☐ 2. Người chồng thứ hai
☐ 3. Khác

A10. Nơi cư trú có đặc trưng nào sau đây? (Đánh dấu (✓) vào ô tương ứng)

	1. Đúng	1. Không đúng
1. Nơi cư trú riêng biệt, cách xa hàng xóm xung quanh		
2. Cư trú trong cộng đồng sát gần hàng xóm xung quanh		
3. Nơi cư trú gần với nơi bố mẹ, anh chị em bên chồng sinh sống		
4. Nơi cư trú gần với nơi bố mẹ, anh chị em bên vợ sinh sống		

II. VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG CẢI THIỆN MÔI QUAN HỆ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**B1. Chị đồng ý ở mức độ nào về một số nhận định sau đây?**

Nhận định	Mức độ đồng ý
1. Nếu vợ làm gì có lỗi chồng có thể ngược đãi, đánh đập vợ	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý
2. Trong mọi trường hợp chồng không được phép “ <i>Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng vợ</i> ”	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý
3. Chồng ngược đãi, đánh đập vợ là chuyện riêng tư không nên kể cho người khác biết	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý
4. Chồng ngược đãi, đánh đập, ép vợ làm điều gì đó trái ý muốn là chuyện riêng tư không nên báo cho chính quyền hay các tổ chức trong cộng đồng	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý

5.Nếu biết “người khác ngược đãi, đánh đập vợ họ” mình cũng không nên can thiệp vì đó là chuyện riêng tư trong gia đình họ	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2.Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý				
6.Nếu biết “người khác ngược đãi, đánh đập vợ họ” thì mình phải tìm mọi cách thích hợp để can thiệp vì đó là điều không thể chấp nhận được	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý				
B2. Mức độ chị bị chồng “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng”	<table border="1"> <tr> <th data-bbox="632 481 1018 555">Trong vòng 12 tháng qua</th> <th data-bbox="1026 481 1487 555">Từ khi kết hôn</th> </tr> <tr> <td data-bbox="632 555 1018 689"> ☐ 1. Không bị=>B7 ☐ 2. Thỉnh thoảng=>B3 ☐ 3. Thường xuyên=>B3 </td> <td data-bbox="1026 555 1487 689"> ☐ 1. Không bị=>B7 ☐ 2. Thỉnh thoảng=>B3 ☐ 3. Thường xuyên=>B3 </td> </tr> </table>	Trong vòng 12 tháng qua	Từ khi kết hôn	☐ 1. Không bị=>B7 ☐ 2. Thỉnh thoảng=>B3 ☐ 3. Thường xuyên=>B3	☐ 1. Không bị=>B7 ☐ 2. Thỉnh thoảng=>B3 ☐ 3. Thường xuyên=>B3
Trong vòng 12 tháng qua	Từ khi kết hôn				
☐ 1. Không bị=>B7 ☐ 2. Thỉnh thoảng=>B3 ☐ 3. Thường xuyên=>B3	☐ 1. Không bị=>B7 ☐ 2. Thỉnh thoảng=>B3 ☐ 3. Thường xuyên=>B3				
B3. Chị có nói cho người khác biết về việc bị chồng “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng” hay không?	☐ 1. Không bao giờ=>B6 ☐ 2. Thỉnh thoảng=>B4 ☐ 3. Thường xuyên=>B4				
B4. Chị kể cho ai biết về việc bị chồng “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng” (Có thể chọn nhiều đáp án) ☐ 1.Con chị ☐ 2.Người thân trong gia đình chị ☐ 3. Người thân trong gia đình chồng ☐ 4. Bạn bè/ đồng nghiệp của chị ☐ 5. Bạn bè/đồng nghiệp của chồng ☐ 6. Hàng xóm, những người sống xung quanh ☐ 7. Cán bộ chính quyền, các tổ chức đoàn thể ☐ 8.Những người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản, người trong tổ chức tôn giáo, nhóm hội,...) ☐ 9. Khác					
B5. Khi biết chị bị chồng “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng” những người xung quanh thường cư xử như thế nào?					
1.Con chị	☐ 1.Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3.Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5.Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời				
2.Người thân trong gia đình chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3.Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4.Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5.Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời				
3.Người thân trong gia đình	☐ 1.Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên				

chồng	☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
4. Bạn bè/ đồng nghiệp của chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích, can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác
5. Bạn bè/ đồng nghiệp của chồng	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
6. Hàng xóm, những người sống xung quanh	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
7. Cán bộ chính quyền, các tổ chức đoàn thể	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Tổ chức hòa giải, xử lý hành vi của chồng tôi ☐ 6. Các cách xử lý khác ☐ 7. Không thuộc đối tượng trả lời
8. Những người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản, người trong tổ chức tôn giáo, nhóm hội,	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Tổ chức hòa giải, xử lý hành vi của chồng tôi ☐ 6. Các cách cư xử khác ☐ 7. Không thuộc đối tượng trả lời

B6. Tại sao chị không nói cho ai biết việc bị chồng “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng” (Có thể chọn nhiều đáp án)

☐ 1. Vì nó không nghiêm trọng
☐ 2. Tôi có thể chấp nhận được việc này
☐ 3. Đó là chuyện riêng tư tôi không muốn cho ai biết
☐ 4. Tôi không muốn người ngoài bàn tán về vấn đề của gia đình mình

- ☐ 5. Nếu tôi nói cũng không thay đổi tình hình
- ☐ 6. Tôi không biết làm thế nào để báo cáo việc này với chính quyền hay các tổ chức xã hội khác
- ☐ 7. Lý do khác

B7. Những người trong cộng đồng của chị thường cư xử như thế nào nếu phụ nữ bị chồng “đánh đập, lăng mạ, chửi chửi hay cưỡng ép chứng kiến bạo lực”?

Các cách cư xử	Mức độ phổ biến
1. Lờ đi không làm gì cả	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
2. Ngay lập tức can ngăn	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
3. Họ sẽ cố gắng khuyên nhủ, động viên để người vợ chấp nhận điều đó	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
4. Họ sẽ cố gắng hỗ trợ, động viên người vợ để cô ấy thoát khỏi tình trạng này	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
5. Họ sẽ nói rằng người phụ nữ đó chắc đã làm gì không đúng nên bị chồng đánh/cô ấy xứng đáng bị như vậy	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
6. Họ sẽ nên án hành vi của người chồng	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
7. Họ sẽ cổ vũ, tán dương về hành động của người chồng	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
8. Họ sẽ bàn tán và nói không hay về gia đình đó	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy

B8. Mức độ chị bị chồng “Lăng mạ, chửi chửi hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm”

Trong vòng 12 tháng qua

Từ khi kết hôn

- ☐ 1. Không bị
☐ 2. thỉnh thoảng
☐ 3. Thường xuyên

- ☐ 1. Không bị
☐ 2. thỉnh thoảng
☐ 3. Thường xuyên

B9. Mức độ chị bị chồng “Cưỡng ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý” (Nếu đã từng bị chồng đối xử như trong trường hợp câu B8 và

Trong vòng 12 tháng qua

Từ khi kết hôn

- ☐ 1. Không bị
☐ 2. thỉnh thoảng
☐ 3. Thường xuyên

- ☐ 1. Không bị
☐ 2. thỉnh thoảng
☐ 3. Thường xuyên

hoặc B9 =>B10, nếu không =>B15)		
B10. Nếu đã từng bị chồng đối xử như trong trường hợp câu B8 và hoặc B9 thì chị có nói chuyện này với ai không?		☐ 1. Không bao giờ=>B15 ☐ 2. Thỉnh thoảng=>B11 ☐ 3. Thường xuyên=>B11
B11. Chị kể chuyện này với ai ? (Có thể chọn nhiều đáp án)		
☐ 1.Con cái của bạn ☐ 2.Người thân trong gia đình bạn ☐ 3. Người thân trong gia đình chồng ☐ 4. Bạn bè/ đồng nghiệp của bạn ☐ 5. Bạn bè/đồng nghiệp của chồng bạn ☐ 6. Hàng xóm, những người sống xung quanh ☐ 7. Cán bộ chính quyền, các tổ chức đoàn thể ☐ 8.Những người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản, người trong nhóm hội,..) ☐ 9. Khác		
B12. Khi biết chị bị chồng “Lãng mạn, chì chiết hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm” hay bị “Cưỡng ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý” những người xung quanh thường cư xử như thế nào?		
1.Con chị	☐ 1.Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3.Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5.Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời	
2.Người thân trong gia đình chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3.Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4.Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5.Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời	
3.Người thân trong gia đình chồng	☐ 1.Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4.Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5.Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời	
4.Bạn bè/ đồng nghiệp của chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3.Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4.Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi	

	☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
5. Bạn bè/đồng nghiệp của chồng	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
6. Hàng xóm, những người sống xung quanh	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
7. Cán bộ chính quyền, các tổ chức đoàn thể	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Tổ chức hòa giải, xử lý hành vi của chồng tôi ☐ 6. Các cách xử lý khác ☐ 7. Không thuộc đối tượng trả lời
8. Những người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản, người trong tổ chức tôn giáo, nhóm hội,	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Tổ chức hòa giải, xử lý hành vi của chồng tôi ☐ 6. Các cách cư xử khác ☐ 7. Không thuộc đối tượng trả lời
B13. Nếu những người thân, bạn bè và những người xung quanh can thiệp, khuyên nhủ về hành vi bạo lực thì chồng chị phản ứng thế nào? ☐ 1. Anh ấy đánh tôi nhiều hơn ☐ 2. Anh ấy không đánh đập nhưng chì chiết và có hình thức cư xử tệ bạc khác đối với tôi ☐ 3. Anh ấy không lắng nghe và không thay đổi thái độ và hành vi của mình ☐ 4. Anh ấy lắng nghe và không cư xử như vậy với tôi nữa	
B14. Nếu Chính quyền địa phương, già làng, trưởng bản can thiệp, khuyên nhủ về hành vi bạo lực thì chồng chị phản ứng thế nào? ☐ 1. Anh ấy đánh tôi nhiều hơn ☐ 2. Anh ấy không đánh đập nhưng sẽ chì chiết và có hình thức cư xử tệ bạc khác đối với tôi ☐ 3. Anh ấy không lắng nghe và không thay đổi thái độ và hành vi của mình ☐ 4. Anh ấy lắng nghe và không cư xử như vậy với tôi nữa	
B15. Tại sao chị không cho người khác biết việc bị chồng “Lãng mạn, chì chiết hoặc hành vi cố ý	

khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm” hay bị “Cưỡng ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý” ?

- ☐ 1. Vì nó không nghiêm trọng
☐ 2. Tôi có thể chấp nhận được việc này
☐ 3. Đó là chuyện riêng tư tôi không muốn cho ai biết
☐ 4. Tôi không muốn người ngoài bàn tán về vấn đề của gia đình mình
☐ 5. Nếu tôi nói cũng không thay đổi tình hình
☐ 6. Tôi không biết làm thế nào để có thể báo cáo việc này với chính quyền hay các tổ chức xã hội khác

☐ 7. Lý do khác

B16. Chị có đồng ý rằng hành động dưới đây là được phép/hợp pháp?

Hành động	Mức độ đồng ý của bạn
1. Chồng bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc vợ đặc biệt khi mang thai, hay ốm đau	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý
2. Chồng kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của vợ	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý
3. Chồng ngăn cản vợ gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý cho vợ	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý
4. Chồng ngăn cản vợ thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ với những người thân khác trong gia đình	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý
5. Chồng Tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình của vợ, thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của vợ;	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý

B17. Mức độ chị bị chồng “Bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc khi mang thai, ốm đau”	Trong vòng 12 tháng qua	Từ khi kết hôn
	☐ 1. Không bị ☐ 2. Thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên	☐ 1. Không bị ☐ 2. Thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên
B18. Mức độ chị bị chồng “Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực”	Trong vòng 12 tháng qua	Từ khi kết hôn
	☐ 1. Không bị ☐ 2. Thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên	☐ 1. Không bị ☐ 2. Thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên
B19. Mức độ chị bị chồng “Ngăn cản không cho gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý”	Trong vòng 12 tháng qua	Từ khi kết hôn
	☐ 1. Không bị ☐ 2. Thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên	☐ 1. Không bị ☐ 2. Thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên

B20. Mức độ chị bị chồng “Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình với người thân”	Trong vòng 12 tháng qua ☐ 1. Không bị ☐ 2. thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên	Từ khi kết hôn ☐ 1. Không bị ☐ 2. thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên
B21. Mức độ chị bị chồng “Tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm” (Nếu đã từng bị chồng đối xử như trong trường hợp từ câu B17 đến B21=>B22, nếu không =>B28)	Trong vòng 12 tháng qua ☐ 1. Không bị ☐ 2. thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên	Từ khi kết hôn ☐ 1. Không bị ☐ 2. thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên
B22. Nếu đã từng bị chồng đối xử như trong trường hợp từ câu B17 đến B21 thì chị có nói chuyện này với ai không?	☐ 1. Không bao giờ=>B27 ☐ 2. thỉnh thoảng=>B23 ☐ 3. Thường xuyên=>B23	
B23. Chị nói chuyện này với ai ? ☐ 1. Con chị ☐ 2. Người thân trong gia đình chị ☐ 3. Người thân trong gia đình chồng ☐ 4. Bạn bè/ đồng nghiệp của chị ☐ 5. Bạn bè/đồng nghiệp của chồng ☐ 6. Hàng xóm, những người sống xung quanh ☐ 7. Cán bộ chính quyền, các tổ chức đoàn thể ☐ 8. Những người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản, người trong tổ chức tôn giáo, nhóm hội,...) ☐ 9. Khác		
B24. Những người xung quanh thường cư xử như thế nào khi biết chị bị chồng đối xử như trên ?		
1. Con chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời	
2. Người thân trong gia đình chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời	
3. Người thân trong gia đình chồng	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi	

	☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
4. Bạn bè/ đồng nghiệp của chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
5. Bạn bè/đồng nghiệp của chồng	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
6. Hàng xóm, những người sống xung quanh	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
7. Cán bộ chính quyền, các tổ chức đoàn thể	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Tổ chức hòa giải, xử lý hành vi của chồng tôi ☐ 6. Các cách xử lý khác ☐ 7. Không thuộc đối tượng trả lời
8. Những người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản, người trong tổ chức tôn giáo, nhóm hội,	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Tổ chức hòa giải, xử lý hành vi của chồng tôi ☐ 6. Các cách cư xử khác ☐ 7. Không thuộc đối tượng trả lời

B25. Chồng chị phản ứng thế nào khi những người thân, bạn bè và những người xung quanh can thiệp, khuyên nhủ về hành vi bạo lực nêu trên thì ?

- ☐ 1. Anh ấy còn thực hiện những hành vi đó nhiều hơn
☐ 2. Anh ấy sẽ có hình thức cư xử tệ bạc khác đối với tôi
☐ 3. Anh ấy không lắng nghe và không thay đổi thái độ và hành vi của mình
☐ 4. Anh ấy lắng nghe và không cư xử như vậy với tôi nữa

B26. Chồng chị phản ứng thế nào khi chính quyền địa phương, già làng, trưởng bản can thiệp,

khuyến nhủ về hành vi bạo lực nêu trên ?

- ☐ 1. Anh ấy còn thực hiện những hành vi đó nhiều hơn
- ☐ 2. Anh ấy sẽ có hình thức cư xử tệ bạc khác đối với tôi
- ☐ 3. Anh ấy không lắng nghe và không thay đổi thái độ và hành vi của mình
- ☐ 4. Anh ấy lắng nghe và không cư xử như vậy với tôi nữa

B27. Tại sao chị không nói cho ai biết khi bị chồng đối xử như trên? (Có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ 1. Vì nó không nghiêm trọng
- ☐ 2. Tôi có thể chấp nhận được việc này
- ☐ 3. Đó là chuyện riêng tư tôi không muốn cho ai biết
- ☐ 4. Tôi không muốn người ngoài bàn tán về vấn đề của gia đình mình
- ☐ 5. Nếu tôi nói cũng không thay đổi tình hình
- ☐ 6. Tôi không biết làm thế nào để có thể báo cáo việc này với chính quyền hay các tổ chức xã hội khác
- ☐ 7. Lý do khác

B28. Những người trong cộng đồng của chị thường cư xử như thế nào nếu phụ nữ bị chồng “bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc hay Ngăn cản không cho cô ấy gặp gỡ người thân, hay có các mối quan hệ xã hội lành mạnh khác”

Các cách cư xử	Mức độ phổ biến
1. Lờ đi không làm gì cả	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
2. Ngay lập tức can ngăn	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
3. Họ sẽ cố gắng khuyến nhủ, động viên để người vợ chấp nhận thực trạng đó	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
4. Họ sẽ cố gắng khuyến nhủ, động viên, giúp đỡ để người vợ thoát khỏi thực trạng đó	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
5. Họ sẽ nói rằng chồng cô làm điều đó là đúng đắn và có thể chấp nhận được	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
6. Họ sẽ nên án, cố gắng ngăn cản hành vi của người chồng	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy

7.Họ sẽ cố vũ đề người chồng thực hiện hành vi này	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
8.Họ sẽ bàn tán và nói không hay về gia đình đó	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy

B29. Chỉ đồng ý ở mức độ nào với các quan điểm và nhận định sau:

Quan điểm/nhận định	Mức độ đồng ý
1.Người vợ nên thỏa mãn tất cả nhu cầu tình dục của chồng mình	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý
2.Quan hệ tình dục giữa vợ và chồng là chuyện riêng tư không nên chia sẻ, kể cho người khác biết	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý
3.Nếu biết “Người khác có hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ họ” mình cũng không nên can thiệp vì đó là chuyện riêng tư trong gia đình họ	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý
4.Nếu biết “người khác có hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ họ” thì mình phải tìm mọi cách thích hợp để can thiệp vì đó là điều không thể chấp nhận được	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý
5.Chính quyền sẽ không can thiệp vào quan hệ tình dục giữa vợ và chồng vì đây là chuyện riêng tư	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý

B30. Chỉ có đồng ý rằng hành động dưới đây là được phép/hợp pháp?

Hành động	Mức độ đồng ý
1.Chồng cưỡng ép vợ thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của cô ấy	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý
2.Chồng cưỡng ép vợ trình diễn hành vi khiêu dâm; cưỡng ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý
3.Cưỡng ép tảo hôn, kết hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp;	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý
4.Chồng cưỡng ép vợ mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi;	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý

B31. Mức độ chị bị chồng “Cưỡng ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn”	Trong vòng 12 tháng qua ☐ 1. Không bị ☐ 2. Thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên	Từ khi kết hôn ☐ 1. Không bị ☐ 2. Thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên
B32. Mức độ chị bị chồng “Cưỡng ép trình diễn hành vi khieu dâm; cưỡng ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực” (Nếu bị chồng đối xử như câu B31 và hoặc B32=>B33, Nếu không=> B39)	Trong vòng 12 tháng qua ☐ 1. Không bị ☐ 2. Thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên	Từ khi kết hôn ☐ 1. Không bị ☐ 2. Thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên
B33. Nếu đã từng bị chồng “Cưỡng ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn hay “Cưỡng ép trình diễn hành vi khiêu dâm; cưỡng ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực” chị có nói chuyện này với ai không?	☐ 1. Không bao giờ =>B37 ☐ 2. Thỉnh thoảng=>B34 ☐ 3. Thường xuyên=>B34	
B34. Chị thường kể chuyện này với ai ? ☐ 1. Con chị ☐ 2. Người thân trong gia đình chị ☐ 3. Người thân trong gia đình chồng ☐ 4. Bạn bè/ đồng nghiệp của chị ☐ 5. Bạn bè/đồng nghiệp của chồng ☐ 6. Hàng xóm, những người sống xung quanh ☐ 7. Cán bộ chính quyền, các tổ chức đoàn thể ☐ 8. Những người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản, người trong tổ chức tôn giáo, nhóm hội,..) ☐ 9. Khác		
B35. Những người xung quanh thường cư xử như thế nào khi biết chị bị chồng “Cưỡng ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn hay “Cưỡng ép trình diễn hành vi khiêu dâm; cưỡng ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực” ?		
1. Con chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời	
2. Người thân trong gia đình chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi	

	☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
3. Người thân trong gia đình chồng	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyến nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyến nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
4. Bạn bè/ đồng nghiệp của chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyến nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyến nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác
5. Bạn bè/ đồng nghiệp của chồng	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyến nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyến nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
6. Hàng xóm, những người sống xung quanh	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyến nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyến nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
7. Cán bộ chính quyền, các tổ chức đoàn thể	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyến nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyến nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Tổ chức hòa giải, xử lý hành vi của chồng tôi ☐ 6. Các cách xử lý khác ☐ 7. Không thuộc đối tượng trả lời
8. Những người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản, người trong tổ chức tôn giáo, nhóm hội,	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyến nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyến nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Tổ chức hòa giải, xử lý hành vi của chồng tôi ☐ 6. Các cách cư xử khác ☐ 7. Không thuộc đối tượng trả lời
B36. Chồng chị phản ứng thế nào khi những người thân, bạn bè và những người xung quanh can thiệp, khuyến nhủ về hành vi chồng bạn cưỡng ép bạn “thực hiện hành vi quan hệ tình dục	

trái ý muốn hay “Cưỡng ép trình diễn hành vi khiêu dâm; cưỡng ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực”?

- ☐ 1. Anh ấy thực hiện hành vi đó nhiều hơn
☐ 2. Anh ấy sẽ có hình thức cư xử tệ bạc khác đối với tôi
☐ 3. Anh ấy không lắng nghe và không thay đổi thái độ và hành vi của mình
☐ 4. Anh ấy lắng nghe và không cư xử như vậy với tôi nữa

B37. Chồng chị phản ứng thế nào khi chính quyền địa phương, già làng, trưởng bản can thiệp, khuyên nhủ về hành vi chồng bạn cưỡng ép bạn “thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn hay “Cưỡng ép trình diễn hành vi khiêu dâm; cưỡng ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực”?

- ☐ 1. Anh ấy thực hiện hành vi đó nhiều hơn
☐ 2. Anh ấy sẽ có hình thức cư xử tệ bạc khác đối với tôi
☐ 3. Anh ấy không lắng nghe và không thay đổi thái độ và hành vi của mình
☐ 4. Anh ấy lắng nghe và không cư xử như vậy với tôi nữa

B38. Nếu không nói chuyện này với ai thì tại sao? (Có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ 1. Vì nó không nghiêm trọng
☐ 2. Vì tôi có thể chấp nhận được việc này
☐ 3. Đó là chuyện riêng tư tôi không muốn cho ai biết
☐ 4. Tôi không muốn người ngoài bàn tán về vấn đề của gia đình mình
☐ 5. Nếu tôi nói cũng không thay đổi tình hình
☐ 6. Tôi không biết làm thế nào để có thể báo cáo việc này với chính quyền hay các tổ chức xã hội khác
☐ 7. Lý do khác

B39. Những người trong cộng đồng của chị thường cư xử như thế nào nếu phụ nữ bị chồng “Cưỡng ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn hay “Cưỡng ép trình diễn hành vi khiêu dâm; cưỡng ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực”

Các cách cư xử	Mức độ phổ biến
1. Lờ đi không làm gì cả	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
2. Ngay lập tức can ngăn	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
3. Họ sẽ cố gắng khuyên nhủ, động viên để người vợ chấp nhận thực trạng đó	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
4. Họ sẽ cố gắng khuyên nhủ, động viên, giúp đỡ để người vợ thoát khỏi thực trạng đó	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
5. Họ sẽ nói rằng chồng cô làm điều đó là đúng đắn và có thể chấp nhận được	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy

6.Họ sẽ nên án, cố gắng ngăn cản hành vi của người chồng	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy				
7.Họ sẽ cố vũ đề người chồng thực hiện hành vi này	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy				
8.Họ sẽ bàn tán và nói không hay về gia đình đó	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy				
B40. Mức độ chị bị chồng “Cưỡng ép ly hôn hoặc cản trở mong muốn ly hôn hợp pháp của bạn”	<table border="1"> <tr> <th>Trong vòng 12 tháng qua</th> <th>Từ khi kết hôn</th> </tr> <tr> <td> ☐ 1. Không bị=>B47 ☐ 2. Thỉnh thoảng=>B41 ☐ 3.Thường xuyên=>B41 </td> <td> ☐ 1. Không bị=>B47 ☐ 2. Thỉnh thoảng=>B41 ☐ 3. Thường xuyên=>B41 </td> </tr> </table>	Trong vòng 12 tháng qua	Từ khi kết hôn	☐ 1. Không bị=>B47 ☐ 2. Thỉnh thoảng=>B41 ☐ 3.Thường xuyên=>B41	☐ 1. Không bị=>B47 ☐ 2. Thỉnh thoảng=>B41 ☐ 3. Thường xuyên=>B41
Trong vòng 12 tháng qua	Từ khi kết hôn				
☐ 1. Không bị=>B47 ☐ 2. Thỉnh thoảng=>B41 ☐ 3.Thường xuyên=>B41	☐ 1. Không bị=>B47 ☐ 2. Thỉnh thoảng=>B41 ☐ 3. Thường xuyên=>B41				
B41. Nếu đã từng bị chồng “Cưỡng ép ly hôn hoặc cản trở mong muốn ly hôn hợp pháp của bạn” chị có nói chuyện này với ai không?	☒ 1.Không bao giờ=>B46 ☐ 2. Thỉnh thoảng=>B42 ☐ 3.Thường xuyên=>B42				
B42. Chị kể chuyện này với ai ? ☐ 1.Con chị ☐ 2.Người thân trong gia đình chị ☐ 3. Người thân trong gia đình chồng ☐ 4. Bạn bè/ đồng nghiệp của chị ☐ 5. Bạn bè/đồng nghiệp của chồng ☐ 6. Hàng xóm, những người sống xung quanh ☐ 7. Cán bộ chính quyền, các tổ chức đoàn thể ☐ 8.Những người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản, người trong tổ chức tôn giáo, nhóm hội,...) ☐ 9. Khác					
B43.Những người xung quanh thường cư xử thế nào khi biết chị bị chồng “Cưỡng ép ly hôn hoặc cản trở mong muốn ly hôn hợp pháp”					
1.Con chị	☐ 1.Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3.Khuyến nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyến nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5.Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời				
2.Người thân trong gia đình chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3.Khuyến nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4.Khuyến nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5.Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời				

3. Người thân trong gia đình chồng	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
4. Bạn bè/ đồng nghiệp của chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
5. Bạn bè/đồng nghiệp của chồng	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
6. Hàng xóm, những người sống xung quanh	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
7. Cán bộ chính quyền, các tổ chức đoàn thể	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Tổ chức hòa giải, xử lý hành vi của chồng tôi ☐ 6. Các cách xử lý khác ☐ 7. Không thuộc đối tượng trả lời
8. Những người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản, người trong tổ chức tôn giáo, nhóm hội,	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Tổ chức hòa giải, xử lý hành vi của chồng tôi ☐ 6. Các cách cư xử khác ☐ 7. Không thuộc đối tượng trả lời
B44. Chồng chị cư xử thế nào khi người thân, bạn bè và người xung quanh can thiệp, khuyên nhủ về hành vi “<i>Cưỡng ép chị ly hôn hoặc cản trở mong muốn ly hôn hợp pháp</i>”? ☐ 1. Anh ấy thực hiện hành vi đó nhiều hơn	

- ☐ 2. Anh ấy sẽ có hình thức cư xử tệ bạc khác đối với tôi
- ☐ 3. Anh ấy không lắng nghe và không thay đổi thái độ và hành vi của mình
- ☐ 4. Anh ấy lắng nghe và không cư xử như vậy với tôi nữa

B45. Chồng chị cư xử như thế nào khi chính quyền địa phương, già làng, trưởng bản can thiệp, khuyên nhủ về hành vi “*Cưỡng ép chị ly hôn hoặc cản trở mong muốn ly hôn hợp pháp*”?

- ☐ 1. Anh ấy thực hiện hành vi đó nhiều hơn
- ☐ 2. Anh ấy sẽ có hình thức cư xử tệ bạc khác đối với tôi
- ☐ 3. Anh ấy không lắng nghe và không thay đổi thái độ và hành vi của mình
- ☐ 4. Anh ấy lắng nghe và không cư xử như vậy với tôi nữa

B46. Tại sao chị không cho ai biết việc bị chồng “*Cưỡng ép chị ly hôn hoặc cản trở mong muốn ly hôn hợp pháp*”? (Có thể chọn nhiều lý do)

- ☐ 1. Vì tôi có thể chấp nhận được việc này
- ☐ 2. Đó là chuyện riêng tư tôi không muốn cho ai biết
- ☐ 3. Tôi không muốn người ngoài bàn tán về vấn đề của gia đình mình
- ☐ 4. Nếu tôi nói cũng không thay đổi tình hình
- ☐ 5. Tôi không biết làm thế nào để có thể báo cáo việc này với chính quyền hay các tổ chức xã hội khác
- ☐ 6. Lý do khác

B47. Những người trong cộng đồng của chị thường cư xử như thế nào nếu phụ nữ bị chồng “*Cưỡng ép ly hôn hoặc cản trở mong muốn ly hôn hợp pháp*”

Các cách cư xử	Mức độ phổ biến
1. Lờ đi không làm gì cả	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
2. Ngay lập tức can ngăn	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
3. Họ sẽ cố gắng khuyên nhủ, động viên để người vợ chấp nhận thực trạng đó	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
4. Họ sẽ cố gắng khuyên nhủ, động viên, giúp đỡ để người vợ thoát khỏi thực trạng đó	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
5. Họ sẽ nói rằng chồng cô làm điều đó là đúng đắn và có thể chấp nhận được	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
6. Họ sẽ nên án, cố gắng ngăn cản hành vi của người chồng	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
7. Họ sẽ cổ vũ đề người chồng thực hiện hành vi này	☐ 1. Không ai cư xử như vậy

		☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
8.Họ sẽ bàn tán và nói không hay về gia đình đó		☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
B48. Mức độ chị bị chồng “Cưỡng ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi”	Trong vòng 12 tháng qua ☐ 1. Không bị=>B55 ☐ 2. Thỉnh thoảng=>B49 ☐ 3. Thường xuyên=>B49	Từ khi kết hôn ☐ 1. Không bị=>B55 ☐ 2. Thỉnh thoảng=>B49 ☐ 3.Thường xuyên=>B49
	B49. Nếu đã từng bị chồng “Cưỡng ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi” chị có nói chuyện này với ai không? ☐ 1.Không bao giờ=>B54 ☐ 2. Thỉnh thoảng=>B50 ☐ 3.Thường xuyên=>B50	
B50. Chị kể chuyện này với ai ? ☐ 1.Con chị ☐ 2.Người thân trong gia đìnhchị ☐ 3. Người thân trong gia đình chồng ☐ 4. Bạn bè/ đồng nghiệp của chị ☐ 5. Bạn bè/đồng nghiệp của chồng ☐ 6. Hàng xóm, những người sống xung quanh ☐ 7. Cán bộ chính quyền, các tổ chức đoàn thể ☐ 8.Những người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản, người trong tổ chức tôn giáo, nhóm hội,..) ☐ 9. Khác		
B51. Những người xung quanh thường cư xử như thế nào khi biết chị bị chồng “Cưỡng ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi”?		
1.Con chị	☐ 1.Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3.Khuyến nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyến nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5.Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời	
2.Người thân trong gia đình chị	☐ 1.Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3.Khuyến nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4.Khuyến nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5.Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời	
3.Người thân trong gia đình chồng	☐ 1.Họ không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2.Họ lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3.Họ khuyến nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi	

	☐ 4.Họ Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5.Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
4.Bạn bè/ đồng nghiệp của chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3.Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4 Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5.Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
5.Bạn bè/đồng nghiệp của chồng	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3.Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4.Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5.Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
6.Hàng xóm, những người sống xung quanh	☐ 1.Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4.Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5.Các cách cư xử khác ☐ 6. Không thuộc đối tượng trả lời
7.Cán bộ chính quyền, các tổ chức đoàn thể	☐ 1.Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3.Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4.Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5.Tổ chức hòa giải, xử lý hành vi của chồng tôi ☐ 6. Các cách xử lý khác
8.Những người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản, người trong tổ chức tôn giáo, nhóm hội..)	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3.Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4.Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5.Tổ chức hòa giải, xử lý hành vi của chồng tôi ☐ 6.Các cách cư xử khác ☐ 7. Không thuộc đối tượng trả lời

B52. Chồng chị cư xử như thế nào khi người thân, bạn bè và người xung quanh can thiệp, khuyên nhủ về hành vi của chồng“*Cưỡng ép chị mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi*” ?

- ☐ 1.Anh ấy thực hiện hành vi đó nhiều hơn
☐ 2. Anh ấy sẽ có hình thức cư xử tệ bạc khác đối với tôi
☐ 3.Anh ấy không lắng nghe và không thay đổi thái độ và hành vi của mình
☐ 4.Anh ấy lắng nghe và không cư xử như vậy với tôi nữa

B53. Chồng chị cư xử thế nào khi chính quyền địa phương, già làng, trưởng bản can thiệp,

khuyến nhủ về hành vi của chồng “*Cưỡng ép chị mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi*”?

- ☐ 1. Anh ấy thực hiện hành vi đó nhiều hơn
☐ 2. Anh ấy sẽ có hình thức cư xử tệ bạc khác đối với tôi
☐ 3. Anh ấy không lắng nghe và không thay đổi thái độ và hành vi của mình
☐ 4. Anh ấy lắng nghe và không cư xử như vậy với tôi nữa

B54. Tại sao chị không nói cho ai biết về việc chồng “*Cưỡng ép chị mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi*”(Có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ 1. Vì tôi có thể chấp nhận được việc này
☐ 2. Đó là chuyện riêng tư tôi không muốn cho ai biết
☐ 3. Tôi không muốn người ngoài bàn tán về vấn đề của gia đình mình
☐ 4. Nếu tôi nói cũng không thay đổi tình hình
☐ 5. Tôi không biết làm thế nào để có thể báo cáo việc này với chính quyền hay các tổ chức xã hội khác
☐ 6. Lý do khác

B55. Những người trong cộng đồng của chị thường cư xử như thế nào nếu phụ nữ bị chồng “*Cưỡng ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi*”

Các cách cư xử	Mức độ phổ biến
1. Lờ đi không làm gì cả	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
2. Ngay lập tức can ngăn	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
3. Họ sẽ cố gắng khuyến nhủ, động viên để người vợ chấp nhận thực trạng đó	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
4. Họ sẽ cố gắng khuyến nhủ, động viên, giúp đỡ để người vợ thoát khỏi thực trạng đó	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
5. Họ sẽ nói rằng chồng cô làm điều đó là đúng đắn và có thể chấp nhận được	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
6. Họ sẽ nên án, cố gắng ngăn cản hành vi của người chồng	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
7. Họ sẽ cổ vũ để người chồng thực hiện hành vi này	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
8. Họ sẽ bàn tán và nói không hay về gia đình đó	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy

B56. Chị có đồng ý rằng hành động dưới đây là được phép/hợp pháp?		
1. Chồng chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của vợ	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý	
2. Chồng cưỡng ép vợ học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của vợ; kiểm soát tài sản, thu nhập của vợ nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác;	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý	
3. Chồng cô lập, giam cầm vợ	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý	
4. Chồng cưỡng ép vợ ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật	☐ 1. Không đồng ý ☐ 2. Đồng ý một phần ☐ 3. Đồng ý	
B57. Mức độ chị bị chồng “Chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của vợ”	Trong vòng 12 tháng qua ☐ 1. Không bị ☐ 2. Thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên	Từ khi kết hôn ☐ 1. Không bị ☐ 2. Thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên
B58. Mức độ chị bị chồng “Cưỡng ép học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng; kiểm soát tài sản, thu nhập nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác”	Trong vòng 12 tháng qua ☐ 1. Không bị ☐ 2. Thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên	Từ khi kết hôn ☐ 1. Không bị ☐ 2. Thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên
B59. Mức độ chị bị chồng “Cô lập, giam cầm”	Trong vòng 12 tháng qua ☐ 1. Không bị ☐ 2. Thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên	Từ khi kết hôn ☐ 1. Không bị ☐ 2. Thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên
B60. Mức độ chị bị chồng “Cưỡng ép ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật” (Nếu đã từng bị chồng đối xử như Câu B57 đến B60 => B61, nếu không => B66)	Trong vòng 12 tháng qua ☐ 1. Không bị ☐ 2. Thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên	Từ khi kết hôn ☐ 1. Không bị ☐ 2. Thỉnh thoảng ☐ 3. Thường xuyên
B61. Nếu đã từng bị chồng đối xử như trên (Câu B57 đến B60) Chị có nói chuyện này với ai không?		☐ 1 Không bao giờ => B65 ☐ 2. Thỉnh thoảng => B62 ☐ 3 Thường xuyên => B62
B62. Chị kể chuyện này với ai ?		
☐ 1. Con chị ☐ 2. Người thân trong gia đình chị ☐ 3. Người thân trong gia đình chồng ☐ 4. Bạn bè/ đồng nghiệp của chị		

- ☐ 5. Bạn bè/đồng nghiệp của chồng
- ☐ 6. Hàng xóm, những người sống xung quanh
- ☐ 7. Cán bộ chính quyền, các tổ chức đoàn thể
- ☐ 8. Những người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản, người trong tổ chức tôn giáo, nhóm hội,...)
- ☐ 9. Khác

B63 Những người xung quanh thường cư xử như thế nào khi biết chị bị chồng “Chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của vợ; “Cưỡng ép học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng; kiểm soát tài sản, thu nhập nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác; Cô lập, giam cầm; Cưỡng ép ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật” ?

1. Con chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyến khích, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyến khích, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Khác
2. Người thân trong gia đình chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyến khích, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyến khích, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Khác
3. Người thân trong gia đình chồng	☐ 1. Họ không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Họ lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Họ khuyến khích, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Họ Khuyến khích, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Khác
4. Bạn bè/ đồng nghiệp của chị	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyến khích, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyến khích, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Khác
5. Bạn bè/đồng nghiệp của chồng	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyến khích, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyến khích, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Khác
6. Hàng xóm, những người sống xung quanh	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2. Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3. Khuyến khích, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4. Khuyến khích, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5. Khác
7. Cán bộ chính quyền, các tổ chức	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên

đoàn thể	☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3.Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4.Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5.Tổ chức hòa giải, xử lý hành vi của chồng tôi ☐ 6. Khác
8.Những người có uy tín trong cộng đồng (già làng, trưởng bản, người trong tổ chức tôn giáo, nhóm hội..)	☐ 1. Không lắng nghe khi tôi nói về vấn đề trên ☐ 2.Lắng nghe nhưng không làm gì cả ☐ 3.Khuyên nhủ, động viên tin thần/vật chất giúp đỡ tôi ☐ 4.Khuyên nhủ, giải thích can ngăn chồng tôi ☐ 5.Tổ chức hòa giải, xử lý hành vi của chồng tôi ☐ 6.Khác
B64. Chồng chị phản ứng thế nào khi những người thân, bạn bè và những người xung quanh can thiệp, khuyên nhủ về hành vi nêu trên? ☐ 1.Anh ấy thực hiện hành vi đó nhiều hơn ☐ 2. Anh ấy sẽ có hình thức cư xử tệ bạc khác đối với tôi ☐ 3.Anh ấy không lắng nghe và không thay đổi thái độ và hành vi của mình ☐ 4.Anh ấy lắng nghe và không cư xử như vậy với tôi nữa	
B65.Chồng chị phản ứng thế nào khi chính quyền địa phương, già làng, trưởng bản can thiệp, khuyên nhủ về hành vi chồng nêu trên ? ☐ 1.Anh ấy thực hiện hành vi đó nhiều hơn ☐ 2. Anh ấy sẽ có hình thức cư xử tệ bạc khác đối với tôi ☐ 3.Anh ấy không lắng nghe và không thay đổi thái độ và hành vi của mình ☐ 4.Anh ấy lắng nghe và không cư xử như vậy với tôi nữa	
B66. Tại sao chị không nói cho người khác biết việc bị chồng “Chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của vợ; “Cưỡng ép học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng; kiểm soát tài sản, thu nhập nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác; Cô lập, giam cầm; Cưỡng ép ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật”?(Có thể chọn nhiều đáp án) ☐ 1.Vì nó không nghiêm trọng ☐ 2.Vì tôi có thể chấp nhận được việc này ☐ 3.Đó là chuyện riêng tư tôi không muốn cho ai biết ☐ 4.Tôi không muốn người ngoài bàn tán về vấn đề của gia đình mình ☐ 5.Nếu tôi nói cũng không thay đổi tình hình ☐ 6.Tôi không biết làm thế nào để có thể báo cáo việc này với chính quyền hay các tổ chức xã hội khác ☐ 7. Lý do khác	
B67.Những người trong cộng đồng của bạn thường cư xử như thế nào nếu phụ nữ bị chồng “Chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của vợ; “Cưỡng ép học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng; kiểm soát tài sản, thu nhập nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác; Cô lập, giam cầm; Cưỡng ép ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật”	
Các cách cư xử	Mức độ phổ biến
1.Lờ đi không làm gì cả	☐ 1. Không ai cư xử như vậy

	☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
2. Ngay lập tức can ngăn	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
3. Họ sẽ cố gắng khuyên nhủ, động viên để người vợ chấp nhận thực trạng đó	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
4. Họ sẽ cố gắng khuyên nhủ, động viên, giúp đỡ để người vợ thoát khỏi thực trạng đó	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
5. Họ sẽ nói rằng chồng cô làm điều đó là đúng đắn và có thể chấp nhận được	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
6. Họ sẽ nên án, cố gắng ngăn cản hành vi của người chồng	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
7. Họ sẽ cổ vũ để người chồng thực hiện hành vi này	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy
8. Họ sẽ bàn tán và nói không hay về gia đình đó	☐ 1. Không ai cư xử như vậy ☐ 2. Một số ít sẽ cư xử như vậy ☐ 3. Đa số cư xử như vậy

B68. Khi bị bạo lực chị có tìm kiếm sự giúp đỡ của các địa chỉ sau ?

Các địa chỉ	Lựa chọn
1. Nhà của bố mẹ, anh chị em bên chồng	☐ 1. Có ☐ 2. Không/không biết
2. Nhà của bố mẹ, anh chị em bên vợ	☐ 1. Có ☐ 2. Không/không biết
3. Nhà bạn bè, người quen khác	☐ 1. Có ☐ 2. Không/không biết
4. Công an	☐ 1. Có ☐ 2. Không/không biết
5. Bệnh viện/trạm y tế xã	☐ 1. Có ☐ 2. Không/không biết
6. Trung tâm dịch vụ xã hội	☐ 1. Có ☐ 2. Không/không biết
7. Trung tâm tư vấn pháp lý	☐ 1. Có ☐ 2. Không/không biết
8. Nhà trú ẩn/tạm lánh	☐ 1. Có

	☐ 2. Không/không biết
9.Trưởng thôn, ấp, trưởng bản	☐ 1.Có ☐ 2. Không/không biết
10.Nhà già làng	☐ 1.Có ☐ 2. Không/không biết
11.Các tổ chức tôn giáo	☐ 1.Có ☐ 2. Không/không biết

B69. Vì sao trong trường hợp bị bạo lực nhưng chị không tìm kiếm sự giúp đỡ của các địa chỉ này?

Các địa chỉ	Lý do
1.Nhà của bố mẹ, anh chị em bên chồng	☐ 1.Sợ bị hậu quả lớn hơn ☐ 2. Ngại/xấu hổ ☐ 3. Sợ mang tiếng xấu cho gia đình ☐ 4. Tin là sẽ không được giúp đỡ/đã từng không được giúp đỡ ☐ 5.Không biết/không trả lời ☐ 6. Khác
2.Nhà của bố mẹ, anh chị em bên vợ	☐ 1.Sợ bị hậu quả lớn hơn ☐ 2. Ngại/xấu hổ ☐ 3. Sợ mang tiếng xấu cho gia đình ☐ 4. Tin là sẽ không được giúp đỡ/đã từng không được giúp đỡ ☐ 5.Không biết/không trả lời ☐ 6. Khác
3.Nhà bạn bè, người quen khác	☐ 1.Sợ bị hậu quả lớn hơn ☐ 2. Ngại/xấu hổ ☐ 3. Sợ mang tiếng xấu cho gia đình ☐ 4. Tin là sẽ không được giúp đỡ/đã từng không được giúp đỡ ☐ 5.Không biết/không trả lời ☐ 6. Khác
4.Công an	☐ 1.Sợ bị hậu quả lớn hơn ☐ 2. Ngại/xấu hổ ☐ 3. Sợ mang tiếng xấu cho gia đình ☐ 4. Tin là sẽ không được giúp đỡ/đã từng không được giúp đỡ ☐ 5. Nơi đó cách nhà quá xa/ địa phương không có ☐ 6.Không biết/không trả lời ☐ 7. Khác
5.Bệnh viện/trạm y tế xã	☐ 1.Sợ bị hậu quả lớn hơn ☐ 2. Ngại/xấu hổ ☐ 3. Tin là sẽ không được giúp đỡ/đã từng không được giúp đỡ ☐ 4. Sợ mang tiếng xấu ☐ 5. Nơi đó cách nhà quá xa/ địa phương không có ☐ 6.Không biết/không trả lời ☐ 7. Khác

6.Trung tâm dịch vụ xã hội	☐ 1.Sợ bị hậu quả lớn hơn ☐ 2. Ngại/xấu hổ ☐ 3. Sợ mang tiếng xấu cho gia đình ☐ 4. Tin là sẽ không được giúp đỡ/đã từng không được giúp đỡ ☐ 5. Nơi đó cách nhà quá xa/ địa phương không có ☐ 6.Không biết/không trả lời ☐ 7. Khác
7.Trung tâm tư vấn pháp lý	☐ 1.Sợ bị hậu quả lớn hơn ☐ 2. Ngại/xấu hổ ☐ 3. Sợ mang tiếng xấu cho gia đình ☐ 4.Tin là sẽ không được giúp đỡ/đã từng không được giúp đỡ ☐ 5. Nơi đó cách nhà quá xa/ địa phương không có ☐ 6.Không biết/không trả lời ☐ 7. Khác
8.Nhà trú ẩn/tạm lánh	☐ 1.Sợ bị hậu quả lớn hơn ☐ 2. Ngại/xấu hổ ☐ 3. Sợ mang tiếng xấu cho gia đình ☐ 4. Tin là sẽ không được giúp đỡ/đã từng không được giúp đỡ ☐ 5. Nơi đó cách nhà quá xa/ địa phương không có ☐ 6.Không biết/không trả lời ☐ 7. Khác
9.Trưởng thôn, ấp, trưởng bản	☐ 1.Sợ bị hậu quả lớn hơn ☐ 2. Ngại/xấu hổ ☐ 3. Sợ mang tiếng xấu cho gia đình ☐ 4. Tin là sẽ không được giúp đỡ/đã từng không được giúp đỡ ☐ 5. Nơi đó cách nhà quá xa/ địa phương không có ☐ 6.Không biết/không trả lời ☐ 7. Khác
10.Nhà già làng	☐ 1.Sợ bị hậu quả lớn hơn ☐ 2. Ngại/xấu hổ ☐ 3. Sợ mang tiếng xấu cho gia đình ☐ 4. Tin là sẽ không được giúp đỡ/đã từng không được giúp đỡ ☐ 5. Nơi đó cách nhà quá xa/ địa phương không có ☐ 6.Không biết/không trả lời ☐ 7. Khác
11.Các tổ chức tôn giáo	☐ 1.Sợ bị hậu quả lớn hơn ☐ 2. Ngại/xấu hổ ☐ 3. Sợ mang tiếng xấu cho gia đình ☐ 4. Tin là sẽ không được giúp đỡ/đã từng không được giúp đỡ ☐ 5. Nơi đó cách nhà quá xa/ địa phương không có ☐ 6.Không biết/không trả lời

☐ 7. Khác	
B70. Chị có được nghe, đọc, phổ biến các thông tin về bình đẳng giới, phòng ngừa bạo lực xâm hại phụ nữ không?	☐ 1. Có ☐ 2. Không
B71. Chị biết về các thông tin liên quan đến bình đẳng giới, phòng ngừa bạo lực xâm hại phụ nữ qua các kênh nào sau đây? ☐ 1. Đài phát thanh/ truyền hình ☐ 2. Loa phát thanh địa phương ☐ 3. Đọc các tờ gấp được phát, các bang rôn trên đường, trong bản ☐ 4. Các hội nghị phổ biến giáo dục pháp luật ở thôn, bản ☐ 5. Sinh hoạt câu lạc bộ, nói chuyện chuyên đề do đoàn thể, chính quyền tổ chức ☐ 6. Nghe tại các cuộc họp thôn/bản ☐ 7. Các buổi nói chuyện do cán bộ tổ chức tại các chợ phiên ☐ 8. Qua tập huấn của hội phụ nữ, hội nông dân	
B72. Các thông tin đó có giúp chị hiểu rõ hơn về bình đẳng giới và biết cách phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ không?	☐ 1. Không ☐ 2. Có

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN CHỊ ĐÃ TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI!

Phụ lục 2**PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU**

(Dành cho già làng/ trưởng bản, thành viên của các tổ chức, cơ quan chính quyền cấp xã)

MÃ PHIẾU	TÊN HUYỆN	TÊN XÃ

Xin chào anh/chị!

Tôi là Hoàng Thị Thu Huyền, cán bộ đang công tác tại Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội. Thực hiện theo Công văn giới thiệu của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Hà Giang về việc khảo sát gia đình tại Huyện Hoàng Su Phì và Huyện Vị Xuyên.

Tôi xin mời anh/chị tham gia vào cuộc khảo sát về Gia đình cho đề tài Luận án Nghiên cứu sinh của Tôi về "**Vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số (nghiên cứu trường hợp tỉnh Hà Giang)**".

Mục tiêu nghiên cứu: Tìm kiếm dữ liệu nhằm đánh giá bối cảnh và đề xuất các giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong việc cải thiện môi quan hệ hôn nhân và gia đình trên địa bàn tỉnh Hà Giang

Bảo mật và đồng ý: Sự tham gia của anh/chị là tự nguyện và mọi câu trả lời sẽ được bảo mật lưu giữ dưới dạng khuyết danh. Các câu trả lời chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu. Câu trả lời trung thực, khách quan của anh/chị là vô cùng quan trọng cho sự thành công của nghiên cứu. Xin phép được ghi âm để phục vụ phân tích số liệu và nội dung cho nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của anh/chị!

A THÔNG TIN CÁ NHÂN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC PHÒNG VẤN

(Anh/Chị vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân để phục vụ cho việc lưu giữ, mã hóa dữ liệu nghiên cứu)

1. Dân tộc ☐ 1. Tày ☐ 2. Nùng ☐ 3. Mông ☐ 4. Dao ☐ 5. Khác 2. Giới tính ☐ 1. Nam ☐ .Nữ	3. Tuổi 4. Cơ quan, đơn vị công tác	5 Vị trí việc làm của anh chị? 6 Chức vụ (nếu có)
---	--	--

B. VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ (Có 5 nội dung sẽ trao đổi với Anh/chị)

B1. Việc thu thập số liệu của cơ quan anh chị về các vụ việc bạo lực ở phạm vi xã, thôn được thực hiện như thế nào?

B2. Trong vòng một năm qua cơ quan, đơn vị anh/ chị có tiếp nhận/được trình báo về vụ việc liên quan đến xung đột, mâu thuẫn giữa vợ và chồng không?

Gợi ý: Anh chị cho biết chi tiết về các vụ việc đó, cụ thể là về vấn đề gì, ai đánh phụ nữ, nguyên nhân của việc mâu thuẫn đó là gì?

Bộ phận nào trực tiếp phụ trách để giải quyết vụ việc đó? (ai là người tiếp nhận thông tin này khi Anh/chị đưa lên xã, mình có được nghe trực tiếp từ phụ nữ là người bị hại hay không hay là những người khác thấy tình trạng như vậy thì trình báo?)

Vụ việc đó đã được giải quyết như thế nào? Có gặp khó khăn, trở ngại nào trong giải quyết vụ việc đó không? Cụ thể là gì? ví dụ thiếu cán bộ giải quyết, cán bộ thiếu kiến thức để tư vấn hoặc quá nhiều công việc nên cán bộ không thể hỗ trợ, giúp đỡ cận kề cho người bị hại?

B3. Khi có thông tin về các vụ việc liên quan đến bạo lực với phụ nữ cơ quan có những hoạt động gì? (có tìm hiểu nắm bắt tình hình không?)

B4. Trong vòng 3 năm qua cơ quan, đơn vị của anh chị có những hoạt động nào để phòng ngừa, phòng chống bạo lực gia đình tại xã/thôn?

(Khái niệm phòng ngừa và lấy ví dụ, liệt kê việc anh/chị đã tham gia, trải nghiệm.

Gợi ý: Các hoạt động cụ thể là gì?

Hoạt động này thường được tổ chức khi nào? Ai là đứng ra tổ chức, tổ chức cho ai, quy mô và ngân sách như thế nào? Quy mô, mức độ thường xuyên tổ chức hoạt động này?

Đối tượng nào tham gia? Đơn vị nào phụ trách chính? Phối hợp với những bộ phận, cơ quan đơn vị nào?

Thuận lợi, khó khăn trong tổ chức các hoạt động này (về kinh phí, nhân lực, công tác phối hợp,...);

Hiệu quả của hoạt động này đối với phòng ngừa và phòng chống bạo lực gia đình trên địa bàn? (các can thiệp này có hiệu quả hay không?)

B5. Trong vòng 3 năm qua cán bộ của cơ quan, đơn vị anh chị có được đào tạo, tập huấn về bình đẳng giới, về phòng ngừa và phòng chống bạo lực gia đình?

Gợi ý: Nếu có, các hoạt động này thường dành cho cán bộ của bộ phận nào?

Mức độ thường xuyên của các hoạt động đào tạo, tập huấn? (đề nghị anh/chị liệt kê năm thực hiện vì phòng ngừa là tiến trình dài);

Các phương thức, cách thức đào tạo tập huấn là gì? (có hào hứng, dễ nhớ, dễ hiểu hay không? Có dành cho người lớn hay không và anh/chị cảm thấy thích hay không?_

Hiệu quả của các cách thức đào tạo, tập huấn đó như thế nào? (ví dụ anh chị có thấy mình thay đổi nhận thức hay không? Làm gì với cộng đồng sau khi học xong? Sự thay đổi là

cái gì, cụ thể thấy xung đột/đánh nhau/xô xát thì Anh/chị có lên tiếng ko? Sau việc can thiệp của Cộng đồng như vậy thì Anh/chị có thấy người phụ nữ thay đổi như thế nào? Những thuận lợi, khó khăn đối với việc tổ chức đào tạo tập huấn?

B6. Theo anh chị những năm tới cơ quan đơn vị có nên tổ chức các hoạt động đào tạo tập huấn về bình đẳng giới và phòng ngừa và phòng chống bạo lực gia đình cho đội ngũ cán bộ của cơ quan đơn vị?

Gợi ý: các hoạt động đào tạo tập huấn nên được tổ chức cho cán bộ của đơn vị nào?

Nên tổ chức đào tạo tập huấn như thế nào? Kiến thức, kỹ năng gì cần được tập huấn?

B7 Theo anh/ chị những năm tới cơ quan của anh chị nên có các hoạt động nào để phòng ngừa và phòng chống bạo lực gia đình với phụ nữ tại địa phương?

+ Các hoạt động cụ thể là gì?

+ Nên tổ chức, thực hiện như thế nào?

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN ANH/CHỊ ĐÃ THAM GIA TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI!

Phụ lục 3:
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
VIỆN XÃ HỘI HỌC VÀ PHÁT TRIỂN

BIÊN BẢN PHỎNG VẤN SÂU PHỤ NỮ VÀ NAM GIỚI
(Dành cho phụ nữ và nam giới đã kết hôn và đang sống cùng vợ/chồng)

Kính thưa chị/anh!

Tôi là Hoàng Thị Thu Huyền, cán bộ đang công tác tại Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội. Tôi xin mời anh/chị tham gia vào cuộc khảo sát cho đề tài nghiên cứu "**Vai trò của cộng đồng trong phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số (Nghiên cứu trường hợp tỉnh Hà Giang)**".

Mục tiêu nghiên cứu: Tìm kiếm các dữ liệu nhằm đánh giá bối cảnh và đề xuất các giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng trong việc phòng ngừa bạo lực gia đình đối với phụ nữ dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hà Giang

Bảo mật và đồng ý: Sự tham gia của anh/chị là tự nguyện và tất cả các câu trả lời sẽ được bảo mật lưu giữ dưới dạng khuyết danh. Việc tham gia phỏng vấn này đồng nghĩa với việc anh/chị đồng ý cho sử dụng câu trả lời của anh/chị cho mục đích nghiên cứu. Câu trả lời trung thực của anh/chị là vô cùng quan trọng cho sự thành công của nghiên cứu này Xin phép được ghi âm để phục vụ phân tích số liệu và nội dung cho nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của anh/chị!

Địa bàn thực hiện:

Xã/ Phường: *Quận/Huyện:* *Tỉnh/ Thành phố :*

Thời điểm PVS: Giờ

Ngày/tháng/năm:

Mã phiếu PVS:

A THÔNG TIN CÁ NHÂN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC PHỎNG VẤN

1. Dân tộc ☐ 1. Tày ☐ 2. Nùng ☐ 3. Mông ☐ 4. Dao ☐ 5. Khác 2. Giới tính ☐ 1. Nam ☐ . Nữ	3. Trình độ học vấn cao nhất 1. Chưa đi học 2. Tiểu học 3. THCS 4. THPT 5. Trung cấp /lớp đào tạo nghề chuyên nghiệp 6. Cao đẳng 7. Đại học 8. Trên đại học	4 Tuổi? 5. Công việc chính
--	--	---

B. VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG PHÒNG NGỪA BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ

B1. Anh/chị nghĩ như thế nào về quan điểm cho rằng “Nếu vợ làm gì có lỗi chồng có thể ngược đãi, đánh đập vợ”

.....

B2. Anh/chị có cho rằng chồng “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng vợ” là cách tốt để thể hiện nam tính hay cách để dạy dỗ, buộc vợ làm tốt vai trò của mình?

.....

B3. Nếu Anh/chị thấy phụ nữ bị chồng “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng” Anh/chị thường cư xử thế nào? Những người xung quanh cư xử như thế nào?

.....

B4. Theo Anh/chị nếu phụ nữ bị chồng “Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng” thì cô ấy hay người nhà cô ấy có nên báo chính quyền để xử lý theo pháp luật không?

.....

B5. Anh/chị có quan điểm và sẽ cư xử như thế nào nếu thấy phụ nữ bị chồng “Lãng mạn, chì chiết hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm vợ”

*Quan điểm như thế nào? (*Gợi ý* đồng tình hay không đồng tình)

.....

*Ứng xử thế nào? (*Gợi ý* :Có nên can thiệp không? Nếu có vì sao? Không thì vì sao? Nếu can thiệp thì can thiệp như thế nào?)

.....

B7: Anh/chị có quan điểm như thế nào, và sẽ ứng xử như thế nào nếu thấy phụ nữ bị: +Chồng bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc vợ đặc biệt khi mang thai, hay ốm đau

*Quan điểm như thế nào? (*Gợi ý* đồng tình hay không đồng tình)

.....

*Ứng xử thế nào? (*Gợi ý* :Có nên can thiệp không? Nếu có vì sao? Không thì vì sao? Nếu can thiệp thì can thiệp như thế nào?)

.....

+Chồng kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của vợ

*Quan điểm như thế nào? (*Gợi ý* đồng tình hay không đồng tình)

.....

*Ứng xử thế nào? (*Gợi ý* :Có nên can thiệp không? Nếu có vì sao? Không thì vì sao? Nếu can thiệp thì can thiệp như thế nào)

.....
+ *Chồng ngăn cản vợ gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý cho vợ*

*Quan điểm như thế nào? (*Gợi ý* đồng tình hay không đồng tình)

.....
 *Ứng xử thế nào? (*Gợi ý* :Có nên can thiệp không? Nếu có vì sao? Không thì vì sao? Nếu can thiệp thì can thiệp như thế nào)

.....
+*Chồng ngăn cản vợ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ với những người thân khác trong gia đình*

*Quan điểm như thế nào? (*Gợi ý* đồng tình hay không đồng tình)

.....
 *Ứng xử thế nào? (*Gợi ý* :Có nên can thiệp không? Nếu có vì sao? Không thì vì sao? Nếu can thiệp thì can thiệp như thế nào)

.....
+*Chồng Tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình của vợ, thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của vợ*

*Quan điểm như thế nào? (*Gợi ý* đồng tình hay không đồng tình)

.....
 *Ứng xử thế nào? (*Gợi ý* :Có nên can thiệp không? Nếu có vì sao? Không thì vì sao? Nếu can thiệp thì can thiệp như thế nào)

.....
B8: Anh/chị có cho rằng : “*Người vợ nên thỏa mãn mọi nhu cầu tình dục của chồng mình*”

.....
B9. Anh/chị có quan điểm như thế nào, và sẽ ứng xử như thế nào nếu biết phụ nữ bị

+*Chồng cưỡng ép vợ thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của cô ấy*

*Quan điểm như thế nào? (*Gợi ý* đồng tình hay không đồng tình)

.....
 *Ứng xử thế nào? (*Gợi ý* :Có nên can thiệp không? Nếu có vì sao? Không thì vì sao? Nếu can thiệp thì can thiệp như thế nào)

.....
+*Chồng cưỡng ép vợ trình diễn hành vi khiêu dâm; cưỡng ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực*

*Quan điểm như thế nào? (*Gợi ý* đồng tình hay không đồng tình)

.....

*Ứng xử thế nào? (**Gợi ý** :Có nên can thiệp không? Nếu có vì sao? Không thì vì sao? Nếu can thiệp thì can thiệp như thế nào)

.....

+Cưỡng ép vợ ly hôn hoặc cản trở việc ly hôn hợp pháp;

*Quan điểm như thế nào? (Gợi ý đồng tình hay không đồng tình)

.....

*Ứng xử thế nào? (Gợi ý :Có nên can thiệp không? Nếu có vì sao? Không thì vì sao? Nếu can thiệp thì can thiệp như thế nào)

.....

-Chồng cưỡng ép vợ mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi

*Quan điểm như thế nào? (Gợi ý đồng tình hay không đồng tình)

.....

*Ứng xử thế nào? (Gợi ý :Có nên can thiệp không? Nếu có vì sao? Không thì vì sao? Nếu can thiệp thì can thiệp như thế nào)

.....

B10. Anh/chị có quan điểm như thế nào, và sẽ ứng xử như thế nào nếu biết phụ nữ bị chồng “Chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của vợ”

*Quan điểm như thế nào? (**Gợi ý** đồng tình hay không đồng tình)

.....

*Ứng xử thế nào? (**Gợi ý** :Có nên can thiệp không? Nếu có vì sao? Không thì vì sao? Nếu can thiệp thì can thiệp như thế nào)

.....

Cưỡng ép học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng; kiểm soát tài sản, thu nhập nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác”

*Quan điểm như thế nào? (**Gợi ý** đồng tình hay không đồng tình)

.....

*Ứng xử thế nào? (**Gợi ý** :Có nên can thiệp không? Nếu có vì sao? Không thì vì sao? Nếu can thiệp thì can thiệp như thế nào)

.....

“Cô lập, giam cầm vợ”

*Quan điểm như thế nào? (**Gợi ý** đồng tình hay không đồng tình)

.....

*Ứng xử thế nào? (**Gợi ý** :Có nên can thiệp không? Nếu có vì sao? Không thì vì sao? Nếu can thiệp thì can thiệp như thế nào)

.....

“Cưỡng ép ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật”

*Quan điểm như thế nào? (**Gợi ý** đồng tình hay không đồng tình)

.....
 *Ứng xử thế nào? (*Gợi ý: Có nên can thiệp không? Nếu có vì sao? Không thì vì sao? Nếu can thiệp thì can thiệp như thế nào?*)

B11. Theo Anh/chị, phụ nữ nếu bị chồng bạo lực cô ấy có nên báo chính quyền địa phương để xử lý theo pháp luật không? Cô ấy nên làm thế nào?

B11. Trong cộng đồng của Anh/chị ai đã từng bị xử phạt vì hành vi bạo lực với vợ mình chưa? Nó có phổ biến không?

B12. Cộng đồng của Anh/chị đang có những biện pháp nào để ngăn ngừa, phòng chống và xử lý hành vi bạo lực với phụ nữ?

*Chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị-xã hội có hoạt động gì? Có hữu ích không?
 Tổ chức khác như tổ chức tôn giáo, tổ chức cộng đồng tại thôn bản có hoạt động gì? Có hữu ích không?*

***B13. Theo Anh/chị thì cộng đồng nên làm gì để phòng ngừa bạo lực với phụ nữ?**

+ *Chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể nên làm gì?*

+ *Những người dân trong cộng đồng nên làm gì?*

+ *Phụ nữ nên làm gì?*

+ *Nam giới nên làm gì?*

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN ANH/CHỊ ĐÃ TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI!
